

NHỮNG TẤM LÒNG CAO CẢ

EDMONDO DE AMICIS

KIM ĐỒNG

Những tấm lòng cao cả

Edmondo De Amicis

Hoàng Thiếu Sơn dịch

Nhà xuất bản Hội nhà văn 2000

Nguồn: Tve-4u

Tạo ebook lần đầu: motsachgia

Hiệu đính và tạo ebook lần hai: Caruri

Mục lục

MỞ ĐẦU[1]

Hai mươi tuổi chiến đấu vì độc lập, thống nhất

Bốn mươi tuổi đấu tranh cho công bằng xã hội

Trên thế giới, ở nhiều nước người lớn và trẻ em chẳng mấy ai không biết nhà văn Ý Edmondo De Amicis. Nhưng nhà văn được trẻ em yêu thích ấy lại không phải là người chuyên viết sách về trẻ em hay cho trẻ em.

De Amicis sinh ngày 31 tháng mười năm 1846 ở Oneglia, xứ Liguria, trên bờ biển tây bắc bán đảo Ý. Sự nghiệp giải phóng và thống nhất Ý bắt đầu từ năm 1820, đến năm 1870 mới hoàn thành là phong trào dân tộc lớn nhất lịch sử châu u trong thế kỷ XIX. Khi trận Custoza thứ nhất đánh quân xâm lược Áo trong cách mạng 1848 diễn ra thì chú bé Edmondo chưa được hai tuổi; nhưng trận Custoza thứ hai diễn ra, thì người sĩ quan mới tốt nghiệp chưa đầy hai mươi tuổi De Amicis đã có mặt trên chiến trường, ngày 24 tháng sáu 1866 ấy, chiến đấu dưới lá cờ ba màu, trong hàng ngũ quân đội Ý. Người thanh niên ấy cũng bắt đầu viết văn, và hai năm sau tác phẩm đầu tay ra đời, tập hợp một số truyện vừa dưới nhan đề *Cuộc đời quân ngũ* (*La Vita Militare*, 1868).

Nước nhà độc lập, thống nhất rồi, De Amicis từ giã "cuộc đời quân ngũ" đi du lịch nước ngoài, để sáng tác theo một thể tài khác: thể du ký. Và các tác phẩm kế tiếp nhau ra đời: Tây Ban Nha (1873), Hà Lan (l874), Maroc (1876), Constantinopolis (1878-79) và cuốn *Chân dung văn hào* (*Ritratti letterari*, 1881) được viết để tỏ lòng ngưỡng mộ những nhà văn lớn đương thời.

Thống nhất xong, năm 1871 nước Ý đông dân mà rất nghèo, công nghiệp chưa có gì, địa chủ chiếm những diện tích mênh mông, dân số tăng nhanh, người Ý phải di cư rất nhiều đến đất khách quê người kiếm ăn, mỗi năm trung bình hơn nửa triệu, có năm gần một triệu, nhiều nhất thế giới. Di dân là vấn đề rất lớn trong đời sống nước Ý, đã được De Amicis chú ý và đầu tiên lấy làm đề tài cho một tác phẩm: *Trên đại dương* (*Sull'oceano*). Năm sau, 1890, lại tiếp theo cuốn *Truyện một người chủ* (*Il romanzo d'un maestro*).

Cũng từ năm ấy ở Ý chủ nghĩa tư bản phát triển mạnh, và người theo chủ nghĩa Marx ngày càng đông: trên đảo Sicilia nông dân tổ chức những hiệp hội, và từ năm 1893 đã bắt đầu nổi dậy. Không sống bàng quan, ngay năm

1891 De Amicis đã tham gia Đảng xã hội Ý là thành viên của Đệ nhị Quốc tế, và từ đấy đấu tranh không ngừng cho công bằng xã hội, cho đời sống của người nghèo khổ và dân lao động; văn nhân biến thành chiến sĩ, diễn thuyết khắp nơi, rất nhiệt thành về các vấn đề xã hội; sau thu nhập những diễn văn ấy xuất bản thành tập *Vấn đề xã hội* (*Questione sociale*, l894). Đảng mình bị khủng bố dữ, De Amicis vẫn chiến đấu không ngừng. Những cuộc nổi dậy của quần chúng nghèo khổ và những đợt đàn áp của chính quyền tư sản đều được lấy làm đề tài cho luận văn chính trị *Nội chiến* (*Lotte civili*, 1899).

Trong cuộc đời mình, chưa đến hai mươi tuổi nhà văn Ý ấy đã chiến đấu cho độc lập và thống nhất của đất nước, ngoài bốn mươi tuổi lại phải đấu tranh cho đến trọn đời vì thắng lợi của công bằng xã hội; và De Amicis qua đời ở Bordighera tỉnh Genova, ngày 12 tháng ba năm 1908, hưởng thọ 61 tuổi.

Cầm bút hơn bốn mươi năm, một nửa thời gian De Amicis chuyên viết du ký và phê bình văn học, một nửa viết về các chủ đề chính trị và xã hội, tác phẩm để lại cũng khá nhiều và sinh thời của tác giả cũng gây ra tiếng vang không ít; nhưng mà thành công nhất có lẽ lại là hai cuốn sách nhỏ viết nhẹ nhàng, thoải mái, tựa hồ chẳng đòi hỏi của tác giả lắm công phu, nhiều nhiệt tình như mọi cuốn khác: *Những người bạn* dí dỏm, thân mật, đầy lòng thương người, và nhất là *Tấm lòng* (*Cuore*) mà thế giới quen gọi là *Những tấm lòng cao cả*, ra đời vào đầu những năm 80 của thế kỷ trước, và gần một trăm năm nay đã làm cho De Amlcis nổi tiếng khắp thế giới. Nhưng được như vậy chính là vì cuốn *Cuore* ấy mang một hoài bão thiết tha của tác giả, “bấy lâu nay một chút lòng…”

Hoài bão xây dựng đạo đức cho thế hệ tương lai

Một cậu bé người Ý, Enrico Bottini, hàng ngày ghi lại những việc lớn nhỏ diễn ra trong đời học sinh của cậu, những cảm tưởng và suy nghĩ của cậu thành một cuốn nhật ký. Mỗi tháng, thầy giáo cho phép một truyện để đọc trong lớp, mỗi tháng, bố hay mẹ viết cho con một lá thư; các thư và truyện ấy đều được xếp vào cuốn nhật ký. Ghi chép trong mười tháng, đó là một cuốn truyện nhỏ về năm học của cậu bé mười một tuổi.

Nhân vật trong nhật ký là các cô giáo, thầy giáo, các bạn học của Enrico, là bố, mẹ Enrico, cùng bố mẹ các bạn; mỗi người một vẻ, có một đặc điểm nhất định về mặt thể chất hay tinh thần, nhất là các bạn của Enrico. Tính cách các nhân vật đã được cách điệu hóa để tiêu biểu cho một nết tốt, hay chỉ là một thói quen, vì đấy không phải là một tác phẩm phản ánh nền giáo dục ở nước Ý cuối thế kỷ XIX, mà là một tác phẩm mượn hình tượng nghệ thuật

để trình bày những điều suy nghĩ về đức dục ở nhà trường và gia đình, mà tác giả mang trong óc như một lý tưởng, và trong lòng như một hoài bão. Trong các trang nhật ký của mình, Enrico không phải chỉ ghi những việc mà ở trường có vai trò của cô giáo, thầy giáo, mà còn chép cả những việc ở nhà có vai trò của bố mẹ mình, lại cũng không bỏ qua một số việc xảy ra ngoài phố với sự tham gia của người ngoài. Rõ ràng De Amicis quan niệm rất đúng rằng muốn dạy đạo đức cho trẻ, phải có ba mặt giáo dục tốt: của nhà trường, của gia đình và của xã hội. Cô giáo, thầy giáo trước tiên phải thương yêu học trò. Coretti vác củi từ năm giờ sáng, vào lớp ngủ thiếp đi, thầy Perboni để đến hết giờ mới đánh thức dậy, rồi ôm đầu cậu trong hai tay, hôn vào tóc cậu và nói. “Thầy không mắng đâu. Thầy biết là trước khi đến lớp con đã phải làm lụng nhiều”. Cuối năm, học sinh thi đều khá; để làm cho họ vui, thầy giáo tóc đã hoa râm và không bao giờ cười ấy lại làm bộ trượt chân, phải bám vào tường cho khỏi ngã. Phải chăng đó là “cái phút vui độc nhất của thầy? một sự đền bù cho chín tháng trời yêu thương, kiên nhẫn và phiền muộn nữa?” Enrico ghi vào nhật ký như thế. Thầy có vật kỷ niệm là ảnh các học trò cũ tặng, đã ngoài hai mươi năm thầy treo đầu giường và nói: “Khi sắp chết, thì cái nhìn cuối cùng của thầy sẽ quay về họ”.

Cụ già Crosetti, sau sáu mươi năm dạy học, vẫn chưa muốn nghỉ - ở nước Ý thuở ấy cô giáo, thầy giáo không có lệ phải về hưu, vì kinh nghiệm và lương tâm của nhà giáo càng thâm niên càng được xã hội quý trọng - nhưng vì run tay trót đánh rơi một giọt mực lên trang vở của học sinh, cụ đành phải xin về. Và cụ tâm sự: “Thật lả cay đắng, cay đắng hết sức… tôi hiểu rằng cuộc đời với tôi như vậy là hết rồi, không có trường học nữa, không còn có sức trẻ nữa, tôi cũng không sống được bao lâu nữa”. Sau sáu mươi năm tận tụy với nghề, cụ giáo Crosetti chỉ có một căn nhà trống trải, tấm ván tồi tàn làm giường ngủ, mẩu bánh mì với chai dầu làm bữa ăn, khiến cho học trò đã hai thứ tóc trên đầu, không khỏi suy nghĩ: “Đó là tất cả phần thưởng của thầy”. Nhiều cô giáo, thầy giáo đã xem nghề mình là lẽ sống, là cuộc đời của mình. Và ở trường học cũng có những liệt sĩ hy sinh như ở chiến trường. Cô giáo lớp một trên của Enrico ho không ngớt, nhưng tiếng của cô luôn luôn át cả lớp học, cô nói không nghỉ để học sinh nhỏ không thể lơ đễnh được. Cô có thể sống thêm nếu xin nghỉ dạy, nhưng không muốn xa học trò, cô cứ dạy cho hết năm, và cô đã mất ba ngày trước khi dạy hết chương trình.

Vĩnh biệt học trò cô ôm hôn tất cả, rồi vừa khóc vừa chạy nhanh ra khỏi lớp. Cô để lại cho học trò tất cả những gì cô có trên đời, và trước khi chết, yêu cầu thầy hiệu trưởng đừng cho học trò đi theo đám tang, sợ các em khóc. Qua bút mực của trẻ con, De Amicis đã viết một thiên trường ca cảm động về nghề dạy học, với những hình tượng cô giáo, thầy giáo, tuy chỉ có vài nét

chấm phá, nhưng không dễ mà quên được. Trong gia đình Enrico, tháng nào bố hay mẹ cũng viết cho con một lá thư, không phải vì đi đâu gửi về, mà ở ngay trong nhà viết đưa cho con đọc và suy nghĩ; thư thì khuyên răn, thư thì cảnh cáo, có khi là trách mắng. Đó là những trường hợp phải "nói chuyện" với con một cách trang nghiêm. Trong một xã hội văn minh, những người bố, mẹ không phải chỉ là trông nom, săn sóc con mình, mà còn biết quan tâm đến con người khác, đến trẻ nói chung nữa. Có một trang ký của Enrico riêng tả "những người bố, mẹ học sinh", chẳng qua De Amicis đã mượn bút của trẻ để nói chuyện với người lớn. Và vì thế mà *Những tấm lòng cao cả* không phải chỉ là một cuốn sách riêng dành cho thiếu nhi, mà lại còn là một cuốn sách viết cho cô giáo, thầy giáo cho bố mẹ học sinh và cho những người lớn trong xã hội nữa.

Và đối với các bạn đọc ấy của mình, De Amicis muốn nói gì về vấn đề dạy dỗ con trẻ?

Dạy trẻ nên dạy những gì?

Trước tiên trẻ phải thật thà, không được dối trá, dù có lợi cho mình, hay là chỉ để tránh nguy hiểm thời. De Amicis qua lời Garrone khuyên Garoffi thú tội, rồi lời ông Bottini dạy con, mấy lần nhắc rằng thật thà là một bổn phận. Trong các tính xấu, De Amicis muốn trẻ tránh nhất là tính hèn nhát. Thầy Perboni hiền từ như thế, nhưng khi bọn thằng Franti xúm lại đánh Crossi, đã phải nổi cơn thịnh nộ chính đáng: "Các cậu đi làm một việc hèn hạ nhất và nhục nhã nhất, có thể bôi nhọ lương tâm con người: các cậu là những kẻ hèn nhát!" Lạm dụng lòng tốt của người khác cũng là hèn: khi cả lớp làm ồn trong giờ thầy phụ giáo trẻ tuổi, Garrone chỉnh các bạn: "Các cậu lạm dụng lòng tốt của thầy, việc làm của các cậu hèn nhát lắm".

Đầu năm học, ông Bottini viết cho Enrico lá thư gợi lên hình ảnh trẻ em tất cả các nước trên thế giới đi đến trường học như một đạo quân lớn, để khuyên con: "Đừng bao giờ làm một người lính nhát gan". De Amicis quan niệm rằng lười biếng cũng là hèn nhát vì thiếu chí khí, thiếu quyết tâm trong bổn phận học tập. Trong bức thư viết cho Enrico, không có lá thư nào của ông bà Bottini mà nghiêm khắc như hai bức thư trách mắng con thiếu lễ độ khi ăn nói với bố mẹ. "Thà rằng bố phải thấy con chết đi, còn hơn là thấy con bội bạc với mẹ con…" Con còn phải giúp đỡ bố mẹ nữa: Giulio bốn tháng trời thức thâu đêm viết thuê giúp bố, nhưng giấu bố, dù phải cay đắng chịu đựng những lời trách cứ bất công vì hiểu lầm của bố. Thầy giáo lại cho Enrico đọc nhiều truyện rất cảm động như Ferruccio đưa thân đón lưỡi dao của tên côn đồ hạ sát bà ngoại, và hy sinh để cứu sống bà, như Marco mười

ba tuổi, đi tìm mẹ sáu mươi ngày không nghỉ, vượt đại dương bao la, ngược những dòng sông xa lạ, qua những sa mạc hoang vu, những núi rừng bí hiểm, chịu đói rét, ốm đau, mê sảng, để cho người lạ hành hạ đánh chửi, nhưng cứ phía trước mà đi, cho kỳ đến khi gặp lại mẹ. Dạy trẻ những bổn phận đối với bố mẹ và gia đình là việc nhà trường làm, thì dạy trẻ những bổn phận đó với thầy, với bạn, với nhà trường lại là việc của gia đình; dường như De Amicis đã có ý phân công như vậy. Học sinh kính yêu cô giáo, thầy giáo vì bố mẹ họ kính yêu, và vì trong xã hội cô giáo, thầy giáo cũng được mọi người kính yêu nữa. Ngày phát phần thưởng, ông bồi thẩm kết thúc buổi lễ, nhắc học sinh: “Ra khỏi đây các cháu không được quên gửi một cái chào và một lời cám ơn đến những người đã vì các cháu mà không quản bao mệt nhọc, những người đã hiến tất cả sức mạnh của trí thông minh và lòng dũng cảm cho các cháu, những người sống chết vì các cháu, và họ đây này” Rồi ông chỉ tay về phía các cô giáo, thầy giáo.

Trường học là một gia đình, học sinh như anh em phải thương yêu nhau, và muốn có tình thương yêu chân thành tất cả phải chống một số tính xấu. Cần dạy trẻ không nên chưng diện và khoe khoang, Votini vì luôn nghĩ đến mình, nên không những khoe khoang, mà còn tự phụ, đố kỵ, ghen ty với các bạn nữa, và thầy Perboni phải bảo dè chừng: “Đừng để cho con rắn ghen tị luồn vào tim. Đó là con rắn độc, nó gặm mòn khối óc và làm đồi bại trái tim”. Muốn có tình bạn tất phải để và biết sống vì bạn: Enrico mời Precossi đến nhà chơi “những muốn đem biếu cậu tất cả đồ chơi và tất cả sách học của mình, muốn nhịn miếng bánh mỳ cuối cùng đang ăn để nhường cậu ăn, muốn tự lột hết áo quần để nhường cậu mặc”. Thư ông Bottini nói với con “tại sao cậu yêu đất nước của cậu” kết thúc rằng giá trong một trận chiến đấu vì Tổ quốc mà con trốn tránh nguy hiểm “thì bố của con sẽ đón con với một tiếng nấc đau đớn; và bố sẽ chết với nhát dao găm ấy đâm vào tim”. Thầy Perboni thì cho học sinh đọc hai truyện thiếu niên anh hùng: Cậu bé đánh trống người Sardegna, trong trận Custoza bị đạn vẫn cố làm tròn nhiệm vụ, nên phải cưa một chân, và trên bàn mổ không hề kêu một tiếng. Cậu bé trinh sát người Lombard, chẳng ở trong quân đội, đã hy sinh tính mạng trong khi do thám tình hình địch cho nghĩa quân. Thi hài nhỏ bé của cậu quấn lá cờ ba màu, và nét mặt cậu như đang mỉm cười, sung sướng và tự hào vì đã hiến đời mình cho xứ Lombardia thân yêu của mình. Ông Bottini lại viết thư dạy con yêu “thành phố quê hương của con”, xác định cho con những bổn phận phải làm ở ngoài đường phố, nhắc con rằng tỏ ra có giáo dục ở nơi công cộng là tôn trọng quê hương mình. “Trình độ giáo dục của một dân tộc có thể đánh giá qua thái độ của con người trên đường phố. Ở đâu mà thấy cảnh thô lỗ diễn ra ngoài đường phố thì có thể chắc chắn là sẽ thấy cảnh thô lỗ diễn ra trong các gia đình vậy”.

Nói chuyện về những trẻ mù, thầy giáo khêu lên trong lòng học sinh tình thương những bạn xấu số ấy; trẻ em phải được giáo dục lòng nhân đạo. Trong các bạn của Enrico thì Franti là đứa khốn nạn, vì "cái thằng bụng dạ độc ác ấy" ai khóc thì nó cười, "chẳng động lòng vì bất cứ cái gì". Thấy một gánh xiếc, đàn bà trẻ con lao động nghệ thuật vất vả gian khổ, nguy hiểm, ông Bottini viết báo ca tụng cậu bé làm xiếc, khiến người xem nô nức kéo đến chật rạp, giúp cho gánh xiếc. Biết có người đàn bà gặp cảnh túng thiếu, bà Bottini liền cùng hai con đến giúp quần áo tiền bạc, và ra về ôm hôn đứa con người đàn bà nghèo khổ, mà mắt đẫm lệ. Viết thư cho con, bà dạy "đừng quen thói dửng dưng đi qua trước người nghèo khổ, phải biết giúp đỡ cụ già không nơi nương tựa, bà mẹ không có bánh ăn, đứa bé đang đói, đứa con mất mẹ", nhắc rằng đó là "những đức hạnh không thể bỏ qua". Thầy giáo thì kể chuyện "Cicillo năm ngày đêm liền trông nom săn sóc một người ốm nặng tưởng là bố mình, đến khi biết là lầm, vẫn ở lại với người bệnh, dù không biết bác ấy là ai". Nhật ký của Enrico ghi lại việc Robetti lao mình ra trước chiếc xe đang chạy cứu em bé; rồi ở lại bệnh viện ra, đi học phải chống nạng như nhảy lò cò. Một chuyện khác của thầy giáo kể việc Mario đi biển bị đắm tàu, được xuống xuồng cấp cứu, đã nhường cho người bạn đường mới quen, vì bạn còn bố mẹ, mà mình thì côi cút, tứ cố vô thân thích. Tàu đắm, "cậu bé đứng ở mạn tàu, đầu ngẩng cao, mái tóc bay trước gió, bất động, cao cả, tuyệt vời"; việc hy sinh của cậu đã đạt đến đỉnh của lòng nhân ái. Sống trong xã hội tư bản chủ nghĩa, De Amicis thấy phải dạy trẻ yêu quý lao động tay chân và kính trọng những người lao động, vì "sự cao quý ở lao động chứ không ở trong đồng lương, ở trong giá trị chứ không ở trong cấp bậc". De Amicis muốn trẻ phải yêu, phải kính, trên tất cả mọi sự ở đời phải tôn trọng những người lính trong mặt trận lao động, những nỗi vất vả và sự hy sinh của họ. "Phải thương yêu họ vì trong lồng ngực của những người thợ ấy có những trái tim tuyệt vời". DeAmicis rất thiệt thà dạy trẻ ý thức mình đang giữa mọi người. Trong các bài học mà Enrico cho rằng Carlo Nobis có thể sánh với Franti vì nó quá tự phụ là quý tộc và giàu có. Xã hội Ý thời bấy giờ nhiều người nghèo khổ, lắm nỗi bất công. Nghĩ đến mùa đông, ông Bottini, hay chính De Amicis không cầm được lòng thương xót những trẻ không có áo quần, cũng không có giày, cũng không có lửa sưởi. Lòng thương xót ấy có khi chuyển thành lòng phẫn nộ, và bà Bottini viết thư cho con, hay chính là De Amlcis nói với bạn đọc của mình, giọng rít lên đầy uất hận: "Thật là buồn khi nghĩ rằng có những đàn bà và trẻ em không có gì mà ăn cả! Không có gì mà ăn cả, lạy Chúa tôi!"

Dạy trẻ nên dạy thế nào?

Dạy trẻ phải dịu dàng, nhân từ, nhưng trước lỗi lầm của trẻ thì vẫn nghiêm khắc. Có lỗi với bạn, ngỡ bạn đánh, Enrico cầm thước kẻ giơ lên, nhưng thấy bạn làm lành, liền ôm chầm lấy bạn: về nhà kể cho bố nghe, tưởng bố vui lòng, nào ngờ bố mắng: "Con không được giơ thước dọa một đứa bé tốt hơn con, dọa con trai của một quân nhân!" Rồi bố giật cái thước bẻ làm đôi.

Người giáo dục khéo cần lợi dụng mọi việc diễn ra, dù lớn dù nhỏ, để uốn nắn ngay tính nết của trẻ… Thấy Enrico đi qua trước mặt một người mẹ đói khổ bế con đi xin ăn, mà cứ dửng dưng, bà Bottini viết ngay thư dạy con bổn phận đối với người nghèo. Ngoài phố, thấy con va phải một người khách qua đường, ông Bottini viết ngay thư dạy con thái độ trên đường phố. Nhưng việc giáo dục phải tiến hành rất thận trọng và tế nhị. Bạn con đến chơi, ngồi đầy bàn ghế, ông Bottini ngăn không cho con phủi ghế trước mặt bạn; bạn con gù lưng, ông cất bức tranh anh hề gù treo trong phòng khách cho bạn con khỏi phải trông thấy. Cùng con đi giúp nhà nghèo, không ngờ đấy lại là nhà bạn con, bà Bottini ngăn không cho con gọi bạn, sợ bạn tủi; nhưng khi bạn trông thấy chạy ra thì liền đẩy hai trẻ lại cho ôm chầm lấy nhau như hai anh em ruột. Tháng sáu trẻ ngồi học mà như sắp lên cơn điên, bà Bottini nhắc con là có những trẻ phải làm lụng ngoài đồng dưới mặt trời đổ lửa, hay bên bờ sông cuội sỏi cháy bỏng, hay trong sưởng thủy tinh mặt lúc nào cũng cúi sát lò lửa, phải bắt đầu ngày lao động rất sớm, và chẳng bao giờ được nghỉ lễ, nghỉ hè. Ông Bottini thì đem con đi thăm những lớp học buổi tối dạy những quân nhân, những người lao động, để cho con "ngạc nhiên và khâm phục" thái độ tập trung chăm chú của họ. Lấy việc tốt trong xã hội dạy trẻ đã đành, người giáo dục lại còn phải tự mình làm gương, làm mẫu cho trẻ noi theo nữa; muốn con nhớ ơn thầy, ông Bottini đem con đi tìm thầy học của mình để tỏ lòng biết ơn.

Khi mới ra đời, *Những tấm lòng cao cả* cũng bị một số dư luận phê bình khá gay gắt, nào là tính cách nhân vật chỉ một chiều, cách điệu hóa quá thành ra sơ lược, nào là giọng văn cảm thương quá đáng có khi thành xót xa. Tất nhiên đó là những chỗ yếu rõ ràng của cuốn sách, nhưng thời gian - người đánh giá công bằng và đúng đắn nhất - đã công nhận *Những tấm lòng cao cả* là tác phẩm có giá trị, không những về nội dung mà cả về văn chương nữa. De Amicis xây dựng những truyện dù tình tiết có ly kỳ đến mấy, như Cậu viết thuê, vẫn kết cấu chặt chẽ, các sự kiện diễn ra tự nhiên, mà cách kể truyện thì linh hoạt nhanh gọn, sắc sảo như trong Một vụ đắm tàu làm người đọc lắm phen hồi hộp, như trong truyện Cậu bé đánh trống người Sardegna, và nhất là Từ mạch Appennini đến mạch Andes và Người y tá của Tata.

Nhiều truyện đã kết thúc mà để người đọc cứ bùi ngùi mãi không thôi;

cậu bé làm xiếc lấy tay áo quệt trái lớp phấn trên mặt gửi lên hai má của ân nhân mình hai cái hôn đáng yêu; ông đại úy già chưa từng nói với ai một lời dịu dàng bao giờ, tay đưa từ từ và mắt nhìn chằm chằm, chào Cậu bé đánh trống người Sardegna, chào rồi dang rộng tay ra ôm chầm lấy cậu, siết chặt vào lòng và hôn ba lần; chào và hôn vì cậu xứng đáng với một người anh hùng chân chính. Cicillo sau bảy ngày đêm liền săn sóc tận tình người ốm không quen biết, đến khi người bất hạnh cuộc đời mới "ôm bọc quần áo cũ của mình, chầm chậm bước ra, người mệt lả, lên đường", và tác giả kết thúc bằng chỉ mấy chữ: "Rạng đông vừa hừng sáng…"

Trong Một vụ đắm tàu, Mario nhận lấy cái chết để cho người bạn đường được sống, truyện cũng kết thúc bằng hai câu ngắn: "Giulietta úp mặt vào hai tay. Khi cô ngửng đầu lên và nhìn ra biển, chiếc tàu đã biến mất rồi…" "Rạng đông vừa hừng sáng" và "chiếc tàu đã biến mất rồi", chỉ đơn giản thế thôi, nhưng dù kết cục của truyện người đọc đã đoán biết trước rồi, đọc đến những câu cuối như thế ít ai có thể để lòng dửng dưng, và không ít người tuy đã học đi học lại nhiều lần vẫn khó mà cầm được nước mắt. Văn hay họ phải dải lời. Nhiều đoạn trong *Những tấm lòng cao cả* đã làm người đọc xúc động như thế, lại có những đoạn rất thuyết phục vì lời văn hùng hồn, nhất là những bức thư bố mẹ viết cho con; mà nhiều bức đã được trích vào sách giáo khoa ở nhiều nước, nổi tiếng hơn cả là bức thư về Trường học. Truyện đọc hàng tháng cũng nhiều truyện được trích như thế. Enrico có ghi trong nhật ký là khi chép truyện Cậu bé trinh sát người Lombard, Derossi "rơm rớm nước mắt, run run đôi môi".

Sức tác động của văn chương thấm sâu vào lòng người. Nghệ thuật văn chương là công cụ giáo dục tốt, vì giáo dục phải tiến hành có nghệ thuật, và giáo dục chính là một nghệ thuật. Trong văn học Ý, *Những tấm lòng cao cả* không giữ địa vị một đại tác, nhưng trong sự nghiệp giáo dục của một thế giới thì đã có tác dụng không nhỏ, chính vì nội dung rất tốt của tác phẩm, dù cũng có ít nhiều điều không lấy gì làm hay. Mỗi xã hội, mỗi thời đại giáo dục con em mình theo yêu cầu của mình, dựa vào những nguyên lý cơ bản của khoa học giáo dục của mình; tất nhiên là như vậy. Nhưng tác phẩm của những thời đã qua mà có những điều tốt đẹp, khiến cho tồn tại và lưu truyền thì vẫn có ích lợi thiết thực và cần nghiên cứu, tham khảo.

Những tấm lòng cao cả của Edmondo De Amicis là một trong những tác phẩm như vậy.

Hoàng Thiếu Sơn

THÁNG MƯỜI

Ngày khai trường

Torino[2] thứ hai 17

Hôm nay là ngày khai trường. Mấy tháng nghỉ hè của chúng tôi đã đi qua như một giấc mộng. Sáng nay, mẹ tôi dắt tôi đến phân hiệu Baretti để ghi tên tôi vào lớp ba. Còn tôi thì mải nhớ thôn quê, tôi đến trường chỉ là miễn cưỡng. Tất cả các đường phố đều tấp nập học sinh, đông như kiến. Hai cửa hiệu bán sách chật những bố mẹ học sinh vào mua nào vở, nào giấy thấm, nào cặp sách bằng da… Trước trường, người đông đến nỗi ông gác cổng và người cảnh binh đều phải chật vật lắm mới giữ được thông lối ra. Chúng tôi sắp bước qua cổng thì thấy có người đặt tay lên vai mình: đó là thầy giáo lớp hai của tôi, có mái tóc hung, bù xù và tính vui vẻ không bao giờ cạn. Thầy bảo tôi: "Chúng ta thế là xa nhau mãi rồi, phải không Enrico?"

Tôi cũng biết như vậy, thế mà lời nói của thầy vẫn làm cho lòng tôi nặng trĩu. Chúng tôi phải chật vật lắm mới vào được trường. Những ông, những bà, những phụ nữ thường dân, những công nhân, những sĩ quan, những bà cụ và những người giúp việc, ai cũng tay dắt một trẻ em, tay mang những cái gói, làm huyên náo cả phòng đợi và các thang gác.

Tôi vui thích thấy lại căn phòng rộng ở tầng dưới thông với bảy lớp học, mà suốt ba năm gần như ngày nào tôi cũng đi qua. Người đông nghịt. Các cô giáo đi đi, lại lại. Một cô giáo lớp một đứng trên ngưỡng cửa của lớp cô, chào tôi và nói:

- Enrico, năm nay con học trên gác, và cô sẽ không còn thấy con đi qua đây nữa.

Rồi cô nhìn tôi có vẻ buồn. Tôi trông thấy thầy hiệu trưởng, mà bộ râu hình như có bạc hơn năm ngoái một ít, đang bị vây giữa những bà mẹ khá phật ý vì không còn chỗ để cho con họ vào học nữa. Tôi thấy nhiều bạn tôi lớn lên nhiều. Ở tầng dưới, học sinh chia xong vào các lớp, người ta thấy các em học những lớp vỡ lòng không chịu vào lớp, cứ đẩy nhau như những con lừa con; người ta phải lôi chúng vào; vài em bỏ chạy không chịu ngồi ghế, nhiều em khác òa lên khóc khi thấy bố mẹ ra về. Những ông bố, bà mẹ ấy phải quay lại để khuyến khích hoặc dỗ dành con; còn các cô giáo trông thấy vậy cũng có nhiều thất vọng.

Em trai tôi được vào lớp của cô giáo Delcati, tôi học lớp thầy giáo Perboni ở gác hai. Đến mười giờ thì tất cả chúng tôi đều đã vào lớp hết; năm mươi bốn học sinh tất cả. Trong đám ấy tôi chỉ gặp lại chưa đến mười lăm,

mười sáu bạn cũ lớp hai; trong đó có Derossi, cái cậu bao giờ cũng được giải nhất. Trường học đối với tôi có vẻ nhỏ hẹp và buồn tẻ làm sao so với rừng núi mà tôi đã đến ở chơi mấy tuần qua. Tôi lại còn nhớ tiếc thầy giáo lớp hai của tôi, thầy tốt làm sao, và lúc nào cũng cười với tôi. Người thầy nhỏ nhắn đến nỗi làm cho chúng tôi cứ tưởng như là một người bạn. Tôi tiếc không được thấy thầy ở đây, với mái tóc hung bù xù của thầy nữa.

Thầy giáo năm nay của chúng tôi người cao lớn, không có râu, tóc dài đã hoa râm hết, có một nếp nhăn trên trán, tiếng nói rất to; thầy nhìn chúng tôi chằm chằm hết đứa này đến đứa khác, như muốn đọc rõ tận trong lòng chúng tôi. Thầy không bao giờ cười.

Tôi thầm nghĩ: "Hôm nay là ngày đầu tiên đây. Hãy còn những mười tháng nữa mới lại nghỉ hè. Trước mắt biết bao là công việc, là bài thi, là khó nhọc!" Tan học, tôi cần phải gặp mẹ tôi, và tôi chạy ra ôm lấy mẹ. Mẹ bảo: "Gắng lên, Enrico của mẹ. Mẹ con ta sẽ cùng học với nhau!". Thế là tôi vui vẻ về nhà. Thôi cũng được! Tôi không còn học với thầy giáo cũ tươi cười thế, vui tính thế và tốt bụng thế; nhà trường đối với tôi hình như cũng chẳng thích thú bằng năm ngoái… Nhưng thôi cũng được.

Thầy giáo mới

Thứ ba 18

Thầy giáo mới ngay từ sáng hôm nay đã làm cho tất cả chúng tôi đều rất thích.

Khi chúng tôi đang lần lượt vào lớp, và thầy đã ngồi vào chỗ của mình, chốc chốc chúng tôi lại thấy những học trò của thầy năm ngoái, đi qua đều bước vào cửa chào thầy. "Chào thầy ạ! Chào thầy Perboni ạ!". Có những cậu bước vào bắt tay thầy, rồi vội vàng chạy ra. Rõ ràng đám học trò cũ đều rất mến thầy, và rất muốn lại được học với thầy nữa. Còn thầy thì chỉ thấy trả lời đơn giản: "Chào cậu", và bắt những bàn tay chìa ra phía thầy, nhưng chẳng nhìn ai cả. Mỗi lần chào lại, thầy đều nghiêng mình vẻ nghiêm trang, mặt quay về phía cửa sổ, nhìn sang mái nhà trước mặt. Đáng lẽ làm cho thầy vui, thì những sự biểu lộ tình cảm của học trò cũ hình như làm cho thầy đau khổ. Rồi lại đến lượt thầy nhìn chúng tôi, những học trò mới, hết đứa này đến đứa khác, một cách chăm chú. Vừa đọc chính tả, thầy vừa bước xuống bục và đi vào giữa các dãy bàn của chúng tôi. Chợt nhìn thấy một cậu mặt đỏ ửng và đầy những nốt sưng nhỏ, thầy liền ngừng đọc, lấy hai tay ôm đầu cậu bé, hỏi cậu làm sao, rồi sờ trán xem cậu có sốt không. Trong lúc đó thì ở sau lưng thầy một cậu đứng ngay lên trên ghế và bắt đầu múa như con rối.

Thầy giáo quay ngoắt lại, cậu ta hoảng hốt vội ngồi xuống và cúi gầm mặt, chắc chắn thế nào cũng bị mắng một trận. Nhưng thầy Perboni đặt tay lên vai cậu bé dại dột và nói: "Đừng làm thế nữa nhé!". Chỉ thế thôi. Rồi thầy lại trở về chỗ và đọc nốt bài chính tả.

Xong bài chính tả, thầy lặng thinh nhìn chúng tôi một lúc, rồi nói với chúng tôi, giọng thầy rất to, nhưng hết sức hiền từ: "Nghe đây, các con ạ! Chúng ta sẽ sống chung với nhau cả một năm, thầy trò ta đều cố gắng làm sao cho năm nay thật tốt. Các con phải chăm và ngoan. Thầy không có gia đình. Chính các con sẽ thay cho gia đình của thầy. Năm ngoái thầy còn mẹ; nhưng nay mẹ thầy đã mất rồi. Nay thầy chỉ có một mình, thầy chỉ còn các con trên đời này nữa thôi. Thầy chẳng còn ý nghĩ nào, tình cảm nào ngoài các con ra. Các con phải là đàn con của thầy. Thầy sẽ rất thương các con, và các con cũng phải thương thầy. Thầy không muốn phải phạt một ai. Các con hãy tỏ ra cho thầy thấy là những đứa trẻ chân thành, dũng cảm. Trường học của chúng ta sẽ là một gia đình, và các con sẽ là niềm an ủi và niềm tự hào của thầy. Thầy không yêu cầu các con phải trả lời, vì thầy tin chắc rằng trong lòng tất cả các con đều đã nói "vâng ạ", và thầy xin cám ơn các con".

Vừa lúc ấy thì người gác cổng vào báo hết giờ học[3]. Tất cả chúng tôi đều im lặng ra khỏi lớp. Cậu học trò lúc nãy đứng lên ghế làm trò, bước lại gần thầy, và hỏi thầy giọng run run: “Thưa thầy, thầy có tha lỗi cho con không ạ?”.

Thầy giáo hôn vào trán cậu và nói: “Thế là tốt con ạ! Thôi con về đi”.

Một tai nạn

Thứ sáu 21

Năm học đã bắt đầu bằng một tai họa. Sáng nay, trên đường đi học, tôi đang kể lại cho bố nghe những lời nói chân thành của thầy Perboni, thì bỗng thấy đường phố đông nghịt những người. Họ dừng lại trước cổng trường thị xã. Bố kêu lên:

- Chắc đã xảy ra tai nạn gì rồi!

Chúng tôi phải len vào trường một cách rất khó khăn. Căn phòng lớn chật ních bố mẹ học sinh, và cả học sinh mà các thầy giáo không tài nào cho vào lớp được. Tất cả mọi người đều nhìn về phía cửa phòng thầy hiệu trưởng, và có người nói: “Tội nghiệp cậu bé! Tội nghiệp Robetti!”. Ở tít đằng cuối phòng lớn, người ta thấy nhô lên trên đám đông cái mũ của một người cảnh vệ thị xã và cái đầu hói của thầy hiệu trưởng. Một ông đội mũ cao vừa đi vào, và người ta thì thầm: “Kìa, bác sĩ”.

Bố tôi hỏi một thầy giáo: “Việc gì vậy, thưa thầy?”.

Thầy giáo trả lời: “Xe đè lên chân cậu ấy”.

Một người khác tiếp lời: “Và đã nghiến nát bàn chân cậu ta”.

Người bị nạn là một học sinh lớp hai. Cậu ta đang đi ở đường phố Dora Grossa để đến trường, thì thấy một em bé lớp sơ đẳng[4] tuột khỏi tay mẹ và ngã xuống trước một chiếc xe chở khách đang chạy, chỉ cách xe có một bước. Lập tức cậu ta dũng cảm lao đến cứu em bé, bế xốc em dậy. Không may bánh xe đè lên chân cậu bé quả cảm. Cậu ta là con trai ông đại úy pháo binh. Câu chuyện người ta kể cho chúng tôi đến đó thì một người đàn bà hốt hoảng, rẽ đám đông đâm bổ vào trong phòng. Đó là mẹ của Robetti, mà người ta vừa báo cho biết. Một người khác, mẹ của em bé được cứu sống, chạy lại ôm choàng lấy cổ bà mẹ Robetti mà khóc nức nở, và dìu bà vào trong phòng thầy hiệu trưởng. Ở bên ngoài, chúng tôi nghe tiếng kêu thất vọng của bà Robetti: “Ôi, Giulio của mẹ, con yêu dấu của mẹ!”.

Một lát sau, một chiếc xe đỗ trước cổng và thầy hiệu trưởng đi ra, bế cậu bé bị thương trên tay. Cậu bé đáng thương, mặt tái nhợt, mắt nửa nhắm nửa mở, đầu tựa lên vai thầy hiệu trưởng. Thấy cậu, mọi người đều im lặng. Người ta chỉ còn nghe tiếng nấc cố nén của bà Robetti. Thầy hiệu trưởng dừng lại một chốc trong phòng, nâng cậu Robetti lên, như để cho mọi người trông thấy cậu.

Tức thì, thầy giáo, cô giáo, bố mẹ học sinh và học sinh, tất cả mọi người đều nói to:

"Robetti dũng cảm! Cậu bé dũng cảm và đáng thương!".

Người ta gửi đến những cái hôn; các cô giáo và các học sinh đứng gần thì hôn hai bàn tay bé nhỏ bất động của cậu. Cậu mở mắt ra và thì thầm hỏi: "Cặp sách của cháu đâu rồi?". Bà mẹ của em bé được cứu sống vừa khóc vừa đưa chiếc cặp ra nói: "Đây, chính bác giữ đây, cháu yêu dấu của bác ạ!" Nghe con đã nói được, bà Robetti mỉm cười. Mọi người đều đi ra. Cậu bé bị thương được đặt nằm cẩn thận trong xe, người ta quất roi cho ngựa chạy. Và tất cả chúng tôi vào lớp học, lặng lẽ và xúc động.

Cậu bé xứ Calabria[5]

Thứ bảy 22

Chiều qua, trong khi thầy giáo cho chúng tôi biết tin tức cậu Robetti đáng thương - cậu ta phải đi bằng nạng một thời gian - thì thầy hiệu trưởng vào lớp, theo sau là một học trò mới: một cậu mặt nâu, tóc đen, mắt to và linh hoạt, đôi lông mày rậm như gần giao lại với nhau; quần áo màu sẫm thắt một dây lưng bằng da đen. Sau khi nói rất khẽ mấy câu với thầy Perboni, thầy hiệu trưởng để cậu bé lại rồi đi ra. Người mới đến nhìn chúng tôi bằng đôi mắt to, với cái vẻ gần như hoảng hốt. Thầy giáo cầm tay cậu và nói với chúng tôi:

"Các con phải lấy làm hài lòng, hôm nay vào học lớp ta, một học sinh quê ở Reggio di Calabria[6] rất xa đây, ở nơi tận cùng của vương quốc. Các con hãy niềm nở đón tiếp người bạn mới. Bạn là con đẻ của một miền đất vinh quang, đã cho nước Ý những danh nhân, và còn cho nước Ý những người lao động giỏi và những chiến sĩ dũng cảm. Quê hương của bạn là một trong những miền đẹp nhất Tổ quốc ta; ở đấy có những núi cao phủ kín rừng, và nhân dân thì rất thông minh và đầy quả cảm. Hãy thương bạn, các con ạ, để cho bạn không thấy rằng bạn đang ở rất xa nơi chôn rau cắt rốn của mình; hãy tỏ cho bạn biết rằng một cậu bé người Ý vào học mọi trường trên đất Ý thì ở đâu cũng tìm thấy những người bạn, những người anh em!".

Nói xong, thầy Perboni đứng lên và chỉ trên bản đồ nước Ý treo ở tường cái điểm vẽ thành phố Reggio di Calabria. Thầy lại gọi với cái giọng rất to của thầy: "Ernesto Derossi!".

Derossi (cái cậu bao giờ cũng được phần thưởng nhất lớp) đứng dậy. "Lên đây thầy bảo". Derossi ra khỏi chỗ ngồi, đi lên phía bàn thầy giáo, đứng cách cậu bé xứ Calabria hai bước. Thầy Perboni bảo: "Con là người đầu lớp, ở cương vị ấy con hãy thay mặt tất cả các bạn hôn bạn mới đến, cái hôn của những người con xứ Piemonte[7] gửi đứa con xứ Calabria".

Derossi đến gần cậu bé Calabria và nói với cậu, giọng thanh và trong: "Xin vui mừng đón bạn!" Rồi ôm hôn cậu nồng nàn trên hai má! Tất cả chúng tôi đều vỗ tay.

"Yên nào! Trong lớp không được vỗ tay", thầy giáo nói to. Dù thầy cấm, chúng tôi vẫn thấy rõ là thầy rất hài lòng về nỗi bồng bột của chúng tôi.

Cậu bé xứ Calabria cũng vậy, cậu cũng rất vui lòng. Thầy Perboni chỉ một chỗ ngồi, dắt cậu đến, rồi lại nói với chúng tôi:

“Để đạt kết quả như các con thấy, nghĩa là để cho một cậu bé Calabria đến Torino[8] vẫn thấy rằng mình ở quê mình, cũng như một cậu bé ở Torino đến Reggio di Calabria có quyền là mình vẫn ở quê mình, đất nước ta đã chiến đấu năm mươi năm, và ba vạn người Ý đã chết cho tự do[9]. Các con hãy yêu nhau như anh em ruột thịt; và ai mà xúc phạm đến người bạn mới này vì bạn không phải là người Piemonte, thì không xứng đáng được ngẩng mặt lên khi lá cờ ba màu diễu qua[10]!”.

Cậu bé Calabria vừa ngồi vào chỗ thì các bạn ngồi gần đã lập tức đưa cho, nào ngòi bút, nào bút chì, nào tranh ảnh; một bạn ngồi bàn cuối gửi đến cho cậu, làm bằng chứng tình bạn, một con tem Thụy Điển.

Các bạn học của tôi

Thứ ba 25

Anh học trò đã cho cậu bé Calabria con tem là người mà tôi thích nhất lớp. Cậu ta tên là Garrone, lớn nhất lớp, sắp lên mười bốn tuổi, đầu to, vai rộng. Cậu rất tốt bụng, cứ trông nụ cười của cậu thì đủ biết. Lúc nào cậu cũng có vẻ suy nghĩ và chín chắn. Giờ thì tôi đã biết được nhiều bạn của tôi rồi. Một bạn khác cũng làm cho tôi thích, vì cậu ta lúc nào cũng có vẻ rất hài lòng, tên là Coretti. Cậu ta mặc một cái áo ngắn bằng da rái cá, và đội cái mũ nồi bằng da mèo. Cậu ta con một bác bán củi đã phục vụ trong quân đoàn của thái tử Umberto hồi chiến tranh 1866[11]. Người ta bảo bác ấy được thưởng ba huân chương. Lại còn cậu Nelli, cậu bé gù tội nghiệp nom quá gầy gò, quá yếu đuối. Có một cậu ăn mặc rất sang, lúc nào cũng gỡ những sợi lông bám vào quần áo mình, tên là Votini. Ngồi trước tôi là một cậu, mà anh em gọi là "cậu bé thợ nề" vì bố cậu ta làm nghề ấy: mặt cậu ta tròn như quả táo và mũi thì tẹt. Cậu ta có cái biệt tài làm như kẻ sứt môi, và tất cả học sinh thường bảo cậu ta làm để cười cho vui. Cậu ta có cái mũ mềm, nho nhỏ cứ cuộn lại đút túi như một chiếc khăn tay.

Ngồi gần "cậu bé thợ nề" là Garoffi, cao gầy, mũi khoằm như cái gọng kìm và đôi mắt ti hí. Cậu thường xuyên mua bán, đổi chác nào ngòi bút, nào hộp diêm; cậu viết cả bài học lên móng tay để nhìn trộm khi thầy gọi đọc thuộc lòng. Lại còn một cậu bé có vẻ khinh khỉnh: Carlo Nobis. Cậu ngồi giữa hai cậu mà đối với tôi rất có thiện cảm: một cậu là con ông thợ khóa, ăn mặc luộm thuộm, cái áo dài xuống tận đầu gối, xanh xao như người ốm, mặt bao giờ cũng sợ sệt và nụ cười đau đớn; cậu kia thì tóc đỏ hoe, một cánh tay bị liệt phải buộc băng quàng vào cổ. Bố cậu ở bên Mỹ, và mẹ cậu bán rong rau quả. Ngồi sát bên trái tôi lại là một nhân vật lạ lùng, Stardi, người thấp và to ngang, cổ rụt vào giữa hai vai, lúc nào cũng càu nhàu, không bao giờ chuyện trò với ai cả, không lấy gì làm thông minh - tôi cho như vậy - nhưng rất chăm chú nghe lời thầy giảng; cậu ta ngồi nghe không nhúc nhích, mắt nhìn thầy đăm đăm, cái trán nhăn lại, hai hàm răng cắn chặt vào nhau. Vô phúc mà nói gì với cậu ta khi thầy giáo đang giảng bài, thì cậu ta không thèm trả lời, cứ hỏi dai thì cậu ta sẽ cho một cái đá… nhưng vẫn không nói nửa lời. Cạnh Stardi là một bộ mặt tàn nhẫn và ghê tởm, đó là Franti, hình như nó đã bị đuổi khỏi một trường khác. Lại còn có hai anh em ruột ăn mặc giống nhau, đều đội mũ có cắm cái lông chim trĩ, và giống nhau như hệt.

Nhưng cái cậu dễ thương hơn hết, thông minh nhất lớp và chắc chắn năm

nay thế nào cũng được phần thưởng nhất là Derossi. Thầy giáo đoán biết vậy, nên hỏi bài cậu ta luôn. Precossi tất nhiên là tôi rất yêu, cậu con ông thợ khóa, cái cậu mặc chiếc áo quá dài, và nét mặt có vẻ đau khổ. Người ta bảo là cậu hay bị bố đánh, tội nghiệp! Trông cậu nhút nhát: mỗi khi hỏi gì ai hay khẽ chạm vào ai là lại nói: “Xin lỗi”, vừa nói vừa nhìn người ta với đôi mắt hiền lành và buồn rầu. Nhưng cậu Garrone cao lớn thì tôi vẫn cho là tốt hơn tất cả mọi người.

Một hành vi hào hiệp

Thứ tư 26

May quá, đúng sáng nay chúng tôi đã có dịp đánh giá Garrone.

Khi tôi vào lớp (hơi muộn một tí vì cô giáo lớp dưới đã giữ tôi lại hỏi lúc nào cô có thể đến chơi nhà tôi) thì thầy Perboni vẫn chưa đến; và ba hay bốn đứa đang hành hạ cậu Crossi đáng thương, cái cậu tóc hoe, cánh tay bị liệt có bà mẹ bán rau quả ấy. Chúng lấy thước đánh cậu; ném vỏ hạt dẻ vào đầu cậu; gọi cậu là con quỷ què và nhại cái tay của cậu. Một mình ở đầu ghế ngồi, Crossi sợ hãi, nghe và nhìn khi đứa này khi đứa kia với đôi mắt van lơn, cầu chúng để cho yên thân. Nhưng bọn chúng mỗi lúc một làm già, đến nỗi cậu bắt đầu run lên và mặt đỏ bừng vì tức giận. Bỗng Franti, cái thằng có bộ mặt tàn nhẫn ấy, đứng lên một cái ghế, làm bộ như ôm mỗi tay một cái sọt, nó nhại mẹ Crossi khi bà đến đón con ở cổng trường. Mấy hôm nay, không thấy bà ta đến, vì đang ốm. Thấy diễn màn kịch câm ấy, học trò cười ầm lên. Crossi liền mất bình tĩnh, chộp lấy lọ mực trước mặt và dùng hết sức ném vào Franti. Nhưng Franti tránh được và lọ mực trúng ngay vào giữa ngực thầy Perboni vừa bước vào.

Tất cả học trò khiếp sợ, chạy về chỗ, và im thin thít như vừa có một phép lạ.

Thầy giáo tái mặt, bước lên bục và hỏi, giọng lạc hẳn đi: “Ai ném lọ mực?”

Không một tiếng trả lời.

“Ai?” - Thầy Perboni nhắc lại giọng to hơn. Garrone động lòng thương xót Crossi, liền đứng dậy và nói quả quyết: “Thưa thầy, con ạ!”.

Thầy giáo nhìn Garrone, rồi nhìn đám học sinh đang sửng sốt, và nói giọng bình tĩnh: “Không phải con”.

Sau một phút thầy lại nói: “Người có lỗi không bị phạt, cứ đứng dậy”.

Crossi đứng dậy, vừa nói vừa khóc:

- Thưa thầy các bạn trêu con, chửi con, con mất bình tĩnh… con đã ném…

- Con ngồi xuống, thầy giáo bảo - và những ai đã khiêu khích bạn, thì đứng lên!

Bốn trong những đứa đã gây sự đứng dậy, đầu cúi gằm. Thầy Perboni

nói:

“Các cậu đã lăng mạ một người bạn không hề gây sự với mình, các cậu đã nhạo báng một người tàn tật, các cậu đã tấn công một em bé yếu đuối không có sức chống cự. Các cậu đã làm một việc hèn hạ nhất và nhục nhã nhất, có thể bôi nhọ lương tâm con người: các cậu là những kẻ hèn nhát!” Nói xong, thầy bước xuống giữa chúng tôi, đi về phía Garrone, thầy đến gần, cậu cúi đầu xuống. Thầy Perboni đưa tay xuống dưới cằm Garrone, nâng đầu cậu ta lên nhìn thẳng vào mặt và nói:

“Con quả có một tấm lòng cao quý!”

Nhân lúc ấy, Garrone ghé vào tai thầy, nói nhỏ mấy tiếng. Tức thì thầy quay lại bốn tên thủ phạm và bỗng nhiên bảo họ: “Thôi, thầy tha lỗi cho các con!”.

Cô giáo lớp một trên[12] của tôi

Thứ năm 27

Cô giáo cũ dạy tôi ở lớp một đã giữ lời hứa, cô đến thăm chúng tôi hôm nay. Đã một năm rồi cô giáo mới lại đến đây, và tất cả mọi người trong nhà đều vui mừng đón tiếp cô. Lúc nào cô cũng thế, vẫn là một người phụ nữ nhỏ nhắn, đội cái mũ viền nhung màu lục không hợp với cô một tí nào, ăn mặc không chút cầu kỳ; vì may lắm cô mới tranh thủ được một tí thì giờ để chải tóc, mà tóc đã bắt đầu bạc từ năm ngoái. Da của cô cũng xanh đi, và cô cứ ho không ngớt.

- Cô ít chú ý đến sức khỏe quá - mẹ tôi nói với cô như vậy.

- Chẳng sao đâu - cô trả lời với một nụ cười vừa vui vẻ vừa đượm buồn.

- Cô hay nói to quá - mẹ tôi lại nói - cô mệt quá với đám học trò đấy.

Đúng thế đấy, người ta luôn luôn nghe tiếng của cô át cả lớp học. Cô nói không hề nghỉ, để cho các em nhỏ không thể lơ đễnh được, và cô cũng không hề ngồi lấy một phút cho đỡ mỏi.

Tôi tin chắc thế nào cô cũng đến nhà tôi, vì cô không bao giờ quên học trò cũ của cô; cô nhớ tên học trò, và những ngày thi cô đến thầy hiệu trưởng để xem họ được bao nhiêu điểm; cô còn đứng ngoài cửa phòng thi chờ họ ra và bảo họ đem cho cô đọc những bài làm, để xem họ có tiến bộ không. Rất nhiều học trò cũ của cô đã mặc quần dài và có đồng hồ vàng bỏ túi, nghĩa là những học trò lớn rồi, vẫn từ trường trung học về thăm cô. Hôm nay cô vừa dẫn đám học trò đi xem Viện bảo tàng hội họa về, mệt hết hơi; vì thứ năm nào cũng thế, cô vẫn đưa học trò đến một nơi nào lý thú như vậy, giảng cho họ nghe tất cả những gì có thể làm cho họ thích, hay có thể đem đến cho họ một bài học bổ ích.

Tội nghiệp cô giáo! Cô lại gầy thêm. Nhưng lúc nào cô cũng linh hoạt, và hễ nói đến lớp của mình là lại sôi nổi. Cô ngỏ ý muốn xem lại cái giường mà cô thấy tôi nằm, khi tôi ốm nặng, cái giường hiện nay để em tôi nằm. Xong rồi cô ra về, vì cô rất vội; cô đi thăm một em bé lớp cô, con một bác thợ đóng yên ngựa, đang lên sởi. Cô lại còn cả một chồng bài tập để chấm, công việc của cả một buổi tối; ấy là chưa kể một bài số học phải dạy cho một chị bán hàng trước bữa ăn chiều nữa.

"Này, Enrico, - cô vừa ra về vừa nói với tôi - giờ con đã giải được những bài toán khó, đã làm được những bài luận rồi, con còn yêu cô giáo của con

nữa không?"

Cô hôn tôi, và xuống đến chân cầu thang còn nói to cho tôi nghe: "Đừng quên cô nhé, Enrico ạ!"

Ôi! Cô giáo rất tốt của con, không bao giờ, không bao giờ con lại quên cô được! Sau này khi đã lớn, con vẫn nhớ cô, và con sẽ đến tìm gặp cô giữa đám học trò nhỏ của cô. Mỗi lần đi ngang qua một trường học và nghe tiếng một cô giáo giảng bài, con sẽ tưởng như tiếng nói của cô, con sẽ nhớ lại hai năm ngồi trong lớp của cô; ở đó con đã học được bao nhiêu điều, ở đó đã bao lần con trông thấy cô mệt mỏi và đau ốm, nhưng luôn luôn theo dõi lớp học, luôn luôn khoan dung với mọi người; cô thất vọng khi thấy một trò cứ cầm cây bút không chỉnh mà không sao uốn nắn lại được; cô lo lắng cho chúng con khi các ông thanh tra thăm lớp và hỏi bài chúng con, cô sung sướng khi chúng con đạt được những kết quả xuất sắc; lúc nào cô cũng nhân hậu và hiền từ như một bà mẹ. Không bao giờ, không bao giờ con lại quên cô, cô giáo thân yêu của con!

Trong một căn gác xép

Thứ sáu 28

Chiều hôm qua, tôi cùng mẹ và em Silvia mang áo quần đến cho người đàn bà nghèo khổ đã được giới thiệu trên báo. Tôi ôm cái gói; Silvia ghi trên mẩu giấy địa chỉ và những chữ đầu của họ và tên người đàn bà tội nghiệp đăng trên báo[13]. Chúng tôi lên mãi tầng trên cùng của một ngôi nhà rất cao. Trong một hành lang nhỏ hẹp, có cả một dãy cửa, mẹ tôi gõ cái cửa ở trong cùng. Một người đàn đàn bà còn trẻ, tóc bạch kim, gầy, ra mở cửa. Hình như tôi đã gặp bà ta ở đâu rồi thì phải, cũng cái khăn trùm màu lơ trên đầu như thế.

- Có phải bà đã được giới thiệu ở trên báo không ạ? - mẹ hỏi.

- Vâng, thưa bà, đúng là tôi ạ.

- Vậy chúng tôi xin mang đến giúp bà một ít áo quần.

Người đàn bà tội nghiệp cám ơn chúng tôi không ngớt.

Trong khi ấy tôi nhìn thấy, ở một góc của căn phòng tối tăm và trống trải chẳng có đồ đạc gì, một cậu bé quay lưng lại phía chúng tôi, đang quỳ trước một cái ghế, và hình như đang viết một cách chăm chú. Giấy thì để ở trên mặt ghế, và lọ mực để dưới sàn nhà. Làm thế nào mà học được trong bóng tối như vậy nhỉ? Trong khi tự hỏi như vậy thì tôi bỗng nhận ra mái tóc hung và cái áo dài của Crossi, con bà bán rau quả rong, cái cậu có cánh tay bị liệt ấy. Tôi nói khẽ cho mẹ biết, trong khi người đàn bà tội nghiệp mở cái gói mà chúng tôi vừa đem đến cho.

- Im, - mẹ tôi bảo, - có thể cậu ta sẽ tủi thân vì thấy con làm phúc cho mẹ cậu. Đừng gọi.

Nhưng đúng lúc ấy Crossi ngoảnh lại: tôi trở nên lúng túng, còn cậu thì mỉm cười với tôi, và mẹ liền đẩy tôi lại với cậu. Nhưng cậu đã chạy lại, tay dang ra. Tôi ôm chầm lấy Crossi.

Mẹ Crossi nói với mẹ:

- Bà thấy đấy! Tôi chỉ có một mình với cháu thôi, bố cháu sang bên Mỹ đã sáu năm nay, và không may hơn nữa là tôi lại ốm, không thể ra phố bán rau để kiếm vài xu. Chúng tôi đã bán dần dần tất cả đồ đạc; đến một cái bàn để cho thằng Luigi tội nghiệp của tôi ngồi làm bài cũng không còn. Trước đây tôi còn một cái ghế dài kê ở cửa dưới thì ít ra nó cũng có thể để vở lên

mà viết được, nhưng nay cũng chẳng còn nữa. Chúng tôi chẳng có chút dầu đèn gì, thằng bé đáng thương cứ phải học trong bóng tối, như thế rồi cũng hỏng mắt. Cũng may mà tôi còn có thể cho cháu đi học được ở trường thị xã; ở đấy người ta cho nó sách vở. Tội nghiệp Luigi, nó ham học lắm! Ôi, tôi khổ lắm bà ạ!

Mẹ dúi vào tay người đàn bà khổ sở tất cả số tiền còn trong ví, ôm hôn Crossi và bước ra khỏi căn gác xép, đôi mắt đẫm lệ.

Mẹ bảo tôi rất đúng rằng:

- Con hãy xem cậu bé tội nghiệp ấy phải học hành trong một hoàn cảnh rất đáng buồn! Còn con, thì có tất cả mọi cái cần thiết để học tập, thế mà có khi con lại thấy việc học là khó khăn. À, Enrico yêu dấu của mẹ, một ngày học của Crossi như vậy thật đáng giá hơn cả một năm học của con, chính người ta phải tặng những phần thưởng cao nhất cho những học trò như thế!

Bố nghe được những lời nói vừa rồi của mẹ, và cũng ngày hôm đó tôi thấy trên bàn học của tôi bức thư sau đây.

Trường học

(thư của bố)

Thứ sáu 28

Đúng thế, Enrico yêu dấu của bố, việc học quả là khó nhọc đối với con, như mẹ đã nói với con, con vẫn chưa đến trường với thái độ hăm hở và vẻ mặt tươi cười như bố muốn thấy. Nhưng con hãy nghĩ một tí xem một ngày của con sẽ trống trải biết bao nếu con không đến trường học; và chắc chắn là một tuần lễ thôi, thế nào con cũng xin trở lại trường. Hiện nay, tất cả thiếu niên đều đi học, Enrico yêu dấu ạ. Con hãy nghĩ đến những người thợ tối tối đến trường học sau khi đã lao động suốt cả ngày, hãy nghĩ đến những cô gái đã đi học ngày chúa nhật sau cả tuần lễ bận rộn trong các xưởng thợ, đến những người lính ở thao trường trở về là đã viết viết, đọc đọc. Hãy nghĩ đến những cậu bé câm và mù mà cũng vẫn học. Con hãy nghĩ rằng mỗi buổi sáng khi con bước ra đường thì cũng vào giờ ấy, trong thành phố ta ba vạn trẻ em cũng như con, đến khép mình ba giờ liền trong một lớp để học tập. Con lại hãy nghĩ đến tất cả trẻ em gần cùng một lúc, ở tất cả các nước trên thế giới, cũng đang đi học. Con hãy hình dung trong trí tưởng tượng những học sinh ấy đang đi trên những con đường ở nông thôn, trên những đường phố của các thành thị nhộn nhịp, dưới trời nắng gắt hay dưới tuyết rơi, đi thuyền ở những xứ dọc ngang kinh rạch, đi ngựa qua những cánh đồng rộng lớn, đi xe trượt trên mặt băng, qua các thung lũng và các đồi gò, qua rừng, qua suối, trên những đường mòn hẻo lánh băng qua núi, đi một mình, đi từng đôi hay từng tốp, thành hàng dài, tất cả đều cắp sách vở, mặc quần áo hàng nghìn kiểu, nói nhiều thứ tiếng khác nhau, từ ngôi trường xa xôi nhất khuất nẻo trong tuyết của nước Nga cho đến ngôi trường hẻo lánh nhất của đất Arabia núp dưới bóng cây cọ. Hàng triệu, hàng triệu trẻ em, tất cả cùng học những điều như nhau dưới những hình thức khác nhau.

Con hãy tưởng tượng số học sinh đông như kiến của hàng trăm dân tộc khác nhau ấy, hãy tưởng tượng cái phong trào cực kỳ rộng lớn mà họ tham gia, và con hãy tự nhủ rằng: "Nếu phong trào ấy mà ngừng, thì nhân loại sẽ chìm đắm trở lại trong cảnh dã man; phong trào ấy là sự tiến bộ, là niềm hy vọng, là vinh quang của thế giới!". Con can đảm lên, người lính nhỏ của đạo quân mênh mông ấy! Sách vở là vũ khí của con, lớp học là đơn vị của con, trận địa là cả hoàn cầu, và chiến thắng là nền văn minh của nhân loại! Ôi, không bao giờ con là một người lính nhát gan, Enrico của bố ạ.

Bố của con".

Cậu bé yêu nước Padova

(Truyện đọc hàng tháng)

Thứ bảy 29

Truyện này bị thiếu trong bản in năm 2000, cũng như bản text. Tôi nhớ nó có trong bản in năm 1977. Vì vậy tôi sẽ bổ sung nếu như có điều kiện tìm được – Caruri.

THÁNG MƯỜI MỘT

Cậu bé nạo ống khói[14]

Thứ ba 1[15]

Chiều qua, tôi đến khu nữ sinh, ở cạnh khu Baretti của chúng tôi, để đưa cho cô giáo của em Silvia bài chép về truyện cậu bé Padova mà cô muốn đọc. Trong khu có đến bảy trăm nữ sinh.

Lúc tôi đến thì học trò bắt đầu ra về, ai nấy đều vui vẻ được nghỉ một đợt vào những ngày đầu tháng mười một.

Trước cổng trường, bên kia đường phố, một cậu bé nạo ống khói đang đứng, tay tựa vào tường, đầu gục vào tay. Người cậu đen ngòm những bồ hóng, cũng như cái bị, mấy cái chổi và cái nạo của cậu, và cậu khóc nức nở, não nuột quá chừng.

Hai ba nữ sinh lớp hai lại gần, hỏi cậu tại sao mà khóc như vậy.

Nhưng cậu bé nạo ống khói không trả lời, và cứ khóc mãi.

Các bạn nữ sinh lại hỏi:

- Kìa, nói đi, bạn làm sao vậy? Tại sao bạn khóc?

Cậu bé bỏ cánh tay xuống, để lộ một gương mặt trông hết sức hiền hậu, và kể lại là đi nạo mấy ống khói, được số tiền cộng lại là ba hào, nhưng chẳng may rơi mất, vì vô ý bỏ vào cái túi áo thủng…

Cậu bé tội nghiệp không dám trở về nhà chủ vì sợ bị đánh.

Nói rồi, cậu lại càng khóc thảm thiết hơn, đầu gục vào cánh tay như một kẻ tuyệt vọng.

Các nữ sinh nhìn nhau, vẻ mặt rất nghiêm chỉnh; một số nữa cũng kéo đến, bé có, lớn có, con em những công nhân nghèo cũng như con nhà giàu, tay ôm cặp sách. Một nữ sinh vào loại lớn, đội cái mũ có cắm chiếc lông chim xanh, lấy hai đồng xu trong túi ra và nói:

- Mình chỉ có hai xu, nhưng chúng ta hãy góp nhau lại.

- Mình cũng có hai xu đây, - một cô bé mặc áo đỏ nói, - thế nào tất cả chúng ta cũng kiếm đủ ba hào!

Thế là các nữ sinh lên tiếng gọi: “Amalia, Luigina, Annina, một xu nhé. Ai có xu đưa đây!”.

Một vài cô mang tiền đi mua vở và mua hoa. Họ liền vội vàng đem tiền đến. Những cô khác bé hơn biếu những đồng trinh. Cô nữ sinh đội mũ cắm chiếc lông xanh, thu tiền và lên tiếng đếm:

- Tám, mười, mười lăm xu! Chưa đủ, phải thêm nữa!

Một chị con gái, hình như là phụ giáo, đi tới và cho một hào. Tất cả nữ sinh tíu tít hoan nghênh chị. Thế là chỉ còn thiếu năm xu nữa thôi.

- Kìa, các chị lớp bốn đang tới kìa, họ có tiền đấy, - một em bé nói.

Lớp bốn tới nơi, tiền lại càng nhiều. Các bạn nữ sinh xúm quanh cậu bé nạo ống khói; và thật là thích mắt nhìn cái cảnh cậu bé đen ngòm, hiền hậu, ở giữa đám nữ sinh xinh xắn, đáng yêu mặc quần áo đủ màu, tóc xõa phất phới, người cắm lông chim tươi màu, kẻ thắt ruy băng bằng lụa.

Số tiền ba hào đã đủ, nhưng xu vẫn tiếp tục đổ ra như mưa. Những em bé không có tiền, cũng lách qua giữa các chị lớn, đem cho những chùm hoa nho nhỏ, gọi là cũng góp phần mình.

Bỗng bác gác cổng chạy tới, nói to: “Bà hiệu trưởng đến”.

Tức thì các nữ sinh bỏ chạy tứ tung như một đàn chim sẻ.

Cậu bé nạo ống khói còn lại một mình trên đường phố, đứng lau nước mắt. Không những hai tay cậu đầy cả xu mà các bạn nữ sinh còn luồn vào khuyết áo của cậu, đút vào túi áo, và cả trong mũ của cậu không biết bao nhiêu là chùm hoa nho nhỏ.

Bạn Garrone của tôi

Thứ sáu 4

Chúng tôi chỉ được nghỉ có hai ngày; ấy thế mà tôi tưởng như đã trải qua một thời gian vô tận tôi không được gặp Garrone. Càng hiểu cậu, tôi càng yêu cậu; tất cả các bạn của tôi đều có thiện cảm như vậy, trừ những đứa độc ác, vì Garrone chống lại những hành động độc ác của chúng; mỗi khi có một đứa lớn định trêu ghẹo hay hà hiếp một đứa bé, mà đứa bé gọi Garrone đến thì đứa lớn kia buộc phải đứng yên ngay.

Bố Garrone là thợ máy xe lửa. Vì bị ốm liền hai năm, nên Garrone đi học hơi chậm. Nay cậu là người lớn và khỏe nhất lớp; cậu có thể nhấc cái ghế dài chỉ một tay thôi… Như vậy, mà cậu lại rất tốt… Ai hỏi bất cứ cái gì: con dao, cây bút chì, cái tẩy, tờ giấy, cậu vui vẻ cho mượn hoặc cho hẳn ngay. Trong giờ học, cậu không bao giờ nói chuyện, cũng không bao giờ gây ra một tiếng ồn. Luôn luôn ngồi im trên ghế, chiếc ghế quá hẹp đối với cậu, cậu phải cúi xuống, lưng khom khom và đầu rụt ngang vai. Mỗi khi tôi nhìn cậu thì cậu cũng nhìn tôi với đôi mắt tươi cười, như muốn nói: "Chúng mình là bạn thân, phải không Enrico!".

Người ta cũng có chế cậu một tí đấy vì lớn và khỏe như vậy mà cái áo, cái quần, ống tay áo, ống quần lại quá chật, quá ngắn; đôi giày của cậu to tướng, và chiếc "cà vạt" quấn quanh cổ thì như sợi dây thừng. Garrone đáng thương! Những điều ấy có sá gì? Chỉ cần trông thấy cậu là đã yêu cậu ngay rồi! Cậu có một con dao chuôi nạm xà cừ cậu bắt được năm ngoái trên quảng trường Vũ khí; một hôm dùng dao, cậu bị khía một nhát sâu vào ngón tay, nhưng trong lớp chẳng ai hay biết gì cả, và về nhà cậu cũng chẳng nói một lời, để cho bố mẹ khỏi phải lo sợ. Khi người ta đùa cậu, cậu cũng không hề giận, nhưng coi chừng, khi cậu đã khẳng định một điều gì mà có ai bảo: "Việc đó không đúng sự thật", thì lập tức mắt cậu lóe lên như chớp, và nắm tay cậu đập xuống như muốn gãy cả ghế. Thứ bảy tuần trước, cậu đã cho một học sinh lớp một trên hai xu, vì cậu này để ai lấy mất tiền, không có để mua cuốn vở. Giờ Garrone đang bận viết một bức thư dài tám trang trên một loại giấy có nền hoa to màu rực rỡ, để mừng sinh nhật của mẹ. Bà mẹ của Garrone, một người cao, béo, rất dễ mến, thường hay đến trường đón con. Thầy giáo nhìn Garrone vẻ hiền từ và mỗi khi đến gần Garrone thầy lại tát yêu vào má cậu. Tất nhiên tôi yêu bạn Garrone lắm! Tôi rất vui thích được nắm chặt bàn tay to tướng của cậu trong tay mình. Tôi tin chắc rằng cậu sẽ không ngại liều mình để cứu một người bạn, cậu sẽ đem hết sức mình để che chở cho bạn: cứ nhìn vào đôi mắt của Garrone thì thấy rõ điều đó! Giọng nói

của cậu tuy hơi cộc, nhưng người ta cảm thấy rằng đó là tiếng vọng của một tấm lòng cao thượng và hào hiệp.

Bác bán than với ông quý tộc

Thứ hai 7

Chắc chắn Garrone không phải là người đi nói với Betti cái điều mà Carlo Nobis dám nói với cậu này!

Carlo Nobis tự phụ vì bố cậu ta là quý tộc và giàu có. Ông Nobis, người khá cao, vẻ đứng đắn và lịch sự, râu rất dài, một bộ râu đen đẹp; gần như ngày nào ông cũng đưa con trai đến trường.

Sáng qua Nobis cãi nhau với Betti, một trong những học sinh bé nhất, con một bác bán than, và không biết nói gì, vì cảm thấy mình trái, nó đã kêu lên: "Bố mày chỉ là quân khố rách áo ôm". Betti đỏ mặt tía tai, chẳng đáp lại sao cả, nhưng giàn giụa nước mắt. Về nhà ăn trưa, cậu ta nhắc lại cho bố nghe câu nói của Nobis. Vì vậy, sau bữa ăn, bố của Betti, một người bé nhỏ đen thui, đến phàn nàn với thầy giáo. Trong khi bác ta đang nói giữa lớp học hết sức im lặng, thì bố Nobis như thường lệ, giúp con trai cởi áo khoác ở ngoài cửa, nghe nói đến tên mình liền đi vào để hỏi xem có việc gì.

Thầy Perboni đáp: "Bác đây đến phàn nàn rằng Caclô của ông đã nói rằng: 'Bố mày chỉ là quân khố rách áo ôm'".

Ông Nobis cau mày và hơi đỏ mặt. Ông hỏi con: "Có phải con đã nói thế không?".

Caclô đứng giữa lớp, trước mặt Betti, cúi đầu xuống chẳng trả lời sao cả.

Bố cậu ta nắm lấy cánh tay con, đẩy con lại sát Betti, cho hai cậu gần như đụng vào nhau và bảo: "Xin lỗi bạn đi".

Bác bán than muốn ngăn lại, nói: "Không, không", nhưng người quý tộc cứ mặc và nhắc lại cho Caclô: "Xin lỗi bạn đi. Nhắc lại lời bố: 'Tôi xin lỗi bạn, Betti ạ, về câu nói thóa mạ, ngu dại, tôi đã trót nói về bố bạn, mà bố tôi lấy làm tự hào được bắt tay'".

Bác bán than hết sức ngăn lại, nhưng ông Nobis không chịu thôi, và con trai ông phải làm theo lời bố, nói nho nhỏ, không dám ngửng đầu lên, những lời mà bố nhắc cho từng câu một.

Bấy giờ ông Nobis đưa tay ra bắt tay bác bán than; bác này siết tay rất chặt, rồi đẩy con trai vào tay Carlo Nobis.

Ông bá tước lại nói với thầy giáo: "Xin thầy làm ơn xếp cho hai cháu ngồi cạnh nhau".

Thầy Perboni liền xếp Betti ngồi cùng ghế với Caclô. Khi hai cậu đã yên chỗ, ông Nobis cúi chào và đi ra.

Bác bán than tần ngần một lát, ngắm hai đứa trẻ ngồi lại với nhau, rồi đến gần, nhìn Nobis vẻ thiện cảm và mến tiếc. Chẳng nói một lời, bác đưa tay ra vuốt ve nó, nhưng rồi chẳng dám, bác chỉ đưa mấy ngón tay to tướng khẽ lướt qua trán nó, rồi đi ra.

Thầy giáo liền nói với chúng tôi: “Hãy nhớ lấy những việc các con vừa trông thấy: đó là bài học hay nhất trong năm nay”.

Cô giáo của em trai tôi

Thứ năm 10

Cô Delcati biết em tôi mệt, đã đến nhà thăm chúng tôi. Cậu con trai bác bán than, năm trước cũng học với cô. Cô làm cho chúng tôi chết cười với câu chuyện cô kể là một hôm mẹ Betti mang đến nhà biếu cô mấy hộc than, túm trong cái tạp dề của bà, để cảm ơn cô đã thưởng huy chương ngoan ngoãn cho con trai bà. Tội nghiệp, bà ta cứ nằng nặc xin cô nhận cho món quà mọn ấy, và khóc dở vì phải mang cái tạp dề đầy than của bà về. Một lần khác, một người đàn bà tốt bụng, mẹ một chú học trò bé của cô, đem đến cho cô một bó hoa rất to; và cô giáo đã tìm được, nhét ở giữa bó hoa, một ống tiết kiệm đựng đầy những đồng xu mới… Chúng tôi nghe cô kể chuyện thích quá và em trai tôi đã vui vẻ nuốt một chén thuốc đắng cho vừa lòng cô Delcati. Với những chú học trò bé tí ở lớp một dưới ấy phải kiên nhẫn biết chừng nào, đứa nào cũng sún răng như những ông già, không đọc được cả chữ R lẫn chữ S!… Đứa thì ho, đứa thì chảy máu cam, đứa này để mất đôi guốc ở dưới gầm ghế. Đứa kia thét lên vì tự mình chích phải ngòi bút vào tay, rồi thì một đứa khóc vì đáng lẽ phải mua quyển vở số 2, lại mua quyển vở số 1… Lại còn cả năm chục chú nhóc phải dạy cho biết đọc, biết viết, biết tính nữa chứ!…

Mỗi một con người bé bỏng ấy đều đem theo trong túi áo những que cam thảo, những cái kẹo bạc hà, những chiếc cúc, những cái nút chai, những hòn sỏi… Cô giáo có khi muốn lục soát, nhưng chúng giấu bảo vật của chúng vào tận đôi giày. Nhưng ít ra chúng cũng chăm chỉ chứ? Thôi đi! Một con ruồi to lọt vào cửa sổ là tất cả đều ngẩng đầu lên… Mùa hè chúng đem đến trường những con cánh cam bay vù vù, hay rơi vào lọ mực lấm bê bết rồi bò lên các trang vở vạch những vạch mực đen ngòm. Cô giáo phải làm thay bà mẹ của tất cả bọn trẻ ấy: giúp chúng mặc quần áo, băng các ngón tay bị ngòi bút chích phải, buộc lại những mũ nồi đứt dải, để ý trông cho chúng khỏi lấy nhầm áo choàng của nhau; nếu không thì các chú nhóc khóc và thét.

Vất vả thay cô giáo! Thế mà đôi khi các bà mẹ lại còn đến phàn nàn: "Cô ạ, không biết thế nào mà con tôi lại đánh mất ngòi bút? - Làm sao mà cháu không học được chữ nào cả? - Tại sao cô lại không biểu dương con tôi, nó học giỏi thế cơ mà! - Tại sao cô lại không nhổ cái đinh trên mặt ghế để cho thằng Piero tội nghiệp của tôi rách cái quần mới nguyên?…"

Đôi lúc cô giáo đáng thương không nhịn được nữa; cô mắng các học trò bé nhỏ của cô. Nhưng rồi cô lại hối hận và vuốt ve đứa bé cô mắng; cô nói là sẽ đuổi đứa này hay đứa khác ra khỏi trường, nhưng thấy nó khóc lại động

lòng thương, và cô trách cứ những bố mẹ đã bắt con nhịn ăn để phạt.

Cô Delcati là một thiếu nữ cao lớn, xinh đẹp, ăn mặc nền nếp, linh hoạt, dễ xúc động và rất dịu dàng.

- Nhưng ít ra bọn trẻ cũng mến cô ít nhiều gì chứ? - Mẹ hỏi cô như vậy.

- Vâng, có chứ, chỉ có điều là đến năm sau, chúng từ biệt tôi để lên học lớp khác thì không nhìn lại tôi nữa. Khi bọn trẻ vô tình ấy lên học những lớp có các ông giáo dạy thì hình như chúng lấy làm xấu hổ là đã qua tay tôi; may mắn lắm chúng mới chào cho một tiếng! Ấy cứ như thế đấy. Cứ sau hai năm trời hết lòng chăm nom những đứa trẻ mà mình thương yêu hết sức, rồi phải xa chúng, không gặp lại nữa! Có đôi đứa mà mình tưởng là có thể tin cậy, mình tự nhủ: “Ồ, những đứa này thương yêu mình mãi mãi”. Thế mà nghỉ hè xong chúng cũng chẳng còn nhớ đến mình hơn gì các đứa khác.

“Nhưng con, thì con không thế chứ, phải không con? Bỗng cô Delcati nói, vừa nói vừa đứng lên ôm hôn em tôi. - Con sẽ không quay đầu đi khi đến gần cô chứ? Con sẽ không từ bỏ không nhận người bạn đáng thương của con, không nhận cô giáo hiền lành của con chứ?”.

Mẹ tôi

(thư của bố)

Thứ năm 10

Bố để ý là sáng nay, lúc cô giáo đến thăm, tôi nói với mẹ có nhỡ thốt ra một lời thiếu lễ độ. Bố thấy mình có nhiệm vụ viết mảnh thư này cảnh cáo tôi. Đọc thư tôi xúc động vô cùng.

"Trước mặt cô giáo của em, con đã thiếu lễ độ với mẹ! Việc như thế không bao giờ con được phạm lại lần nữa, Enrico của bố ạ! Sự hỗn láo của con như một nhát dao đâm vào tim bố vậy! Bố nhớ tới mẹ con, cách đây mấy năm, đã phải thức suốt đêm, cúi mình trên chiếc nôi của con, trông chừng hơi thở hổn hển của con, quằn quại vì nỗi lo sợ, khóc nức nở khi nghĩ rằng có thể mất con đi!... Nhớ lại điều ấy, bố không thể nén được cơn tức giận đối với con. Hãy nghĩ xem, Enrico à! Con mà lại xúc phạm đến mẹ con à! Người mẹ sẵn sàng bỏ hết một năm hạnh phúc để tránh cho con một giờ đau đớn, người mẹ có thể đi ăn xin để nuôi con, có thể hy sinh tính mạng để cứu sống con!

"Hãy nghĩ kỹ đến điều này, Enrico ạ: trong đời con sẽ có thể trải qua những ngày thật buồn thảm, những ngày buồn thảm nhất tất sẽ là ngày mà con mất mẹ con.

"Khi con đã khôn lớn, con đã trưởng thành, mà các cuộc đấu tranh đã luyện con thành người dũng cảm, có thể có lúc con sẽ hồi tưởng tới mẹ con, với lòng mong ước thiết tha được nghe lại tiếng nói của mẹ, và được mẹ lại dang tay ra đón con vào lòng; vì dù cao lớn, dù khỏe mạnh thế nào chăng nữa, con sẽ vẫn tự thấy mình chỉ là một đứa trẻ tội nghiệp yếu đuối và không được che chở. Con sẽ nhớ lại với một nỗi cay đắng những lúc con đã làm cho mẹ phải phiền muộn; lương tâm cắn rứt, sẽ bắt con phải trả một giá rất đắt. Khốn khổ thay! Con không thể hy vọng được yên ổn trong đời nếu con đã làm cho mẹ con buồn phiền. Dù có hối hận, có cầu xin tha thứ, có sùng bái linh hồn của mẹ, tất cả cũng vô ích mà thôi. Lương tâm sẽ không để cho con được chút nào yên tĩnh đâu. Hình ảnh dịu dàng và hiền hậu của mẹ con sẽ làm cho tâm hồn con như bị khổ hình. Enrico, hãy nhớ rằng, tình thương yêu cha mẹ là tình cảm thiêng liêng hơn cả. Vô phúc cho kẻ nào chà đạp lên tình thương yêu đó!

"Từ nay, không bao giờ con được thốt ra một lời nói nặng với mẹ con, và con phải xin lỗi mẹ, không phải vì sợ bố mà do nhiệt tình thành khẩn của

lòng con. Con hãy cầu xin mẹ hôn con, để cho cái hôn ấy xóa đi cái dấu vết vong ân bội nghĩa trên trán con. Bố rất yêu con, con ạ, con là niềm hy vọng tha thiết nhất của đời bố, nhưng thà rằng bố phải thấy con chết đi, còn hơn là thấy con bội bạc với mẹ con. Thôi, và trong một thời gian con đừng hôn bố: bố sẽ không thể vui lòng đáp lại cái hôn của con được.

Bố của con".

Bạn Coretti của tôi

Chúa nhật 13

Bố đã tha thứ cho tôi rồi; nhưng vì thấy tôi còn hơi buồn, nên chiều nay mẹ hiền từ của tôi cho tôi đi dạo chơi với anh con lớn của bác gác cổng. Khi chúng tôi đi đến bên cạnh một cái xe đỗ trước một cửa hàng, thì nghe có tiếng ai gọi tôi. Tôi quay đầu lại. Thì ra Coretti, bạn cùng lớp với tôi, mặc cái áo ngắn bằng da rái cá và đội cái mũ nồi da mèo. Cậu ta mồ hôi nhễ nhại nhưng ra vẻ bằng lòng lắm; cậu ta vác trên vai một bó củi khá nặng. Một người lớn đứng trên xe, chuyển củi cho cậu, còn cậu thì chuyển vào trong cửa hàng của bố, xếp thành đống, rồi lại nhanh nhẹn quay ra cái xe.

- Làm gì đấy, Coretti? - Tôi hỏi.

- Cậu thấy đấy, - Coretti vừa đáp vừa giơ tay ra đỡ một bó củi, - mình làm việc, đồng thời học lại bài!

Tôi cười. Nhưng Coretti nói rất nghiêm chỉnh, và vừa vác củi chạy vào cửa hàng, vừa lẩm bẩm:

"Biến cách của động từ là… thay đổi tùy theo số và theo giống và thay đổi theo ngôi vị…"

Và vừa hạ củi xuống, vừa xếp thành đống lại đọc: "Tùy theo thời gian… thời gian lúc diễn ra hành động…"

Rồi lại đến cạnh chiếc xe để ôm thêm một ôm, cậu đọc thêm: "… Tùy theo cách mà hành động được nói đến…"

Cậu ta cứ thế mà học bài ngữ pháp ngày hôm sau của chúng tôi.

- Cậu biết không, - Coretti nói, mình muốn lợi dụng thì giờ. Bố mình bận đi giao hàng với người giúp việc, mẹ mình đang ốm; tất nhiên mình phải giúp vào việc dỡ hàng trên xe xuống. Việc đó không ngăn được mình học lại bài ngữ pháp. Hôm nay bài khó quá, mình không tài nào nhồi vào óc được!

Rồi quay lại nói với người đánh xe:

- Bố cháu có dặn là đến bảy giờ sẽ về đây để trả tiền cho bác.

Chiếc xe đi khỏi, Coretti mời tôi: "Vào hàng chơi lát đã!" Sợ từ chối sẽ làm cho cậu phật lòng, tôi vào một gian phòng lớn đầy những gỗ và củi, có một cái cân đặt ở gần cửa.

- Nói thật với cậu hôm nay mình bận lắm, - Coretti lại nói, - mình làm

bài cứ lắt nhắt từng mảnh, từng đoạn. Mình đang viết thì có người đến đặt hàng… Vừa mới ngồi xuống viết nốt thì đấy, bác xe củi đã đến!… Sáng nay mình đã hai lần chạy ra tận chợ củi ở quảng trường Venezia rồi. Hai chân như rụng đâu mất rồi, còn hai bàn tay thì rộp cả lên. Mình chẳng còn thích thú gì để làm cái bài tập vẽ nữa cả!

Vừa nói, cậu bé dũng cảm lấy chổi quét mấy nhát sạch cả lá khô trên sàn nhà.

- Này, thế cậu ngồi ở đâu mà làm bài? - tôi hỏi.

- Đây, lại mà xem.

Coretti dắt tôi vào nhà trong, nơi làm bếp và phòng ăn. Ở một góc, trên một cái bàn, thấy đặt mấy quyển sách và những bài tập bắt đầu làm.

- Này, - Coretti nói, - mình đang để câu trả lời thứ hai dở dang đấy: với da thuộc, người ta đóng giày, làm dây curoa… và bây giờ mình thêm: làm vali.

Rồi cầm bút, Coretti viết luôn, nét chữ rất đẹp.

- Nhà không có ai à? - có tiếng hỏi bên ngoài cửa hàng.

Một bà đến mua củi.

- Có cháu đây, - Coretti trả lời, rồi đi ra cân củi, nhận tiền, chạy tới một góc có treo tấm bảng đá nhỏ, ghi số củi vừa bán, xong trở về với bài làm và bảo tôi: - Hãy xem người ta có để yên cho mình viết xong trang này không? và tiếp tục viết: làm túi du lịch, túi đạn cho bộ đội…

- Ôi! Cái món cà phê khốn khổ của mình đi đời mất, - Coretti bỗng ngừng lại và kêu lên; rồi chạy đến bếp lò, nhấc ấm cà phê ra.

- Cà phê của mẹ mình đấy, - cậu ta nói, - chúng ta cùng mang đến cho mẹ mình, vui lòng chứ? Mẹ mình gặp cậu, sẽ rất bằng lòng. Đã bảy hôm rồi, mẹ mình ốm… Ái chà! Các biến cách của động từ! Chúng nó đây! Mình bị bỏng tay luôn vì cái ấm cà phê này. À sau túi đạn cho bộ đội thì mình phải thêm vào cái gì nữa nhỉ? Còn cái gì đấy, nhưng mình chưa tìm ra thôi!… Nào, vào đây với mình đi!

Cậu bạn nhỏ của tôi mở một cánh cửa và chúng tôi đi vào trong buồng của mẹ Coretti. Bà nằm trên một cái giường to, đầu trùm một cái khăn trắng.

- Cà phê đây mẹ ạ, - Coretti nói và đưa tách cà phê cho mẹ. Rồi nhìn về phía tôi cậu nói thêm - Con giới thiệu với mẹ một bạn cùng lớp với con.

- Ồ! Tốt quá, cậu đến thăm một người ốm, thật tốt quá, - người đàn bà

trung hậu nói.

Coretti sửa lại những chiếc gối ở sau vai mẹ, gấp lại mép chăn, thổi bùng ngọn lửa lò sưởi và đuổi con mèo đang vô lễ ngồi lên trên nóc tủ.

- Mẹ có cần gì nữa không? - Coretti vừa hỏi mẹ vừa đỡ lấy tách cà phê. - Mẹ đã uống hai thìa xirô chưa? Mẹ dùng hết, con sẽ ra hiệu thuốc mua thêm. Gỗ, củi đã xếp đâu vào đấy rồi; đến bốn giờ, con sẽ đặt thịt lên bếp, như mẹ đã dặn; và khi nào bà hàng bơ đi qua, con sẽ trả bà ta tám xu. Mẹ cứ yên tâm, mọi việc đâu sẽ vào đấy cả.

- Tốt lắm, con ạ, - bác hàng củi trả lời, - con nhớ hết cả mọi việc! Tội nghiệp con tôi!

Coretti chỉ cho tôi xem một cái khung nhỏ có lồng ảnh của bố cậu mặc quân phục, ngực lấp lánh chiếc Huân chương quân công, ông được tặng năm 1866 khi đang ở trung đoàn của thái tử Umberto[16]. Trông khuôn mặt giống hệt bạn Coretti của tôi, đôi mắt lanh lợi, nụ cười yêu đời.

Chúng tôi trở lại gian nhà bếp

- À, mình tìm ra rồi! - Coretti nói, và chạy đến chỗ quyển vở, viết thêm vào *"Người ta cũng dùng để làm yên cương ngựa"*. - Phần còn lại, mình sẽ làm nốt tối nay, mình sẽ thức khuya một chút! Cậu sướng thật, Enrico ạ, có thì giờ học tập, lại có thì giờ chơi…

Vẫn vui vẻ và nhanh nhẹn, Coretti dẫn tôi ra cửa hàng; cậu đặt những khúc gỗ trên cái giá, lấy cưa xẻ ra làm đôi, vừa làm vừa bảo tôi:

- Này, môn thể dục này khỏe hơn cái động tác đẩy tay ra đằng trước nhiều! Mình muốn khi bố mình về thì đống gỗ này đã cưa xong, và bố mình sẽ hài lòng lắm! Chỉ khốn nỗi là sau khi cưa xong mình viết những chữ t và i cứ ngoằn ngoèo như rắn bò, thầy giáo bảo thế. Biết làm sao được? Mình sẽ thưa thật với thầy: "Con phải vận động hai cánh tay luôn và các ngón tay phải bị ảnh hưởng". Điều cốt yếu là làm sao cho mẹ mình chóng khỏi, và ơn Chúa, hôm nay mẹ mình đã khá nhiều. Còn bài ngữ pháp thì sáng mai mình sẽ dậy học sớm. Kìa, xe than đã về đấy. Nào, bắt tay vào việc thôi!

Một chiếc xe chất đầy những bao đen sì đỗ trước cửa hàng. Coretti chạy ra nói chuyện với người đánh xe, rồi trở vào.

- Giờ thì mình không thể giữ cậu lại nữa đâu, - Coretti bảo tôi, - mai nhé, và cám ơn cậu đã đến thăm mình! Chúc cậu đi dạo chơi vui vẻ, Enrico sung sướng ạ!

Và siết tay tôi xong, Coretti chạy ra nhấc bao than đầu tiên đặt lên lưng,

vác vào, rồi cứ thế thoăn thoắt chạy từ cửa hàng ra chiếc xe, từ chiếc xe vào cửa hàng sắc mặt tươi tắn dưới cái mũ nồi bằng da mèo và luôn luôn nhanh nhẹn, vui vẻ, khẩn trương đến nỗi ai trông thấy cũng phải thích.

"Enrico sung sướng!" cậu bảo tôi như vậy. Ồ, không Coretti ạ, không, bạn sung sướng hơn tôi; bạn vừa học, bạn vừa làm, bạn giúp ích cho bố mẹ nhiều hơn tôi, bạn can đảm hơn tôi; và trăm lần tốt hơn tôi, bạn thân mến của tôi ạ!

Thầy hiệu trưởng

Thứ sáu 18

Sáng nay, Coretti rất vui lòng, vì thầy giáo lớp hai cũ của cậu, thầy Coatti, đến coi kỳ thi hàng tháng của cậu. Thầy Coatti người cao lớn, tóc quăn, đôi mắt âm u và tiếng nói oang oang. Thầy luôn luôn dọa phạt học trò, dọa cả đưa đi tù; nhưng thầy không phạt ai bao giờ và cười trong chòm râu khi thấy học trò sợ. Trường thị xã của chúng tôi có tám thầy giáo, kể cả thầy phụ giáo, nhỏ nhắn và không có râu, nom còn trẻ măng.

Còn thầy hiệu trưởng của chúng tôi, thì người cao lớn, hói đầu, đeo kính gọng vàng, và có bộ râu hoa râm dài xuống tận ngực; chiếc áo chẽn lúc nào cũng cài khuy rất đứng đắn đến tận cằm và người ta trông là biết ngay thầy rất hiền đối với bọn trẻ. Mỗi khi học sinh bị gọi lên để nhắc nhở điều gì, run sợ bước vào văn phòng của thầy thì thầy không hề rầy la, thầy nắm lấy tay học trò, dịu dàng khuyến khích; giảng giải cho họ phải cư xử như thế nào; và thường thường thì học sinh đều hối hận vì lỗi lầm của mình và sẽ không mắc lại nữa. Cuối cùng thầy nói với họ vẻ hiền hậu hết sức và giọng thuyết phục vô cùng, đến nỗi ra khỏi phòng của thầy, học sinh đều rơm rớm nước mắt, và hổ thẹn hơn là bị phạt. Thầy hiệu trưởng tốt biết bao! Thầy bao giờ cũng là người đến trường sớm nhất và là người ở lại sau cùng; buổi sáng thầy đến đón học sinh và tiếp bố mẹ học sinh; buổi chiều khi tất cả các thầy giáo, cô giáo đều ra về cả rồi, thầy còn đi kiểm tra quanh trường xem có học trò nào bị tai nạn xe cộ gì không, có đánh nhau ngoài phố không, hoặc có lấy cất, đá đút đầy cặp sách để ném vào đầu nhau không.

Mỗi khi thoáng bóng thầy hiện ra ở một chỗ ngoặt đầu phố, thì người ta thấy lũ trẻ chạy trốn, bỏ ngay cả chơi bi, chơi nút chai. Thầy hiệu trưởng phúc hậu giơ ngón tay dọa từ đằng xa, nhưng vẻ mặt hiền từ và đượm buồn của thầy thì lại hứa trước sự khoan hồng.

Mẹ có nói cho tôi biết là không ai thấy thầy cười từ khi thầy mất người con trai, một thanh niên tình nguyện tòng quân mà tấm ảnh để luôn luôn trên bàn hiệu trưởng của thầy. Ngay sau khi xảy ra sự bất hạnh ấy, thầy hiệu trưởng chúng tôi muốn xin nghỉ việc; thầy có viết đơn xin về hưu; nhưng rồi ngày này qua ngày khác, thầy cứ chần chừ không gửi đi, thầy thấy đau khổ khi phải từ biệt học sinh của thầy. Nhưng chiều hôm kia (lúc ấy bố ở trong phòng giấy của thầy), thầy có vẻ quả quyết gửi đi; bố ngỏ lời tiếc nhớ vì thấy thầy từ giã nhà trường thì bỗng một người bước vào. Ông ta đến xin cho con học. Thấy đứa bé, thầy hiệu trưởng bất giác có một cử chỉ ngạc nhiên, hết

nhìn cậu học trò mới, lại nhìn cái ảnh đặt trên bàn, thế rồi, kéo cậu học trò lại gần mình, thầy nhìn thẳng vào mặt cậu.

Cậu bé ấy giống một cách lạ lùng người con trai mà thầy đã mất. Thầy hiệu trưởng ghi tên người học trò mới, tiễn hai bố con về, không quên đưa tay xoa cái đầu tóc đen của cậu bé, rồi trở lại ngồi vào bàn giấy, nghĩ ngợi.

- Quả là một sự thiệt thòi lớn nếu thầy muốn bỏ việc điều khiển nhà trường! - bố nhắc lại, tiếp tục câu chuyện đang bỏ dở.

Nghe câu ấy, hình như thầy hiệu trưởng sực tỉnh ra khỏi sự suy nghĩ, thầy cầm lá đơn xin từ chức xé đi và nói:

- Tôi ở lại.

Những người lính

Thứ ba 22

Anh con trai thầy hiệu trưởng là quân chí nguyện khi anh hy sinh. Vì vậy mà người cha đáng thương thường đến quảng trường Corso, mỗi khi chúng tôi tan học, để xem quân lính diễu qua. Hôm qua, một trung đoàn bộ binh diễu qua. Độ năm chục đứa trẻ nhảy nhót quanh đội nhạc binh, lấy thước kẻ đánh nhịp vào cặp sách. Chúng tôi thì đứng thành nhóm trên lề đường. Garrone bó người trong bộ áo quá chật, ngoạm vào một miếng bánh mì to tướng; Votini lúc nào cũng ăn mặc lịch sự và chải chuốt, đứng cạnh Precossi, con ông thợ chữa khóa, mặc áo dài của cha, cậu bé người Calabria, cậu bé thợ nề, Crossi tóc đỏ, Franti vẻ trâng tráo, Robetti con trai ông đại úy pháo binh (cái cậu đã cứu sống đứa bé dưới bánh xe ngựa và bây giờ phải chống nạng) tất cả chúng tôi đều ở đấy để xem quân lính diễu qua. Thấy một người lính đi khập khiễng, Franti liền cười. Nó liền thấy một bàn tay đặt lên vai nó. Franti quay lại và trông thấy thầy hiệu trưởng của chúng tôi.

- Này, Franti, chế giễu một người lính đang ở trong đội ngũ và không thể đáp lại, cũng không thể tự vệ, thế khác nào chửi một người đang bị trói, như thế gọi là hèn nhát!

Franti liền lỉnh mất.

Quân lính đi qua, xếp hàng bốn, nhễ nhại mồ hôi và đầy những bụi, súng ống lấp lánh dưới ánh mặt trời.

Thầy hiệu trưởng nói với chúng tôi: “Phải yêu những quân nhân, các con ạ, đó là những người bảo vệ chúng ta. Ngày mai họ sẽ ra trận, hy sinh vì chúng ta, nếu có một đạo quân nước ngoài đe dọa lãnh thổ của ta. Chính họ cũng là những cậu bé! Họ chỉ hơn các con vài tuổi thôi; họ cũng đang đi học, học trong trung đoàn; và họ cũng như chúng ta, là người từ khắp tất cả các miền của nước Ý đến. Nhìn xem, người ta có thể nhận ra gần đúng dáng người của họ: nào người Sicilia, người Sardegna, người Napoli, người Lombardia. Trung đoàn này là một trung đoàn đã lâu năm, đã chiến đấu từ năm 1848[17], tuy không còn là những chiến sĩ ngày ấy nữa, nhưng vẫn là lá cờ ấy! Biết bao nhiêu người đã chết vì đất nước quanh lá cờ này, hai mươi năm trước khi các con ra đời!

- Lá cờ đây! - Garrone nói.

Quả thật, người ta thấy lá cờ đỏ, trắng và lục phất phới trên đầu các chiến

sĩ. Thầy hiệu trưởng lại nói:

- Nào, các con, hãy tỏ lòng kính mến quân đội đi, các con hãy chào theo cách chào của học sinh, đưa tay lên trán, khi ba màu cờ đi qua!

Lá cờ, do một sĩ quan vác, đi qua trước mặt chúng tôi, đã sờn và rách nát, một chiếc huân chương dính ở cán cờ. Tất cả chúng tôi cùng một lúc đưa tay lên trán chào. Người sĩ quan nhìn chúng tôi mỉm cười, và chào lại chúng tôi theo kiểu nhà binh.

“Hoan hô, các con!”, một giọng nói phía đằng sau chúng tôi. Quay lại, chúng tôi thấy một cụ già, ve áo dài đeo tấm huân chương. Đó là một sĩ quan hưu trí, - “Hoan hô, các con, - cụ lại nói - các con làm thế là tốt! Kẻ nào lúc bé tôn trọng lá cờ lớn lên sẽ biết bảo vệ lá cờ!”

Và trong lúc con người trung hậu ấy nói thì lá cờ của trung đoàn phất phới bay ở đấy, trên quảng trường Coocxô, chung quanh là một đám trẻ con vui vẻ reo hò nhịp theo điệu quân nhạc.

Người bảo vệ Nelli

Thứ tư 23

Hôm qua, Nelli cũng đi xem quân đội diễu hành. Là một đứa bé gù lưng tội nghiệp, Nelli có vẻ buồn, và tự nhủ: “Mình sẽ không bao giờ được đi bộ đội!”. Cậu bé đáng thương ấy rất chăm học, nhưng thân hình gầy gò và xanh xao đến nỗi được một lát là mệt hết hơi. Mẹ cậu là một bà tóc vàng, mặc quần áo đen, hàng ngày đến đón con vào giờ tan học, để con khỏi phải bị đám đông xô đẩy. Cứ xem cách bà vuốt ve con! Những ngày đầu, học trò chế nhạo Nelli, lấy cặp sách thúc vào lưng nó, nhưng nó không bao giờ chống lại, và cũng không cho mẹ biết; nó muốn tránh đừng để mẹ buồn vì con mình bị chúng bạn hành hạ. Người ta chế nhạo Nelli, và đứa bé đáng thương chỉ khóc thầm, đầu gục trên mặt bàn.

Một hôm, Garrone can thiệp và bảo đám học trò: “Ai đụng đến Nelli thì sẽ lôi thôi với tớ; tớ sẽ giã cho một trận cạch đến già”. Franti không thèm đếm xỉa gì đến sự đe dọa của Garrone, và đã bị ăn trận đòn ấy, một trận đấm đá làm cho hắn ta lăn quay ba vòng. Từ đó không còn ai làm cho Nelli phải lo ngại nữa. Thầy Perboni đã xếp Garrone ngồi một bàn với Nelli và hai cậu đã thành đôi bạn thân. Nelli rất hâm mộ Garrone. Bước vào lớp là đưa mắt tìm xem có Garrone không. Ra về không bao giờ quên chào tạm biệt, và Garrone cũng làm như vậy. Khi Nelli đánh rơi ngòi bút hay quyển sách xuống dưới ghế, Garrone liền cúi xuống nhặt lên ngay cho, sợ bạn phải khó nhọc; còn giúp bạn xếp sách vào cặp và mặc áo choàng. Vì vậy Nelli rất yêu Garrone, và rất vui mừng mỗi khi Garrone được thầy giáo khen. Người ta tưởng như chính là Nelli được khen vậy! Tôi chắc là Nelli đã kể hết cho mẹ cậu: những sự trêu chọc trong những ngày đầu, và việc can thiệp của Garrone, vì sáng nay đã xảy ra việc như sau:

Thầy Perboni bảo tôi đưa lên cho thầy hiệu trưởng bản chương trình học tập, khoảng nửa giờ trước khi tan lớp; tôi đang ở đó thì bà mẹ Nelli bước vào. Bà hỏi thầy hiệu trưởng:

- Thưa thầy, trong lớp của con tôi có một học sinh tên là Garrone phải không ạ ? - bà ta hỏi thầy hiệu trưởng.

- Thưa bà, có đấy ạ.

- Xin thầy làm ơn cho gọi cậu ấy đến đây một lát. Tôi muốn nói với cậu ấy mấy lời.

Thầy hiệu trưởng bấm chuông cho người gác cổng vào, và bảo đi gọi

Garrone. Sau một phút thì Garrone đến, vẻ ngạc nhiên vì thầy hiệu trưởng gọi mình.

Vừa thấy cậu bé to lớn ấy, bà Nelli liền chạy lại ôm lấy đầu cậu và hôn luôn mấy cái liền.

- Chính cháu là Garrone, bạn thân của con cô, người che chở cho đứa con tội nghiệp của cô, phải không, cháu thân yêu?

Rồi tháo ở cổ mình ra một sợi dây chuyền vàng có buộc một cái thánh giá, bà đeo vào cổ Garrone và nói:

- Hãy giữ lấy vật kỷ niệm nhỏ này, cháu thân yêu, nhận nó từ tay một người mẹ đã cầu phúc cho cháu và biết ơn cháu.

Người đầu lớp

Thứ sáu 25

Garrone chinh phục tất cả mọi tấm lòng, thì Derossi chinh phục tất cả các điểm tốt. Derossi đã được huy chương thứ nhất; và năm nay rồi cậu lại sẽ đứng đầu lớp nữa. Chẳng có ai địch nổi cậu, người ta phải công nhận cậu trội hẳn về tất cả mọi môn học. Nhất về toán, về ngữ pháp, về tập làm văn, về vẽ; cậu hiểu mọi bài một cách dễ dàng vô cùng và có một trí nhớ đáng kinh ngạc. Lúc nào cậu cũng đạt kết quả tốt mà chẳng phải cố gắng gì cả, và hình như việc học đối với cậu chỉ là một trò chơi. Hôm qua thầy giáo còn bảo cậu: "Thiên tư của con rất lớn; cố gắng đừng hoang phí một cách vô ích".

Thực ra cũng không thể nào mà không đố kỵ với cậu được, khi mà người ta tự thấy mình kém cậu về mọi mặt. Ôi, tôi cũng như Votini, tôi cũng sinh lòng đố kỵ đối với Derossi! Tôi thấy cay đắng, gần như cay cú; khi tôi ở nhà làm bài, tôi nghĩ rằng Derossi chắc đã làm xong bài dễ dàng và chẳng chút sai nào cả; thế nhưng, khi đến lớp, trông thấy bạn tôi tươi cười, đẹp trai và đắc thắng, khi nghe cậu trả lời những câu hỏi của thầy giáo, những câu trả lời lúc nào cũng rõ ràng, chính xác, thì tự nhiên tất cả nỗi cay đắng, tất cả lòng cay cú đều tiêu tan hết; và tôi tự lấy làm xấu hổ vì đã có những nỗi lòng ti tiện ấy!

Tôi muốn luôn được ở cạnh Derossi, cùng được học tất cả các lớp với cậu; vì sự có mặt của cậu đem cho tôi lòng can đảm và ham học; nhiệt tình của cậu đã chia sẻ sang cho tôi. Mai, thầy Perboni sẽ đọc cho chúng tôi nghe truyện hàng tháng mà thầy đã đưa cho Derossi chép, truyện nhan đề *Cậu bé trinh sát người Lombard*. Sáng nay, chép sự tích anh hùng ấy, Derossi rơm rớm nước mắt và run run đôi môi. Tôi nhìn cậu và tôi rất sung sướng nếu có thể nói với cậu rằng: "Derossi ạ, cậu hơn tôi nhiều, cậu là một người lớn so với Enrico bé nhỏ. Enrico kính trọng cậu và muốn noi gương cậu".

Cậu bé trinh sát người Lombard[18]

(Truyện đọc hàng tháng)

Thứ bảy 26

Bấy giờ là năm 1859, trong cuộc chiến tranh giải phóng xứ Lombardia, vài ngày sau trận Solferino và San Martino, mà quân Pháp và quân Ý đã chiến thắng quân Áo[19].

Một buổi sáng tháng sáu đẹp trời, một trung đội ky binh Saluzzo đi bước một về phía quân địch trên con đường nhỏ vắng vẻ, trinh sát cánh đồng một cách kỹ lưỡng. Đội ky binh do một sĩ quan và một hạ sĩ chỉ huy; họ nhìn xa ra phía trước, im lặng, sẵn sàng nhận ra ngay những bộ quân phục màu trắng của các đội tiền vệ quân thù xuất hiện. Cứ thế, họ đi đến một ngôi nhà con con kiểu thôn quê, xung quanh trồng toàn cây tần bì; trước nhà có một cậu bé độ mười hai tuổi đang cầm dao róc vỏ một cành tần bì để làm cái gậy. Trước cửa sổ treo một lá cờ to ba màu; trong nhà chẳng còn một bóng người. Những người nông dân treo cờ lên rồi trốn đi vì sợ quân Áo. Trông thấy toán ky binh, cậu bé liền ném gậy xuống đất, và cất mũ lưỡi trai chào. Cậu bé khôi ngô, tóc bạch kim, vẻ mặt bạo dạn, đôi mắt to xanh. Cậu mặc sơ mi và giữa hai tà áo lộ ra bộ ngực trần.

- Cậu làm gì ở đây? - người sĩ quan dừng ngựa lại hỏi: - Sao không trốn đi với gia đình?

- Cháu không có gia đình, - cậu bé trả lời, - cháu là con rơi. Cháu làm cho ai muốn thuê. Cháu ở lại đây để xem đánh nhau.

- Cậu có thấy quân Áo đi qua đây không?

- Không, từ ba hôm nay chẳng thấy gì hết. - Viên sĩ quan làm thinh một lát, rồi xuống ngựa. Cho lính đứng quay mặt về phía quân địch, viên sĩ quan vào nhà và trèo lên mái. Nhưng ngôi nhà thấp, từ trên mái người ta chỉ nhìn thấy được một khoảng nhỏ của cánh đồng.

“Phải trèo lên cây mới được”, viên sĩ quan vừa tụt xuống vừa nói.

Ngay trước lối vào nhà, có một cây tần bì cao chót vót, ngọn cây đu đưa trên nền trời xanh. Viên sĩ quan suy nghĩ, nhìn cái cây, lại nhìn những người lính, rồi đột nhiên hỏi cậu bé:

- Mắt cậu có tinh không?

- Cháu ấy à, cháu có thể nhìn thấy một con chim cách xa nghìn bước.

- Cậu có thể trèo lên tới ngọn cây này không?

- Trèo lên trên cây này à? Cháu chỉ cần hai phút thôi.

- Và cậu có thể cho tôi biết những gì cậu sẽ trông thấy từ trên ấy: có lính Áo ở phía nào, có bụi tung lên, có ngựa hay có súng lấp lánh không?

- Chắc chắn, cháu có thể báo cho bác.

- Giúp tôi việc ấy cậu muốn trả công cái gì nào?

- Cháu muốn ấy à, - cậu bé vừa cười, vừa trả lời, - chẳng muốn gì hết… Chết chửa. Nếu làm cho bọn Áo thì bất kỳ giá nào cháu cũng không… nhưng với quân ta thì… Cháu là người Lombard mà…

- Tốt lắm, thế thì trèo lên !

- Hãy hượm, để cháu cởi giày đã.

Cậu bé bỏ giày ra, thắt chặt dây lưng quần, ném cái mũ xuống cỏ và ôm quàng lấy thân cây.

"Cẩn thận !" Viên sĩ quan kêu lên, hình như bỗng nhiên lo sợ.

Cậu bé quay lại, đôi mắt xanh nhìn viên sĩ quan như muốn thầm hỏi gì.

- Chẳng có gì đâu, - viên sĩ quan nói, - cứ leo đi…

Cậu bé leo thoăn thoắt như một con mèo.

Chỉ phút chốc cậu đã đến tận ngọn cây cao chót vót, đôi chân mất hút trong tán lá, nhưng để lộ cả đầu và ngực. Mặt trời chiếu vào, đầu tóc bạch kim của cậu như lấp lánh ánh vàng. Viên sĩ quan chỉ hơi thấy cậu thôi, vì ở trên cao người cậu bé tí.

- Nhìn thẳng phía trước, và nhìn xa coi! - Viên sĩ quan gào to.

Để nhìn cho rõ, cậu bé buông tay phải đang vịn vào cành cây, đưa lên che trước mắt.

- Thấy gì không? - viên sĩ quan hỏi.

Cậu bé nghiêng mình xuống phía viên sĩ quan, lấy bàn tay làm loa đáp:

- Có hai người cưỡi ngựa trên đường cái.

- Cách đây bao xa?

- Cách một nghìn hoặc một nghìn hai trăm bước,

- Chúng nó đi đến à?

- Chúng nó đang đứng lại.

- Còn thấy gì nữa không? - viên sĩ quan lại hỏi sau một lúc im lặng. - Hãy nhìn sang phía bên phải.

Cậu bé nhìn về bên phải, rồi nói:

- Gần nghĩa địa, giữa các thân cây có vật gì óng ánh, hình như lưỡi lê.

- Có thấy người không?

- Không, chúng đều nấp trong lúa mì.

Đúng lúc ấy, một tiếng đạn bay, rít lên trên không, rồi tắt đi rất xa ở phía sau mái nhà.

- Xuống đi! - viên sĩ quan thét lên - chúng nó trông thấy đấy, tôi không muốn biết thêm gì nữa đâu, xuống!…

- Cháu không sợ đâu, - cậu bé trả lời.

- Xuống… Tôi bảo xuống!

- Hượm tí! Kìa kìa, phía bên trái cháu thấy… Cậu bé bị ngắt lời vì một tiếng đạn rít khác bay qua, thấp hơn tiếng trước. Cậu rùng mình, thốt lên: “Bọn Áo quỷ sứ! Chúng nó kiếm chuyện với mình chắc?”

Viên đạn đã rít ngay bên tai cậu.

- Xuống ngay lập tức! - Viên sĩ quan thét lên, giọng ra lệnh và bực tức.

- Cháu xuống đây, - cậu bé trả lời - có cây che, cứ yên trí. Bác có muốn biết phía bên trái có gì không.

- Không! - Viên sĩ quan đáp, - không cần, xuống đi!

- Phía bên trái, - cậu bé gào to và nghiêng nửa người về phía ấy, - hình như cạnh nhà thờ, thấy có…

Một viên đạn thứ ba lại rít lên trên ngọn cây và ngay đó cậu bé ngã nhào, tay cố bíu vào thân cây và cành cây, rồi rơi, đầu lộn xuống phía đất, hai tay dang rộng…

“Chết chửa!” viên sĩ quan vừa kêu lên vừa chạy tới. Cậu bé ngã ngửa xuống, nằm sóng xoài trên mặt đất, hai cánh tay chéo vào nhau. Một tia máu từ trong ngực chảy ra. Viên hạ sĩ và hai người lính xuống ngựa, trong khi viên sĩ quan cúi xuống cởi phanh áo sơ mi cậu bé ra. Viên đạn đã vào trong phổi bên trái của cậu. “Chết rồi”, viên sĩ quan kêu lên.

- Không, còn sống, - viên hạ sĩ nói.

- Ôi! Thương thay cậu bé dũng cảm! - Viên sĩ quan nói. - Dũng cảm, dũng cảm lên!

Trong khi viên sĩ quan nói và thấm khăn tay lên vết thương của cậu bé, thì cậu mở mắt ra, đôi mắt to lạ thường, nhưng tròng mắt đã đứng, và đầu cậu gục xuống bất động. Cậu đã chết.

Viên sĩ quan mặt tái đi, nhìn cậu bé đang nằm trên bãi cỏ một hồi. Rồi đứng dậy, rồi quay lại nhìn nữa, trong khi mấy người lính đứng im lặng bên cạnh ông ta. Những người lính khác thì quay mặt về phía quân thù.

"Tội nghiệp cậu bé! - Viên sĩ quan buồn rầu nhắc lại, - Tội nghiệp cậu bé dũng cảm!" Đến gần ngôi nhà, viên sĩ quan tháo lá cờ ba màu ở cửa sổ ra phủ lên mình cậu bé như một tấm vải liệm, chỉ để chừa khuôn mặt. Viên hạ sĩ nhặt đôi giày, cái mũ, cây gậy đang làm dở, con dao của cậu, đem để bên cạnh cậu…

Viên sĩ quan im lặng một lúc, rồi quay lại nói với viên hạ sĩ:

Ta hãy đi gọi đội quân y dã chiến đến. Cậu bé đã hy sinh như một quân nhân, phải để quân đội mai táng.

Nói xong, viên sĩ quan giơ tay gửi một cái hôn đến cậu bé quá cố, và ra lệnh "Lên ngựa!"

Quân lính lên ngựa, và trung đội tiếp tục hành quân.

Vài giờ sau, cậu bé được khâm liệm theo nghi thức trọng thể của quân đội.

Lúc mặt trời lặn, toàn thể tuyến tiền tiêu của quân Ý tiến thẳng về phía quân địch.

Trên con đường sáng hôm ấy kỵ binh đi qua, tiến lên theo hai hàng, một tiểu đoàn pháo thủ mà mấy hôm trước đã anh dũng đổ máu ở trận San Martino.

Tin chú bé chết đã truyền đi trong hàng ngũ trước khi quân sĩ rời doanh trại lên đường. Khi các sĩ quan dẫn đầu tiểu đoàn trông thấy thi hài nhỏ bé nằm dưới gốc cây tần bì, quấn trong lá cờ ba màu, thì họ tuốt gươm chào, và một người trong bọn họ cúi xuống bờ suối gần đó, hái hoa rắc lên mình cậu bé. Thế là tất cả các pháo thủ lần lượt đi qua, đều làm theo cấp chỉ huy của họ, và rắc hoa lên cậu bé. Chỉ trong mấy phút, mình cậu đã đầy hoa. Sĩ quan và quân lính đi qua đều chào: "Anh dũng, cậu bé xứ Lombardia! - Vĩnh biệt cậu bé thân yêu! - Xin tặng, cậu bé tóc vàng đáng thương! - Cậu quả là anh dũng! Vinh quang thuộc về cậu, em bé ạ! - Vĩnh biệt!".

Một sĩ quan rút Huân chương Quân công của mình để tặng cậu, một sĩ quan khác đặt một cái hôn lên trán cậu, và hôn cứ tiếp tục rơi như mưa xuống đôi chân để trần, xuống bộ ngực đầy máu, xuống mái đầu bạch kim của cậu bé đang yên nghỉ, nằm trong lá cờ. Nét mặt của cậu như đang mỉm cười, tưởng như nghe những lời chào vĩnh biệt, cậu bé anh dũng thấy sung sướng và tự hào vì đã hiến đời mình cho xứ Lombardia thân yêu của mình.

Những người nghèo khổ

(thư của mẹ)

Thứ ba 29

"Hy sinh tính mạng cho đất nước, như cậu bé xứ Lombardia, là một đức hạnh lớn; nhưng còn những đức hạnh khác cũng không nên bỏ qua, con ạ. Sáng nay, ở trường về, đi trước mẹ mấy bước, con đi qua mặt một người đàn bà đáng thương đang bế trên tay một đứa bé xanh xao và ốm yếu; người ấy xin con tiền. Con nhìn bà ta, và con không cho gì hết, dù trong túi con có tiền. Nghe mẹ bảo con ạ, đừng quen thói dửng dưng đi qua trước người nghèo khổ ngửa tay xin mình giúp đỡ và hơn nữa trước một người mẹ xin một xu cho con mình. Con hãy nghĩ rằng có thể đứa bé con ấy đang đói, hãy nghĩ đến những lời nói khắc khoải của người đàn bà đáng thương! Con có tưởng tượng ra những lời nức nở tuyệt vọng mà mẹ con sẽ phải nói với con ngày nào đấy: "Enrico, mẹ không có bánh mì cho con". Khi mẹ giúp đỡ một người nghèo, người ta cám ơn mẹ bằng cách chúc cho mẹ và người thân thích của mẹ đều được sức khỏe dồi dào.

"Con không thể biết là những lời ấy đối với mẹ dịu dàng biết bao nhiêu, và mẹ biết ơn đến ngần nào người nghèo khổ đã nói với mẹ! Đối với mẹ hình như lời cầu chúc ấy phải bảo vệ cho tất cả những người thân yêu của mẹ, và mẹ về nhà càng vui lòng hơn và tự nhủ: "Người nghèo khổ này đã trả lại cho mình nhiều hơn mình đã cho họ nhiều".

"Hãy tin lời mẹ, Enrico của mẹ ạ, thỉnh thoảng con phải trích ra một đồng từ túi tiền của con để nó rơi vào tay một cụ già không nơi nương tựa, một bà mẹ không có bánh ăn, một đứa trẻ không có mẹ. Người nghèo khổ thích trẻ con cứu giúp, vì không phải tủi nhục, vì tuổi trẻ giống như họ, cũng cần đến tất cả mọi người. Con có để ý thấy lúc nào cũng có những người nghèo khổ quanh quất gần trường học phải không? Sự giúp đỡ của một người lớn là một hành vi từ thiện, nhưng của một đứa trẻ vừa là một hành vi từ thiện, lại là một sự vuốt ve, con có hiểu không? Cũng dường như từ tay đứa trẻ bỏ xuống cùng một lúc, một đồng hào và một bó hoa. Con hãy nghĩ rằng con chẳng thiếu thốn gì hết, và người nghèo khổ thì thiếu thốn tất cả mọi thứ, trong lúc con ước mong được sung sướng, thì họ chỉ cầu xin được khỏi chết. Thật là buồn khi nghĩ rằng giữa bao nhiêu nhà giàu có, ngoài phố xá qua lại bao nhiêu là xe cộ và trẻ em mặc toàn quần áo nhung, lại có những đàn bà và trẻ em không có gì mà ăn cả. Không có gì mà ăn cả. Ôi! Enrico, từ nay về sau đừng có bao giờ đi qua trước một bà mẹ xin cứu giúp

mà không đặt vào tay bà một đồng hào!

Mẹ của con".

THÁNG MƯỜI HAI

Anh chàng kinh doanh

Thứ năm 1

Bố muốn rằng, mỗi ngày nghỉ tôi mời một bạn cùng lớp đến nhà chơi, hay là tôi đến chơi nhà bạn, để dần dần kết được nhiều bạn thân.

Chúa nhật, tôi sẽ đi dạo chơi với Votini, cái cậu lúc nào cũng ăn mặc chải chuốt. Hôm nay tôi gặp Garoffi, cậu cao, gầy, mũi khoằm như cái gọng kìm, đôi mắt ti hí, sục sạo khắp nơi. Cậu ta là con một ông bán dược phẩm. Thật là một anh chàng kỳ quặc đến buồn cười, cái cậu Garoffi ấy! Cậu ta lúc nào cũng đếm số tiền trong túi áo mình; tính trên các đốt ngón tay hết sức nhanh và làm bất cứ con tính nhân nào cũng không cần phải tra bảng cửu chương. Cậu để dành tất cả những đồng xu có được, và đã có một quyển sổ ở quỹ tiết kiệm. Nhỡ một đồng xu từ túi cậu rơi xuống gầm ghế, thì cậu ta có thể tìm suốt mấy giờ liền cho kỳ được. Cậu ta làm như con chim chìa vôi, Derossi nói như vậy; cậu nhặt nhạnh bất cứ cái gì: ngòi bút cùn, tem đã đóng dấu, kim găm, vỏ hộp không v.v… Đã hơn hai năm nay, cậu sưu tầm tem gửi thư; cậu có hàng trăm cái tem của tất cả các nước, dán vào một quyển album to mà chắc chắn là cậu sẽ đem bán cho một hiệu sách, khi bộ sưu tập đã đầy đủ. Trong khi chờ đợi, người chủ hiệu sách vẫn cho không Garoffi nhiều quyển vở, vì Garoffi đã đưa nhiều trẻ con đến mua ở hiệu ấy. Ở trường, cậu luôn luôn làm cái việc mà cậu gọi là kinh doanh: đổi chác, mua bán, xổ số. Có khi cậu tiếc là đã đổi hớ cái gì đó và đòi lại, mua hai xu cậu bán lại bốn xu, và cậu bán báo cũ cho bà hàng thuốc lá. Tất cả những vụ kinh doanh, cậu đều ghi vào một cuốn sổ tay nhỏ; nhìn vào chỉ thấy toàn những con số những con tính cộng hay trừ. Ở trường cậu chỉ học tính; và cậu muốn được huy chương học giỏi là cũng chỉ vì có huy chương ấy thì được đi xem múa rối không mất tiền ở cái rạp nhỏ. Cái cậu Garoffi này làm cho tôi vừa thích thú vừa vui. Chúng tôi cùng chơi trò mua bán, có cả bàn cân và quả cân. Cậu ta biết giá cả của tất cả mọi thứ, biết các quả cân, và gấp giấy gói hàng nhanh bằng một người bán đường, bán cà phê. Học xong, ra đời là cậu sẽ mở ngay cửa hiệu, buôn bán theo một cách mới do cậu ta nghĩ ra cho mà xem. Garoffi rất thích vì tôi cho cậu những con tem nước ngoài để làm bộ sưu tập, và nói cho tôi biết giá của từng con tem, nói chỉ sai độ một xu thôi. Bố tôi cứ vờ đọc báo để nghe cậu nói và lấy làm thích lắm. Các túi của Garoffi lúc nào cũng đầy những món hàng nho nhỏ mà cậu ta bọc trong một phong giấy đen to. Cậu có vẻ suy nghĩ và bận rộn như những tay lái buôn. Nhưng cái mà cậu lưu tâm hơn cả là bộ sưu tập tem. Đó là kho bảo vật của cậu, lúc nào cũng nói đến như là nó sẽ đem lại cho cậu một gia sản lớn. Các bạn học cho cậu là

đồ bủn xỉn, đồ trục lợi. Tôi thì tôi không đồng ý với họ; tôi rất mến cậu vì cậu dạy cho tôi biết nhiều điều lắm; đối với tôi, cậu như thể một người lớn; Coretti, con bác bán củi, thì lại quả quyết rằng dù bỏ những con tem của mình ra để cứu lấy tính mạng của mẹ cậu ta, Garoffi cũng không làm; còn bố thì bảo tôi: “Đừng nên vội đánh giá bạn, hãy chờ xem”. Thật ra, tính ham mua bán có thể không ngăn trở cậu ấy có lòng tốt.

Tính khoe khoang

Thứ hai 5

Hôm qua tôi đi dạo chơi với Votini và bố cậu ấy. Đi qua phố Dora Grossa, chúng tôi trông thấy Stardi đang lấy chân đá những bạn không may làm vướng nó. Nó đứng lại trước một hiệu bán sách, nhìn không rời mắt vào một bản đồ địa lý - vì ngay ở ngoài phố nó cũng học - và chỉ khẽ đáp lại lời chào của chúng tôi, thằng bé thật cục mịch! Votini ăn mặc hết sức sang trọng, có thể nói là quá sang trọng đối với một cậu con trai. Cậu ta đi một đôi giày cao cổ bằng da dê non viền đỏ, mặc cái áo thêu, khuyết viền bằng lụa, đội cái mũ dạ trắng và mang cái đồng hồ quả quýt bằng vàng. Cậu đi có vẻ hãnh diện!… Nhưng việc khoe khoang của cậu lần này lại không thành công. Sau khi chạy một hồi trên đường cái bỏ rất xa ông Votini đang đi thong thả ở đằng sau, chúng tôi dừng lại trước một cái ghế đá, cạnh một cậu bé ăn mặc giản dị, có vẻ mệt, và đang ngồi nghỉ, đầu cúi xuống. Một người lớn, cô lẽ là bố cậu bé, vừa đi đi lại lại vừa đọc báo dưới bóng cây. Chúng tôi ngồi xuống. Votini ngồi vào giữa cậu bé với tôi, và tìm cách làm cho cậu bé phải phục mình.

Giơ một chân lên, nó bảo tôi: “Cậu có thấy đôi giày sĩ quan của mình không”.

Tất nhiên Votini nói vậy là cốt để cho cậu bé kia nhìn đôi giày của nó; nhưng cậu này không hề để ý gì cả. Thế là nó bỏ chân xuống, chỉ cho tôi xem những nếp viền bằng lụa của nó và vừa liếc sang cậu bé bên cạnh, vừa bảo tôi rằng các thứ trang sức này không làm cho nó vừa lòng, và nó sẽ bảo thay bằng những cái khuy bằng bạc. Mất thì giờ vô ích! Cậu bé chẳng buồn ngước mắt lên nhìn Votini.

Anh chàng bên quay quay cái mũ dạ trắng đẹp của mình trên đầu ngón tay. Nhưng cậu bé hình như cố ý không thèm ngắm cái mũ làm gì.

Votini tức mình, rút đồng hồ ra, mở nắp và giơ cho tôi xem bộ máy. Cậu bé ngồi cạnh vẫn không hề để ý.

- Đồng hồ bạc mạ vàng à? - tôi hỏi.

- Không, vàng thật đấy, - Votini trả lời.

- Nhưng không phải toàn vàng cả đâu, - tôi nói, thế nào chẳng có bạc trong ấy…

- Không phải, mình đảm bảo với cậu như thế!

Rồi, để buộc cậu bé kia phải nhìn, Votini giơ cái đồng hồ ra ngay dưới mũi cậu và nói:

- Này, nhìn xem, có phải toàn vàng không nào?

- Tôi không biết, - cậu bé trả lời lạnh lùng.

- À! À! - Votini tức giận kêu lên, - rõ hợm mình chưa!

Vừa lúc ấy thì ông Votini đến và nghe câu nói của nó. Bác nhìn kỹ cậu bé ngồi cạnh chúng tôi và bỗng nhiên bảo con:

- Im đi! - Rồi ghé vào tai con, ông nói tiếp - Cậu bé đáng thương kia mù đấy!

Votini liền nhìn mặt cậu bé, thấy đôi tròng mắt đục lờ, không thần sắc.

Nó kinh ngạc, lặng cả người, mắt nhìn xuống đất và lắp bắp:

- Tôi rất tiếc… tôi không ngờ.

Cậu bé mù hiểu rõ tất cả, trả lời với một nụ cười hiền hậu và buồn buồn:

- Ồ! Chẳng sao đâu…

Thế đấy! Votini có thể làm hợm mình, nhưng cậu ấy không xấu bụng, vì suốt cả buổi đi chơi, cậu có vẻ suy nghĩ.

Tuyết đầu mùa

Thứ bảy 10

Thôi tạm biệt những cuộc dạo chơi! Đây rồi người bạn xinh đẹp của trẻ trẻ em đây rồi: Tuyết đã đến!…Từ chiều hôm qua, tuyết rơi dày, thành những mớ bông to, như những đóa hoa nhài. Sáng nay ở trường, nhìn tuyết đập vào cửa kính và chồng chất lên trên mái hiên, thích quá. Chính thầy giáo cũng nhìn và xoa xoa hai tay; và tất cả chúng tôi đều vui khi nghĩ đến những quả cầu tuyết, nghĩ đến nước sẽ đóng thành băng và đến ngọn lửa sưởi sẽ được đun lên trong nhà. Chỉ có Stardi mải học bài, hai nắm tay áo vào thái dương, là không để ý gì đến tuyết cả!

Tan học ra, vui chẳng khác gì ngày hội!

Tất cả mọi người đều vừa hét, vừa đổ ra phố lấy tay nhào tuyết, vẫy vùng trong tuyết như những con cún bị người ta vứt xuống nước. Những chiếc ô của các bố mẹ chờ con ngoài trời như được rắc đầy bột, chiếc mũ của bác cảnh vệ cũng trắng xóa, và những túi sách của chúng tôi chỉ loáng cái cũng trắng toát. Tất cả học trò đều vui mừng, cả đến Precossi, con bác thợ khóa, có nước da tai tái và không cười bao giờ, và Robetti, cậu đã cứu sống em bé dưới bánh xe ngựa, đang đi như nhảy lò cò trên đôi nạng. Cậu bé người Calabria chưa bao giờ thấy tuyết phủ mặt đất dày đến thế[20], đem nắm lại thành một nắm rồi ăn, chẳng khác nào ăn một quả đào, không hơn không kém. Crossi, con bác hàng rau quả, bốc tuyết nhét đầy túi sách; và cậu bé thợ nề cười to lên khi nghe bố tôi mời ngày mai đến nhà tôi chơi. Lúc ấy mồm cậu ta đầy những tuyết và không dám nhổ ra, cũng chẳng dám nuốt vào, cứ đứng đực ra, nhìn chúng tôi mà không làm sao trả lời được.

Các cô giáo cũng vui cười khi ra khỏi trường; cô giáo lớp một cũ của tôi, chính cô giáo bé nhỏ đáng thương, chạy qua những đám tuyết, và ho, tay cầm chiếc khăn voan màu lục che mặt.

Vừa lúc ấy, gần trăm trẻ em ở khu bên cạnh đi qua, vừa gào vừa phóng trên thảm tuyết trắng tinh. Các thầy giáo, các bác gác cổng và các bác cảnh vệ đều thét: "Về nhà đi, về nhà đi!". Tuy vậy, chính họ cũng không nhịn nổi cười trước cảnh học trò sổ lồng, đang vào hội mùa đông.

"Các con mừng hội mùa đông… - bố nói với tôi. Nhưng còn những trẻ em không có áo quần, cũng không có giày, cũng không có lửa sưởi! Có hàng nghìn trẻ em từ các làng xuống, đi rất xa, đôi bàn tay nứt nẻ đau điếng, mang

khúc củi để sưởi cho nhà trường[21]. Có đến hàng trăm trường học gần như bị vùi dưới tuyết, trống trải và tối om như những cái hang; ở đấy các trẻ em đều ngột ngạt vì khói và run cầm cập vì rét; các em đó nhìn mà khủng khiếp, những bong tuyết rơi không ngớt, cứ chồng chất không ngừng lên những túp lều xa vắng của các em và đe dọa đổ xuống cuốn phăng đi[22]. Cứ mừng mùa đông đến cũng tốt, các con ạ, nhưng hãy nghĩ đến hàng nghìn trẻ em mà mùa đông đem lại cho nhiều nỗi đau khổ”.

Cậu bé thợ nề
Chúa nhật 11

Cậu bé thợ nề hôm nay đến chơi nhà chúng tôi, mặc chiếc áo vét cắt lại từ cái áo cũ của bố và còn dính lại những vết vôi và thạch cao.

Bố muốn cậu ấy đến chơi còn hơn cả tôi nữa, và cậu đến làm cho chúng tôi rất thích. Vừa bước vào nhà cậu đã bỏ cái mũ lưỡi trai bị tuyết làm ướt sũng, và đút vào túi, rồi bước tới với cái dáng điệu chậm chạp của người thợ mệt nhọc, quay sang bên này lại sang bên kia cái mặt tròn như quả táo, với cái mũi tẹt. Khi vào trong phòng ăn, cậu ta liếc xem các đồ đạc, và chú ý nhìn bức chân dung của Rigoletto[23], người hề gù lưng, rồi làm ngay cái trò sứt môi với người trong tranh. Thật không thể nào nhịn cười được khi thấy cậu ta làm cái trò sứt môi.

Chúng tôi cùng nhau chơi trò xây dựng. Cậu bé thợ nề thân yêu ấy khéo léo lạ lùng khi dựng lên những ngọn tháp và những chiếc cầu đứng vững tựa hồ do một phép mầu nhiệm nào; cậu xây dựng các công trình ấy với vẻ nghiêm chỉnh và nhẫn nại của một người lớn bé nhỏ. Xây tháp này xong xây tháp khác, cậu nói chuyện với tôi về gia đình mình. Bố mẹ và cậu ở trên một cái gác xép: bố cậu theo học lớp ban đêm để biết đọc. Chắc bố mẹ cậu thương cậu lắm, điều đó thấy rõ ở chỗ quần áo của cậu tuy xấu, nhưng mặc rất ấm; người ta đã cẩn thận may lót rất dày, và cái cà vạt cậu đeo là do mẹ cậu tự tay thắt cho rất ngay ngắn. Cậu nói với tôi là bố cậu người rất cao lớn, gần như một ông khổng lồ, ra vào cửa rất khó khăn; nhưng rất hiền và lúc nào cũng gọi con là “thằng sứt môi”; còn cậu thì trái hẳn với bố, vóc người nhỏ nhắn.

Đến bốn giờ, chúng tôi được ăn chiều, ngồi trên ghế da dài; và khi chúng tôi ăn xong đứng dậy, không hiểu tại sao bố lại không muốn tôi phủi sạch vết vôi trắng mà cái áo của cậu bé thợ nề đã để đầy trên lưng ghế, bố giữ tay tôi lại, và mãi về sau mới tự mình phủi lấy một cách kín đáo. Trong khi chơi, cậu bé thợ nề đánh mất một chiếc khuy áo, mẹ trả lại cho cậu. Mặt đỏ như gấc, cậu chẳng nói chẳng rằng khi thấy mẹ khâu; cậu không dám thở vì quá lúng túng trước sự chăm sóc của mẹ đối với cậu. Tôi đưa cho cậu xem những quyển album sưu tầm những bức ký họa; thế là tự nhiên chẳng nghĩ đến, cậu liền bắt chước những nét nhăn nhó mặt mày vẽ trong tranh, tài đến nỗi bố phải bật cười.

Ngày hôm nay làm cho cậu bé thợ nề rất vui thích, đến nỗi ra về cậu

quên đội cái mũ lưỡi trai lên đầu. Đến giữa chừng cầu thang, và có lẽ để tỏ lòng cám ơn tôi, cậu lại làm cái môi sứt với tôi một lần nữa. Người ta gọi cậu là Antonio Rabucco, cậu lên tám tuổi và tám tháng…

"Con có biết tại sao bố không muốn con phủi cái ghế khi bạn con còn đấy không? - Bố hỏi tôi, - Bởi vì như vậy thì khác nào trách cậu ấy đã làm bẩn ghế. Và như thế là không tốt, vì không những bạn con không cố ý làm bẩn, mà lại còn do áo quần của bố cậu ấy đã bị dây vôi vào khi làm lụng. Những dấu vết của lao động bao giờ cũng đáng tôn trọng. Có thể đó là bụi bặm, là vôi vữa, là sơn dầu, hoặc là gì đi nữa, nhưng đó không phải là cái gì bẩn. Lao động không làm bẩn đâu. Đừng nên nói về một người thợ đi làm việc về rằng: "Bác ấy bẩn!". Con phải nói rằng: "Bác ấy mang trên áo những dấu vết lao động của bác". Con hãy nhớ lấy điều ấy, và phải hết lòng yêu mến cậu bé thợ nề, vì trước hết cậu ấy là bạn con, rồi sau nữa vì cậu ấy là con một người lao động".

Quả cầu tuyết
Thứ sáu 16

Tuyết rơi, rơi mãi!

Vừa xảy ra một việc đáng tiếc sáng nay lúc tan học, cũng vì tuyết! Một đám học sinh con trai, vừa ra đến quảng trường Corso là ném vào nhau những quả cầu nắm bằng các thứ tuyết ẩm, cứng và nặng như những hòn đá. Trên vỉa hè, đông người đi lại. Một ông kêu lên: "Thôi cái trò này đi, các cậu!".

Ngay lúc ấy, người ta nghe một tiếng thét to bên kia đường, và thấy một cụ già đang lảo đảo, hai tay đưa lên úp lấy mặt, và bên cạnh một em bé đang kêu: "Cứu với! Cứu với!"

Lập tức mọi người từ tứ phía đổ tới. Cụ già tội nghiệp bị một quả cầu tuyết đập trúng vào mắt. Bọn học sinh bỏ chạy hết. Tôi đang đứng trước cửa một hiệu sách, đợi bố vừa đi vào, và thấy vài bạn tôi chạy đến rồi dừng lại vờ nhìn vào tủ kính. Có Garrone với một mẩu bánh mì nhét trong túi áo, Coretti, cậu bé thợ nề và Garoffi, anh chàng kinh doanh.

Trong khi đó đám đông vây quanh cụ già; một vệ binh và mấy khách qua đường chạy đây chạy đó, vừa dọa vừa hỏi: "Đứa nào? Đứa nào ném? Nói đi, đứa nào?". Người ta khám tay đám trẻ để xem có ướt vì tuyết không. Garoffi đứng gần tôi. Tôi thấy cậu ta run lẩy bẩy, và mặt mày nhợt nhạt.

- Đứa nào? Đứa nào ném. - Người ta tiếp tục thét hỏi.

Tôi nghe Garrone bảo Garoffi:

- Này, đến thú đi! Để cho một người nào khác bị bắt thì thật là hèn nhát!

- Nhưng mình không cố ý! - Garoffi trả lời và run như một tàu lá.

- Mặc chứ, cậu phải làm bổn phận. - Garrone nhắc lại.

- Mình không đủ can đảm.

- Đừng sợ, mình đi với cậu.

Người vệ binh và những người khác càng hét to:

- Đứa nào? Đứa nào? Nói lên! Quân kẻ cướp đã làm cái mắt kính chọc vào mắt ông cụ, chúng làm cho cụ chột mất.

Tôi tưởng như Garoffi sắp ngã khuỵu xuống đất.

- Lại đây, - Garrone nói cương quyết, - mình sẽ bảo vệ cậu, - và nắm lấy cánh tay bạn, Garrone đẩy bạn ra, dìu nó như dìu một người bệnh.

Vừa trông thấy Garoffi, người ta biết ngay rằng chính cậu là thủ phạm; và vài người bước tới, giơ nắm tay lên.

Nhưng Garrone đã đứng chắn ngay trước mặt bạn và nói to:

- Chẳng lẽ các bác đông thế lại đánh một em bé hay sao?

Những nắm tay đều bỏ xuống; một vệ binh đến nắm Garoffi, dẫn qua đám đông, đến một cửa hàng, mà người ta đã đưa người bị thương vào.

Vừa trông thấy, tôi nhận ra ngay đó là một viên chức già ở cùng nhà với tôi trên gác tư; đứa cháu bé đi với cụ. Cụ ngồi xuống khuỷu tay tì vào ghế, chiếc khăn tay bưng kín mắt.

- Cháu không cố ý, - Garoffi vừa nói vừa khóc nức nở, sợ gần chết. - Cháu không cố ý.

Hai ba người đẩy mạnh nó vào trong hiệu và quát: “Quỳ xuống mà xin lỗi!” Nhưng tức khắc hai cánh tay khỏe mạnh đỡ Garoffi dậy và một giọng quả quyết nói: “Đừng làm thế, các ông ạ!” Đó là thầy hiệu trưởng của chúng tôi, thầy đã nghe và thấy hết mọi việc.

Garoffi khóc òa lên, và ôm hôn đôi bàn tay cụ già. Cụ thì quờ quạng tìm cái đầu của cậu bé hối hận và xoa tóc nó.

Mọi người đều bảo Garoffi: “Thôi, cháu về đi!”

Bố dắt tay tôi ra khỏi đám đông, và trên đường về bố bảo tôi:

- Enrico, trong một trường hợp tương tự, con có đủ can đảm làm bổn phận của mình không, tự thú nhận tội lỗi của mình không?

Tôi trả lời là có. Bố lại bảo:

- Thế con hứa với bố như một người con trai quả cảm và có danh dự là con sẽ làm như thế đi nào?

- Bố kính yêu ạ, con xin hứa với bố như vậy!

Các cô giáo

Thứ bảy 17

Garoffi hôm nay hết sức lo sợ, chắc chắn sẽ bị thầy giáo khiển trách. Nhưng thầy Perboni không đến, và thầy phụ giáo cũng không có mặt, và bà Cromi, cô giáo già nhất trường đến, dạy thay. Cô đang buồn vì có đứa con trai đang ốm. Cô vừa bước chân vào lớp là học trò đã làm ồn lên. Với cái giọng chậm rãi và bình tĩnh, cô bảo chúng tôi:

- Hãy tôn trọng mái tóc bạc của cô. Cô không những là một cô giáo, mà còn là một người mẹ nữa.

Thế là chẳng một ai dám nói nữa, cả đến thằng Franti trâng tráo; nó chỉ đành chế nhạo cô một cách lén lút thôi.

Ở lớp của bà Cromi, người ta phải cử cô Delcati, cô giáo của em tôi đến dạy thay; và thay cô Delcati ở lớp cô là cô giáo mà người ta thường gọi là "Nữ tu sĩ bé nhỏ" vì cô lúc nào cũng mặc áo sẫm màu. Mặt cô trắng và thanh, bộ tóc óng mượt, đôi mắt trong trẻo và giọng nói dịu dàng, hình như chỉ để cầu kinh. Tuy vậy, với người nói dịu dàng ấy, cô vẫn biết cách làm cho cái thế giới học sinh tí hon của cô phải yên lặng; những chú bé tinh nghịch nhất cũng chẳng dám hó hé trước mặt cô.

Có một cô giáo khác tôi rất thích, đó là cô giáo lớp một sơ đẳng số 3[24], một thiếu phụ sắc mặt hồng hào, đôi má lúm đồng tiền và đội một cái mũ có cài những lông chim đỏ. Lúc nào cô cũng vui tính, điều khiển lớp học vui vẻ luôn luôn tươi cười. Để bắt học trò im lặng, cô thường gõ gõ cái thước lên bàn, hoặc vỗ tay. Khi các em ra về, cô chạy theo để xếp các em ngay ngắn vào hàng ngũ, xóc cổ áo lại cho em này, cài khuy áo choàng cho em kia, theo dõi các em đi ngoài phố xem có ai cãi lộn nhau không, và khẩn khoản bố mẹ các em đừng phạt các em ở nhà, đưa kẹo thuốc cho em nào ho, cho em nào bị rét mượn bao tay bằng lông của mình… Cô luôn luôn bị các em bao vây, vì các em muốn vuốt ve cô và ôm hôn cô, cứ túm khăn trùm hay áo choàng của cô mà kéo. Cô cứ để mặc các em và vuốt ve lại những em vuốt ve mình, nụ cười tươi, đôi má lúm đồng tiền. Cô giáo đáng mến ấy lại là cô giáo dạy vẽ, với lao động của mình cô nuôi cả mẹ già và em trai.

Đến nhà người bị thương

Chúa nhật 18

Đứa cháu của cụ viên chức già, ông cụ bị quả cầu tuyết ném phải, học ở lớp của cô giáo đáng mến mà tôi vừa mới nói đến. Hôm nay chúng tôi trông thấy nó, nó ở với bác nó; ông cụ nuôi nó như con. Tôi vừa chép xong truyện đọc hàng tháng mà lớp tôi sẽ đọc trong tuần tới, nhan đề: *Cậu bé viết thuê người Firenze*, thì bố bảo: "Ta lên gác tư hỏi thăm ông cụ đi!"

Chúng tôi lên và vào một cái phòng mờ mờ tối. Ông cụ đang tựa vào mấy cái gối ngồi trên giường. Bà vợ ngồi cạnh giường, và đứa cháu chơi ở một góc phòng. Mắt ông cụ bị băng. Cụ rất vui lòng thấy bố tôi lên chơi, mời chúng tôi ngồi và nói là cụ đã đỡ, mắt cụ không việc gì, vài hôm sẽ khỏi.

- Thật là một việc không may, - ông cụ nói tiếp, - tôi chỉ ngại là cậu bé tội nghiệp kia đã phải quá khiếp sợ…

Rồi ông cụ nói về bác sĩ đến chữa cho cụ.

"Kìa, có lẽ bác sĩ đến đấy", cụ nói khi nghe có tiếng gõ cửa.

Cửa mở… và tôi thấy ai? Chính là Garoffi, trùm chiếc áo choàng dài, đứng ở ngưỡng cửa, đầu cúi xuống, không dám vào.

- Ai đấy? - Cụ già hỏi.

- Cậu bé đã ném quả cầu tuyết đấy ạ, - bố khẽ nói.

- Lại đây con, tội nghiệp, - cụ già nói và giơ tay ra đón Garoffi - con đến hỏi thăm người bị thương đấy à? Yên tâm, già gần khỏi rồi…

Garoffi lúng túng, bước tới gần giường, cố nén cho khỏi khóc. Ông cụ vuốt ve cậu, còn cậu thì xúc động quá, nghẹn ngào không nói nên lời.

- Cám ơn con đã đến thăm, - cụ già nói tiếp, - con về thưa với bố mẹ rằng mọi việc đều ổn cả, không có gì đáng lo nữa.

Garoffi vẫn đứng yên như bị một cái gì đè nặng lên trái tim mà cậu không dám nói.

- Thế con muốn gì? Con có điều gì cần nói với già? - ông cụ hỏi.

- Cháu ấy à… Không ạ!

- Vậy thì tạm biệt con nhé, con có thể yên tâm mà về nhà.

Garoffi bước trở ra. Nhưng đến cửa, cậu dừng lại, rồi quay về phía đứa

cháu của ông cụ đang nhìn theo cậu một cách tò mò, cậu rút vội từ trong áo choàng ra một vật, đặt vào tay chú bé và nói: “Biếu cậu”.

Rồi cậu biến đi, nhanh như chớp.

Chú bé đem cái gói lại cho ông, ông cụ mở ra. Tôi không nén được một tiếng kêu ngạc nhiên: đó chính là quyển an-bom trứ danh, là quyển sưu tập tem bưu điện mà Garoffi đáng thương luôn luôn nói đến, và đặt vào bao nhiêu mơ ước và đã tốn của cậu bao nhiêu công phu khó nhọc; tóm lại là kho của báu của cậu, tội nghiệp cậu bé! Có khác gì cậu đã đem nộp một nửa máu trong người mình đến để xin đổi một lời tha tội!

Cậu bé viết thuê người Firenze

(Truyện đọc hàng tháng)

Cậu học lớp bốn sơ đẳng. Cậu là một người dân Firenze[25] duyên dáng, mười hai tuổi, tóc đen, da trắng, con đầu của một nhân viên đường sắt, lương ít lại đông con nên đời sống rất chật vật. Ông bố rất quý con, hiền từ và khoan dung đối với con. Khoan dung về mọi mặt, trừ những gì liên quan đến việc học hành. Về điểm này, ông lại khó tính và nghiêm khắc; vì đứa con đầu này, phải làm thế nào cho có việc làm sớm nhất để giúp gia đình. Mà muốn được thế thì phải học nhiều và trong một thời gian ngắn.

Tuy cậu bé rất chăm, nhưng người bố vẫn luôn luôn giục con học. Ông tuổi đã cao và lao động quá sức lại càng làm ông già đi nhiều so với tuổi. Dù vậy, để kiếm thêm tiền nuôi gia dình, ngoài gánh nặng của công việc hàng ngày, ông còn đi nhận thêm nơi này nơi khác những việc chép thuê và đêm đêm phải thức rất khuya để làm.

Sau cùng, ông nhận của một nhà xuất bản sách báo việc viết tên và địa chỉ của những người mua sách, báo dài hạn lên những băng giấy để gửi đi. Cứ năm trăm băng địa chỉ viết chữ to và đều, ông được ba lira[26]. Nhưng công việc này làm cho ông rất mệt và thường trong bữa cơm chiều ông hay than thở: "Mắt tôi đến hỏng mất thôi! Việc làm đêm thế này làm tôi kiệt sức".

Một hôm, cậu bé nói với bố:

- Bố ạ, để con viết thay bố. Bố thấy đó, con viết giống chữ bố như đúc…

- Không con ạ, con phải học, - ông bố trả lời, - việc học của con quan trọng hơn việc viết băng của bố. Bố sẽ rất ân hận nếu làm mất của con một giờ. Bố cám ơn con, nhưng bố không muốn con viết chút nào đâu.

Cậu bé biết là bố mình sẽ không khoan nhượng, nên không cố nài. Nhưng cậu làm như thế này. Cậu biết rằng cứ đến nửa đêm thì bố thôi viết và ra khỏi phòng làm việc để sang phòng ngủ. Nhiều lần, cậu nghe thấy sau khi chuông đồng hồ dứt mười hai tiếng, bố dẹp cái ghế ngồi vào chỗ cũ rồi chậm rãi bước về phòng ngủ.

Một đêm, chờ cho bố ngủ yên, cậu trở dậy, lặng lẽ mặc áo, rón rén mò vào phòng làm việc của bố, thắp đèn lên, lại ngồi vào bàn giấy trước một chồng băng còn trắng nguyên và bản danh sách người mua báo; rồi cậu bắt

đầu viết, bắt chước y hệt nét chữ của bố. Cậu viết say sưa, trong lòng vui vẻ, nhưng không khỏi có chút lo ngại…

Và các băng viết xong cứ chồng cao dần lên… Chốc chốc cậu đặt bút xuống, xoa tay, rồi lại tiếp tục viết say sưa hơn, vừa nghe ngóng vừa mỉm cười. Cậu viết một trăm sáu mươi cái địa chỉ.

Được một lira rồi! Thế là cậu dừng lại, để cái bút vào chỗ cũ, tắt đèn và rón rén trở về phòng ngủ. Trưa hôm ấy, ông bố ngồi vào bàn ăn, có chiều vui vẻ hơn mọi khi. Ông không hay biết gì hết. Ông làm cái việc ấy như một cái máy, vừa làm vừa nghĩ đến việc khác; và những băng đã viết xong đến hôm sau ông mới đếm. Thế là vào bữa ăn, ông ngồi vui vẻ, đặt tay lên vai con, nói:

- Này, Giulio, bố con làm việc tốt hơn là con tưởng. Trong hai tiếng đêm qua, bố đã làm nhiều hơn các đêm trước một phần ba công việc, tay bố còn nhanh và mắt còn được việc đấy.

Giulio rất bằng lòng và tự nhủ:

“Bố thật đáng thương, ngoài việc kiếm được tiền, mình còn đem cho bố niềm vui vì tưởng rằng ta trẻ lại. Vậy mình hãy can đảm lên!”

Thành công đã khuyến khích cậu bé. Nửa đêm hôm sau Giulio lại dậy làm việc. Cậu làm như vậy nhiều đêm liền. Ông bố không nghi ngờ gì cả. Chỉ một lần trong bữa ăn tối, ông bỗng thốt lên: “Lạ quá, dạo này ta dùng nhiều dầu hỏa quá?” Giulio giật mình. Nhưng câu chuyện chỉ thế thôi, và cậu bé vẫn tiếp tục làm cái việc ban đêm của mình.

Nhưng thức khuya và đêm nào cũng làm việc như vậy, cậu bé không được nghỉ ngơi đầy đủ. Sáng dậy cậu thấy mệt, và tối đến, khi làm bài, mắt cậu cứ nhíu lại, không cưỡng nổi buồn ngủ.

Một buổi tối, lần đầu tiên trong đời, cậu gục đầu trên trang vở mà ngủ.

- Cố lên, cố lên! - ông bố vừa kêu vừa vỗ tay, - dậy học đi con!

Giulio cựa mình thức dậy và tiếp tục học. Nhưng hôm sau, rồi cũng như vậy, và càng ngày sự mệt mỏi càng tăng. Cậu gục trên sách mà ngủ, dậy trưa hơn thường lệ, học bài vội vã, và dường như chán cả việc học. Ông bố bắt đầu nhận xét vài điều, rồi đến trách mắng, và đó là lần đầu tiên ông trách mắng con. Một buổi sáng, ông bảo:

- Giulio, con thay đổi nhiều quá, con không còn như trước nữa. Con hãy nhớ rằng tất cả hy vọng của gia đình đều đặt vào tương lai của con. Bố không bằng lòng con, bố nói thật như vậy.

Nghe thế, cậu bé bối rối và tự nhủ rằng: “Phải, đúng thế thật, mình không thể cứ tiếp tục như vậy được nữa, phải chấm dứt trò dối trá này thôi”.

Nhưng cũng chính tối hôm đó, ông bố rất vui vẻ nói rằng tiền công viết băng của ông tăng hơn tháng trước ba mươi hai lira. Và vừa nói, ông vừa lấy trong túi ra một gói kẹo ông đã mua để cùng các con ăn mừng khoản tiền thu trội ấy. Các con được kẹo hớn hở vỗ tay reo mừng. Trước cảnh ấy, Giulio lại vững lòng và tự nhủ: “Không, bố đáng thương ạ, không, con sẽ chưa thôi đánh lừa bố được, con sẽ cố gắng nhiều hơn nữa, ban ngày con sẽ học nhiều lên, và đêm đến, con sẽ tiếp tục làm việc cho bố và cho các em…”

Ông bố nói tiếp:

“Ba mươi hai lira được thêm! Bố vui lòng lắm. Nhưng khốn nỗi là cậu này - và ông lấy tay chỉ Giulio - làm cho bố rất khổ tâm”.

Giulio chịu đựng những lời trách móc của bố, cố nén hai giọt nước mắt to đang trào ra. Nhưng mà lòng cậu thấm thía một niềm vui hết sức dịu dàng.

Cậu lại hết sức tiếp tục làm việc. Nhưng mệt nhọc chồng chất thêm vào mệt nhọc, càng ngày cậu càng khó mà chống chọi nổi. Tình trạng ấy kéo dài trong hai tháng.

Ông bố cứ trách mắng con về tội uể oải không thể tha thứ được, và nhìn con với con mắt ngày càng tức giận.

Một hôm ông đến gặp thầy giáo để hỏi xem con mình đã làm những gì.

- Vâng, - thầy giáo nói - cậu ấy sẽ thành đạt vì sự thông minh, nhưng độ này không còn có ý chí như trước nữa. Cậu ta thường buồn ngủ, lơ đãng và ngáp vặt luôn. Các bài văn của cậu ngắn ngủn, viết vội lên giấy cho xong chuyện, chữ viết cẩu thả. Ông ạ, cậu ấy có thể học tốt hơn thế nhiều!

Tối hôm ấy, ông bố gọi con ra một góc vắng trách mắng con dữ hơn thường lệ.

- Giulio, mày thấy tao làm việc như thế nào, thấy tao mòn mỏi cuộc đời để nuôi gia đình như thế nào. Mà mày không giúp tao. Mày không thương tao, không thương cả các em mày, không thương cả mẹ mày!

- Ôi! Xin bố đừng nói như vậy, bố ạ. - Giulio ngắt lời bố và òa lên khóc. Cậu định thú thật việc mình đã làm, nhưng lại bị bố ngắt lời.

- Mày hẳn đã rõ hoàn cảnh hiện nay của gia đình ta, mày biết rằng cần phải có thiện chí và những sự hy sinh của tất cả mọi người góp vào với nhau. Mày thấy đấy, chính tao, tao đã phải làm việc gấp đôi. Tao hy vọng tháng này sẽ được một trăm lira tiền thưởng của đường sắt, thế mà sáng hôm nay

người ta cho biết rằng họ sẽ không cho gì hết.

Nghe tin ấy, Giulio im lặng và thôi không thú nhận với bố cái điều cậu định nói nữa. Cậu nghĩ rằng: “Không, bố ạ, không, con sẽ không nói gì với bố nữa, con sẽ giữ bí mật của con, vì con muốn làm việc cho bố. Việc ấy sẽ đền bù lại nỗi đau khổ mà con đã làm cho bố phải chịu. Còn việc học thì con sẽ luôn luôn cố gắng để thi đỗ. Điều quan trọng là giúp bố kiếm ăn và làm nhẹ bớt nỗi mệt nhọc đang làm bố chết dần, chết mòn”.

Lại hai tháng nữa làm việc đêm, lại những ngày uể oải nhọc nhằn, những cố gắng tuyệt vọng của cậu con, và những lời trách mắng cay đắng của ông bố.

Nhưng, điều nguy hại hơn cả là dần dần ông bố lạnh nhạt với con, đi đến chỗ coi con như một đứa ương ngạnh, một đứa bạc bẽo, không còn trông mong gì được nữa.

Giulio thấy những thay đổi của bố, lấy làm đau khổ vô cùng. Mỗi khi bố quay lưng đi, cậu thầm lén gửi bố một cái hôn, và gương mặt cậu để lộ tấm lòng trìu mến, xót thương và buồn bã. Nỗi phiền muộn cộng với mệt nhọc làm cho Giulio gầy gò và mất hết vẻ hồng hào xinh đẹp; càng ngày cậu càng phải trễ biếng việc học hành. Cậu rất hiểu rằng tình hình này nhất định phải chấm dứt, và mỗi tối cậu lại tự bảo: “Đêm nay mình sẽ không dậy làm việc nữa”.

Nhưng khi chuông điểm nửa đêm vừa dứt, chính lúc mà cậu phải cương nghị trong quyết tâm của mình thì một nỗi ân hận lại cắn rứt cậu. Cậu cho rằng cứ nằm trong giường là bỏ bổn phận của mình, là ăn cắp một lira của bố và của gia đình. Và thế là cậu dậy, thầm mong rằng một đêm nào đó, bố thức giấc và bắt gặp mình đang làm việc, hoặc tình cờ bố đếm lại số băng và phát hiện sự lừa dối và như vậy, mọi việc sẽ kết thúc một cách tự nhiên, tự cậu không phải làm một việc mà cậu không đủ can đảm để làm. Thế là cậu cứ tiếp tục.

Một buổi tối, ông bố nói lên một lời quyết định đối với cậu. Bà mẹ nhìn Giulio, thấy em gầy yếu và xanh xao hơn trước, bà hỏi: “Giulio, con ốm đấy à?”. Rồi lo sợ, bà quay sang nói với chồng: “Giulio ốm đấy, ông xem, nó xanh quá đi mất! Con ơi, con thấy khó chịu như thế nào?”

Ông bố liếc nhìn con và nói:

- Lương tâm không tốt làm cho sức khỏe xấu đi đó thôi. Trước kia Giulio không thế, khi còn là một học sinh siêng năng và một người con trai quả cảm.

- Nó ốm… - bà mẹ nói tiếp.

- Cái đó không việc gì đến tôi, - ông bố đáp lại.

Câu nói ấy là một nhát dao găm đâm thẳng vào tim cậu bé đáng thương.

Ôi! Cái đó không việc gì đến tôi! Bố cậu, ngày nào đây, chỉ nghe con ho là đã lo cuống lên! Thế ra bố không còn thương cậu nữa sao? Chẳng còn nghi ngờ gì nữa, Giulio quả đã chết trong lòng bố rồi…

"Ôi! Không thể thế được, bố ơi, - cậu bé tự nhủ mà lòng thắt lại, khắc khoải, - giờ thì con thôi hẳn không viết nữa. Không có lòng thương của bố, con không thể nào sống được, con muốn khôi phục lại hoàn toàn lòng thương ấy; con sẽ nói hết với bố, con không lừa dối bố nữa, con sẽ học tập như trước; dù sau này ra sao chăng nữa, miễn là bố vẫn thương con, bố thương yêu tội nghiệp của con ạ. Lần này con sẽ giữ vững quyết tâm của con".

Mặc dù như vậy, đêm ấy cậu vẫn cứ dậy, hình như là do thói quen. Khi đã dậy, cậu muốn nhìn lại vài phút trong cảnh yên tĩnh của ban đêm, lần cuối cùng, cái phòng nhỏ mà cậu đã thầm lén làm việc bao đêm; lòng chan chứa yêu thương và hạnh phúc. Nhưng khi đã ngồi vào bàn, ngọn đèn đã thắp lên, và thấy những tờ băng giấy trắng mà cậu sẽ không còn bao giờ được viết lên những tên người và tên thành phố mà cậu đã thuộc lòng, thì tự nhiên cậu thấy một nỗi buồn vô hạn; thế rồi bất giác cậu cầm lấy quản bút tiếp tục cái công việc đã bắt đầu. Nhưng khi dang tay ra, cậu chạm phải một quyển sách làm rơi xuống đất. Cậu giật mình lo sợ. Nếu bố thức dậy thì sao? Tất nhiên không phải bố sẽ bắt được cậu đang làm một việc gì xấu xa, chính cậu cũng quyết nói hết ra với bố, tuy vậy… nghe tiếng chân của bố trong đêm tối, bị bắt gặp bất ngờ trong đêm hôm khuya khoắt như thế này, trong cảnh vắng lặng như thế này? Cứ nghĩ rằng lần đầu tiên bố có thể tủi thân trước mặt mình… cậu thấy run sợ.

Giulio nín thở, lắng tai nghe; chẳng thấy một tiếng động nào cả. Không! Chẳng có gì? Cả nhà đều ngủ say. Bố không nghe thấy gì cả. Cậu trấn tĩnh lại, tiếp tục viết và mảnh băng này chồng lên mảnh băng khác… Tập trung hết tinh thần vào việc làm, Giulio viết, viết mãi. Nhưng mà bố đã đứng sau lưng cậu. Ông đã thức dậy khi nghe tiếng cuốn sách rơi, và chờ lúc thuận tiện nhất, đã rón rén bước những bước chân trần đi vào phòng giấy. Đúng, ông đang đứng đó, mái đầu bạc ngay trên mái tóc đen của con trai. Ông thấy ngòi bút đang chạy thoăn thoắt trên các băng giấy, và đã hiểu hết; có những sự việc mà ông đã quên bỗng trở lại trong trí nhớ, và ông hối hận vô cùng vì đã ngờ vực con mình. Lòng ông tràn ngập một tình thương yêu vô hạn, làm ông đứng sững đầy xúc động, bồi hồi đằng sau đứa con mình.

Bỗng Giulio kêu lên: hai bàn tay run rẩy ôm chầm lấy đầu cậu.

- Ôi! Bố, bố ạ, tha lỗi cho con, tha lỗi cho con! - Cậu kêu lên, vì nghe tiếng nức nở sau lưng, cậu nhận ra bố.

- Chính con hãy tha lỗi cho bố, Giulio yêu quý của bố. - Ông bố vừa trả lời, vừa hôn khắp trán con những cái hôn đầm đìa nước mắt. - Bố đã biết hết rồi, bố biết hết và chính bố phải xin lỗi con, con yêu quý của bố; nào, con lại đây với bố.

Ông bố nhấc con lên, đúng ra là bế xốc con, mang vào giường bà mẹ vừa thức giấc, đặt con vào vòng tay bà và nói:

- Hôn con đi, hôn đứa con tận tụy, từ bốn tháng nay nó đã không ngủ để làm việc thay tôi; tôi cứ trách mắng nó, trong khi nó kiếm ra miếng ăn cho gia đình.

Bà mẹ siết con vào lòng, không nói nên lời; sau khi đã hôn con mãi, bà mới bảo: "Đi ngủ đi con, ngủ đi, để lấy lại sức…"

Ông bố lại bế Giulio về buồng cậu, đặt con vào giường, âu yếm vuốt ve con, sửa gối, đắp chăn cho con.

- Cám ơn bố, cám ơn bố, - Giulio nói, - nhưng bố cũng đi ngủ đi, con vui lòng lắm, chúc bố ngủ ngon, bố ạ!

Ông bố cứ muốn nhìn con ngủ. Ông ngồi ở đầu giường con, nắm tay con và nói: "Ngủ đi, ngủ đi, thiên sứ[27] của bố".

Giulio mệt quá, thiếp đi, cậu ngủ rất lâu; đã mấy tháng rồi, nay mới được một giấc ngủ yên lành với những giấc mơ tốt đẹp.

Khi cậu tỉnh giấc, mặt trời đã lên cao; cậu thấy ngay cạnh mình, tựa đầu lên mép giường, bố ngủ cả đêm như vậy, sung sướng vì giấc ngủ êm đềm của con.

Nghị lực
Thứ tư 28

Tôi tin chắc rằng bạn cùng lớp với tôi là Stardi có đủ can đảm để làm như cậu bé thành Firenze. Sáng nay ở trường có hai người sung sướng: Garoffi sướng điên lên vì được trả lại cuốn an-bom, trong đó người ta còn cho thêm ba chiếc tem nước cộng hòa Guatemala nữa (cậu ao ước được thứ tem này đã ba tháng nay rồi), và cậu Stardi vì được nhận huy chương thứ nhì trong lớp, Stardi đứng đầu lớp sau Derossi thôi! Mọi người đều ngạc nhiên và hân hoan. Nào ai có thể ngờ được? Dạo tháng mười, cậu được bố đưa đến trường, mình mặc chiếc va-rơi màu lục, chật bó; bố cậu nói với thầy giáo: "Xin thầy kiên nhẫn, thật kiên nhẫn vì con tôi nó tối dạ lắm".

Từ đó, tất cả học trò đều gọi cậu ta là thằng "đầu gỗ". Nhưng, về phần mình thì Stardi tự nhủ: "hoặc là mình chết, hoặc là mình thành công". Và cậu ta bắt đầu học: học đêm, học ngày, học ở nhà, học trong lớp, học khi đi dạo, cần cù chịu khó như một con bò, gan lì như một con la. Và thế là, vì hết lòng siêng năng, trả đũa lại những kẻ chế giễu, đá những kẻ quấy rầy đi, cậu ta vượt lên tất cả mọi người, cái cậu rắn đầu ấy!

Trước đây, cậu ta không biết một tí gì về phép tính; bài văn thì đặt những điều nhảm nhí, không thể nhớ nổi một ngày tháng nào, thế mà bây giờ cậu giải được các bài tính đố, viết đúng văn phạm, và thuộc các bài học không chút lầm lẫn. Chỉ nhìn cái dáng thô lùn của cậu ta, cái đầu bè bè rụt vào giữa đôi vai, hai bàn tay ngắn ngủn, to tướng, chỉ nghe tiếng nói ồm ồm của cậu, là người ta đoán ngay ra cậu có một nghị lực sắt thép. Mỗi khi có được mười xu là cậu mua ngay một quyển sách: cậu đã lập được một tủ sách nhỏ rồi, và trong một lúc phấn chấn, cậu đã buột mồm hứa sẽ cho tôi xem khi nào tôi đến chơi nhà cậu. Stardi không hề nói năng gì với ai, không hề chơi bời với ai, lúc nào cũng ngồi ở ghế mình, cằm tựa vào hai bàn tay nắm chặt, nghe thầy giảng bài.

Chắc cậu đã phải làm việc nhiều lắm, cậu Stardi tội nghiệp này. Sáng hôm nay, khi trao huy chương cho cậu, thầy giáo dù đang sốt ruột cũng phải thốt lên: "Hoan hô Stardi! Có chí thì nên!". Stardi thì dường như chẳng chút nào tự hào vì thành công của mình; cậu cũng chẳng hề mỉm cười nữa, và trở về chỗ ngồi, lại tựa cằm vào hai nắm tay và càng chú ý hơn bao giờ hết.

Nhưng cái cảnh đẹp nhất là lúc tan học bố cậu đến đón cậu. Ông cũng to, lùn như cậu, khuôn mặt bành bạnh, tiếng nói oang oang. Vì ông ta không hề ngờ rằng con mình lại được huy chương, nên nghe chuyện, ông ta vẫn không

tin. Phải có thầy giáo đến xác nhận, và thế là ông ta phá lên cười khanh khách, vỗ đánh bốp một cái vào gáy con và nói rất to: "Giỏi lắm, giỏi hết sức! Cái đầu to thân yêu này!". Ông ta lại nhìn con, rất đỗi ngạc nhiên. Những người có mặt chung quanh đều mỉm cười vui vẻ. Chỉ mình Stardi thì vẫn yên lặng, và đã lẩm nhẩm bài học ngày hôm sau.

Lòng biết ơn

(thư của bố)

Thứ bảy 31

"Gửi Enrico,

Bạn Stardi của con không bao giờ than phiền về thầy giáo cả, bố tin chắc như vậy. "Thầy giáo đang trong cơn nóng nảy", con đã nói như vậy với một giọng hằn học. Con hãy nghĩ xem, biết bao nhiêu lần, chính con, con đã nóng nảy. Và nóng nảy với ai? Vơi bố con, với mẹ con, nghĩa là đối với những người mà những cử chỉ nóng nảy ấy là những tội lỗi lớn. Thầy giáo của con, đôi khi cũng có nhiều lý do để nóng nảy. Đã nhiều năm rồi, thầy phải mệt nhọc nhiều với đám trẻ và thầy có gặp được vài trẻ ngoan với thầy, yêu mến thầy, còn số đông thì chỉ là những kẻ bạc bẽo, lạm dụng lòng tốt mà không hề đếm xỉa đến những nỗi nhọc nhằn của thầy; buồn thay, tất cả học sinh các con đều đem cho thầy nhiều điều khổ tâm hơn là sự hài lòng. Người hiền lành nhất trên trái đất này, mà ở vào địa vị thầy, cũng không thể kìm được cơn nổi nóng. Giá con biết đã bao nhiêu lần thầy giáo tuy đau ốm mà vẫn lên lớp, vì bệnh của thầy chưa thật trầm trọng để thầy có thể nghỉ dạy? Thầy bực mình bởi vì thầy đau, và nỗi đau lòng lớn đối với thầy là thấy học trò biết như vậy mà cứ lạm dụng. Hãy kính trọng và yêu mến thầy giáo của con, con ạ. Con phải yêu mến thầy, bởi vì bố yêu mến thầy và kính trọng thầy; con phải yêu mến thầy vì thầy đã hiến cả cuộc đời cho hạnh phúc của biết bao trẻ em mà họ thì sẽ quên thầy. Hãy yêu mến thầy vì thầy mở mang và soi sáng trí thông minh cho con, và nâng cao tâm hồn của con lên. Sau này, khi con đã thành người lớn, mà cả bố lẫn thầy con đều không còn trên đời này nữa, thì những kỷ niệm của thầy giáo sẽ hiện ra luôn luôn trong trí nhớ của con bên cạnh kỷ niệm của bố, và bấy giờ, con thấy không, có những nét đau đớn và mệt nhọc trên khuôn mặt đẹp của thầy sẽ làm cho con phiền muộn, dù đã ba mươi năm qua. Lúc ấy, con sẽ tự thẹn, con sẽ hối hận là đã không yêu mến thầy, là đã ăn ở không đúng đối với thầy. Con hãy yêu mến thầy, vì thầy là một thành viên của đại gia đình giáo giới ở khắp nơi trên toàn thế giới, dạy dỗ hàng nghìn trẻ em đang lớn lên cùng với con. Bố sẽ không hãnh diện chút nào về tình yêu mến của con đối với bố, nếu con không có tình yêu mến như vậy đối với những ai đã có công ơn đối với con, mà trong số những người đó, thì thầy giáo con là người thứ nhất sau bố mẹ con. Con hãy yêu mến thầy giáo như một người bố, yêu mến thầy khi thầy vuốt ve con, và cả những lúc thầy rầy la con; khi thầy công bằng và cả khi con cho rằng thầy không công bằng; hãy yêu mến thầy khi thầy vui, và càng yêu mến

hơn khi thầy buồn; và con hãy nói đến tiếng "thầy" với tấm lòng luôn luôn tôn kính, bởi vì, sau tiếng "bố" thì đó là danh vị cao quý nhất, dịu dàng nhất mà một con người có thể tặng cho một con người khác.

Bố của con"

THÁNG GIÊNG

Thầy phụ giáo

Thứ tư 4

Bố mình nói đúng. Thầy Perboni mà nóng nảy là vì thầy ốm. Quả vậy, từ ba hôm nay, thầy phụ giáo đến thay thầy (thầy phụ giáo này người bé nhỏ và không có râu, trông trẻ măng). Sáng hôm nay đã xảy ra một việc rất bậy đối với thầy phụ giáo này. Ngày thứ nhất và thứ hai học trò đã làm ồn trong lớp vì thầy phụ giáo quá hiền lành và chỉ biết nói: "Yên lặng, tôi yêu cầu các cậu!" mà không hề phạt. Nhưng sáng hôm nay người ta đã đi quá trớn. Học sinh làm ầm ĩ đến nỗi không còn ai nghe tiếng nói nữa. Thầy yêu cầu, thầy van vỉ; chỉ công toi. Hai lần thầy hiệu trưởng phải đến lớp; nhưng thầy vừa đi khuất là tiếng ồn ào lại nổi lên như ngoài chợ vậy. Garrone và Derossi quay lại ra hiệu, yêu cầu các bạn yên lặng, như muốn nói với họ là phải ngoan ngoãn, và hạnh kiểm của họ thật đáng hổ thẹn, nhưng đều vô hiệu. Chẳng ai thèm để ý cả. Chỉ mình Stardi là ngồi yên, hai khuỷu tay chống bàn, đôi nắm tay tì vào thái dương, có lẽ đang nghĩ đến cái tủ sách trứ danh của mình; và Garoffi, anh học trò chơi tem thì đang bận lập danh sách những người góp tiền mua vé xổ số, mỗi vé hai xu, mà cậu ta đứng ra tổ chức, ai trúng thì được một lọ mực nhỏ đút túi. Những kẻ khác thì hét và cười, lấy quản bút gõ xuống bàn, và vo giấy làm đạn, rồi gỡ những sợi dây chun buộc bít tất ra mà bắn nhau.

Thầy phụ giáo thì nắm cánh tay cậu này, cậu kia, lay họ, bắt một cậu đứng vào tường, mà vẫn không lấy lại được im lặng và trật tự. Thầy không còn biết cầu cứu ai được nữa.

- Nhưng tại sao các cậu lại làm như thế? - thầy nói, - các cậu muốn tôi bị khiển trách hay sao?

Thầy nắm tay đấm bàn, thét lên, giọng vừa đe dọa vừa cầu khẩn:

- Im lặng! Im lặng!

Nghe thật là não lòng. Nhưng tiếng ầm ĩ vẫn mỗi lúc một tăng.

Franti gấp một mũi tên bằng giấy ném vào thầy, kẻ thì nhại mèo kêu, kẻ tung mũ lưỡi trai lên không; cảnh rối loạn om sòm không tài nào tả xiết. Bỗng người gác cổng bước vào, nói:

- Mời thầy lên thầy hiệu trưởng hỏi.

Thầy phụ giáo đứng dậy vẻ tuyệt vọng và vội vàng bước ra. Thế là tiếng ầm ĩ lại tăng lên. Nhưng Garrone đứng dậy, mặt biến sắc, tay nắm chặt và

hét, giọng run lên vì giận dữ.

“Thôi đi! Đồ ngốc tất cả! Các cậu lạm dụng lòng tốt của thầy phụ giáo; giá thầy ấy nghiến nát tay các cậu, và thầy đủ sức để nghiến, thì các cậu đã run sợ trước mặt thầy; nhưng thầy thương hại các cậu; việc làm của các cậu hèn nhát lắm, hiểu chưa? Thầy trở vào mà cậu nào trước tiên cất tiếng làm ồn hay méo mặt một tí, là sẽ biết tay tôi tức thời sau khi tan học. Dù có bố đến đấy tôi cũng làm đúng như tôi đã nói; và tôi tin chắc rằng ông bố sẽ cho là tôi làm đúng”.

Mọi người làm thinh: À! Garrone, bấy giờ trông cậu thật đẹp, đôi mắt nẩy lửa, chẳng khác nào một con sư tử con đang tức giận. Cậu ta nhìn vào mặt những anh chàng táo tợn nhất, hết anh này đến anh khác, và tất cả đều cúi đầu xuống.

Khi thầy phụ giáo vào, đôi mắt đỏ hoe, trong lớp không nghe một hơi thở. Trước thầy ngạc nhiên, rồi thấy Garrone còn run vì giận, thầy hiểu và nói với cậu, giọng xúc động như nói với một người anh em: “Cám ơn, Garrone!”

Thế là cả lớp vỗ tay. Và qua việc ấy tôi hiểu là một người con trai quả cảm có thể làm được những gì.

Tủ sách của Stardi

Tôi đến nhà Stardi, ở ngay trước mặt nhà trường, và trông thấy cái tủ sách của cậu ấy thật tôi thấy thèm quá.

Stardi không giàu, cậu ấy không thể mua được nhiều sách, nhưng cậu bảo quản, giữ gìn sách học rất cẩn thận; và tất cả những món tiền người ta cho cậu đều vào cửa hàng bán sách hết. Bằng cách ấy, Stardi đã có một tủ sách nhỏ. Khi bố cậu thấy cậu ham mê sách, thì liền mua cho cậu một cái giá nhiều tầng rất xinh, bằng gỗ hồ đào, có rèm xanh, và đem tất cả các quyển sách thuê đóng bìa theo màu mà cậu thích. Khi kéo rèm lên, người ta thấy ba hàng sách hiện ra đủ các màu sắc, rất có thứ tự, tên sách óng ánh chữ vàng in trên gáy; có truyện trẻ em, truyện du hành, có thơ, hầu hết đều có tranh ảnh. Stardi rất thạo về cách sắp xếp các quyển sách theo màu sắc, quyển trắng cạnh quyển đỏ, màu vàng cạnh màu đen, màu trắng cạnh màu xanh, đứng xa mà nhìn thật là hài hòa. Thỉnh thoảng cậu lại thay đổi cách hòa hợp với màu sắc. Cậu ghi tất cả tên sách vào một quyển danh mục, chẳng khác chút nào một nhà mê sách thực thụ. Cậu luôn luôn chăm nom sách, phủi sạch bụi bặm, giở ra xem xét kiểm tra lại các mối chỉ đóng sách. Phải thấy cậu cẩn thận như thế nào khi cậu giở các quyển sách ra, với những ngón tay thô và ngắn, vừa giở vừa thổi các trang giấy. Có thể nói là sách của cậu đều mới tinh, còn tôi thì làm hỏng tất cả các sách của mình. Đối với cậu mỗi quyển sách mua được đem đến cho niềm vui thích vuốt ve quyển sách, xếp sách vào với những quyển khác, rồi lại lấy ra để ngắm nghía đủ mọi mặt, và cất đi như một của báu. Trong suốt một tiếng đồng hồ, Stardi không cho tôi xem cái gì khác, ngoài sách ra.

Có một lúc, ông bố của Stardi đi qua gian phòng chúng tôi đang chơi, đưa tay xoa gáy con hai ba lần và nói với cái giọng ồm ồm:

- Cái đầu đồng đen này như thế nào? Cái đầu to này có thể làm nên được một cái gì đấy, tôi cam đoan như vậy!

Và Stardi thì lim dim đôi mắt dưới sự vuốt ve của bàn tay ram ráp của bố.

Tôi không hiểu tại sao tôi không dám đùa cợt với Stardi; tôi không thể tin được rằng cậu ta chỉ hơn tôi có một tuổi thôi. Khi cậu tiễn tôi ra cửa và chào tạm biệt với vẻ mặt cứng cỏi, tôi suýt nữa nói: "Kính chào ngài", như tôi phải nói với một người lớn. Về nhà, tôi kể lại chuyện ấy với bố. Tôi nói:

- Con chẳng hiểu ra sao cả bố ạ, Stardi không phải là thông minh, cũng

chẳng phải là được giáo dục tốt, mặt mũi thì kỳ cục nom buồn cười, ấy thế mà lại làm cho con phải nể vì!

Bố trả lời:

- Chính vì cậu ấy quả cảm, cương nghị.

Tôi nói tiếp:

- Suốt một tiếng đồng hồ ở cạnh cậu ấy, cậu ấy không nói đến năm mươi tiếng, không hề cho con xem một thứ đồ chơi nào, cũng không cười một lần nào cả, ấy thế mà con lại rất thích được chơi với cậu ấy.

Bố lại nói thêm:

- Là bởi vì con mến phục cậu ta.

Con trai bác thợ rèn

Tôi cũng mến phục cả Precossi, và nói như thế còn là ít. Precossi con bác thợ rèn, một cậu bé nước da tai tái, đôi mắt hiền và buồn, dáng điệu sợ sệt, rụt rè đến nỗi đối với bất cứ ai cậu cũng nói: “Tôi xin lỗi”, và dù luôn luôn đau khổ, vẫn học rất chăm và rất kiên quyết. Theo người ta nói thì bố cậu lúc nào về nhà cũng ngà ngà say, không có việc gì cũng lôi con ra đánh, vung tay là hất tung hết sách vở của con, Cậu bé đáng thương đến trường mặt mày bầm tím, có khi đôi mắt đỏ ngầu và sưng húp vì đã khóc nhiều.

Nhưng không bao giờ, tuyệt không bao giờ người ta có thể làm cậu hé môi nói thật là bố cậu đã đánh cậu.

- Nhưng chẳng phải là con đã làm cháy trang vở này hay sao? - Thầy giáo vừa hỏi vừa chỉ bài làm của cậu đã bị đốt cháy.

“Xin thầy hãy tha lỗi, chính con đã làm cháy”, Precossi trả lời, giọng run run.

Tất cả chúng tôi đều biết đó là bố cậu. Lúc chếnh choáng hơi men, bố cậu đã va phải cái bàn mà cậu đang ngồi học, làm cho cây đèn đổ nhào, đốt cháy quyển vở của cậu bé tội nghiệp. Precossi ở trong một căn nhà dưới cái mái nát của ngôi nhà chúng tôi về phía cuối sân, và bà gác cổng đã kể lại tất cả chuyện này cho u già chúng tôi, và u nói lại với mẹ.

Một hôm, em Silvia của tôi nghe Precossi thét lên và lăn xuống thang gác, bị bố đá ngã nhào chỉ vì cậu xin mấy xu để mua một quyển ngữ pháp. Bố Precossi nghiện rượu, không làm việc gì cả, và cả nhà bị đói. Biết bao nhiêu lần cậu bé phải đến trường học, bụng trống không, và đứng ở một góc nhai một mẩu bánh của Garrone mời, hay một quả táo mà cô giáo đội cái mũ cắm chiếc lông đỏ, cô giáo cũ của cậu ở lớp một sơ đẳng dúi cho.

Không bao giờ Precossi lại nói: “Tôi đói, bố tôi không cho tôi ăn”.

Một đôi khi ông bố cũng ghé đón con, nhân khi đi qua trước cổng trường; mặt ông tái mét, chân đi lảo đảo, đôi mắt ngơ ngác, đầu tóc rối bù, chiếc mũ lưỡi trai đội lệch một bên. Cậu bé tội nghiệp hốt hoảng mỗi khi thấy bố ở ngoài phố, tuy vậy cậu vẫn tươi cười chạy lại với bố, nhưng bố thì như tuồng chẳng trông thấy con và đang nghĩ đến chuyện gì khác.

Tội nghiệp Precossi! Cậu phải đóng lại những quyển vở bị xé rách, nhờ các bạn ngồi cùng bàn cho mượn những sách không có để đọc. Áo sơ-mi cậu cài bằng đanh ghim và thật là đáng thương. Khi tập thể dục cậu phải mang đôi giày to quá khổ, đôi bàn chân cứ nhảy nhót ở bên trong, cái quần thì rách

tả tơi và cái áo ngoài quá dài, tay xắn lên đến khuỷu. Thế mà cậu vẫn học, cố gắng học! Cậu sẽ là một trong những người đứng đầu lớp, nếu được học hành yên ổn, ở nhà…

Sáng hôm nay, cậu đến trường, má bị một vết cào khá sâu. Các bạn bảo cậu:

"Rõ ràng là bố cậu đã cào mặt cậu đấy. Lần này cậu không thể chối được đâu. Cậu phải thưa với thầy hiệu trưởng để người ta gọi ông ấy đến đồn cảnh sát".

Nhưng Precossi đỏ mặt kêu lên, giọng run vì bất bình: "Không đúng! Không đúng! Bố tôi không bao giờ đánh tôi cả!"

Nhưng trong lúc nghe giảng bài, nước mắt cậu rơi xuống mặt bàn, và có ai nhìn là cậu cố gượng cười để giấu nỗi đau đớn. Tội nghiệp Precossi!

Ngày mai Derossi, Coretti và Nelli sẽ đến chơi nhà tôi. Tôi mời Precossi cùng đến, cùng ăn chiều với chúng tôi; tôi sẽ cho cậu ấy sách, sẽ làm đảo lộn hết đồ đạc trong nhà để cho cậu ấy vui, và tôi sẽ nhét đầy trái cây vào các túi áo của cậu. Tôi muốn nhìn thấy cậu bé tốt bụng ấy được vui vẻ, thích thú một lần, cậu bé hiền hậu và can đảm biết bao!

Một buổi thăm nhau lý thú

Thứ năm 12

Thứ năm hôm nay đối với tôi là một trong những ngày đẹp nhất của cả năm.

Đúng hai giờ, Derossi, Coretti và Nelli, cậu bé gù lưng ấy, cùng đến nhà tôi. Còn Precossi thì bố cậu không cho đến.

Derossi và Coretti đều vui cười hể hả vì đã gặp ngoài phố cậu Crossi, con bác bán rau quả, cậu bé có cánh tay bị liệt và cái đầu tóc đỏ ấy, Crossi đang cắp một chiếc bắp cải to tướng ra phố bán; rồi với hai xu bán bắp cải cậu sẽ mua một ngòi bút. Cậu ta rất vui vẻ hài lòng, cậu bé Crossi tội nghiệp, vì bố cậu ở bên Mỹ mới viết thư báo tin là sắp trở về.

Ôi! Sung sướng làm sao những giờ vui chung với các bạn thân Derossi và Coretti là hai cậu vui tính nhất lớp, bố cũng phải mến. Coretti với cái áo dài bằng da rái cá, cái mũ chụp da mèo, nghịch ngợm ồn ào như quỷ sứ. Sáng sớm tinh mơ, cậu đã dỡ một nửa xe gỗ đầy, thế mà đến nhà tôi, cậu vẫn chạy khắp nơi, vừa quan sát mọi vật, vừa nói năng luôn mồm, nhanh nhẹn, nhẹ nhàng như một con sóc. Đi qua nhà bếp, cậu hỏi chị bếp mua củi và than bao nhiêu, để xem có đắt hơn giá của bố mình bán không. Rõ ràng là dù ra đời và lớn lên trong một cửa hàng bán củi, Coretti vẫn có tấm lòng cao quý.

Derossi cũng làm cho chúng tôi rất vui. Cậu ta thuộc địa lý như một thầy giáo. Nhắm mắt lại, cậu nói: "Đây này, tôi thấy toàn thể nước Ý: mạch núi Appennini chạy dài đến tận biển Ionio; những con sông chảy về bên này, bên kia; những thành phố trắng toát, những vịnh, những vũng xanh lam, những hòn đảo màu lục"; và cậu kể tên núi tên sông theo thứ tự không sót một tên như cậu đang đọc trên bản đồ vậy. Cậu Derossi này có duyên thật, mái đầu ngẩng cao, tóc vàng tươi, xoắn tít, đôi mắt đẹp thông minh; tất cả chúng tôi đều ngưỡng mộ cậu. Chỉ không đầy một tiếng đồng hồ, cậu đã thuộc lòng một bài thơ dài hai trang để ngày kia sẽ ngâm trong một buổi lễ. Nelli cũng nhìn cậu mà thán phục; các ngón tay vân vê đường viền của chiếc tạp dề màu đen, miệng mỉm cười, đôi mắt trong và đượm buồn như sáng lên vì nụ cười đó.

Còn tôi, các bạn đến chơi hôm nay làm cho tôi vui sướng vô cùng, như để lại những tia sáng trong tâm trí tôi. Tôi lại rất thích thú ngắm cậu bé Nelli ra về, đi giữa hai bạn khoác hai tay mình, hai bạn cao khỏe, còn cậu thì bé nhỏ mảnh khảnh nhưng vui cười hể hả, tôi chưa hề thấy bao giờ.

Tiễn các bạn về rồi, tôi trở vào phòng ăn, thì chợt nhận ra là bức tranh vẽ Rigoletto, anh hề gù lưng, đã biến đâu mất. Thì ra bố đã cất đi từ trước khi các cậu đến, để cho Nelli khỏi phải trông thấy.

Franti bị đuổi học

Thứ bảy 21

Trong lớp chúng tôi, có một đứa rất khó chịu, đó là Franti. Tôi ghét thằng này vì nó là một đứa xấu bụng. Khi thấy một ông bố nào đấy đến nhờ thầy giáo khiển trách con mình, là nó mừng rỡ. Khi có người khóc là nó cười. Nó run sợ trước mặt Garrone, nhưng lại đánh cậu bé thợ nề không đủ sức tự vệ. Nó hành hạ Crossi, cậu bé bị liệt một cánh tay, chế giễu Precossi mà mọi người đều nể, và nhạo báng cả Robetti, cậu học lớp hai đi phải chống nạng vì đã cứu một em bé. Nó khiêu khích những người yếu nhất, và khi đánh nhau thì nó hăng máu, trở nên hung tợn, và cố chơi những miếng rất hiểm độc.

Có một cái gì làm cho người ta ghê tởm ở cái trán thấp ấy, trong cái nhìn vẩn đục ấy, mà nó che giấu dưới cái mũ có lưỡi trai bằng vải dầu của nó. Franti không kiêng sợ gì cả, nó chế nhạo cả thầy giáo, ai sơ hở cái gì là ăn cắp ngay, chối lỗi một cách trắng trợn không thể tưởng tượng được, và không lúc nào là không gây gổ với người nào đấy. Nó mang vào lớp học những cái kim to tướng để chích các bạn ngồi cạnh, rứt khuy áo của nó và rứt cả khuy áo của người khác. Sách, vở, sổ tay của nó đều dây mực bê bết và rách nát, bẩn thỉu; thước kẻ thì như có răng cưa, ngòi bút thì tòe ra, móng tay thì cắn bằng mồm, áo quần thì bị móc rách tứ tung trong những lúc đánh nhau.

Người ta nói mẹ nó vì nó mà buồn phiền đến phát ốm, và bố nó đã ba lần đuổi nó ra khỏi nhà. Thỉnh thoảng mẹ nó lại đến trường hỏi thầy giáo về hạnh kiểm của con; và lần nào trở về cũng vừa đi vừa khóc. Franti ghét thầy giáo, ghét bạn học, ghét nhà trường. Đôi lúc thầy giáo làm ngơ như không nghe những lời tục tĩu của nó, thì nó lại càng làm già. Thầy Perboni muốn dịu dàng mà cảm hóa nó, nhưng nó chẳng đếm xỉa gì đến. Thế là thầy phải đe dọa nghiêm khắc. Franti lấy hai tay che mặt làm như nó khóc, trái lại là nó đang cười! Nó bị tạm đuổi ba ngày, xong nó lại đến trường, càng láo xược hơn bao giờ hết.

Một hôm Derossi bảo nó: “Thôi, hãy chấm dứt đi chứ! Cậu lạm dụng quá đáng lòng tốt của thầy giáo”.

Tất cả câu trả lời của Franti là dọa đâm một cái đinh vào bụng Derossi. Cuối cùng, sáng nay nó bị tống ra khỏi trường như một con chó.

Trong lúc thầy giáo đưa cho Garrone bản thảo truyện đọc hàng tháng

Cậu bé đánh trống người Sardegna để chép, thì Franti ném xuống sàn một chiếc pháo nổ đùng, dội vang cả bốn bức tường của lớp học như một phát súng. Tất cả học sinh đều giật nẩy mình. Thầy giáo đứng dậy và quát: "Franti, ra khỏi đây lập tức!"

Nó vừa trả lời vừa cười:

- Không phải tôi.

- Ra ngay, - thầy Perboni nhắc lại.

- Tôi sẽ không nhích một bước nào đâu.

Nghe câu trả lời mất dạy ấy, thầy Perboni không bình tĩnh được nữa, thầy chạy lại xốc nách Franti, nhấc bổng nó ra khỏi ghế, thằng vô lại vừa vùng vẫy, vừa la hét và nghiến răng, thầy phải dùng sức lôi nó ra khỏi lớp lên đến phòng thầy hiệu trưởng. Khi trở về lớp một mình, thầy Perboni ngồi vào bàn, hai tay ôm đầu, mệt hết hơi và buồn rầu, nét mặt ngao ngán trông thật đau lòng.

"Từ ba mươi năm dạy học, chưa bao giờ xảy ra cho thầy một việc như thế này" thầy vừa nói vừa thở dài.

Cả lớp không một ai động đậy. Hai bàn tay thầy còn run lên, và vết nhăn chạy dài trên trán thầy trông sâu hoắm, giống như một vết thương. Ái ngại thay cho thầy! Tất cả học sinh đều ái ngại cho thầy. Derossi đứng dậy và nói với thầy:

"Thưa thầy, xin thầy đừng buồn phiền nữa, tất cả chúng con ở đây đều rất kính yêu thầy".

Nghe những lời dịu dàng ấy, hình như thầy bình tĩnh trở lại và nói khẽ: "Các con, chúng ta lại học tiếp".

Cậu bé đánh trống người Sardegna[28]

(Truyện đọc hàng tháng)

Ngày đầu tiên của trận Custoza[29] nghĩa là ngày 21 tháng bảy năm 1848, có khoảng sáu mươi người lính thuộc một trung đoàn bộ binh được điều đến một gò cao để chiếm một ngôi nhà trơ trọi trên ấy. Bất ngờ họ bị hai đại đội quân Áo bao vây. Quân Áo bắn rát đến nỗi những người bộ binh chỉ còn vừa đủ thì giờ rút vào nấp trong ngôi nhà, và vội vàng dựng chướng ngại vật chắn các cửa ra vào, để lại mấy người chết và bị thương ngoài đồng.

Các cánh cửa đã đóng chặt, lính mới từ các cửa sổ ở trên gác và ở tầng dưới bắt đầu bắn vào đám quân đang bao vây. Bọn này tiến dần theo hình bán nguyệt, bắn trả dữ dội.

Sáu mươi bộ binh Ý do hai sĩ quan sơ cấp và một đại úy chỉ huy; ông đại úy đã già, cao lớn, khô khan, tóc râu bạc hết. Cùng chiến đấu với họ có một người lính đánh trống người Sardegna, một cậu bé mười bốn tuổi là cùng, nhưng trông chỉ bằng mười hai tuổi, nhỏ nhắn, nước da xanh, đôi mắt đen và sâu. Viên đại úy chỉ huy cuộc chống giữ từ một căn phòng ở trên gác, ra những lệnh cương quyết như những phát súng; và trên khuôn mặt sắt không hề thấy một chút xúc động nào. Cậu bé đánh trống người hơi xanh, nhưng đôi chân khỏe, đã leo lên một cái bàn, nhìn qua cửa sổ, thấy sau làn khói những hàng lính Áo mặc áo trắng đang tiến lên từ từ trên các cánh đồng.

Ngôi nhà ở trên đỉnh một cái dốc thẳng đứng, bên phía này chẳng có cửa sổ nào ngoài một cửa nho nhỏ trổ trên mái nhà. Vì vậy mà quân Áo chỉ nhằm bắn vào mặt trước và hai đầu nhà.

Nhưng chúng bắn dữ dội ghê gớm, một trận mưa đạn làm thủng lỗ chỗ các bức tường và nát vụn ngói trên mái; bên trong nhà, đạn bắn vỡ đồ đạc, các mái hiên bụng rắn, trần nhà, cửa ra vào, làm tung tóe lên những mảnh gỗ, những làn bụi thạch cao, những mảnh bát đĩa và những mảnh cửa kính.

Chốc chốc lại một người lính đang bắn qua cửa sổ ngã quỵ xuống sàn; người ta phải kéo vào một góc nhà. Vài người lính khác đi lảo đảo từ buồng này sang buồng khác, bàn tay co quắp ấn chặt vào các vết thương của mình. Trong nhà bếp đã có một người chết, trán bị thủng toang hoác.

Vòng vây của quân địch xiết chặt một cách trông thấy.

Viên đại úy từ trước vẫn không chút nao núng, thì bấy giờ cũng có một

cử chỉ lo ngại, vội vã ra khỏi buồng, có một viên trung sĩ đi theo. Ba phút sau, viên trung sĩ chạy đi gọi cậu bé đánh trống. Cậu theo viên trung sĩ chạy lên thang gác và cùng vào một cái gác xép trống không; viên đại úy ở đó, đang viết bằng bút chì lên một tờ giấy để áp vào kính của cái cửa sổ nhỏ. Dưới chân ông, có một sợi dây gàu múc nước.

Viên đại úy gấp tờ giấy lại và nói, vừa nói vừa nhìn thẳng vào mắt cậu bé với cái nhìn lạnh lùng của ông đã từng làm cho tất cả quân lính đều phải run sợ:

"Lính đánh trống!"

Người lính đánh trống đứng nghiêm, đặt tay lên mũ.

"Cậu có can đảm không?"

Đôi mắt cậu bé sáng lên như một tia chớp:

- Có, thưa đại úy, - cậu trả lời.

- Nhìn ra phía kia kìa, - viên đại úy vừa nói, vừa đẩy cậu ra phía cửa sổ mái nhà, - phía đồng bằng ấy, bên cạnh những ngôi nhà ở Villafranca, nơi có lưỡi lê lấp lánh, có trung đoàn của chúng ta đóng ở đấy. Cầm giấy này, lấy dây thừng này mà tụt xuống qua cửa sổ, lăn xuống dốc, băng qua các cánh đồng, chạy nhanh đến trung đoàn và trao giấy này cho viên sĩ quan nào gặp đầu tiên. Bỏ thắt lưng và túi đạn ra.

Cậu bé đánh trống cởi thắt lưng và túi đạn bỏ lại, luồn mảnh giấy vào túi áo; viên trung sĩ ném sợi thừng qua cửa sổ và hai tay nắm lấy một đầu dây, trong khi viên đại úy giúp cậu bé chui ra cửa, lưng quay về phía cánh đồng.

- Nghe đây, lính đánh trống, - viên đại úy dặn, - vận mệnh phân đội chúng ta đều nhờ vào lòng can đảm và đôi chân của cậu đấy!

- Xin đại úy tin tôi, - cậu bé vừa trả lời, vừa đánh đu vào sợi thừng dòng ra ngoài cửa sổ.

- Gặp người lại mà tụt xuống, - viên đại úy lại dặn thêm, vừa nói vừa giúp viên trung sĩ giữ đầu dây dòng cậu bé xuống.

- Đừng sợ gì hết.

Chỉ mấy giây là cậu bé đánh trống đã chạm đất. Viên trung sĩ thu sợi dây lại và đi nơi khác. Viên đại úy cúi mình nhìn qua cửa sổ và thấy cậu bé đang chạy xuống dốc. Ông đang hy vọng cậu bé đi thoát không ai thấy, thì năm sáu đám bụi mù từ đất tung lên trước mặt và sau lưng cậu cho ông ta biết là cậu đã bị quân Áo trông thấy. Từ trên đỉnh đồi chúng bắn vào cậu. Những đám bụi mù ấy do đạn bắn tung đất lên. Cậu bé đánh trống cứ tiếp tục chạy

nhanh như một con thỏ rừng. Thình lình cậu quỵ xuống. “Chết rồi!” viên đại úy gầm lên và cắn vào nắm tay mình. Nhưng vừa dứt lời thì đã thấy cậu bé đứng dậy.

“À, chỉ ngã thôi!” ông ta nói một mình và thở phào. Cậu bé đánh trống lại tiếp tục chạy, nhưng chạy khập khiễng.

“Nó bị sái chân”, viên đại úy nghĩ như vậy. Vài đám bụi nhỏ tung lên đây đó, quanh cậu bé, nhưng mỗi lúc một cách xa. “Cậu thoát rồi đấy”. Viên đại úy kêu lên một tiếng thắng lợi, nhưng vẫn tiếp tục nhìn theo cậu, lòng hồi hộp vì thời gian chỉ còn tính từng phút một. Nếu cậu bé đánh trống không tới trung đoàn được trong thời gian ngắn nhất với mảnh giấy xin viện binh đến ngay, thì tất cả phân đội sẽ bị tiêu diệt, hoặc là ông sẽ phải cùng với họ để cho địch bắt làm tù binh. Cậu bé chạy nhanh như một mũi tên, rồi chậm lại và khập khiễng, rồi lại chạy nữa, nhưng mỗi lúc một khó nhọc hơn, và chốc chốc lại loạng choạng mất thăng bằng và dừng lại.

“Có thể một mảnh đạn đã bắn trúng nó chăng?” viên đại úy tự bảo như vậy; rồi lại theo dõi từng cử chỉ của cậu, ông ta hổn hển vừa khích lệ cậu, nói với cậu làm như cậu có thể nghe được lời ông, đội mắt nảy lửa cứ chằm chằm đo mãi khoảng cách giữa cậu bé liên lạc của ông ta với ánh lưỡi lê trông thấy giữa những cánh đồng hương mạch vàng óng dưới ánh mặt trời. Cũng trong lúc ấy viên đại úy nghe tiếng đạn rít và đập rào rào trong các buồng ở những tầng dưới, những mệnh lệnh dõng dạc, những tiếng thét điên dại của các sĩ quan và trưng sĩ, những tiếng rên rỉ của người bị thương, tiếng đồ đạc bị đập vỡ và màn trướng bị xé rách. “Cố lên, can đảm lên, - viên đại úy vừa nói vừa nhìn theo cậu bé đánh trống, chạy dấn lên, con!… Ồ, nó đứng lại rồi! Bỏ mẹ!… không, nó lại chạy”.

Một sĩ quan chạy đến, vẻ mặt lo âu, nói với viên đại úy rằng quân địch vẫn không ngừng bắn, nhưng lại giương lên một lá cờ trắng, lệnh cho chúng ta ra hàng.

“Đừng trả lời chúng nó” viên đại úy nói, mắt không rời khỏi cậu bé khi đó đã ra tới ngoài cánh đồng; nhưng giờ cậu không chạy nữa, chỉ cố sức lê mình đi thôi.

“Kìa, đi đi chứ, chạy đi chứ! - viên đại úy nói, hai hàm răng nghiến chặt và đôi bàn tay nắm chặt, - chết cũng được nếu cần, nhưng phải đến nơi, phải đến nơi!”

Đúng lúc ấy viên đại úy thét lên một lời nguyền rủa dữ dội: “À, thằng hèn nhát! Nó ngồi xuống rồi!”

Quả thật, cậu bé mà ông ta vẫn thấy cái đầu nhấp nhô trên các ngọn lúa,

bỗng biến đâu mất, như bị ngã xuống. Một lát sau cái đầu cậu bé lại hiện ra, rồi lại mất hút sau những hàng giậu; viên đại úy không nhìn thấy cậu bé đánh trống nữa.

Ông ta lao xuống thang gác; đạn bắn như điên cuồng, các buồng đều ngổn ngang những người bị thương; vài người lăn mình vật vã trên sàn nhà, quằn quại trong cơn đau đớn, bám vào đồ đạc một cách tuyệt vọng. Màn thảm, sàn nhà đẫm những máu; những xác chết nằm sóng sượt giữa các ngưỡng cửa; viên trung úy bị một viên đạn bắn gãy cánh tay phải; bụi và khói bao trùm cả cái cảnh buồn thảm này.

“Can đảm lên! - viên đại úy hô to, - giữ vững vị trí! Viện binh sẽ đến, can đảm thêm chút nữa!”

Quân Áo lại đến gần thêm; qua làn khói người ta trông thấy những bộ mặt biến dạng của chúng, giữa những loạt súng, người ta nghe tiếng thét man rợ của chúng, tiếng chúng chửi rủa những người bị vây, ra lệnh cho họ đầu hàng, đe dọa giết chết họ.

Vài người lính khiếp sợ, rút khỏi các cửa sổ; các viên trung sĩ đẩy họ trở lại đằng trước. Nhưng hỏa lực của bọn bao vây tăng lên gấp bội, vẻ thất vọng hiện lên trên tất cả các khuôn mặt, chẳng còn cách nào chống cự được nữa. Một lúc nào đấy tiếng súng của quân Áo thưa đi, và một giọng chói tai thét lên, lúc đầu bằng tiếng Đức, sau bằng tiếng Ý: “Hàng đi!”

- Không! - Viên đại úy thét lên từ một cửa sổ. Thế là tiếng súng lại nổi dậy dữ dội, từ cả hai phía. Lại những người lính nữa ngã xuống. Một số cửa sổ đã không còn người chống giữ. Giờ phút bị tiêu diệt đang tới trước mắt. Viên đại úy giọng rít lên, gầm trong kẽ răng: “Họ không đến, không đến!” và đi đi lại lại, dữ dội, bàn tay giần giật nắm chặt chuôi kiếm, quyết chết không hàng, thì bỗng một viên trung sĩ từ trên gác xép chạy xuống, thét ầm lên:

“Họ đến, họ đến!”

- Họ đến! - Viên đại úy đáp lại trong một tiếng kêu vui mừng.

Tức thì, tất cả mọi người: quân lính, thương binh, trung sĩ, sĩ quan lao ùa đến các cửa sổ; và cuộc chiến đấu lại tiếp tục kịch liệt hơn.

Một lát sau, người ta thấy phía quân địch như có ngập ngừng, rồi bắt đầu rối loạn. Tức khắc viên đại úy tập hợp vài người trong một phòng ở tầng dưới để tung ra đánh giáp lá cà bằng lưỡi lê.

Rồi ông ta chạy lên gác. Vừa đến nơi đã nghe tiếng súng nổ gấp, kèm theo những tiếng hô “xung phong” dữ dội, và từ các cửa sổ, người ta trông thấy qua khói mù những chóp mũ hai sừng của lính pháo kỵ[30] Ý; một đại

đội lao tới như bay và những lưỡi gươm sáng loáng bổ xuống đầu, xuống vai, xuống lưng quân địch như chớp giật, sấm đổ. Thế là đội xung kích lao ra cửa, lưỡi lê chĩa thẳng ra phía trước.

Quân địch lao đao, tan tác và chạy trốn: trận địa bị quét quang, ngôi nhà được giải phóng. Lát sau hai tiểu đoàn bộ binh Ý với hai khẩu đại bác đến chiếm đóng quả đồi.

Viên đại úy và những người lính không bị thương còn lại nhập vào trung đoàn của họ và tiếp tục chiến đấu. Ông ta bị thương nhẹ ở bàn tay trái do một viên đạn lạc trong đợt xung kích sau cùng.

Ngày hôm ấy kết thúc bằng chiến thắng của quân Ý.

Nhưng hôm sau, trận đánh lại tiếp tục, quân ta bị đánh tan dù kháng cự rất anh dũng, vì quân Áo đông hơn nhiều, và sáng 23 phải buồn rầu lên đường rút về sông Mincio.

Viên đại úy, tuy bị thương, vẫn đi bộ với những người lính của mình, phờ phạc và im lặng; đến xế chiều thì tới Goito, trên bờ sông Mincio; đến đấy ông liền tìm viên trung úy của mình bị gãy một cánh tay và đã được đưa về trạm quân y.

Viên trung úy phải đến Goito trước ông đại úy và người ta chỉ cho ông này một ngôi nhà thờ. Một bệnh viện đã được lập vội ở đấy, chứa đầy thương binh, nằm trên những giường và đệm xếp thành hai dãy. Hai y sĩ và mấy y tá chạy đi chạy lại, mệt hết hơi. Những tiếng kêu cố nén lại, những tiếng rên buột ra từ miệng những người đau đớn. Vừa vào, ông đại úy dừng lại, đưa mắt tìm viên trung úy của mình, thì nghe một tiếng yếu ớt gọi mình ngay bên cạnh.

“Đại úy!”

Ông ta quay lại. Đó là cậu bé đánh trống. Cậu nằm trên một chiếc giường dã chiến, một bức màn cũ kẻ ô đỏ và trắng đắp đến ngực, hai cánh tay duỗi ra ngoài, mặt tái xanh, dài hẳn ra, nhưng đôi mắt thì vẫn sáng như hai viên kim cương đen nhánh.

- Cậu ở đây à? - Ông đại úy ngạc nhiên hỏi – Hoan hô! Cậu đã làm tròn nhiệm vụ!

- Cháu đã cố gắng hết sức, - cậu bé trả lời.

- Cậu bị thương à? - ông đại úy hỏi tiếp, vừa đưa mắt tìm viên trung úy của mình ở các giường gần đấy.

Cậu bé đánh trống, tự hào vì bị thương lần đầu, đã có can đảm nói

chuyện với ông đại úy, là một việc mà không bị thương thì cậu không bao giờ dám làm, cậu nói:

"Làm thế nào được? Cháu đã cố gắng chạy nhanh hết sức, nhưng quân Áo vẫn trông thấy. Cháu có thể tới nơi sớm hơn hai mươi phút nếu không bị trúng đạn; may mà cháu tìm được ngay một sĩ quan tham mưu và trao giấy cho ông ta. Nhưng vất vả lắm, vì phải cố chạy sau khi đã nhận được sự "vuốt ve" của quân Áo! Cháu khát nước muốn chết, cháu sợ không đến nơi được, cháu khóc như điên vì nghĩ rằng cứ chậm mỗi phút là một người nào đấy của chúng ta ở trên đồi sẽ phải đi đứt. Nhưng thế là đủ, cháu đã cố làm hết sức mình. Cháu rất vui lòng. Xin phép đại úy, kia, đại úy đang chảy máu kìa".

Thật vậy, từ lòng bàn tay ông đại úy băng không kỹ, những giọt máu đỏ tươi chảy xuống theo các ngón tay.

"Đại úy có muốn cháu băng lại cho không?" Ông đại úy chìa bàn tay trái ra và dang tay phải ra giúp cậu bé cởi cái nút băng; nhưng cậu vừa mới cất đầu dậy khỏi gối thì đã tái mét và phải nằm vật xuống lại.

"Thôi được, thôi được, - ông đại úy vừa nhìn cậu vừa rụt bàn tay mà cậu muốn giữ lại, - hãy nghĩ đến việc của cậu hơn là việc của người khác, vì những vết thương nhỏ có thể thành ra nặng đấy".

Cậu bé lắc đầu.

- Còn cậu, - ông đại úy vừa nói vừa nhìn cậu chăm chú, chắc cậu cũng bị mất nhiều máu lắm mới đến nỗi yếu như vậy?

- Vâng, mất nhiều máu, - cậu vừa trả lời vừa mỉm cười, - và không những mất máu mà còn mất cái khác nữa, đại úy xem đây!

Và nhanh tay cậu giở cái chăn ra.

Ông đại úy kinh hoàng, lùi lại một bước.

Cậu bé đánh trống chỉ còn có một chân. Chân trái đã bị cắt cụt quá đầu gối; khúc chân còn lại băng bằng những mảnh vải đẫm máu.

Vừa lúc ấy một y sĩ quân y đi qua, mặc sơ mi, người thấp và béo.

"Ồ đại úy ạ - viên quân y nói nhanh và chỉ cậu bé bị thương, - đây là một trường hợp thương tâm: một cái chân có thể chữa khỏi như bỡn, nếu không bắt buộc phải cố sức một cách điên cuồng; vì cố chạy mà chân viêm tấy lên do nhiễm trùng, nên phải cắt ngay lập tức. Ồ! Nhưng thật là một cậu bé dũng cảm, xin bảo đảm như vậy. Cậu không hề khóc, không hề kêu một tiếng… Trong khi giải phẫu cho cậu, tôi rất kiêu hãnh vì cậu là một đứa con của nước Ý… Lạy Chúa, thật là dòng giống anh hùng".

Rồi viên quân y chạy đi nơi khác, lúc nào cũng vội vàng.

Ông đại úy nhíu đôi lông mày rậm và bạc lại, nhìn cậu bé đánh trống không chớp mắt, và đắp chăn lại cho cậu. Rồi bất giác, mắt vẫn nhìn cậu chằm chằm, ông từ từ đưa tay lên chiếc kê-pi và bỏ mũ ra chào cậu bé thương binh.

"Đại úy! Cậu bé ngạc nhiên kêu lên, - đại úy làm gì vậy? Đại úy chào cháu sao?…"

Thế là người chiến sĩ già chưa từng bao giờ nói một lời nhẹ nhàng với một ai dưới quyền mình, trả lời cậu bé giọng đầy thương yêu và dịu dàng:

"Tôi chỉ là một đại úy, còn cậu, cậu là một anh hùng!"

Rồi đại úy dang rộng tay, ôm chầm lấy cậu bé đánh trống, siết chặt cậu vào lòng và hôn cậu ba lần.

Tình yêu nước

(thư của bố)

Thứ ba 24

"Truyện Cậu bé đánh trống người Sardegna đã làm cho con cảm động sâu sắc, thế thì sáng hôm nay chắc là con phải làm dễ dàng bài văn đầu đề:

"Tại sao cậu yêu đất nước của cậu?"

"Tại sao tôi yêu đất nước của tôi?" Câu hỏi ấy chẳng đã gợi lên ngay trong ý nghĩ của con vô số câu trả lời hay sao? Tôi yêu đất nước của tôi là vì mẹ tôi sinh ra ở đó; vì dòng máu chảy trong huyết quản của tôi là hoàn toàn thuộc về đất nước tôi; vì dưới mảnh đất thiêng liêng ấy đã chôn những người mà mẹ tôi thương xót và cha tôi tôn kính; vì thành phố mà tôi đã sinh ra, cái tiếng mà tôi nói, những quyển sách dạy tôi học; vì em trai tôi, em gái tôi, bạn bè tôi và cả dân tộc vĩ đại mà tôi đang sống trong đó, thiên nhiên tươi đẹp bao quanh tôi; tóm lại, tất cả những gì tôi thấy, tất cả những gì tôi yêu mến, tôi kính phục, tất cả đều là những bộ phận hợp thành đất nước tôi. Ôi! Giờ thì con chưa thể hiểu hết tình yêu nước ấy được. Sau này, khi khôn lớn, con sẽ cảm thấy rõ hơn; sau một cuộc đi xa trở về, một buổi sáng nọ, tựa vào bao lơn của con tàu, con trông thấy ở chân trời những dãy núi xanh biếc của đất nước con; bấy giờ con sẽ không tài nào cầm nổi những giọt lệ cảm kích và một tiếng kêu vui mừng.

Con sẽ cảm thấy tình yêu nước, khi ở nơi xa lạ, giữa đám đông người dửng dưng với con, con chợt nghe tâm hồn con đẩy con lại phía một người công nhân không quen biết, khi đi qua đã nói một vài tiếng bằng ngôn ngữ của con. Con sẽ cảm thấy qua cơn phẫn nộ đau đớn làm con đỏ mặt tía tai, khi con nghe một người nước ngoài thóa mạ đất nước của con. Con sẽ cảm thấy lòng yêu nước mãnh liệt hơn, và tự hào hơn, khi sự đe dọa của một nước thù địch làm nổi lên một cơn bão lửa trên Tổ quốc, và con thấy khắp nơi những thanh niên giương cao vũ khí, những người cha ôm hôn con và nói: "Dũng cảm lên", và những bà mẹ vui vẻ tiễn đưa quân đội lên đường với lời chúc: "Hãy chiến thắng!". Con sẽ cảm thấy lòng yêu nước như một niềm vui thiêng liêng nếu con được hạnh phúc trông thấy những trung đoàn trở về thành'phố, quân số tiêu hao, quân sĩ kiệt lực, nhưng khóe mắt chói lọi vẻ rực rỡ của chiến thắng; con sẽ cảm thấy lòng yêu nước khi trông thấy lá cờ ba màu lỗ chỗ vết đạn; theo sau là một đoàn dài những dũng sĩ ngẩng cao đầu quấn băng, cánh tay buộc chéo vì thương tật; họ đi giữa một rừng người nhiệt liệt tung hoa như mưa vào họ, gửi đến họ nào lời cầu chúc, nào

những cái hôn. Enrico ạ, lúc đó con sẽ hiểu thế nào là tình yêu nước. Đó là một tình cảm vĩ đại và thiêng liêng đến mức như thế này, con ạ. Giá một ngày nào đó, bố thấy con từ một trận chiến đấu vì Tổ quốc mà trở về, bình yên vô sự, nhưng lại biết rằng con, dòng máu và là đứa con thân yêu của bố, để bảo toàn tính mạng, đã trốn tránh nguy hiểm thì bố của con, ngày nay mỗi lần con đi học về bố đón con với một tiếng reo vui, lúc ấy bố sẽ đón con với một tiếng nấc đau đớn; bố sẽ không còn có thể yêu con được nữa, và bố sẽ chết với nhát dao găm ấy đâm vào tim.

Bố của con"

Tính đố kỵ
Thứ tư 25

Lại vẫn Derossi là người làm bài thi giỏi nhất lớp. Nhưng Votini thì cứ chắc rằng mình sẽ được huy chương đầu lớp. Có thể tôi cũng yêu Votini lắm, mặc dù cậu ta hơi tự phụ, và quá chú trọng đến việc ăn mặc; nhưng giờ cậu đến ngồi cạnh tôi và tôi không ưa. Cậu ghen tị quá đáng với Derossi. Cậu học là để ganh đua với Derossi, nhưng bạn Derossi lại vượt cậu về mọi mặt. Carlo Nobis cũng ghen với Derossi đấy nhưng lại rất tự kiêu nên không hề để lộ cho ai biết. Còn Votini thì trái lại, không tự kiềm chế được; bị điểm thấp hơn thì về nhà phàn nàn rằng thầy giáo không công bằng, cho nó ít điểm hơn Derossi. Khi Derossi trả lời nhanh và đúng những câu hỏi của thầy như thường lệ, thì Votini vờ như không nghe, hoặc cố cười. Nhưng mà cười gằn. Và như mọi người thường để ý thấy, khi thầy giáo khen Derossi thì người ta đều quay lại nhìn vẻ mặt tức giận của Votini, còn cậu bé thợ nề thì hướng về nó mà làm trò sứt môi.

Chẳng hạn như sáng hôm nay, thầy giáo vào lớp và công bố kết quả kỳ thi.

"Derossi 10 điểm, được thưởng huy chương đầu lớp".

Votini nghe thấy liền hắt hơi rất mạnh. Thầy giáo nhìn cậu và hiểu ngay.

"Votini, thầy nói với cậu ta, - đừng để cho con rắn ghen tị luồn vào trong tim. Đó là một con rắn độc, nó gặm mòn khối óc và làm đồi bại trái tim". Tất cả học sinh, trừ Derossi, đều nhìn Votini. Cậu ta muốn trả lời, nhưng không nói được, cứ ngồi sững sờ, mặt tái mét. Thế rồi, trong khi thầy Perboni giảng bài, cậu ta viết chữ rất to lên một tờ giấy: "Tôi không ghen tị với những kẻ nào được huy chương nhờ che chở và bất công".

Votini định chuyển tờ giấy ấy cho Derossi. Cũng cùng lúc ấy tôi thấy mấy bạn ngồi cạnh Derossi ghé tai nhau thì thầm, và một bạn lấy dao cắt một chiếc huy chương giấy to, vẽ lên đó một con rắn đen. Votini trông thấy. Thầy giáo đi ra ngoài một chốc, các bạn ấy liền đứng dậy, trịnh trọng đem chiếc huy chương giấy đến tặng con người ghen tị. Cả lớp đang chờ xem một màn kịch thú vị, Votini thì đã run lẩy bẩy. Derossi kêu to: "Đưa đây cho tôi!"

- Càng tốt, - các bạn trả lời, - chính cậu phải mang tặng mới đúng.

Derossi cầm cái huy chương và xé vụn ra. Vừa lúc ấy, thầy giáo trở vào và giảng tiếp bài. Tôi không rời mắt khỏi Votini, thấy cậu thẹn đỏ mặt; cậu

từ từ cầm lấy mảnh giấy đã viết và như lơ đãng, vo vo trong bàn tay, bỏ vào mồm nhai mấy phút, rồi nhổ xuống dưới ghế…

Lúc tan học, đi qua trước mặt Derossi, Votini hơi lúng túng, đánh rơi tờ giấy thấm. Derossi rất dễ thương nhặt lên, đút vào cặp cho Votini và giúp bạn cài cặp lại. Cậu kia thì chẳng dám nhìn Derossi.

Bà mẹ Franti

Thứ bảy 28

Sáng hôm sau bà mẹ Franti thình lình bước vào lớp, mái tóc hoa râm rối bù, tuyết bám đầy người, ấy con mình đi trước. Tám hôm nay, Franti không trở lại lớp học. Chúng tôi được chứng kiến một cảnh thật buồn. Bà mẹ tội nghiệp, gần như quỳ xuống, chắp tay khẩn khoản van xin thầy hiệu trưởng:

"Ôi! Thưa thầy hiệu trưởng, thầy làm phúc cho con tôi được vào học lại. Từ ba hôm nay, tôi phải giấu cháu trong nhà, vì bố cháu mà biết chuyện thì bố cháu giết chết nó mất. Xin thầy rủ lòng thương chúng tôi, tôi chẳng còn biết làm gì được nữa, tôi van thầy…"

Thầy hiệu trưởng tìm cách đưa bà ra, nhưng bà cứ nằn nì, khóc lóc và van xin:

"Ôi, giá thầy biết thằng bé này đã làm khổ tôi đến thế nào, thì thầy sẽ thương hại tôi… Xin thầy làm phúc cho tôi. Tôi mong rằng nó sẽ thay đổi. Tôi không còn sống được lâu nữa, thầy hiệu trưởng ạ, tôi đã chết cả cõi lòng rồi. Tôi mong biết bao nhiêu khi thấy con trai tôi thay đổi tâm tính trước khi tôi chết, bởi vì… - thế là bà mẹ khổ sở khóc òa lên - nó là con tôi, tôi yêu nó, tôi sẽ chết vì tuyệt vọng thôi. Xin thầy hiệu trưởng nhận nó lại, để cho khỏi xảy ra một tai họa. Xin thầy rủ lòng thương một người mẹ khốn khổ…"

Bà lấy tay úp vào mặt mà khóc. Franti đứng cúi đầu, thản nhiên. Thầy hiệu trưởng nhìn nó, suy nghĩ một hồi rồi bảo: "Franti, về chỗ ngồi".

Bà mẹ thôi khóc ngay và cảm ơn thầy hiệu trưởng, rồi sắp ra về, vừa lau nước mắt vừa nói thêm:

"Cám ơn thầy hiệu trưởng, thầy đã làm phúc cho tôi… Này con, phải sửa mình cho tốt; và các con, xin các con nhẫn nại một chút… Chào các con, một lần nữa xin cám ơn, và xin thầy hiệu trưởng bỏ lỗi cho một người mẹ đau khổ".

Trên ngưỡng cửa, bà còn ngoái nhìn con, đôi mắt van lơn; rồi bà đi ra, lom khom, bải hoải, mặt mày tái nhợt; và chúng tôi còn nghe bà ho ở dưới chân cầu thang.

Thầy hiệu trưởng nhìn chằm chằm Franti, và giữa cảnh im lặng như tờ, thầy nói, giọng thầy làm cho tất cả chúng tôi đều xúc động: "Franti, cậu đã giết chết mẹ cậu!"

Tất cả chúng tôi đều quay nhìn Franti, cái thằng ô nhục ấy vẫn mỉm

cười…

THÁNG HAI

Chiếc huy chương xứng đáng

Thứ bảy 4

Sáng hôm nay, ông tổng thanh tra đã đến trường để trao thưởng huy chương cho các học sinh. Ông mặc quần áo màu đen, râu ông đã bạc. Ông vào lớp cùng với thầy hiệu trưởng trước giờ tan học một ít, và ngồi vào cạnh thầy giáo. Ông gọi một vài học sinh lên hỏi, trao chiếc huy chương nhất lớp cho Derossi. Trước khi trao chiếc thứ nhì ông trao đổi ý kiến nho nhỏ với thầy hiệu trưởng và thầy giáo. Chúng tôi hỏi nhau: "Ai sẽ được chiếc huy chương thứ nhì nhỉ?"

Ông tổng thanh tra tuyên bố.

- Người xứng đáng được thưởng huy chương thứ nhì trong tuần này là học sinh Pietro Precossi, xứng đáng vì đã học tốt ở trường, và ở nhà, vì rất thuộc các bài học và viết chữ đẹp.

Tất cả học sinh đều tự nhiên ngoảnh nhìn Precossi, điều đó chứng tỏ các bạn đã vui lòng biết bao về cái phần thưởng này. Precossi đứng dậy, lúng túng, đến nỗi không biết nên làm gì nữa.

"Mời cậu lên đây" ông thanh tra nói.

Precossi ra khỏi ghế, bước lên đứng cạnh bàn thầy giáo.

Ông tổng thanh tra nhìn chăm chú khuôn mặt bé nhỏ vàng như sáp, cái thân hình bé nhỏ trong bộ quần áo bị thủng rách và bạc màu, đôi mắt hiền hậu và buồn rầu, biểu lộ chuỗi dài những đau khổ đã phải chịu đựng, rồi vừa gắn chiếc huy chương lên ngực cho cậu, vừa nói giọng rất dịu dàng.

- Precossi, tôi thưởng cậu chiếc huy chương này vì không ai xứng đáng được đeo hơn cậu. Tôi thưởng cho cậu không phải vì cậu thông minh và có thiện chí, tôi thưởng cho lòng tốt, cho sự can đảm của cậu, cho đức tính của người con quả cảm và trung hậu, - Rồi ông hỏi cả lớp - Có phải là bạn cũng đáng thưởng vì lòng hiếu thảo của một đứa con đối với cha mẹ nữa không?

- Vâng ạ, vâng ạ! - Học sinh đồng thanh đáp lại, bao nhiêu người nhưng chỉ có một tiếng.

Precossi quay nhìn chúng tôi, đôi mắt biểu lộ một lòng biết ơn vô hạn.

- Thôi, con về chỗ, chúc con sung sướng, - ông tổng thanh tra nói.

Đã đến giờ tan học. Lớp chúng tôi được ra trước các lớp khác. Vừa qua ngưỡng cửa, chúng tôi thấy bố cậu Precossi bác thợ rèn, ở gian phòng trước,

mặt tái nhợt như mọi khi, đôi mắt hung tợn, tóc xõa xuống tận mắt, chiếc mũ lưỡi trai đội lệch, hai chân không đứng vững. Thầy giáo nhận ra bác ta ngay và ghé tai ông thanh tra nói mấy câu. Ông này liền tìm Precossi, nắm tay cậu và dẫn đến chỗ bố cậu. Cậu bé run lên. Thầy giáo và thầy hiệu trưởng đi theo cậu, nhiều học sinh đi quanh họ.

“Ông là bố của cậu này phải không ạ?” ông thanh tra hỏi bác thợ rèn giọng rất thân ái, rồi không chờ câu trả lời ông nói tiếp: “Tôi xin chia sẻ niềm vui với ông. Ông hãy nhìn xem, cậu vừa được huy chương thứ nhì trong lớp trên năm mươi bốn học sinh. Về văn, về toán, về mọi mặt cậu đều xứng đáng cả. Đây là một cậu bé rất thông minh và đầy nghị lực, sau này cậu sẽ thành tài, một cậu con trai tốt, mọi người đều quý mến, ông có thể hãnh diện vì cậu, tôi xin bảo đảm với ông như vậy!”.

Bác thợ rèn đứng nghe, mồm há hốc; bác nhìn chằm chằm ông thanh tra, thầy hiệu trưởng, rồi đưa mắt nhìn con mình đang đứng trước mặt, mắt nhìn xuống đất, run rẩy, dường như lần đầu tiên bác chợt hiểu ra tất cả những nỗi đau khổ mà bác đã đem đến cho đứa bé tội nghiệp này, và nó đã trung hậu kiên trì, anh dũng chịu đựng những nỗi đau khổ như thế nào, bác thợ rèn như biểu lộ nỗi kinh ngạc gần như sửng sốt, nỗi đau đớn quằn quại trong lòng, và cuối cùng một niềm thương yêu vừa mãnh liệt vừa buồn rầu. Vội vàng bác kéo con về phía mình và ôm chặt nó vào lòng.

Tất cả chúng tôi đi qua trước hai bố con. Tôi mời Precossi thứ năm tới nhà tôi chơi cùng với Garrone và Crossi. Các bạn khác chào cậu, có bạn vuốt ve cậu khi đi qua, bạn khác sờ, ngắm chiếc huy chương của cậu, tất cả ai cũng nói với cậu một lời gì đó. Và ông bố nhìn chúng tôi sửng sốt, càng siết chặt đầu đứa con đang thổn thức vào ngực mình.

Quyết tâm đúng đắn

Chúa nhật 5

Chiếc huy chương của Precossi ám ảnh tâm trí tôi. Tôi chưa được thưởng một chiếc nào cả.

Ít lâu nay, tôi không chăm học và tự mình rất không bằng lòng mình. Thầy giáo, bố và mẹ cũng không bằng lòng tôi. Tôi chơi cũng chẳng thấy vui thú như trước kia, khi tôi còn học hành chuyên cần. Ngày ấy, làm bài xong là tôi vui vẻ lao ra, chạy đi tìm trò chơi say sưa. Ngồi vào bàn ăn với gia đình, tôi cũng không thấy vui lòng như trước nữa. Tâm hồn tôi như có một cái bóng tối trùm lên, và từ thâm tâm có một tiếng nói luôn luôn bảo tôi: “Thế này không được đâu”.

Buổi tối, tôi thấy những đứa bé đi làm về qua quảng trường, giữa những tốp thợ thuyền. Họ đều mệt mỏi nhưng vẫn vui vẻ, họ rảo bước mong chóng về tới nhà. Họ nói to, vừa cười vừa vẫy những bàn tay đen những than hay trắng vì thạch cao. Tôi nghĩ rằng họ đã lao động từ sáng tinh mơ cho đến tối như thế này: trong bọn họ có những đứa trẻ cùng lứa tuổi với tôi, suốt ngày ở trên những mái nhà, trước những lò lửa, giữa những máy móc, ngâm mình trong nước hoặc chui xuống dưới đất, và chỉ ăn có một tí bánh mì thôi. Tôi cảm thấy như hổ thẹn khi so sánh với họ: cũng trong thời gian ấy, tôi chỉ miễn cưỡng bôi đen được bốn trang giấy nhỏ! Tôi không bằng lòng, rất không bằng lòng! Tôi thấy rõ là bố đã bực mình và muốn báo cho tôi biết điều đó, là việc của tôi đã làm cho bố rất phiền lòng, nhưng bố vẫn nhẫn nhục. Bố yêu quý, bố đã làm việc quá nhiều! Mọi thứ đều do bố làm ra cả. Tất cả những thứ gì tôi thấy có trong nhà, những gì tôi mặc, những gì tôi ăn, những gì giúp tôi giải trí, những gì dạy dỗ tôi, và cả những gì đem lại danh dự cho tôi: tất cả những cái đó, đều là kết quả công lao của bố. Thế mà tôi, tôi lại chẳng học hành gì cả! Bố phải chịu những nỗi đau khổ, nhọc nhằn, thiếu thốn mà tôi thì lại lười biếng! Ôi, điều đó rất xấu và làm cho tôi khổ tâm.

Tôi muốn ngay từ hôm nay học tập say sưa như Stardi, tôi muốn làm việc với tất cả sức mạnh của nghị lực và của lòng can đảm. Tôi muốn thắng cơn buồn ngủ lúc đầu hôm, dậy sớm buổi sáng, chiến thắng không thương tiếc khuynh hướng lười biếng của mình.

Vâng, tôi đã quyết tâm chấm dứt cái lối sống nhu nhược và vô ích ấy, nó làm cho tôi thấy hèn hạ và làm cho bố mẹ tôi buồn phiền. Can đảm lên! Bắt tay vào làm việc, với tất cả tâm hồn và gân cốt của mình! Và công việc sẽ

đem đến cho tôi những sự nghỉ ngơi vui vẻ, những trò tiêu khiển thích thú, những bữa ăn ngon lành; và công việc sẽ trả lại cho tôi nụ cười hiền hậu của thầy giáo và cái hôn âu yếm của bố.

Bộ đồ chơi xe lửa

Thứ sáu 10

Hôm qua Precossi đến chơi nhà tôi cùng với Garrone. Các bạn đã được đón tiếp hết sức thân tình. Đây là lần đầu tiên Garrone đến. Cậu hơi ít giao thiệp, vì không muốn người ta biết rằng bằng tuổi cậu mà còn học lớp ba. Cả gia đình tôi ra đón khi nghe các bạn gõ cửa. Crossi không đến vì bố cậu mới ở bên Mỹ về, sau sáu năm xa cách. Mẹ ôm hôn Precossi; bố giới thiệu Garrone với mẹ rằng: "Đây không những chỉ là một cậu bé tất bụng, mà còn là một cậu bé hào hiệp". Garrone cúi cái đầu to húi trọc và nhìn tôi, tủm tỉm cười.

Precossi đeo huy chương. Cậu rất sung sướng. Bố cậu đã đi làm lại và từ năm hôm nay, không say rượu nữa, cứ giữ con luôn luôn ở cạnh mình trong xưởng, và thay đổi hẳn tính tình. Chúng tôi bắt đầu chơi, tôi đem tất cả đồ chơi ra. Precossi hết sức ngạc nhiên, thích thú khi thấy bộ đường sắt nhỏ của tôi với chiếc đầu máy xe lửa có lò xo, tự động chạy được. Cậu chưa bao giờ thấy một cái gì như vậy cả. Cậu trố mắt ngắm các toa tàu sơn màu đỏ và vàng. Tôi đưa cái chìa khóa cho cậu lên dây chiếc đầu máy; thế là cậu quỳ xuống chơi mải miết, không ngẩng đầu lên nữa. Tôi chưa hề thấy cậu vui thích như thế bao giờ. Cậu luôn mồm nói: "Xin lỗi, xin lỗi", mỗi khi gạt chúng tôi ra cho chiếc tàu chạy khỏi bị cản đường; rồi cầm lên và để xuống các toa tàu, thận trọng vô cùng, tưởng chừng chúng đều làm bằng thủy tinh và cậu sợ cả hơi thở của cậu có thể làm chúng hoen mờ mất. Cậu lau chùi các toa, nhìn phía trên, phía dưới và cười một mình. Chúng tôi nhìn Precossi: cái cổ mềm mại của cậu, hai cái tai tội nghiệp mà một hôm tôi thấy be bét máu, cái áo dài quá rộng, tay xắn để thòi ra hai cánh tay gầy guộc, chắc là trước đây thường phải giơ lên để đỡ đòn… Ôi! Lúc ấy tôi những muốn đem biếu cậu tất cả đồ chơi và tất cả sách học của tôi. Tôi muốn nhịn miếng bánh mì cuối cùng đang ăn để nhường cậu ăn, tôi muốn lột hết áo quần để nhường cậu mặc, và tôi tự kìm mình để khỏi nhảy tới ôm chầm lấy cổ cậu, tội nghiệp cậu Precossi. Tôi sẽ tặng cậu bộ đồ xe lửa nhỏ của tôi, tôi nghĩ vậy, tôi muốn xin phép bố trước đã. Đúng lúc ấy thì tôi được dúi vào tay một mảnh giấy. Tôi đọc. Ở đấy bố đã viết bằng bút chì: "Bộ đồ chơi đường sắt của con làm Precossi rất thích, bạn ấy không có đồ chơi. Lòng con không bảo con điều gì hay sao?"

Tức thì, tôi cầm cả hai tay cái đầu máy và các toa xe đưa cho Precossi và nói: "Này, bạn cầm lấy, của bạn đấy!"

Cậu nhìn tôi, không hiểu.

"Của bạn đấy, - tôi nhắc lại, - tôi biếu bạn". Precossi kinh ngạc nhìn bố, mẹ và hỏi tôi:

"Nhưng tại sao vậy?"

- Enrico biếu cháu đấy, - bố nói, - vì cháu là bạn nó và nó yêu cháu lắm… ấy là mừng cháu được huy chương…

Precossi rụt rè hỏi:

- Thế cháu có thể đem về… nhà chứ?

- Tất nhiên.

Lúc ra về, đứng trên ngưỡng cửa Precossi vẫn chưa dám mang theo của báu của cậu. Cậu sung sướng quá và nói khe khẽ: "Xin lỗi", đôi môi run run và tươi cười.

Garrone giúp bạn bọc chiếc xe lửa trong cái khăn tay, và khi cúi xuống cậu làm kêu lạo xạo những chiếc bánh ngọt mà mẹ đã nhét đầy các túi cho cậu.

Precossi nói với tôi: "Thế một ngày nào bạn sẽ đến chơi ở xưởng của bố tôi chứ? Tôi sẽ biếu bạn những chiếc đinh!"

Mẹ lại cài vào khuyết áo dài của Garrone một bó hoa nhỏ để cậu đem về tặng hộ mẹ cậu. Garrone cám ơn, giọng ồm ồm, đầu không ngẩng lên, nhưng đôi mắt phản chiếu tâm hồn cao thượng và trung hậu của cậu.

Tính kiêu ngạo
Thứ bảy 11

Ấy thế mà khi Precossi đi qua hơi chạm phải, là Carlo Nobis phủi phủi tay áo của mình, kiểu cách lắm. Thằng ấy là hiện thân của tính kiêu ngạo, vì bố nó là nhà giàu. Nhưng mà Derossi cũng có ông bố rất giàu cơ mà.

Cái thằng Nobis muốn ngồi riêng một mình một ghế, vì nó quá sợ các bạn ngồi cạnh làm bẩn nó! Nó nhìn tất cả chúng tôi từ đầu đến chân, chẳng từ ai, và lúc nào cũng với một nụ cười khinh khỉnh. Đừng có vấp vào chân nó mỗi khi xếp hàng đôi để đi ra. Vì một việc không đâu, nó cũng văng vào mặt anh một câu chửi rủa hay dọa về đưa bố nó đến. Tuy vậy, bố nó đã cho nó một bài học đích đáng cái hôm mà nó nhiếc cậu con bác bán than là "đồ khố rách áo ôm".

Tôi không bao giờ thấy một học sinh nào tìm đến với nó. Không ai nói chuyện với nó, không ai chào nó khi chìa tay, không ai nhắc cho nó một câu khi nó không thuộc bài… Còn nó, thì nó không chịu ai hết, và làm bộ khinh Derossi vì cậu đứng đầu lớp và Garrone vì cậu được mọi người mến. Derossi không thèm để ý đến điều đó; và khi có người mách lại Garrone là Nobis chế giễu cậu, thì cậu chỉ nói: "Thằng bé ấy kiêu ngạo một cách ngu xuẩn quá nên không đáng để cho ai chú ý đến".

Một hôm Nobis nhìn cái mũ nồi da mèo của Coretti một cách khinh bỉ, cậu này nói luôn: "Này xin quá bộ một chút đến nhà Derossi mà học cách làm ông chúa".

Hôm qua, Nobis phàn nàn với thầy giáo là cậu bé người Calabria chạm bàn chân vào ống quần của nó. Thầy hỏi cậu bé Calabria:

- Cậu có cố ý không.

- Thưa thầy, không ạ, - cậu bé thành thật trả lời.

- Nobis! Cậu thật khó tính quá sức, - thầy bảo.

Nobis trả lời cách khinh khỉnh:

- Tôi sẽ mách bố tôi.

Thầy Perboni liền quát lên:

- Bố cậu sẽ cho là cậu có lỗi, cũng như lần trước thôi. Vả lại, ở đây, chỉ có tôi mới là người phán xử mọi việc.

Rồi giọng dịu dàng hơn, thầy nói tiếp: “Này, Nobis, hãy ăn ở nhã nhặn và trung hậu hơn với các bạn một chút đi. Tại sao cậu lại không làm được như những người khác? Làm thế cậu sẽ được vui lòng hơn nhiều, cậu có gì cần trả lời tôi không?”

Nobis nghe thầy giáo nói vẫn với nụ cười khinh khỉnh theo thói quen của nó, và trả lời lạnh nhạt:

- Thưa thầy, không.

- Ngồi xuống, - thầy Perboni bảo, - tôi rất phàn nàn cho cậu, cậu là một đứa bé không có quả tim!

Câu chuyện tưởng là kết thúc, thì cậu bé thợ nề ngồi ở bàn đầu, quay cái mặt tròn trĩnh về phía Nobis ngồi ở bàn cuối, và làm cái trò sứt môi, hài hước đến nỗi cả lớp phải phá lên cười. Thầy giáo mắng cậu, nhưng cũng phải lấy tay che mồm để giấu sự buồn cười của mình. Nobis cũng cười, nhưng cái cười bực bội và tức tối không đánh lừa được ai.

Những người bị thương tật vì tai nạn lao động

Thứ hai 13

Nobis có thể sánh đôi với Franti được đấy. Chúng nó chẳng động lòng vì bất cứ cái gì, cả hai đứa; chúng nó dửng dưng trước cái cảnh khủng khiếp mà chúng tôi gặp lúc tan học.

Chúng tôi đang cùng với bố nhìn một số trẻ em học lớp hai nằm soài ra mặt băng, lấy áo tơi và mũ cát két cọ băng cho trơn để mà trượt cho dễ, thì bỗng thấy từ cuối phố kéo đến một đám đông người đi rất nhanh, vẻ nghiêm trọng và kinh hãi, và nói với nhau khe khẽ, giữa đám đông là ba người vệ binh thành phố, phía sau họ hai người khiêng một cái cáng. Học sinh từ tứ phía chạy lại. Đoàn người tiến về phía chúng tôi; người ta thấy một người đàn ông nằm trên cáng. Ông ta nhợt nhạt như một cái xác chết, đầu rủ xuống một bên tai, tóc rối bù, bê bết máu; và máu cũng chảy từ mồm, từ tai ông ta ra, thật là khủng khiếp. Một người đàn bà đi bên cạnh cáng, bế một đứa bé; bà ta như điên cuồng vì đau khổ và bỗng kêu lên: "Ông ấy chết rồi, chết rồi!"

Đi theo sau người đàn bà là một đứa bé con trai, tay cắp cặp học sinh; đứa bé khóc nấc lên.

"Cái gì thế?" bố tôi hỏi.

Một khách qua đường trả lời rằng đó là một người thợ nề bị ngã từ gác tư xuống trong khi đang làm việc. Những người khiêng cáng dừng lại một lát. Nhiều người trong số chúng tôi quay mặt đi vì khiếp sợ. Tôi thấy cô giáo đội mũ cắm chiếc lông đỏ phải đỡ cô giáo lớp một trên của tôi, gần ngất đi. Cùng lúc ấy tôi thấy có người chạm vào khuỷu tay. Đó là cậu bé thợ nề, mặt tái nhợt; cậu run như cầy sấy. Chắc là cậu nghĩ đến bố. Tôi cũng nghĩ đến bố tôi. Khi ở trường tôi rất yên tâm vì tôi biết là bố đang ở nhà, ngồi trước bàn giấy, xa mọi sự nguy hiểm. Nhưng biết bao nhiêu bạn tôi lại nghĩ rằng bố họ đang làm việc trên một chiếc cầu rất cao hay cạnh những bánh xe của một chiếc máy, mà một động tác, một bước hụt có thể làm cho thiệt mạng: họ khác nào con của những người lính, mà bố đang ra trận!

Cậu bé thợ nề càng nhìn càng run; bố trông thấy và bảo cậu: "Cháu về đi, cháu ạ; chạy nhanh về với bố cháu, cháu sẽ thấy bố cháu mạnh khỏe, yên lành".

Cậu bé thợ nề đi về, nhưng cứ đi vài bước lại ngoái lại. Đám người lại đi, và người đàn bà đáng thương cứ kêu lên thảm thiết. "Ông ấy chết rồi, chết rồi!" Không ai cầm lòng cho được.

- Không, không, ông ấy không chết. - người ta nói với bà từ khắp mọi phía.

Nhưng bà không nghe và cứ kêu van mãi. Bỗng tiếng một ai hét lên, tức giận: “Cười à?”

Tôi quay lại và thấy một người râu đen đang nhìn Franti, thằng này vẫn còn cười. Người đó giật lấy mũ lưỡi trai của cái thằng bụng dạ độc ác ấy ném xuống đất và nghiêm khắc bảo nó rằng: “Đồ khốn khổ, ít nhất cũng phải bỏ mũ chào khi trông thấy một người bị tai nạn lao động đi qua”.

Người tù

Thứ sáu 17

Sáng hôm qua tôi theo bố đi đến mạn Moncalieri xem một ngôi nhà mà bố muốn thuê để ở trong mùa hè. Người giữ chìa khóa ngôi nhà là một ông giáo, đồng thời là thư ký của chủ nhà. Ông ta đưa chúng tôi đi xem nhà, rồi đưa chúng tôi vào phòng ông, mời chúng tôi dùng các thứ giải khát.

Trên mặt bàn, gần các cốc nước của chúng tôi, có một lọ mực bằng gỗ, hình chóp nón, chạm trổ một cách rất lạ. Thấy bố tôi nhìn lọ mực ấy, ông giáo nói:

- Vật này rất quý đối với chúng tôi, và chắc ông cũng sẽ nghĩ vậy nếu ông biết sự tích của nó.

- Xin ông kể cho chúng tôi nghe, - bố nói. Thế là ông giáo kể.

Mấy năm trước đây, ông giáo ấy ở Torino, được cử đến dạy học cho những người tù trong một nhà giam, suốt cả một mùa đông.

Để giảng bài, ông đứng trong một cái phòng hình tròn, chung quanh là tường cao, trơ trụi, và vô số cửa sổ con hình vuông có chấn song sắt hình chữ thập.

Mỗi cửa sổ ấy soi sáng một xà lim nhỏ. Thầy giáo giảng bài, đi đi lại lại trong phòng, người học đều ở phía sau các cửa sổ tí ti ấy, vở áp vào các song sắt, chỉ để lộ trong bóng tối lờ mờ những bộ mặt gầy gò và lo âu, những bộ râu rối bù và lốm đốm hoa râm, những đôi mắt trừng trừng của bọn cướp của giết người.

Trong đám tù có một người mang số 78 là chăm chú hơn đồng bọn, anh ta chăm và nhìn thầy giáo với đôi mắt rất cung kính và biết ơn. Đó là một người còn trẻ, râu đen, một kẻ khốn khổ hơn là hung đồ, một người thợ làm đồ gỗ, trong một cơn tức giận đã ném một cái bào vào đầu chủ xưởng, làm người này tử thương. Anh ta bị kết án nhiều năm cấm cố.

Trong ba tháng, người tù ấy đã biết đọc, biết viết. Một hôm, buổi học sắp xong, anh ta ra hiệu cho thầy giáo lại gần cửa sổ và buồn rầu báo tin là hôm sau anh sẽ phải chuyển từ nhà giam Torino đến nhà giam ở Venezia. Sau khi ngỏ lời từ biệt thầy giáo, người tù giọng cung kính và xúc động khẩn khoản xin được sờ bàn tay của thầy. Thầy giáo đưa tay ra, anh ta hôn và nói: "Xin cám ơn, cám ơn", rồi biến mất.

Khi thầy giáo rút tay lại thì tay ướt đẫm nước mắt.

Từ đấy không thấy người tù đâu nữa. Sáu năm đã trôi qua.

"Tôi không còn nhớ đến con người khổ sở ấy nữa, - ông giáo kể tiếp, - thì sáng hôm qua tôi thấy một người lạ đến đây, quần áo xấu xí, râu đen đã điểm hoa râm.

- Có phải thầy là thầy giáo…? - người ấy hỏi tôi.

- Ông là ai? - tôi hỏi lại.

- Tôi là người tù số 78 mà thầy đã dạy cho đọc và viết cách đây sáu năm, - người ấy nói tiếp, - và trong buổi học cuối cùng, thầy đã vui lòng cho tôi được hôn tay… Giờ tôi đã mãn hạn và tôi đến đây xin thầy nhận cho một vật nhỏ tôi đã lao động để làm ra ở trong tù… Chẳng hay thầy có vui lòng nhận cho cái vật chứng tỏ lòng biết ơn của tôi không, thưa thầy?

Tôi lặng thinh, và con người đáng thương ấy tưởng là tôi không muốn nhận món quà của anh ta; anh ta nhìn tôi với một vẻ đau xót hết sức. Động lòng thương người tù học trò cũ của tôi, tôi cầm lấy vật này đây".

Bố và tôi nhìn kỹ lọ mực mà thầy giáo đưa cho xem. Hình như nó được chạm trổ bằng mũi nhọn của một cái đanh và phải có một lòng kiên nhẫn ghê gớm mới hoàn thành nổi. Lọ mực ấy có khắc hình một quyển vở trên có một ngòi bút với dòng chữ: "*Kính tặng thầy giáo của tôi, kỷ niệm của số 78 - sáu năm!*" Và ở dưới hàng chữ nhỏ: "Học tập và hy vọng"…

Ông giáo không giữ chúng tôi ở lại lâu, và chúng tôi ra về. Nhưng trên đường từ Moncalieri về Torino, tôi không thể nghĩ đến gì khác ngoài người tù ở đằng sau cái cửa sổ con, đến những lời người ấy từ biệt thầy giáo đến cái lọ mực tội nghiệp chạm trổ ở trong tù đã nói lên biết bao nhiêu điều.

Đêm đó tôi nằm chiêm bao thấy những việc ấy, và đến sáng hôm sau tôi vẫn còn nghĩ tới… Nhưng thật không thể tưởng tượng nổi việc ngạc nhiên sắp đến với tôi ở nhà trường.

Vừa mới vào chỗ ngồi mới bên cạnh Derossi và sau khi đã làm xong bài thi toán hàng tháng, tôi kể cho bạn nghe câu chuyện người tù, tả cái lọ mực và những dòng chữ khắc trên đó.

Tức thì, Derossi giật nảy mình, nhìn Crossi rồi lại nhìn tôi, Crossi con bác bán rau quả ngoài trời ấy, ngồi ở bàn trước mặt chúng tôi, đang tập trung hết sức suy nghĩ để giải bài tính đố. "Này - Derossi nói khẽ và nắm chặt cánh tay tôi, - Crossi có nói với mình hôm kia là bố cậu ấy đi Mỹ về, có một lọ mực bằng gỗ hình chóp nón, có khắc một quyển vở và một ngòi bút; chắc là người ấy đấy… Sáu năm! Cũng đúng là thời gian mà bố cậu ấy ở bên Mỹ, như cậu nói. Vậy ra ông ta bị tù. Khi vụ án đem ra xử thì Crossi còn bé, nên

cậu ấy không nhớ ra; và bà mẹ lại cố tình giấu con. Cậu ấy không biết gì hết. Chúng ta không được nói hở một chút gì hết về chuyện này. Tội nghiệp cậu bé! Phải để cho cậu ta không hay biết gì hết…" Tôi sững sờ, chăm chú nhìn Crossi. Trong lúc ấy Derossi giải xong bài tính, chuyển sang cho Crossi, rồi giành từ tay cậu tập bản thảo truyện đọc hàng tháng "*Người y tá của ta-ta*" mà thầy giáo đã giao cho Crossi chép. Derossi sẽ chép hộ để cho Crossi đỡ khó nhọc. Cậu lại cho bạn những ngòi bút, đưa tay âu yếm vỗ về đôi vai của cậu bé tội nghiệp. Derossi còn bắt tôi phải lấy danh dự mà hứa là không nói với bất cứ ai một lời về những điều tôi đã biết.

Lúc tan học ra về Derossi sốt sắng nói với tôi: "Bố Crossi hôm qua có đến đón cậu ấy, sáng hôm nay thế nào cũng đến. Bạn cứ làm theo mình nhé".

Thật vậy, ra đến đường chúng tôi thấy bố Crossi, râu đen, da rám, vẻ mặt tư lự và xanh nhợt, đứng riêng ra, cách biệt mọi người.

Derossi siết chặt tay Crossi, cố ý cho ông bố trông thấy và nói: "Tạm biệt, Crossi", vừa nói vừa vuốt cằm Crossi. Tôi cũng làm như vậy. Derossi và tôi, mặc dầu cố nén, vẫn đỏ nhừ mặt; và bố Crossi nhìn chúng tôi chăm chú với đôi mắt hiền hậu, nhưng lộ vẻ lo lắng và nghi ngờ làm cho chúng tôi lạnh cả tim.

Người y tá của tata[31]

(Truyện đọc hàng tháng)

Sáng sớm một ngày tháng ba, trời mưa, có một cậu bé ăn mặc kiểu nông thôn, áo quần sũng nước và lấm bùn, tay cắp một cái gói, đến gặp người gác cổng bệnh viện lớn ở Napoli[32] và đưa một cái thư, xin vào thăm bố.

Cậu bé có gương mặt trái xoan đẹp, nước da nâu nhạt, đôi mắt trầm tư và đôi môi hé mở để lộ hàm răng trắng ngần.

Cậu đến từ một cái làng ở ven Napoli. Bố cậu năm trước sang Pháp để kiếm việc làm, vừa trở về Ý. Vừa lên bến Napoli, thình lình ông bị bệnh nặng, chỉ kịp viết mấy chữ gửi cho gia đình báo tin đã về và phải vào bệnh viện. Người vợ nghe tin hoảng hốt nhưng không thể bỏ nhà, vì còn một mẹ già tàn tật và một đứa con dại, liền đưa cho đứa con đầu lòng mấy đồng xu, bảo tới Napoli trông nom bố, tata của nó theo tiếng nói của người vùng này. Cậu phải đi bộ mười cây số.

Người gác cổng sau khi liếc mắt xem bức thư, gọi một người y tá, bảo dẫn cậu bé vào gặp bố.

"Bố nó là ai?" - người y tá hỏi.

Cậu bé nói tên bố, hồi hộp nghe một tin chẳng lành.

Người y tá không nhớ ra cái tên ấy.

- Có phải một người thợ già mới ở nước ngoài về không? - ông y tá hỏi.

- Thợ à, vâng, - cậu bé trả lời, mỗi lúc một thêm lo, - còn già thì không già, nhưng đúng là ở nước ngoài về.

- Vào viện từ bao giờ?

Cậu bé nhìn cái thư và nói: "Khoảng năm hôm nay".

Người y tá nghĩ một lát, rồi như chợt nhớ ra:

- À, biết rồi! Phòng thứ tư, giường trong cùng…

- Bố cháu ốm có nặng lắm không? Hiện giờ ra sao? - Cậu bé lo lắng hỏi.

Người y tá nhìn cậu không trả lời, chỉ nói: "Đi theo tôi".

Hai người leo lên hai tầng nhà, đi suốt một hành lang rộng, đến một cái cửa mở vào một phòng có kê hai dãy giường. Người y tá vào phòng và nhắc

lại: “Theo tôi”. Cậu bước đi sau, đôi mắt sợ hãi, hết nhìn bên phải lại bên trái, những bộ mặt xanh xao và tiều tụy của các người bệnh. Có những người mắt nhắm nghiền trông như đã chết; những người khác nhìn lên không với đôi mắt tròn xoe, bất động, khiếp sợ. Những người khác rên hừ hừ như trẻ con. Gian phòng tối mờ mờ, không khí nồng nặc mùi thuốc. Hai bà phước đi đi lại lại, tay cầm những chai thuốc nước.

Đến cuối phòng, người y tá dừng lại đầu một chiếc giường, vén màn lên và nói: “Bố cậu đây”.

Cậu bé khóc òa lên, để rơi cái gói và tựa đầu lên vai người bệnh. Cậu nắm lấy tay bố đang duỗi ra ngoài chăn. Người bệnh nằm yên không nhúc nhích.

Cậu bé đứng dậy, nhìn bố rồi lại khóc. Bấy giờ người bệnh mới đăm đăm nhìn cậu và hình như nhận ra. Nhưng đôi môi ông ta không cử động. Tội nghiệp, tata thay đổi nhiều quá. Con trai không tài nào nhận ra được. Tóc ông đã bạc và râu mọc rậm rì, mặt sưng phù, đỏ mọng, da căng và bóng. Cậu bé chỉ còn nhận ra cái trán và đôi lông mày cong và đen của bố thôi. Người bệnh thở hổn hển khó nhọc.

- Tata, tata của con, - cậu bé nói, - con đây, Tata không nhận ra con sao? Con là Cicillo, Cicillo của tata, từ nhà quê lên, mẹ bảo con lên. Bố nhìn con này, không nhận ra con sao? Nói với con một câu đi nào! - Nhưng người bệnh, sau khi đã nhìn cậu chăm chú, lại nhắm mắt lại.

- Tata, tata làm sao thế? Con đây mà, Cicillo của tata đây mà !

Người bệnh cũng không nhúc nhích thêm tí nào và tiếp tục thở một cách khó nhọc.

Cậu bé lấy một cái ghế ngồi, vừa khóc vừa chờ, mắt không rời khỏi bố. Cậu nghĩ: “Thầy thuốc tất nhiên phải đến thăm và sẽ nói cho mình biết một chút gì”.

Thế rồi cậu triền miên trong những ý nghĩ buồn bã, nhớ lại bao nhiêu chuyện về người bố hiền hậu của mình. Ngày ông ra đi, cảnh từ biệt trên tàu, những hy vọng mà gia đình xây đắp trên chuyến đi ấy, nỗi thất vọng của mẹ khi nhận được lá thư. Cậu nghĩ đến việc bố chết, đến gia đình trong cơn khốn khổ… Cậu ngồi như vậy một lúc.

Bỗng một bàn tay đặt nhẹ lên vai làm cậu giật mình. Đó là một bà phước.

- Bố cháu bị bệnh gì vậy? - cậu hỏi.

- Bố cháu đấy à? - bà hỏi lại.

- Vâng, bố cháu đấy, cháu đến để chăm sóc bố cháu. Bố cháu ốm thế nào?

- Can đảm lên, con ạ; bác sĩ sắp đến, - bà phước trả lời rồi đi nơi khác, không nói thêm một lời.

Nửa giờ sau, một tiếng chuông giật và thấy bác sĩ vào, có một sinh viên nội trú phụ tá, bà phước và người y tá đi theo. Họ bắt đầu thăm bệnh nhân, dừng lại ở từng giường một. Sự chờ đợi đối với cậu bé tội nghiệp tưởng như vô tận, và mỗi bước của bác sĩ đi tới càng làm nỗi lo sợ của cậu tăng lên.

Cuối cùng bác sĩ đến giường bên cạnh. Bác sĩ là một cụ già cao lớn, lưng còng, mặt nghiêm nghị. Trước khi bác sĩ từ bên giường kia sang, cậu bé đã đứng dậy; và khi bác sĩ đến gần, Cicillo liền òa lên khóc.

"Đây là con người bệnh, - bà phước nói với bác sĩ, - cậu từ quê nhà ra sáng hôm nay".

Bác sĩ đặt một tay lên vai Cicillo, rồi cúi xuống người bệnh, bắt mạch, sờ trán và hỏi bà phước một vài câu; bà này trả lời: "Không có gì mới".

Bác sĩ suy nghĩ một lát rồi nói: "Cứ tiếp tục như trước".

- Thưa bác sĩ, bố cháu bị bệnh gì vậy? - cậu bé hỏi.

- Phải can đảm, cháu ạ, - bác sĩ trả lời và lại để tay lên vai cậu bé. - Bố cháu bị chứng đan độc ở mặt. Nặng đấy, nhưng tôi không thất vọng. Cháu hãy giúp đỡ bố, sự có mặt của cháu có lợi cho bố lắm đấy.

- Nhưng bố cháu không nhận ra cháu! - Cậu bé thốt lên, giọng ảo não.

- Bố sẽ nhận ra cháu… Ngày mai có thể. Ta hãy hy vọng, và cháu phải can đảm.

Cậu bé còn muốn hỏi thêm, nhưng không dám; bác sĩ đi ra nơi khác.

Thế là đối với Cicillo bắt đầu cuộc đời của người y tá. Không thể làm được gì nhiều, cậu sửa lại cho ngay ngắn cái chăn, thỉnh thoảng sờ tay người bệnh, xua ruồi, cúi xuống nghe ngóng khi thấy có tiếng rên; và khi bà phước đưa thuốc uống đến thì đón lấy cái tách và chiếc cùi dìa đưa cho người bệnh. Một đôi khi người bệnh cũng nhìn cậu bé nhưng không tỏ ra là biết cậu chút nào cả, chẳng qua là nhìn cậu có lâu hơn trước, nhất là khi cậu đưa khăn tay lên lau nước mắt.

Ngày đầu tiên đã qua đi như vậy.

Đêm đến, cậu ngủ trên hai cái ghế ghép lại, và sáng dậy lại tiếp tục công việc của người con có hiếu.

Trong buổi sáng, cái nhìn của người bệnh như lộ ra một chút tỉnh táo. Nghe tiếng nói âu yếm của cậu bé, trên đôi tròng mắt mở trừng trừng của người bệnh ánh lên một vẻ biết ơn mơ hồ; và có một lần, ông ta mấp máy đôi môi như muốn nói điều gì. Và sau mỗi cơn mê, khi mở mắt ra, hình như người bệnh muốn tìm người y tá bé nhỏ của mình. Hai lần đi qua, bác sĩ nhận thấy bệnh có đỡ chút ít. Vào buổi tối, khi đưa cốc thuốc cho người bệnh uống, cậu thấy hình như có nụ cười thoáng qua trên đôi môi sưng phù. Thế là cậu bắt đầu vững lòng và hy vọng một tí. Nghĩ rằng bố có thể nghe được, dù chỉ là nghe mơ hồ, cậu nói chuyện rất lâu với bố. Cậu nói nho nhỏ, giọng rất âu yếm, nói về mẹ, về các em gái, về việc bố trở lại nhà và khuyến khích bố hãy can đảm: và lắm lúc cũng sợ bố không hiểu, Cicillo vẫn cứ nói, vì thấy hình như người bệnh cũng ít nhiều thích nghe giọng nói của mình. Người bệnh qua ngày thứ hai và ngày thứ ba như vậy; sang ngày thứ tư thì bệnh có giảm một ít, rồi lại nặng lên. Cậu bé dồn hết tâm trí vào việc chăm sóc người bệnh đến nỗi mỗi ngày chỉ ăn có hai lần, mỗi lần một chút bánh mì với pho-mat. Cậu không còn thấy gì xảy ra xung quanh nữa: những người bệnh đang hấp hối, các bà phước đang đêm phải chạy đến cấp cứu, tiếng khóc của những người đến thăm phải ra về không chút hy vọng gì nữa, tóm lại là tất cả những cảnh sầu thảm và đau đớn của cuộc đời bệnh viện, mà trong hoàn cảnh nào khác có thể làm cho cậu phải sửng sốt, rụng rời. Ngày giờ trôi qua và cậu bé vẫn luôn luôn ở đó, cạnh tata, chăm chú, lo ngại, hồi hộp theo dõi từng hơi thở và từng cái nhìn của người ốm.

Bất ngờ, đến ngày thứ năm, bệnh trở nặng. Hỏi bác sĩ thì ông chỉ cúi đầu như để nói rằng thế là hết; cậu bé liền gục xuống ghế, òa lên khóc. Tuy nhiên có một điều làm cho cậu hơi được an ủi. Hình như riêng cậu nhận thấy là mặc dù tình trạng đã tuyệt vọng, người bệnh như tỉnh lại dần dần. Người sắp chết mỗi lúc một nhìn Cicillo chăm chú hơn, với cái vẻ mỗi lúc một dịu dàng và thông cảm hơn. Ông ta chỉ muốn uống nước và uống thuốc từ tay cậu bé y tá của ông đưa cho thôi, và mỗi lúc một thấy người bất hạnh mấp máy đôi môi nhiều hơn, như muốn nói một điều gì. Có lúc cử động ấy rõ đến nỗi cậu bé siết mạnh tay ông và nói với ông, giọng gần như vui vẻ: “Can đảm, can đảm lên, tata ạ. Tata sẽ khỏi, chúng ta sẽ ra viện, chúng ta sẽ về gặp mẹ và các em…” Bấy giờ là bốn giờ chiều, đúng lúc cậu bé vừa mới say sưa bộc lộ lòng âu yếm và niềm hy vọng, thì ở phía ngoài cánh cửa đang mở, cậu nghe tiếng chân người đi, rồi một giọng nói to: “Tạm biệt, dì phước ạ!”.

Nghe giọng nói ấy, cậu bỗng run lẩy bẩy từ đầu đến chân và đứng phắt dậy như lò xo bật lên.

Một người đàn ông, có một bà phước đi theo, bước vào phòng, tay cắp cái gói lớn. Vừa trông thấy người ấy, cậu bé thét lên một tiếng chói óc, và

sững sờ như bị đóng đinh tại chỗ.

Người đàn ông quay lại, định thần nhìn cậu một lát, rồi chính mình cũng thét lên: "Cicillo!"

Ông ta lao tới, cậu bé nghẹn ngào, ngả vào hai cánh tay của bố.

Bà phước, y tá, sinh viên nội trú đều chạy lại, ai nấy đều sửng sốt.

Cậu bé vẫn chưa nói được nên lời.

"Ôi! Cicillo của bố!" ông bố nói sau khi nhìn chăm chú người bệnh và ôm hôn con mình mấy lần.

"Làm sao người ta lại đưa con đến giường của người khác như thế này? Còn bố thì tuyệt vọng vì ngóng mãi chẳng thấy con; mẹ có viết thư cho bố nói là đã cho con ra đây với bố. Tội nghiệp Cicillo, con ở đây đã mấy hôm rồi? Làm sao lại có thể xảy ra sự nhầm lẫn như thế này? Ơn Chúa, bệnh của bố chẳng có gì nguy hiểm. Con thấy đấy, bố khỏi rồi và hôm nay bố ra viện, nào bố con ta về đi… Thật ai mà có thể tưởng tượng ra được một sự nhầm lẫn như thế này!"

Cậu bé cố gắng trả lời vài câu, cho bố biết tin tức gia đình.

"Ôi! Sung sướng quá! - cậu lẩm bẩm, - sung sướng quá! Những ngày vừa qua thật là khổ sở…"

Cậu nhìn bố không chán, hôn bố không ngớt, nhưng lại có vẻ như không muốn đi theo bố.

"Đi đi con, chỉ chiều nay chúng ta sẽ về đến nhà thôi".

Ông bố nói và kéo con đi.

Cậu bé quay lại nhìn người bệnh của cậu.

"Kìa, con đi chứ?" - ông bố ngạc nhiên hỏi. Cicillo nhìn người bệnh, lúc đó cũng đang mở to mắt chăm chăm nhìn cậu.

"Tata này, hãy hượm, - cậu bé nói nhanh thoăn thoắt, - thế này nhá… con không thể. Có bác này, con đã chăm sóc bác ấy năm hôm nay rồi. Bác ấy nhìn con không ngớt. Con cứ yên trí là bố đấy, con thương bác ấy lắm. Bác ấy cứ muốn con ở bên cạnh, chỉ có con ngày đêm cho bác uống nước; giờ, bệnh của bác đang nguy… Tata tha lỗi cho con, thật con không đủ can đảm bỏ mặc bác được… việc đó sẽ làm con rất khổ tâm… Bỏ mặc bác ấy thì thật là nhẫn tâm; kìa tata nhìn kìa, bác ấy như đang đưa mắt gọi con đấy. Con không biết bác ấy là ai, nhưng biết sao được bây giờ, xin cứ để cho con ở lại đây, tata thân yêu nhé!"

“Cậu bé trung hậu làm sao!” - người sinh viên nói.

Ông bố lưỡng lự, hết nhìn con lại nhìn người bệnh.

- Người này là ai vậy? - ông hỏi.

- Một người thợ như ông, - người sinh viên nội trú trả lời, - cũng từ nước ngoài về, vào viện cùng một ngày với ông. Người ta đưa ông ấy đến đây trong lúc đang ngất đi và không nói năng gì được. Chắc là ông ta có một gia đình ở xa, có con cái… Có thể ông ấy tưởng cậu này là con mình.

Người bệnh vẫn nhìn Cicillo không thôi.

- Con ở lại đi, - ông bố nói.

- Ở lại cũng chẳng lâu lắm nữa đâu, - người sinh viên nói.

- Ở lại, - ông bố nhắc. - Con có lòng tốt đấy. Bố về nhà ngay để cho mẹ yên tâm. Con trung hậu của bố nhé, tạm biệt, tạm biệt.

Ông ta hôn lên trán con rồi đi ra.

Cậu bé trở lại giường người bệnh, và ông này hình như đỡ lo. Cicillo tiếp tục công việc y tá của mình; cậu không khóc nữa, nhưng vẫn ân cần, nhẫn nại chăm sóc như trước con người tội nghiệp chưa từng quen biết ấy. Cậu trông nom ông ta ngày hôm ấy, suốt cả đêm và ngày hôm sau. Nhưng bệnh tình mỗi lúc một trầm trọng, hơi thở càng hổn hển, sự co giật càng tăng lên. Mồm ông ta kêu lên những tiếng ú ớ, mặt sưng phù lên kinh khủng; đến khám bệnh buổi chiều, bác sĩ nói là ông ta không thể qua khỏi đêm nay.

Nghe lời nói khẳng định ấy, Cicillo càng chăm sóc hết lòng và không rời người đáng thương ra nữa. Người bệnh nhìn cậu, thỉnh thoảng cố gắng lắm để mấp máy đôi môi hình như muốn nói điều gì. Một vẻ dịu dàng vô hạn thoáng qua trong mắt ông ta. Đôi mắt bắt đầu khép lại, mỗi lúc một mờ dần. Đêm ấy, cậu bé thức cho đến khi ánh bình minh đầu tiên chiếu sáng cửa sổ. Bà phước đi vào, đến gần giường ghé nhìn người bệnh và vội vã đi ra.

Lát sau, bà trở lại với người sinh viên nội trú và một y tá.

“Ông ta sắp chết” - người sinh viên nói.

Cậu bé nắm tay người bệnh. Ông ta mở mắt, nhìn Cicillo chằm chằm, rồi nhắm mắt lại. Đối với cậu bé thì hình như trong phút lâm chung ấy, người bệnh đã siết chặt tay cậu.

“Bác ấy siết tay tôi”, - cậu kêu lên.

Bác sĩ cúi nhìn người hấp hối một lát, rồi ngẩng lên.

“Bác ấy chết rồi sao?” - cậu bé hỏi.

“Thôi, về đi con, - bác sĩ nói, - sự nghiệp nhân từ, cao thượng của con đã hoàn thành rồi, con hãy về đi và chúc con hạnh phúc, vì con xứng đáng được hưởng hạnh phúc, con ạ”.

Bà phước đi ra một lúc, rồi trở vào, tay cầm một bó hoa đồng thảo lấy từ một cái lọ đặt trên cửa sổ; bà đưa tặng cậu bé và nói: “Dì chẳng có gì tặng cháu; hãy nhận những bông hoa này làm vật kỷ niệm bệnh viện”.

- Cám ơn dì, - Cicillo nói, một tay cầm lấy bó hoa, và một tay gạt nước mắt; - nhưng cháu còn phải đi xa lắm, hoa sẽ héo mất… - Rồi lấy từng đóa hoa, cậu rải lên giường và nói:

- Cháu xin gửi những hoa này kỷ niệm người bất hạnh… Xin cám ơn dì, xin cảm ơn bác sĩ… - và sau đó quay về phía người chết: “Vĩnh biệt…” và thế là cái tiếng âu yếm mà cậu vẫn dùng để gọi người bất hạnh năm hôm nay tự nhiên trở lại trên môi, cậu nói: “Vĩnh biệt tata đáng thương!”

Nói xong, Cicillo ôm bọc quần áo cũ của mình, chầm chậm bước ra, người mệt lả, cậu lên đường…

Rạng đông vừa hửng sáng…

Xưởng thợ

Thứ bảy 18

Tối hôm qua Precossi đến nhắc tôi lời hứa đến thăm xưởng thợ của cậu ấy, và sáng nay lúc ra phố, bố cũng muốn đưa tôi đến đó một lúc.

Đến ngưỡng cửa, chúng tôi thấy Precossi ngồi trên một đống gạch, đang học bài, sách kê lên đầu gối.

Thấy chúng tôi đến, cậu đứng dậy và đưa chúng tôi vào một gian nhà rộng đầy bụi than, trên tường treo lủng liểng những búa, kìm, chốt và đồ sắt đủ thứ. Ở một góc là cái lò đang đỏ, một cậu bé kéo bễ cho lò cháy liên tục. Bố Precossi ngồi cạnh một cái đe, và một người phụ việc cầm một thanh sắt nung trong lò than.

"À, cậu bé tốt bụng đã cho con tôi bộ đồ chơi đường sắt, - bố Precossi kêu lên khi thấy chúng tôi; - ông và cậu đến xem chúng tôi làm việc đấy ạ? Xin sẵn sàng phục vụ…"

Bác vừa nói vừa mỉm cười, bộ mặt không hung tợn và đôi mắt không đục ngầu như trước nữa! Người phụ việc đưa thanh sắt dài đỏ rực một đầu, bác thợ rèn đặt nó lên đe. Bác ta rèn một thanh sắt cuốn, làm tay vịn lan can. Giơ một cái búa to tướng lên, bác bắt đầu đập đầu sắt nung đỏ, khi sang bên này, khi sang bên kia, ở quãng giữa lòng đe và mép đe, lại lật mặt này, mặt nọ đủ cách. Nhìn thật là thích thú. Dưới những nhát búa nện nhanh và chính xác, thanh sắt cong lại, uốn lên như gợn sóng, rồi dần dần biến thành hình dạng duyên dáng của một ngọn lá, một hình xoáy trôn ốc, mềm mại tưởng như nắn bằng tay vậy. Trong lúc ấy Precossi nhìn chúng tôi, vẻ hãnh diện, như muốn nói: "Đấy, bố mình làm việc như thế đấy".

"Giờ cậu đã thấy người ta rèn như thế nào rồi chứ?" Bác thợ rèn hỏi tôi khi đã làm xong, tay cầm thanh sắt đầu uốn cong như cây pháp trượng của một vị giám mục[33].

Rồi, để nó sang một bên, bác đặt một thanh khác vào lò.

Bố nói với bác: "Thế này thật là tốt, giờ thì bác làm việc chứ? Quyết tâm trở lại rồi chứ?"

- Vâng, đã trở lại rồi, - bác trả lời, mặt hơi đỏ và đưa tay quệt mồ hôi trán. - Và ông có biết ai đã đem quyết tâm trở lại cho tôi không?

Bố làm như không hiểu.

- Chính thằng bé can đảm này, - bác nói tiếp, tay chỉ Precossi, - chính thằng bé can đảm này, nó chăm lo học hành và đem lại vinh dự cho bố, còn bố nó thì lại quên mình trong cảnh lười biếng và đối xử với nó như với con chó… Khi tôi trông thấy cái huy chương này… Ôi, thằng con đáng thương của tôi, người chưa cao hơn một đôi ủng, đến gần đây cho bố nhìn thẳng vào mặt con một tí nào…

Precossi liền chạy đến, bác thợ rèn hai tay nhấc cậu lên, đặt đứng trên cái đe, hai tay giữ hai bên sườn cậu.

"Này, hãy chùi sạch ngay cái trán đần độn của bố đi…" - bác bảo con như vậy.

Precossi hôn khắp mặt bố, cho đến khi chính mặt cậu cũng đen thủi đen thui.

"Tốt lắm!" bác nói rồi nhấc con đặt xuống đất. "Hết sức tốt, cậu Precossi ạ" - bố tôi kêu lên. Rồi chào bác thợ rèn và Precossi, bố dẫn tôi về.

Chúng tôi đi ra thì cậu Precossi nói với tôi: "Xin lỗi…!" và đút vào túi tôi một gói đinh. Tôi cám ơn và mời cậu đến nhà tôi, nhìn qua cửa sổ xem những người đeo mặt nạ đi diễu trong Hội hóa trang[34].

Dọc đường bố bảo tôi: "Con đã cho bạn ấy bộ đồ chơi đường sắt của con, nhưng giá nó bằng vàng có đính đầy hạt ngọc chăng nữa, thì cũng vẫn là một món quà hèn mọn đối với đứa con tuyệt vời đã hồi sinh lại được trái tim của bố mình".

Cậu bé làm xiếc

Thứ hai 20

Cả thành phố tưng bừng rộn rịp, Hội hóa trang sắp kết thúc[35]. Ở khắp các quảng trường đã được dựng lên những lều của người làm xiếc ở và những rạp xiếc. Ngay trước các cửa sổ nhà ta cũng có một rạp, mái bằng vải, do một gánh xiếc nhỏ người Venezia diễn. Họ có năm con ngựa. Rạp ở giữa quảng trường, và trong một góc là ba chiếc xe lớn để những người làm xiếc ngủ và hóa trang, ba chiếc nhà nhỏ có bánh, có cửa sổ, mỗi chiếc có ống khói bé tí tỏa khói suốt ngày, từ cửa sổ này sang cửa sổ kia người ta căng dây phơi tã lót trẻ con. Có một người đàn bà vừa nuôi con bú vừa nấu ăn cho cả gánh xiếc, lại vừa múa trên dây. Họ thật tội nghiệp. Thiên hạ gọi họ là *saltare in banco*[36] như một lời chửi rủa, nhưng họ kiếm ăn một cách lương thiện, để mua vui cho người khác, mà họ thì phải khó nhọc đến thế nào, có Chúa mới biết rõ được! Suốt ngày, họ chạy từ rạp xiếc đến các xe, trời rét thế mà mình chỉ phong phanh có chiếc áo sợi đan màu hồng. Họ ăn vội ăn vàng, đứng mà ăn một miếng bốc bằng tay giữa hai buổi diễn. Không bao giờ những người bất hạnh ấy được ai dọn bàn ăn cho mà ngồi vào đàng hoàng. Và đôi khi rạp đã đông nghịt khách xem rồi, trời lại nổi gió, xé rách trần màn, tắt hết đèn đóm, thế là đi đời buổi diễn.

Trong gánh xiếc có hai đứa bé làm việc.

Bố nhận ra đứa bé nhất, trong khi cậu ta đi ngang qua quảng trường; đó là con trai ông chủ gánh xiếc, mà năm ngoái chúng tôi thấy làm trò trên lưng ngựa, trong một rạp xiếc ở quảng trường Vittorio Emanuele[37]. Từ dạo ấy cậu ta lớn lên nhiều, chắc nay cũng đã tám tuổi; thật là một cậu bé đẹp, mặt tròn trặn, da nâu nâu, tóc đen xoăn tít tỏa ra quanh chiếc mũ nhọn như những đợt sóng.

Cậu ăn mặc theo vai hề, bó người trong chiếc áo chật như cái ống, có hai tay màu lam thêu chỉ đen, và đi giày vải. Cậu bé làm xiếc ấy khác nào một con quỷ con. Cậu làm vui lòng tất cả mọi người. Sáng ra từ tinh mơ đã thấy cậu quấn mình trong một chiếc khăn quàng, mang sữa về chỗ chiếc nhà có bánh xe của mình, xong đến tàu ngựa săn sóc mấy con ngựa. Cậu bế đứa bé con đi dạo chơi, chuyển những cái vòng, cái ghế, cái ngáng, sợi dây, sợi thừng, chùi rửa xe cộ, nhen lửa, đun bếp; và những lúc rảnh rỗi rất hiếm thì ngồi bên mẹ không rời nửa bước. Bố lúc nào cũng nhìn cậu ta qua cửa sổ,

chỉ nói đến cậu và những người thân thích của cậu; họ là những người trung hậu và thương yêu con cái.

Một buổi tối chúng tôi đi xem xiếc, trời rét và gần như chẳng có ai đến xem, thế mà cậu bé tội nghiệp phải dốc hết sức ra làm trò để cho một nhúm người xem kia phải hồi hộp. Cậu nhào lộn trên không, buộc mình vào đuôi ngựa phi, đi hai tay, chân chổng lên trời, hát, cười, và khuôn mặt xinh xắn làm cho ai ai cũng mến.

Bố cậu mặc áo đỏ, quần trắng, đi bốt kỵ mã cao, tay cầm roi ngựa, nhìn cậu vẻ buồn buồn.

Bố tôi động lòng thương hại những con người tội nghiệp ấy. Hôm sau, họa sĩ Delis đến thăm, bố đem chuyện ấy ra nói với ông ta.

"Những kẻ đáng thương ấy làm việc đến chết được, - bố nói, - thế mà có kiếm được bao lăm đâu. Nhất là đứa bé khái quá sức. Ta có thể giúp gì cho họ được không nhỉ?"

Họa sĩ có một ý hay, ông nói:

"Anh là nhà báo, anh viết ngay một bài cho hay đăng lên tờ Gazzetta. Anh nói đến đức tốt và tài ba của cậu bé, còn tôi thì vẽ chân dung của cậu. Mọi người sẽ đọc báo Gazzetta, và ít nhất là ta cũng lôi cuốn khách đến xem được một lần".

Nói là làm ngay. Bố viết một bài báo rất dí dỏm, kể lại những điều chúng tôi trông thấy qua cửa sổ nhà mình, làm cho người đọc cứ muốn nhìn, muốn vuốt ve nhà nghệ sĩ tí hon. Họa sĩ thì phác họa một bức chân dung nhỏ, giống như hệt và duyên dáng làm sao, chiều thứ bảy thì in lên báo. Thế là đến buổi diễn hôm chúa nhật, người xem đổ xô nhau đến rạp xiếc. Người ta đã báo tin là buổi diễn thu tiền ủng hộ cậu bé làm xiếc.

Bố đưa tôi đến xem, ngồi ghế hạng nhất. Ngay cổng vào những người làm xiếc đã dán tờ báo Gazzetta. Rạp chật ních, nhiều người xem tay còn cầm tờ báo và chỉ cho nhau cậu bé làm xiếc; còn cậu thì lăng xăng chạy đến người này, người nọ, hớn hở quá chừng. Cả ông chủ nữa, tất nhiên xem ra cũng hài lòng! Chưa bao giờ có một tờ báo nào đã đem cho ông ta niềm vinh dự đến như thế, và chiếc quỹ hôm nay thật đầy những đồng xu và hào bạc.

Bố ngồi cạnh tôi. Trong đám khán giả, chúng tôi gặp bao nhiêu người quen. Đứng ở chỗ ra vào là thầy giáo dạy thể dục, và trước mặt chúng tôi, ở ghế hạng nhì là cậu bé thợ nề ngồi cạnh ông bố khổng lồ. Vừa thấy tôi, cậu ấy làm luôn cái trò sứt môi với tôi. Xa xa một tí, tôi thấy Garoffi đang mải đếm số khách xem và tính trên ngón tay số tiền mà gánh xiếc phải thu được đêm nay. Gần chỗ chúng tôi, ở dãy ghế hạng nhất, còn có cậu Robetti đáng

thương (cái cậu đã cứu sống em bé bị chẹt xe ngựa) đôi nạng để giữa hai chân. Bố cậu, ông đại úy pháo binh, ngồi cạnh cậu, bàn tay đặt lên vai con.

Buổi diễn bắt đầu. Cậu bé làm xiếc diễn, tài nghệ tuyệt vời trên lưng ngựa, trên đu bay, trên dây. Mỗi tiết mục đều được vỗ tay nhiệt liệt kéo dài ra mãi.

Lại còn các trò khác của những người đi trên đây, những người tung hứng, áo quần lấp lánh những mảnh giấy bạc. Tuy nhiên cứ hễ thiếu mặt cậu bé là có thể nói rằng khán giả đã buồn rồi.

Có một lúc tôi thấy thầy giáo thể dục đứng ở chỗ ra vào, nói nhỏ vào tai ông chủ xiếc. Ông này liền đảo mắt, nhìn khán giả như tìm một người nào. Mắt ông bỗng dừng lại phía chúng tôi. Bố trông thấy, hiểu rằng thầy giáo vừa cho ông ta biết tác giả của bài báo là ai; và để tránh không cho ông ta cám ơn, bố đi ra và dặn tôi: “Con ngồi lại xem cho hết, Enrico ạ, bố đợi con ngoài cổng”.

Cậu bé làm xiếc trao đổi mấy câu với bố, rồi lại diễn một mục nữa. Đứng trên lưng ngựa đang phi, cậu thay quần áo bốn bận, lần lượt hiện ra như khách hành hương, như người thủy thủ, như kẻ quân nhân, rồi như tay mãi võ. Mỗi lần lướt qua cạnh tôi, cậu đưa mắt nhìn tôi.

Tiết mục chấm dứt, cậu xuống ngựa, đi vòng quanh sân, tay cầm mũ. Tất cả mọi người đều đua nhau ném cho cậu nào xu, nào kẹo. Tôi cầm hai xu để đưa cho cậu; nhưng khi đến gần tôi thì đáng lẽ đưa mũ ra, cậu lại rụt mũ về và bước qua rất nhanh. Tôi lấy làm tủi nhục về hành động ấy. Tại sao cậu lại tỏ ra thiếu lễ độ với tôi như vậy?

Hết buổi diễn, ông chủ cám ơn khán giả, và mọi người đứng dậy ra về. Tôi đi lẫn vào đám đông, và gần ra đến cổng thì thấy ai nắm lấy tay mình. Tôi quay lại và thấy cậu bé làm xiếc, khuôn mặt hiền lành rất tươi cười hai tay nắm đầy kẹo! Bây giờ tôi mới hiểu.

“Anh vui lòng nhận cho thằng bé làm xiếc mấy chiếc kẹo này chứ?” - cậu ta nói.

Tôi bằng lòng và cầm lấy ba bốn chiếc.

- Vậy nhận thêm cho em chiếc hôn này nữa, - cậu lại nói.

- Hôn tôi hai cái đi - tôi đáp lại và chìa má ra.

Cậu đưa tay áo quệt trái lớp phấn trên mặt, vòng tay ôm lấy cổ tôi và hôn tôi hai cái đánh chụt trên hai má, rồi nói: “Này, một cái gửi về cho bố anh”.

Những trẻ em mù

Thứ năm 23

Thầy giáo của chúng tôi đang ốm nặng, nhà trường đã cử thầy giáo lớp bốn đến thay. Trước đây thầy đã từng dạy ở Học viện những thiếu niên mù. Là thầy giáo già nhất trong trường, tóc thầy bạc trắng đến nỗi người ta ngỡ thầy đội tóc giả bằng bông. Thầy có một cách nói rất đặc biệt, nhưng thầy nói rất hay và thầy biết rất rộng. Vừa bước vào lớp, thấy một học sinh có một mắt quấn băng, thầy liền đến gần và hỏi cậu làm sao vậy.

"Con phải cẩn thận giữ gìn đôi mắt", thầy nói. Derossi liền hỏi:

- Thưa thầy, có phải trước đây thầy đã dạy những trẻ mù không ạ?

- Đúng đấy, thầy đã dạy đấy nhiều năm - thầy đáp.

Derossi hạ thấp giọng, lại nói:

- Thế thầy sẽ kể cho chúng con nghe ít nhiều chuyện ở bên ấy, được không ạ?

Thầy giáo bước lên bục, ngồi vào ghế của mình. Coretti nói to:

"Học viện người mù ở phố Nizza"

"Con vừa nói người mù, - thầy giáo nhắc lại, - nghe đơn giản như nói người ốm hay người nghèo vậy. Các con có thật hiểu thế nào là nghĩa chữ "mù" chưa? Hãy nghĩ xem nào. Này nhé: Không bao giờ nhìn thấy cái gì cả. Không phân biệt được thế nào là đêm, thế nào là ngày; không trông thấy bầu trời, cũng như bố mẹ họ hàng. Không trông thấy bất cứ cái gì ở quanh ta, bất cứ cái gì mà ta sờ mó. Chìm đắm trong một bóng tối vĩnh viễn, và như là bị chôn vùi trong lòng đất vậy! Các con thử nhắm mắt lại, và thử nghĩ đến nỗi khốn khổ sẽ đến với mình giá mình cứ phải ở mãi trong tình trạng ấy. Chắc chắn là các con sẽ bị nén dưới một sự đè ép đau đớn, một niềm khủng khiếp như không thể nào chịu đựng nổi. Và lập tức các con sẽ gào thét lên một cách tuyệt vọng…

"Ấy thế mà khi đến thăm học viện người mù lần đầu tiên, vào giữa giờ ra chơi, nghe các bạn ấy kéo đàn vĩ cầm, thổi sáo khắp nơi, nói to cười lớn, chạy lên chạy xuống các thang gác, đi qua các hành lang và các phòng ngủ một cách tự nhiên, thật người ta không bao giờ có thể ngờ rằng những người khốn khổ kia không hề nhìn thấy ánh sáng. Phải quan sát kỹ thì mới hiểu được họ. Có những thanh niên từ mười sáu đến mười tám tuổi, vạm vỡ và nhanh nhẹn, chịu đựng cảnh mù lòa với một vẻ dửng dưng nào đấy, nhưng

khi thấy vẻ buồn trên mặt họ thì người ta cũng hiểu là họ đã từng đau khổ ghê gớm trước khi đành nhẫn nhục chịu đựng nỗi bất hạnh vậy.

"Có những người trên sắc mặt tái nhợt và hiền hậu thấy rõ sự chịu đựng ghê gớm xen với nỗi buồn rầu ghê gớm, và người ta có thể đoán biết rằng đôi khi không có ai họ đã phải khóc rất nhiều. Ôi, các con thử nghĩ xem trong những kẻ bất hạnh ấy có những người mù chỉ sau vài ngày ốm thôi, cũng có những người sau nhiều năm bị cơn bệnh hành hạ và sau những phen mổ xẻ đau đớn vô cùng. Cuối cùng, có những người sinh ra đã như vậy, chào đời trong một đêm tối không bao giờ có rạng đông; họ vào đời như vào một nhà mồ mênh mông trong đó họ không thể phân biệt được một hình dạng nào, một màu sắc nào.

Các con hãy tưởng tượng họ phải đau khổ như thế nào khi so sánh cuộc đời của họ với cuộc đời của những người sáng mắt.

Tại sao lại có sự khác nhau nhường ấy? Chắc họ phải tự hỏi, vả lại, đối với lương tâm, chúng ta nào có tội lỗi gì?

"Thầy đã sống nhiều năm giữa những người mù, - thầy giáo nói tiếp, - thầy không thể nghĩ đến cái lớp mà mọi đôi mắt đều đã nhắm lại mãi mãi, đồng tử đều không biết nhìn và không còn sinh khí nữa, và sau đấy lại thấy các con đây đôi mắt đều sáng ngời mà lại không nói với thầy rằng các con không thể nào không sung sướng được. Hãy nghĩ rằng chỉ ở nước Ý ta thôi, đã có hai vạn sáu nghìn người mù rồi. Hai vạn sáu nghìn[38] các con nghe rõ chưa". Thầy giáo dừng lại. Lớp học im lặng lạ thường. Derossi hỏi có thật là những người mù có xúc giác tế nhị hơn chúng ta không?

"Thật thế, - thầy giáo lại nói. - Tất cả các giác quan khác của họ đều thành tế nhị cả, bởi vì đã được sử dụng để bổ sung cho thị giác và được tập luyện nhiều hơn là ở những người sáng. Buổi sáng trong phòng ngủ, một học sinh mù hỏi một người bạn: "Hôm nay trời nắng không nhỉ?" Người bạn nhanh nhẹn nhất, mặc quần áo, xuống sân, đưa hai tay lên cao và khua để xem không khí có ấm lên do mặt trời sưởi không; rồi chạy lên báo tin vui: "Hôm nay trời nắng!"

"Nghe giọng một người nói, họ có thể suy ra được người đó cao hay thấp. Chúng ta đoán biết tính tình của một người qua cái nhìn của người ấy, nhưng họ thì lại đoán qua giọng nói. Họ nhớ giọng nói của người ta rất lâu. Trong một căn phòng có nhiều người mà chỉ một người nói, còn những người khác làm thinh, họ cũng nhận ra được. Nhờ xúc giác, người mù có thể biết được một cái cùi dìa thật sạch hay không lấy gì làm sạch lắm.

"Những cô bé có thể phân biệt được len nhuộm màu với len không

nhuộm. Khi đi từng đôi một ngoài đường phố, những trẻ em mù có thể nhận ra gần hết các cửa hiệu bằng cách ngửi mùi. Chơi con quay, chỉ cần nghe tiếng vù vù là họ đi thẳng đến, cầm lấy không nhầm. Họ nhảy dây cũng khéo chẳng thua gì những trẻ nhìn rõ. Hơn nữa, họ hái hoa đồng thảo như thể họ trông thấy thật; họ lấy cuội để trang trí những chiếc hòm nhỏ, họ dệt chiếu và đan rổ, tết những sợi rơm khác màu nhau, nhanh chóng lạ thường vì xúc giác họ quả thật là tế nhị. Xúc giác là thị giác thứ hai của họ và một trong những thú vui lớn nhất của họ là được sờ mó, nắn bóp để đoán hình dáng của đồ vật.

"Thật là cảnh tượng cảm động khi nhìn những người mù được đến xem bảo tàng công nghiệp, mà người ta cho phép họ được sờ mó tất cả những gì họ thích. Với một nỗi vui mừng không thể tả hết, họ lao tới các mô hình nhà cửa, các dụng cụ sản xuất để xem các thứ ấy được làm ra như thế nào. Đúng là xem, vì cũng như ta, họ có thói quen nói xem như vậy".

Garoffi ngắt lời thầy giáo để hỏi thầy có phải là những người mù học tính giỏi hơn những người khác không?

"Rất đúng đấy, - thầy trả lời. - Họ học tính và học đọc. Họ dùng những cuốn sách riêng, khắc chữ nổi. Cứ đưa các ngón tay sờ lên, họ nhận ra ngay các chữ và đọc thạo. Và thương quá, các em bé tội nghiệp ấy, mỗi khi đọc nhầm, lại thẹn đỏ cả mặt lên. Họ cũng viết, nhưng không dùng mực. Họ viết trên một loại giấy dày và cứng với một cái dùi nhọn bằng kim khí, bằng cách chấm những lỗ nhỏ và xếp theo một hệ chữ cái đặc biệt. Những lỗ nhỏ ấy hằn rõ trên mặt nổi của giấy, để cho người học sinh lật trang giấy và dùng tay sờ những điểm nổi lên, có thể đọc lại những gì mình đã viết. Người mù cũng nhận ra được nét chữ của người khác; họ làm những bài văn và viết thư cho nhau. Họ viết chữ số và làm các phép tính cũng bằng cách ấy; nhưng ngoài ra, họ lại làm tính nhẩm dễ dàng một cách không thể tưởng tượng được, vì họ không đãng trí như ta do mải nhìn các vật chung quanh mình, và giá các con biết họ thích nghe đọc sách như thế nào, họ chăm chú làm sao, họ nhớ tất cả và họ tranh luận với nhau, kể cả những cậu rất bé, về mọi vấn đề. Ngồi với nhau bốn hay năm người trên một chiếc băng không phải ngoảnh mặt lại với nhau, họ chuyện trò, có khi người thứ nhất nói với người thứ ba, người thứ hai nói với người thứ tư, mà nói to và tất cả cùng nói một lúc, thế mà họ nghe không sót một lời, vì tai họ thính quá chừng.

"Họ coi trọng các kỳ thi hơn các con ở đây, đúng thế, và thương yêu các thầy giáo hơn nhiều. Họ nhận ra thầy giáo bằng cách nghe bước đi, hoặc đánh hơi. Họ đoán biết thầy đang bực hoặc đang vui, đang khỏe hay đang mệt, chỉ bằng cách nghe tiếng thầy nói một lời thôi. Họ muốn được thầy giáo sờ vào họ khi thầy khuyến khích hoặc khen ngợi họ; và họ siết chặt lấy bàn

tay và cánh tay thầy để bày tỏ lòng biết ơn.

"Các học sinh mù rất thương yêu nhau và thường thường đối xử với nhau rất tốt. Trong giờ ra chơi, gần như lúc nào, những người thường chơi với nhau lại họp nhau thành nhóm. Chẳng hạn các nữ sinh thì họp nhau lại theo nhạc cụ mà họ đang học; những người học vĩ cầm, những người học dương cầm, học sáo, không bao giờ rời nhau ra. Những người mù rất chung thủy trong tình bạn: họ tìm ở đấy tất cả niềm an ủi. Họ đánh giá lẫn nhau với trí phán đoán rất cao; về cái tốt và cái xấu họ có ý niệm rất rõ ràng và sâu sắc. Họ phấn khởi hơn ai hết khi nghe kể lại một hành động hào hiệp hoặc một sự tích cao cả".

Votini hỏi họ có giỏi âm nhạc không?

"Họ rất say mê âm nhạc, - thầy giáo đáp. - âm nhạc là đời sống và niềm vui của họ. Những cậu mù bé tí, vừa vào học viện đã mải mê nghe người ta chơi một nhạc cụ nào đấy không biết chán. Họ học nhạc rất dễ và chơi nhạc với tất cả tâm hồn. Nếu có thầy giáo bảo một người mù là không có khiếu về nhạc, thì người đó khổ vô cùng, và lập tức học hết sức như một người tuyệt vọng. À, giá các con được nghe người mù chơi nhạc, giá các con trông thấy họ ngẩng cao vầng trán, nụ cười trên môi, vẻ mặt rạng rỡ, bồi hồi, xúc động, say sưa, lắng nghe một người chơi đàn đang làm rực lên một tia sáng trong bóng tối vô tận mà họ phải chìm đắm, thì các con mới hiểu rằng âm nhạc quả là một niềm an ủi thiêng liêng!

"Khi một thầy giáo nói với một người trong bọn họ: "Con sẽ thành một nghệ sĩ" thì không thể nào tả được nỗi sung sướng của người ấy. Đối với họ, người đứng đầu về môn nhạc, người được toàn thể khâm phục về dương cầm hoặc vĩ cầm chẳng khác nào một ông vua, họ yêu mến và kính trọng. Nếu một cuộc cãi lộn xảy ra giữa hai người bạn thì họ nhờ người ấy hòa giải. Những cậu bé nhất được người ấy dạy nhạc thì xem người ấy như cha. Trước khi đi ngủ, họ đến tất cả chúc người ấy ngon giấc. Người mù luôn luôn nói chuyện về nhạc; dù là khi đã nằm trên giường, mệt mỏi vì học hành và lao động, trong cơn nửa tỉnh nửa thức, họ vẫn nói chuyện thì thầm về nhạc kịch, về các bậc thầy, về nhạc cụ, về dàn nhạc. Bỏ của họ một bài tập đọc hoặc một bài nhạc là họ coi như một hình phạt rất nặng, họ đau đớn vô cùng đến nỗi gần như chẳng bao giờ có đủ can đảm để phạt họ kiểu ấy. Vả lại âm nhạc đối với trái tim của họ như ánh sáng đối với đôi mắt của chúng ta vậy".

Derossi hỏi là học sinh có thể được đi thăm những người mù không?

"Có thể, - thầy giáo trả lời, - nhưng đối với các con, vì còn nhỏ, thầy khuyên chưa nên đến đấy. Sau này hãy đi, lúc đủ tuổi để hiểu hết được nỗi bất hạnh của họ và cảm thấy hết nỗi thương xót đối với họ.

“Đó là một cảnh tượng thương tâm, các con ạ. Đôi khi các con thấy những em bé ngồi sau cửa sổ hé mở, thở không khí trong sạch, vẻ mặt bất động, tưởng như đang ngắm cánh đồng rộng rãi, xanh rờn hay những dãy núi đẹp xanh lam mà các con, chỉ các con trông thấy thôi!… Nhưng khi ta nghĩ rằng các em đó chẳng thấy cái gì hết, rằng sẽ chẳng bao giờ thấy được chút gì những cảnh đẹp huy hoàng đó, thì tim chúng ta thắt lại, đúng như lúc ấy chính chúng ta đang bị mù vậy.

“Những người vốn đã mù từ lúc mới sinh ra, chưa hề bao giờ trông thấy thế giới chung quanh, thì ít đáng phàn nàn hơn một chút, vì họ không biết những gì mà họ không được hưởng. Nhưng có những em bé chỉ mới mù độ vài tháng thôi, họ biết và họ nhớ tất cả những gì họ mất. Các em ấy lại còn thêm một nỗi đau khổ nữa là thấy cứ tối lại dần dần trong ký ức mình những hình ảnh thân yêu nhất. Có hôm, một trong số những kẻ khốn khổ đó đã nói với thầy, vẻ buồn không tài nào tả được, rằng: “Con mong ước được nhìn thấy lại chỉ một lần thôi, chỉ một phút thôi, để được thấy lại khuôn mặt của mẹ mà con không còn nhớ ra nữa!”

“Khi mẹ các em đến thăm, các em lấy tay sờ khắp mặt mẹ, ngón tay không bỏ sót một đường nét nào, để xem mẹ mình hiện ra sao; và các em chỉ hơi làm cho mình tin rằng mình không còn trông thấy lại mẹ nữa, các em gọi tên mẹ nhiều lần như tha thiết xin mẹ cho các em được nhìn thấy mặt mẹ một lần nữa!

“Biết bao nhiêu người đến thăm họ, khi ra về, vừa đi vừa khóc.

“Khi từ giã họ, người ta tưởng như mình là một ngoại lệ, và mình được cái đặc quyền nhìn thấy thế gian, nhà cửa, bầu trời. Hãy thương xót, các con ạ, hãy thương xót mãnh liệt những người mà đối với họ mặt trời không có chút ánh sáng và người mẹ không có cả cái nhìn”.

Thầy giáo ốm

Thứ bảy 25

Chiều qua, tan học, tôi đi thăm thầy giáo tôi ốm, thầy ốm vì làm việc quá sức. Thầy dạy mỗi ngày năm giờ, thêm một giờ thể dục, và hai giờ dạy lớp ban đêm nữa, tóm lại thầy ngủ ít, ăn vội ăn vàng, nói vỡ phổi từ sáng đến tối: tất cả những việc chỉ có thể làm đổ nát sức khỏe của thầy, mẹ bảo thế. Mẹ vui lòng đứng chờ tôi trong gian phòng chung ở nhà dưới, trong lúc tôi lên gác thăm thầy Perboni.

Trên cầu thang tôi gặp thầy Coatti, thầy giáo có bộ râu đen, làm cho tất cả mọi người đều khiếp sợ, nhưng lại không hề phạt ai cả. Thầy nhìn tôi với đôi mắt to; và để đùa, thầy bắt chước tiếng sư tử, gầm lên nhưng không cười. Tôi thì cười ngặt nghẽo mãi cho lên đến gác tư, khi tôi gọi chuông ở buồng thầy giáo tôi.

Một người đàn bà giúp việc đưa tôi vào một cái buồng tối tăm nơi thầy tôi nghỉ. Thầy nằm trên một chiếc giường sắt nhỏ. Thầy đưa tay lên che trán để nhìn cho rõ, và nhận ra tôi, thầy kêu lên vui vẻ: “Kìa, Enrico”. Tôi bước lại gần giường. Thầy Perboni đặt tay lên vai tôi và nói:

“Cám ơn con, con đến thăm thầy giáo đáng thương của con là một việc rất tốt. Thầy đang ốm thảm hại, con thấy đấy, Enrico. À, lớp ta ra sao? Và học sinh thì thế nào? Tốt lắm phải không? Các cậu không cần có thầy cũng vẫn được đấy nhỉ?”

Tôi muốn nói là không phải thế, nhưng thầy Perboni không để tôi kịp nói.

“Tốt, tốt lắm! Thầy biết rằng dù sao các con cũng thương thầy”.

Thấy tôi nhìn mấy bức ảnh treo trên tường, thầy nói:

- Con thấy, ảnh các học trò cũ của thầy đấy. Các anh ấy đã tặng thầy ngoài hai mươi năm rồi. Thật là những cậu bé trung hậu. Đó là vật kỷ niệm của thầy. Khi sắp chết, cái nhìn cuối cùng của thầy sẽ quay về họ. Con cũng sẽ tặng thầy một chiếc ảnh của con, Enrico à, khi nào con học xong bậc sơ đẳng[39].

Thầy lấy một quả cam trên chiếc bàn nhỏ đầu giường, đặt vào tay tôi và nói:

- Thầy chẳng có gì khác để cho con, đây là món quà của một người ốm.

Tôi nhìn thầy lòng thắt lại, rồi thầy nói tiếp:

“Con phải chú ý điều này… Thầy hy vọng sẽ khỏi, nhưng nếu thầy không qua được… thì con phải chú ý đến môn toán đấy, đó là chỗ yếu của con… cố gắng một tí, chỉ cần cái gắng sức ban đầu thôi, vì nhiều khi không phải là không có năng khiếu đâu, mà chỉ vì ta cứ có một thành kiến như vậy, rồi thành kiến ấy dễ dàng xui ta lười biếng”.

Vừa nói thầy vừa hổn hển, rõ ràng là thầy đang đau lắm.

“Thầy bị một cơn sốt nặng, - thầy vừa thở dài vừa nói tiếp - con đã nghe rõ rồi phải không Enrico? Phải gạo môn toán và làm nhiều bài tính đố vào. Không thành công ngay bước đầu thì nghỉ ít lâu, rồi lại tiếp tục. Nếu thất bại nữa thì lại tạm nghỉ, rồi lại tiếp tục nữa. Cố tiến lên, nhưng bình tĩnh, không vội vàng, không nóng nảy. Thôi, con chuyển hộ lời thầy chào mẹ của con; và từ nay đừng leo lên bốn tầng gác của thầy nữa nhá; ta sẽ gặp nhau lại ở trường. Ví bằng chúng ta không còn trông thấy nhau nữa… thì thỉnh thoảng con nên nhớ đến thầy giáo lớp ba của con, đã rất yêu mến con”.

Nghe lời thầy nói, nước mắt tôi cứ trào ra. Thầy bắt tay tôi, kéo tôi vào lòng mà hôn, rồi lại nhắc: “Con về đi”, xong thầy quay mình vào phía tường.

Tôi chạy xuống thang gác, nhảy hai bậc một; tôi thấy cần phải ôm hôn mẹ tôi ngay.

Ngoài đường phố

(Thư của bố)

Thứ bảy 25

Chiều nay bố quan sát con qua cửa sổ, khi con ở nhà thầy giáo về. Con đã va phải một bà đi đường. Hãy cẩn thận hơn nữa khi con đi ngoài đường phố. Ở đấy cũng có những bổn phận phải làm. Ở trong nhà, con cân nhắc, từng việc làm, từng cử chỉ, cớ sao con lại không làm như vậy ở ngoài đường, là nơi đi lại của tất cả mọi người? Enrico, hãy nhớ điều này: mỗi khi con gặp một cụ già, một kẻ khó, một người đàn bà đang bế con, một người què chống nạng, một người đang phải còng lưng gánh nặng, một gia đình đang tang tóc, con đều phải nhường bước cung kính. Chúng ta phải kính trọng: tuổi già, nỗi khổ, tình mẹ con, kẻ tật nguyền, sự vất vả và cái chết. Mỗi khi con thấy một kẻ sắp bị xe húc phải, nếu là một người lớn thì con phải thét lên báo cho người ta tránh, nếu là một em bé thì con hãy chạy đến cứu ngay. Thấy một đứa bé đứng khóc một mình, hãy hỏi tại sao nó khóc và an ủi nó, nếu con có thể làm được. Người già rơi cái gậy, con hãy nhặt lên cho người ta. Nếu hai đứa trẻ đánh nhau, con phải can ngay chúng ra. Nhưng nếu là hai người lớn thì con hãy tránh xa ra, để khỏi phải chứng kiến cảnh hung dữ thô bạo, làm cho tấm lòng thành ra sắt đá. Gặp một người đi qua, tay bị xích, hai cảnh binh đi kèm hai bên, con sẽ không hùa vào đám đông để tò mò độc ác với họ. Đó có thể là một người vô tội.

Hãy thôi nói, thôi cười với bạn bè khi có một cái cáng người bệnh hay một đám tang đi qua, biết đâu ngày mai ở nhà con lại không có người chết.

Hãy lễ độ khi trông thấy tất cả các trẻ em ở các viện từ thiện đi qua từng đôi một: những em mù, những em câm điếc, những em còi cọc, những em mồ côi, những em vô thừa nhận; thấy họ con hãy nghĩ rằng đó là nỗi bất hạnh và lòng từ thiện của con người đang đi qua. Trước một vẻ dị dạng buồn cười hay đáng ghê, con hãy làm ngơ đi như tuồng không trông thấy.

Người đi qua hỏi thăm đường, con phải trả lời có lễ phép. Con không được nhạo báng ai hết, đừng chạy nhảy, đừng chen lấn ai hết, đừng la hét, phải tôn trọng trật tự của đường phố. Trình độ giáo dục của một dân tộc có thể đánh giá qua thái độ của con người trên đường phố. Ở đâu mà con thấy cảnh thô lỗ diễn ra ngoài đường phố thì con có thể chắc chắn là sẽ thấy cảnh thô lỗ diễn ra trong các gia đình vậy. Mai đây, nếu con phải đi xa, con sẽ lấy làm dễ chịu thấy luôn luôn hiện ra trong trí nhớ cái thành phố quê hương của con, Tổ quốc của thời thơ ấu của con, cái thế giới duy nhất mà

con đã được biết trong những năm đầu tiên của đời con.

Trong thành phố ấy, con đã đi những bước đầu tiên do bàn tay thận trọng của mẹ con dìu dắt; con đã học ở đấy những năm tháng đầu tiên, ở đấy con đã có được những người bạn đầu tiên của con. Hãy yêu thành phố của con, yêu các phố phường và nhân dân trong thành phố, và nếu chẳng may con nghe ai nói xấu thành phố của con thì con phải bênh vực ngay.

Bố của con".

THÁNG BA

Những lớp học buổi tối

Thứ bảy 4

Hôm qua, bố dắt tôi đến khu Baretti để xem các lớp học buổi tối. Chúng tôi đến nơi thì các lớp đã thắp đèn sáng và người học đã bắt đầu đến.

Thầy hiệu trưởng đang tức giận vì có ai vừa ném đá làm vỡ một miếng kính; người gác cổng liền chạy ra và bắt luôn một đứa bé. Cậu này vừa khóc vừa kêu oan.

Stardi ở trước mặt nhà trường, vội chạy sang chỉ đứa bé đang khóc và nói:

“Không phải cậu này đâu! Chính Franti ném đấy. Tôi trông thấy, chính mắt tôi trông thấy nó ném rõ ràng. Nó còn dọa đánh tôi nếu tôi nói ra. Nhưng tôi sợ gì Franti”.

Tức thì người ta buông cậu bé ra, và tôi nghe thấy thầy hiệu trưởng nói với bố là ngày mai nhất định Franti sẽ phải bị đuổi ra khỏi trường.

Tất nhiên là tôi chẳng ưa gì Franti, nó là một đứa bạn xấu; nhưng lời đe dọa của thầy hiệu trưởng cũng làm cho lòng tôi se lại.

Tôi chưa bao giờ thấy lớp học buổi tối. Thật là lý thú và nhất là bổ ích.

Ở đây có đến gần trăm người công nhân đủ mọi lứa tuổi, những trẻ em mười hai, mười ba tuổi, và những người râu dài, sau ngày lao động đến để học; những người thợ mộc, những người thợ máy mặt đen sì, những người thợ nề tay trắng như vôi, những cậu bé làm bánh mì, tóc còn dính bột. Một tốp pháo binh bước vào, mặc đồng phục, do một trung sĩ dẫn đến.

Phải thấy rằng những người học trò ấy khẩn trương vào chỗ ngồi trên chiếc ghế băng của chúng tôi như thế nào, và họ làm bài chăm chỉ như thế nào! Vài người mang vở lên xin thầy giảng thêm cho; và tôi thấy thầy giáo trẻ măng mà chúng tôi gọi là “ông luật sư nhỏ” chấm bài cho ba, bốn người thợ xúm xít chung quanh, thầy vừa cười vừa chỉ cho một em bé thợ nhuộm những vết đỏ xanh loang lổ trên vở cậu ta.

Tôi cũng thấy thầy giáo thân yêu của tôi, thầy Perboni đã khỏi bệnh và sáng mai sẽ tiếp tục dạy tại lớp tôi. Tôi lấy làm sung sướng vô cùng.

Cửa các lớp vẫn để ngỏ. Các bài học bắt đầu.

Tôi ngạc nhiên và khâm phục thái độ tập trung chú ý của những người ấy… những học trò ấy, khi họ nghe thầy giảng bài.

Hình như có nhiều người không kịp về nhà tối, chắc là họ phải đói lắm sau suốt một ngày lao động.

Những cậu bé thì sau khi nghe giảng chừng nửa tiếng đồng hồ, đã ríu mắt và gục đầu xuống bàn nằm ngủ. Thầy giáo dịu dàng khẽ vuốt ve họ với cái đầu cây bút lông ngỗng để đánh thức họ dậy. Nhưng những người lớn rất chăm chú, mắt nhìn thầy giáo không chớp, khi thầy giảng bài thì một con ruồi bay qua cũng nghe tiếng.

Tôi lấy làm hãnh diện thấy những chỗ ngồi của bọn trẻ chúng tôi lại được những người lớn ấy ngồi vào. Đối với chúng tôi, điều đó đã nâng cao tôi lên. Ôi! Giá chúng tôi có thể bắt chước các học sinh buổi tối và ngồi học nghiêm chỉnh như họ.

Ngồi ngay trên chiếc ghế của tôi, trước mặt cái bàn của tôi, là một người trẻ tuổi, để ria mép và râu cằm, có lẽ là một người thợ máy, anh ta có một ngón tay ở bàn tay phải bị thương, phải quấn băng, thế mà anh ta vẫn chăm chú viết, viết từ từ, như những người khác vậy.

Thật là một tấm gương tốt cho tôi!

Điều làm tôi thú vị nhất là thấy chỗ ngồi của cậu bé thợ nề lại do chính bố cậu ngồi vào. Cái ông khổng lồ này thật lúng túng trong cái góc nhỏ xíu ấy, nên cứ phải khép mãi đôi khuỷu tay lại. Hình như chính bác ấy xin với thầy hiệu trưởng cho bác được đặc ân ngồi vào chỗ cậu bé “sứt môi” của bác (bác vẫn gọi con trai như thế) và người ta liền tán thành ý muốn của bác ngay.

Tôi ở đó với bố cho đến khi tan buổi học. Thật ra đó cũng là một bài học đối với tôi. Bài học về thái độ chăm chỉ, về tư thế nghiêm minh, tôi sẽ tiếp thu để bổ ích cho mình. Lúc tan học đã có nhiều bà vợ bế con trên tay đứng ngoài đón chồng. Khi một người vừa ra khỏi cổng trường là em bé giơ đôi tay bé nhỏ ra đòi bố, ông bố liền bế và hôn con, còn bà vợ thì mang sách vở cho chồng. Tôi nghe một bà nói: “Đi nhanh lên một chút, xúp sắp nguội mất”.

Và họ đi từng tốp về nhà. Đường phố trong chốc lát đầy những người và tiếng ồn; rồi mỗi người về một ngả, phố xá trở nên yên lặng, và tôi chỉ còn thấy bóng dáng thầy hiệu trưởng bước đi chầm chậm, lộ rõ nỗi mệt nhọc. Người đến trường trước tiên, người ra về sau cùng, đó là thầy hiệu trưởng thương yêu ấy!

Ôi! Sáng hôm nay tôi sẽ học thật tốt, để cho giống các học sinh tối qua!

Đánh nhau
Chúa nhật 5

Việc ấy tất nhiên phải xảy ra thôi. Franti bị thầy hiệu trương đuổi, muốn báo thù. Nó chờ Stardi ở một góc phố, đúng lúc cậu này đi học về cùng với em gái mà cậu đến đón ở trường nữ học phố Dora Grossa. Em Silvia của tôi cũng tan học từ trường nữ học ra, đã chứng kiến vụ ấy và về đến nhà còn sợ khiếp. Việc xảy ra như thế này: Franti, cái mũ lưỡi trai bằng vải sơn đội lệch trên đầu, rón rén chạy đến sau lưng Stardi, và để khiêu khích cậu ta, nó túm cái đuôi sam của cô em cậu mà giật, giật mạnh đến nỗi cô bé gần như ngã ngửa người ra. Cô bé kêu lên một tiếng, Stardi quay lại. Franti cao lớn hơn, khỏe mạnh hơn Stardi nhiều, có lẽ nó nghĩ rằng "hoặc là nó chẳng dám hé răng, hoặc là mình sẽ dần cho nó gãy xương sườn".

Nhưng Stardi chẳng suy nghĩ một giây; vốn bé nhỏ và chậm chạp nó cứ lao vào thằng vô lại cao lớn kia và bắt đầu đấm nó tới tấp. Tuy vậy, cậu phải ăn đòn nhiều hơn là trả đòn. Ngoài phố chỉ có học trò con gái nhỏ, chẳng có ai để can đôi bên ra cả. Stardi bị quật ngã, nhưng vùng dậy tức khắc và lại lao vào thằng kia. Franti thì cứ nện. Chỉ một lát nó đã cắn chảy máu một nửa cái tai và làm sưng vù một mắt Stardi; cậu này chảy máu mũi, nhưng cứ lăn xả vào mà gầm:

"Mày giết tao, nhưng tao sẽ cho mày ăn đòn".

Một người đàn bà từ trong cửa sổ kêu lên "Hoan hô! Thằng bé!"

Mấy người khác nói: "Nó bênh em nó; can đảm lên, đánh khỏe vào".

Và họ nhiếc Franti: "Đồ độc ác! Đồ hèn nhát!"

Nhưng Franti điên lên, khoèo chân làm Stardi ngã xuống và nằm đè lên người cậu.

Nó cứ cẳng tay, cẳng chân mà nện xuống. Stardi nằm dưới cứ lấy đầu húc, lấy gót chân đá móc lên mà tự vệ.

Bỗng Stardi vọt dậy, đứng lên; ôm chặt lấy người Franti, cậu cố hết sức quật ngã nó xuống lòng đường, lấy đầu gối chẹn lên ngực nó.

"Ôi! Thằng khốn nạn, nó rút dao!" một người đàn ông kêu lên và chạy lại để giật con dao của Franti; quả thật thằng này đã rút con dao trong túi ra và sắp dùng để đâm Stardi.

Nhưng Stardi đã không trấn tĩnh được nữa, hai tay cậu nắm lấy cánh tay

của Franti và cắn mạnh vào cổ tay nó, làm cho con dao phải rơi ra.

Những người khác chạy đến, vây kín hai đứa bé, người ta đỡ chúng dậy. Franti bị đánh đau, bỏ chạy trốn. Stardi đứng lại trên trận địa, mặt bê bết máu, mắt sưng vù, nhưng đắc thắng. Cô em đứng khóc bên cạnh, các nữ sinh thì nhặt các sách vở rơi vãi lung tung cả ra trên đường phố.

Chung quanh Stardi người ta khen: "Dũng cảm thật, cậu bé biết bênh vực em".

Stardi lại nghĩ đến cái cặp của cậu hơn là cuộc chiến thắng, liền bắt đầu xem xét lại sách vở của mình từng quyển một coi có thiếu gì không, có hỏng gì không. Cậu lấy tay áo lau sạch tất cả mọi thứ, nhìn kỹ quản bút của mình, xếp lại mọi vật đâu vào đấy; rồi lẳng lặng và đứng đắn như thường lệ, bảo em gái rằng: "Thôi, về nhanh lên, anh còn phải làm bài tính đố đến những bốn phép tính".

Các bố mẹ học sinh

Thứ hai 6

Sáng hôm nay, ông Stardi to lớn đến đón con trai, sợ lại chạm trán với Franti một lần nữa. Nhưng người ta nói rằng chúng tôi sẽ không còn gặp lại cái thằng ranh ấy nữa và nó sẽ bị đưa vào một nhà trừng giới[40].

Sáng nay, trong phòng chờ, bố mẹ học sinh rất đông; trong số ấy có ông bán củi, bố Coretti giống hệt con trai ông ta; người mảnh dẻ, nhanh nhẹn, ria mép đã hoa râm và khuyết áo đeo cái cuống huy chương. Ngày nào cũng trông thấy các bố mẹ học sinh ở đấy, nên tôi quen họ hết, Có một bà cụ lưng còng, đầu đội chiếc mũ trắng, mưa rơi cũng như tuyết xuống, bao giờ cũng đi theo đứa cháu học lớp một trên. Bà cụ lấy áo tơi ra, mặc cho cháu, buộc lại cái khăn quàng, phủi bụi chải tóc cho cháu, ôm sách vở cho cháu. Người ta thấy là bà cụ không còn có ý nghĩ nào khác nữa, không thấy ở đời còn có việc gì tốt đẹp hơn thế nữa.

Chúng tôi lại thường thấy ông đại úy pháo binh bố cậu Robetti đã cứu sống một em bé. Tất cả chúng bạn khi đến gần cậu, đều vuốt ve cậu bé thương tật anh hùng ấy, và ông bố chào lại, bắt tay tất cả các bạn của con, không sót một ai. Bạn con mà càng bé hay ăn mặc càng xấu, thì ông lại càng lấy làm hài lòng và càng cám ơn họ.

Thỉnh thoảng người ta cũng phải chứng kiến những cảnh đau lòng, chẳng hạn có một bà từ hơn một tháng nay không đến nữa, vì bà bị chết mất một đứa con; còn đứa thứ hai bà chỉ để người vú đi đón. Hôm qua bà lại đến, nhưng thấy lại lớp học và bạn bè của đứa con đã chết của mình, bà bật ra khóc nức nở; thầy hiệu trưởng phải cầm tay dìu bà vào văn phòng của thầy.

Có những người bố, người mẹ thuộc lòng tất cả tên họ các bạn của con trai mình. Có những cô bé gái học phân hiệu bên cạnh, những học sinh các trường trung học gần đấy cũng đến đợi anh em họ về. Có một ông đại tá già về hưu cứ mỗi lúc thấy cậu bé đánh rơi một ngòi bút hay một cuốn vở, là cúi xuống nhặt lên cho cậu. Người ta lại thấy những bà ăn mặc rất sang nói chuyện học hành với những bà trùm khăn và tay cắp rổ; họ nói: “Ô! bài tính đố lần này khó ghê gớm!” “Sáng nay có một bài ngữ pháp dài quá sức tưởng tượng”.

Và có ai ốm ở một lớp nào đó thì các bà đều biết hết, và khi người ốm đã đỡ các bà đều mừng. Đúng sáng hôm nay, tám chín bác nữ công nhân và các bà vây lấy mẹ Coretti, bà hàng rong rau quả ấy, để hỏi tin một cậu bé tội

nghiệp học cùng lớp với em trai tôi; cậu ở cùng sân với bà và đang ốm thập tử nhất sinh. Có thể nói là nhà trường san bằng các địa vị và làm cho mọi người thành bạn bè với nhau cả.

Người số 78

Thứ tư 8

Hôm qua, tôi đã chứng kiến một cảnh cảm động. Từ mấy hôm nay, mỗi khi bác bán rau quả gặp Derossi thì bác lại nhìn bạn ấy với một vẻ yêu mến vô cùng. Phải nói là từ khi Derossi phát hiện ra lọ mực và người tù số 78, thì cậu ta càng thân thiết với Crossi, con của người tù ấy, cái cậu bé tóc đỏ, có một cánh tay bị liệt. Derossi giúp bạn làm bài, ở trường nhắc cho bạn các câu trả lời, cho bạn giấy, ngòi bút, bút chì, tóm lại là đối xử với bạn như với anh em ruột để bù lại cho bạn nỗi bất hạnh đã đến với bố bạn, mà chính đứa con trai không biết đến. Vậy là đã mấy hôm nay rồi, bác bán rau quả không lúc nào rời Derossi khỏi mắt mà đứa con yêu dấu ấy được giúp đỡ trong việc học hành, được điểm tốt là nhờ Derossi người đầu lớp. Đối với bà, Derossi quả là một nhân vật đặc biệt.

Bà cứ nhìn Derossi mãi, như muốn nói điều gì với cậu nhưng lại không dám.

Tuy vậy, sáng hôm qua, bà đón Derossi ở dưới cổng và nói:

"Thưa cậu, xin cậu bỏ lỗi, cậu tốt với con tôi quá, vậy xin cậu làm ơn nhận cho vật kỷ niệm nhỏ này của một người mẹ đáng thương". Và bà lấy trong rổ rau ra một cái hộp bằng bìa cứng sơn kim nhũ.

Derossi đỏ mặt và từ chối ngay.

"Xin bác hãy đem về cho bạn ấy, cháu không lấy gì đâu".

Bà hàng rau quả sượng sùng, và ấp úng xin lỗi:

"Tôi không định làm phật ý cậu, có gì đâu, chỉ mấy chiếc kẹo đường".

Nhưng Derossi lắc đầu từ chối, thế là bà rụt rè rút trong rổ ra một bó củ cải đỏ và nói khẽ:

"Ít ra cũng xin cậu nhận cho cái này, rất tươi đấy; cậu đem về biếu bà nhà".

Derossi mỉm cười và trả lời:

- Không, xin cám ơn bác, cháu không muốn lấy gì cả, lúc nào cháu cũng sẽ làm hết sức để giúp Crossi, nhưng cháu không thể nhận một cái gì hết. Dù sao cũng xin cảm ơn bác.

- Tôi không làm phật ý cậu chứ? - Bà hàng rau lo lắng hỏi.

- Ồ, không đâu bác ạ! Derossi nói và mỉm cười, rồi bước đi, còn bà mẹ Crossi thì vui mừng kêu lên: "Ôi! Cậu bé ngoan quá sức. Tôi chưa hề bao giờ thấy một cậu bé trung hậu và xinh trai như cậu này".

Tưởng rằng câu chuyện đến thế là xong; nhưng chiều đến lúc bốn giờ đáng lẽ là bà mẹ thì lại là ông bố của Crossi đến đón, vẻ mặt buồn bã. Ông ta đón Derossi lại, và theo cách ông nhìn cậu ấy, tôi thấy ông đoán ra rằng Derossi đã biết điều bí mật của ông.

Ông ta nói với một giọng buồn bã và âu yếm:

"Cậu thương con tôi. Tại sao cậu thương nó lắm thế?"

Derossi đỏ bừng mặt; cậu những muốn trả lời rằng: "Tôi thương bạn ấy vì bạn ấy khổ sở, và vì ông bố của bạn cũng khổ sở, hơn là tội lỗi, vì ông là người rất trung hậu". Nhưng mà cậu không đủ can đảm để nói ra.

Trong thâm tâm, cậu còn cảm thấy như sờ sợ, như ghê ghê khi nói chuyện với một người đã làm đổ máu người khác và đã ngồi tù sáu năm.

Nhưng bố Crossi đoán biết hết, và thấp giọng, ông run run nói thầm vào tai Derossi rằng:

"Cậu thương nó, nhưng cậu không ghét, cậu không khinh bố nó chứ?"

"Ồ, không, không, trái lại!" Derossi kêu lên thành tâm, nhiệt tình.

Thế là ông bố Crossi có một động tác rất tự giác như muốn ôm Derossi vào lòng, nhưng không dám, và chỉ sờ lên một vòng tóc xoăn vàng của cậu, rồi thả tay ra và đưa các ngón tay lên mồm và hôn, vừa hôn vừa nhìn Derossi với đôi mắt đẫm lệ như muốn nói là ông gửi cái hôn ấy tới Derossi. Rồi dắt tay con, ông bước đi một cách vội vã.

Cậu bé chết
Thứ hai 13

Cậu bé ở cùng sân với bà bán rau quả, bạn của em tôi ở lớp sơ đẳng[41] vừa mới chết.

Hôm thứ bảy cô giáo Delcati hết sức đau xót đến báo tin cho thầy Perboni biết, và lúc đó, tức thì Garrone với Coretti - tự mình xin đến khiêng quan tài. Cậu bé tội nghiệp ấy thật là một đứa trẻ trung hậu, tuần trước cậu vừa được huy chương. Cậu yêu em trai tôi lắm và đã cho nó một chiếc ống đựng tiền vỡ. Lần nào gặp, mẹ tôi cũng vuốt má cậu. Cậu đội chiếc mũ lưỡi trai có hai cái sọc bằng dạ đỏ. Bố cậu là công nhân khuân vác ngành đường sắt. Chiều qua, chúa nhật, hồi bốn giờ rưỡi, chúng tôi đã đến nhà người chết để đi theo đám tang. Trong sân đã đầy những cậu bé học lớp một trên cùng đi với mẹ họ, năm sáu cô giáo đã đến. Cô giáo lớp một và cô Delcati đã vào trong nhà và qua cửa sổ mở rộng chúng tôi thấy các cô khóc.

Người ta còn nghe tiếng bà mẹ tội nghiệp khóc thảm thiết. Hai bà mẹ của hai học sinh trong trường đã đem đến những vòng hoa. Năm giờ đúng chúng tôi bắt đầu đi. Quan tài phủ dạ đen, trên đặt các vòng hoa. Trên tấm dạ đen người ta lại đính chiếc huy chương và ba giấy khen danh dự mà cậu bé đã được thưởng trong năm nay. Garrone, Coretti và hai cậu bé trong khu phố khiêng quan tài. Cô Delcati đi theo, khóc như thể đứa trẻ đó chính là con cô, phía sau cô là các cô giáo khác, rồi học sinh của họ mà các cậu bé nhất cầm những bó hoa đồng thảo một tay và tay kia thì đưa mẹ họ nắm.

Các cậu nhìn quan tài mà rất ngạc nhiên, và tôi nghe một cậu hỏi: “Thế là bây giờ, có phải bạn ấy không đến trường nữa phải không?”

Khi chiếc quan tài ra khỏi nhà thì người ta nghe một tiếng kêu tuyệt vọng từ trong cửa sổ, đó là bà mẹ mà người ta phải vội vàng đưa vào lại trong phòng.

Ra đến ngoài phố, chúng tôi gặp đoàn học sinh một trường trung học đang đi thành hàng đôi, và tất cả đều cung kính cúi chào.

Tội nghiệp cậu bé quá cố! Cậu sẽ ngủ giấc ngủ vĩnh viễn với chiếc huy chương của cậu; và chúng tôi sẽ không bao giờ trông thấy cậu với chiếc mũ lưỡi trai nho nhỏ có sọc đỏ nữa… Cậu đang khỏe mạnh, thế mà chỉ ốm có bốn ngày cậu đã ra đi. Ngày cuối cùng cậu còn gắng gượng ngồi dậy để làm bài, và cậu muốn đem cái huy chương của cậu để trên giường nằm, sợ người

ta lấy mất của cậu. Nay thì chẳng ai lấy của cậu nữa, tội nghiệp cậu bé! Vĩnh biệt, vĩnh biệt! Chúng tôi sẽ nhớ đến cậu mãi mãi ở khu Baretti, xin cậu an giấc.

Hôm trước ngày 14 tháng 3

Hôm nay, một trong những ngày vui nhất: 13 tháng 3, ngày hôm trước của lễ phát phần thưởng[42], ngày lễ lớn hàng năm sẽ cử hành ở nhà hát Vittorio Emanuele. Lần này các cậu được lên sân khấu trình danh sách học sinh được thưởng cho các đơn vị trao phần thưởng, không phải tùy tiện cứ ra thế nào cũng được. Sáng nay, thầy hiệu trưởng đến và nói với chúng tôi: "Các con ạ, một tin mừng". Rồi thầy gọi: "Coraci!"

Cậu học sinh người xứ Calabria đứng dậy:

"Con có muốn ở trong số những người ngày mai ở nhà hát và trình danh sách lên nhà chức trách không?"

Cậu học sinh người Calabria trả lời là có.

"Tốt, thầy hiệu trưởng nói: như thế sẽ có thêm một đại biểu của người Calabria nữa. Năm nay tòa thị chính muốn rằng mười hay mười hai người đem trình phần thưởng lên các nhà chức trách phải là dân các tỉnh khác nhau của nước Ý và chọn trong các trường quốc lập ở Torino này. Chúng ta có hai mươi khu và năm phân hiệu: bảy nghìn học sinh. Tổng số học sinh đông như vậy chẳng dễ gì mà tìm ra các trẻ em của mỗi miền trên nước Ý được, ở khu Torquato Tasso[43] đã tìm ra được hai đại biểu các đảo: một người ở đảo Sardegna và một người ở Sicilia. Trường Boncompagni góp một người Roma ở khu Tommaseo[44] còn lại thì dễ tìm ra người Venezia, người Lombardia, người Romagna thôi. Khu Monviso giới thiệu một người Napoli, con một sĩ quan; còn ta ở khu Baretti này ta góp một người Genova và một người Calabria. Đẹp lắm, phải không nào? Chính những người anh em của ta ở khắp tất cả các miền của nước Ý sẽ đưa trình các phần thưởng. Phải để ý, khi họ xuất hiện trên sân khấu, cả mười hai người cùng một lúc, thì các con phải hoan hô chào mừng họ. Họ là trẻ con, nhưng họ đại điện cho quê hương, họ chẳng khác nào là người lớn vậy, chẳng phải một băng vải nhỏ ba màu cũng là biểu tượng của nước Ý, khác gì một lá cờ lớn? Chắc chắn là các con sẽ hoan hô nhiệt liệt. Các con sẽ tỏ ra là những trái tim non trẻ mới mười tuổi của các con cũng phấn khích trước hình ảnh thiêng liêng của Tổ quốc.

Nói xong thầy hiệu trưởng đi ra, thì thầy giáo vừa mỉm cười vừa nói thêm: "Vậy là Coraci, con là đại biểu của những người dân Calabria".

Tất cả chúng tôi vỗ tay vui cười và khi tan học ra ngoài phố, chúng tôi

vây lấy Coraci, cầm chân nhấc cậu lên và công kênh cậu trên vai như mừng chiến thắng. Chúng tôi reo lên: “Hoan hô đại biểu xứ Calabria”, nhưng reo vì vui mừng, tuyệt không phải chế giễu, trái lại chúng tôi còn ăn mừng Coraci, vì thực ra cậu vẫn làm cho tất cả chúng tôi mến. Tươi cười vì được hoan nghênh, cậu để cho chúng tôi kiệu đi như vậy cho đến một góc phố nọ thì chạm trán với một ông râu đen nhánh, ông ta bỗng bật cười.

“Bố mình đấy”, cậu bé người Calabria nói. Thế là các bạn ôm đứa con trai đặt luôn vào lòng ông bố, rồi tẩu tán ra khắp mọi phía.

Lễ phát phần thưởng

14 tháng ba

Khoảng hai giờ nhà hát lớn đã đông nghịt: dưới nhà, trong các hành lang, ở các lô, trên sân khấu. Có hàng nghìn người đủ mặt: trẻ em, các bà, thầy giáo, công nhân, phụ nữ bình dân, trẻ còn bé. Thật là náo nhiệt, kẻ gật đầu, kẻ vẫy tay; lông cắm mũ, dải buộc tóc chập chờn như sóng lượn, tiếng rì rầm liên tục và vui vẻ, khiến người ta phải tươi vui.

Nhà hát trang trí bằng những vòng hoa giấy màu quốc kỳ. Ở chỗ dàn nhạc đã dựng hai bậc thang, bên phải để đi lên, bên trái để đi xuống. Ở phía trước sân khấu có kê một dãy ghế bành bọc nhung đỏ, một vòng hoa danh dự nhỏ treo ở lưng tựa chiếc ghế giữa.

Một bên sân khấu kê một cái bàn phủ thảm màu lục, trên mặt bàn xếp những chồng sách, buộc dây màu quốc kỳ ba màu, thu hút lòng thèm muốn của học sinh. Dàn nhạc vẫn ngồi ở chỗ hàng ngày, trước mặt sân khấu. Các thầy giáo cô giáo ngoi hết một nửa hành lang thứ nhất dành riêng cho họ. Một đội đồng ca gần trăm học sinh ngồi trên các ghế dài kê trước mặt sân khấu, tay cầm các bài hát. Đằng sau sân khấu và hai bên cánh gà nhiều thầy giáo cô giáo đang sắp xếp hàng ngũ các học sinh được thưởng; bố mẹ họ vây quanh, thắt lại chiếc khăn quàng, sửa lại mái tóc lần cuối cùng cho con. Vừa cùng với bố mẹ vào đến chỗ ngồi ở trên gác, tôi thấy ngay cô giáo có cái lông chim đỏ ở mũ, ngồi ở hành lang trước mặt; cô đang cười hai má lúm đồng tiền xinh xắn, và bên cạnh cô giáo của em trai tôi là “cô tu sĩ” nhỏ nhắn mặc toàn màu đen, cùng với cô giáo lớp một trên của tôi, nhưng tội nghiệp trông cô xanh quá, và ho dữ dội, tiếng ho nghe suốt từ đầu này đến đầu kia nhà hát, ở dưới nhà tôi nhận ra ngay cậu Garrone thân yêu, và cạnh cậu là Nelli, đang tựa cái dâu tóc bạch kim vào vai bạn. Xa hơn một chút tôi thấy Garoffi với cái mũi khoằm như mỏ quạ; cậu đã tốn bao nhiêu công khó nhọc để kiếm cho ra những bản danh sách in, dù cậu đã có một bó tướng… có lẽ theo thói quen cậu muốn đầu cơ về thứ ấy chăng?… Gần cửa ra vào là bác bán củi, cùng với vợ mặc quần áo chúa nhật, ngồi cạnh con trai là Coretti, cậu này được phần thưởng thứ ba; hôm nay Coretti không mặc cái áo chẽn bằng da con rái cá với cái mũ nồi bằng da mèo nữa, mà lại diện oách như một tiểu công tử. Có một lúc tôi trông thấy Votini ở một hành lang, đeo ra ngoài áo một cái cổ giả viền đăng ten, nhưng chỉ một lát là cậu ta biến đâu mất. Ngồi trước sân khấu, rất đông người, có ông đại úy pháo binh Robetti và cậu con trai chống đôi nạng.

Hai giờ đúng, nhạc bắt đầu nổi lên; cùng lúc người ta thấy bước lên sân khấu từ cầu thang bên phải: ông thị trưởng, ông tỉnh trưởng, ông bồi thẩm tòa án. Ông hiệu trưởng trung học và rất nhiều vị quan chức, mặc áo lễ màu đen, lần lượt ngồi vào những chiếc ghế bành đỏ. Nhạc vừa dứt, thầy giáo dạy hát bước ra, tay cầm cái que. Thầy giơ tay một cái, tất cả các cậu ngồi ở dưới nhà cùng đứng dậy; thầy vung tay cái nữa, họ bắt đầu hát.

Bảy trăm học sinh, tất cả hát bản đồng ca rất hay, điệu nhạc long trọng. Bảy trăm giọng trẻ em cùng cất lên một lúc: thật tuyệt trần. Tất cả mọi người cùng im lặng ngồi nghe. Tiếng hát của các cậu vừa dịu dàng, vừa trang nghiêm, vừa gây một ấn tượng sâu sắc. Bài hát vừa dứt, tiếng vỗ tay nổi lên nhiệt liệt, rồi im lặng trở lại.

Lễ trao phần thưởng sắp bắt đầu: thầy giáo lớp hai của tôi có mái tóc hung và đôi mắt linh hoạt, đã tiến ra sân khấu để đọc danh sách những người được thưởng. Người ta chờ xem mười hai cậu bé bước ra trình các phần thưởng. Các báo đã đăng tin rằng đó là những người con của tất cả các tỉnh nước Ý. Trong khi chờ họ, người ta tò mò nhìn về phía mà các cậu sẽ xuất hiện; chính ông thị trưởng và các thân sỹ khác cũng chú ý, cả nhà hát im phăng phắc. Bỗng nhiên người ta thấy đoàn đại biểu đến, chân bước nhanh nhẹn. Họ tiến đến sát mép sân khấu; rồi mười hai đại biểu tí hon, như chúng tôi vẫn gọi, dừng lại, tươi cười, nhưng hơi lúng túng. Toàn thể cử tọa - ba nghìn người là ít - cùng đứng dậy một lúc và tiếng vỗ tay vang lên, tựa hồ một tiếng sấm dài. Các cậu bé hình như khá bối rối.

Tôi nhận ra ngay Coraci, cậu bé Calabria mặc quần áo đen như mọi khi. Một ông ủy viên hội đồng thành phố ngồi chỗ chúng tôi và biết các cậu chỉ cho mẹ tôi từng người. Ông ta nói: “Cái cậu bé tóc bạch kim ấy là đại biểu Venezia; đại biểu Roma là cái cậu cao, tóc xoăn ấy”.

Có hai hay ba cậu ăn mặc rất đẹp, các cậu khác là con những công nhân; nhưng tất cả đều quần áo sạch sẽ, chỉnh tề. Đại biểu Firenze lại là cậu bé nhất, buộc một cái đai màu xanh xung quanh mình. Kẻ trước người sau, họ diễu qua mặt ông thị trưởng, ông ôm hôn tất cả, trong khi một ông khác lần lượt giới thiệu từng người: “Firenze, Napoli, Bologna, Palermo…”

Và mỗi cậu đi qua là cử tọa đều vỗ tay. Các đại biểu tí hon đến đứng cạnh chiếc bàn màu lục để các phần thưởng; và thầy giáo bắt đầu đọc danh sách, từng khu, từng lớp, từng người được thưởng và những người này nối tiếp nhau lên sân khấu thành một cuộc diễu hành lý thú.

Khi những cậu đầu tiên vừa bước lên sân khấu thì nghe nhạc nổi lên một điệu nhẹ nhàng, theo tôi biết thì chỉ do toàn vĩ cầm biểu diễn mà thôi. Bản nhạc kéo dài suốt thời gian các cậu kéo qua, điệu nhạc hay đến nỗi có thể

bảo rằng đó là những tiếng thì thầm, tiếng của tất cả các bà mẹ, tất cả các thầy giáo, cô giáo đang thân ái khuyên bảo hay trách cứ.

Những người được thưởng, người nọ tiếp người kia, đến trước các tân khách để họ trao phần thưởng, và khi trao họ nói với mỗi người một lời thân ái hay vuốt ve các cậu. Từ dưới nhà cũng như trên các hành lang, học sinh vỗ tay mỗi khi thấy đi qua một người được thưởng bé quá hay một trong những người ăn mặc như tuồng con nhà nghèo. Có những cậu học lớp bé, khi đến sân khấu đâm ra lúng túng, chẳng biết nên làm gì, cứ quay người sang bèn nọ bên kia làm cho cử tọa cười rộ lên. Trong số ấy có một cậu xinh xắn vô cùng, tóc xoăn buộc một chiếc nơ hồng to tướng, vô ý vướng chân vào tấm thảm, ngã sóng xoài ra. Ông tỉnh trưởng nâng cậu dậy, và người ta lại cười, vừa cười vừa vỗ tay. Một cậu ngã lăn lông lốc khi xuống thang. Người ta nghe tiếng cậu kêu, nhưng may không việc gì cả. Đủ các hạng người diễu qua: có bộ mặt ranh mãnh, có bộ mặt sợ hãi, có những khuôn mặt đỏ như gấc, và có những em còn bé tí, má phinh phính, mỉm cười với tất cả mọi người. Các em ấy vừa bước xuống là bố hay mẹ liền ôm vào lòng, đưa ra ngoài.

Bây giờ đến lượt khu của chúng tôi. Tôi nghe gọi tên nhiều bạn quen biết. Trước tiên là Coretti, mặc quần áo mới từ đầu đến chân, vẻ mặt khôi ngô rạng rỡ, mỉm cười để lộ hai hàm răng trắng. Nào có ai biết được là ngay sáng hôm nay cậu đã không đi vác hai xe củi! Ông thị trưởng đặt tay lên vai cậu, vừa trao phần thưởng cho cậu, vừa hỏi cậu cái vệt đỏ trên trán cậu là vệt gì. Tôi đưa mắt xuống dưới nhà, tìm bố mẹ cậu thì thấy họ đưa tay lên che miệng, cùng cười. Tiếp theo là Derossi, mặc áo dài màu xanh thẫm cài khuy bằng thép, người mảnh mai, thanh lịch, trán cao, tóc bạch kim uốn xoăn rủ xuống đầy hai vai, đẹp và đáng yêu đến nỗi tôi sẵn sàng gửi đến cậu một cái hôn. Các tân khách ai cũng muốn nói chuyên với cậu và bắt tay cậu. Sau đó thầy giáo cất tiếng gọi: “Giulio Robetti”.

Người ta thấy cậu con trai ông đại úy pháo binh chống nạng đi ra. Hàng trăm học sinh đã biết nguyên nhân gây ra tai nạn cho cậu, câu chuyện đồn đi tức khắc; thế là tiếng vỗ tay nổi lên rào rào, làm rung động cả nhà hát. Đàn ông đứng dậy, đàn bà vẫy khăn tay, và cậu bé tội nghiệp thẹn thò và run run đứng dừng lại ngay giữa sân khấu.

Ông thị trưởng dắt cậu lại phía mình, ôm hôn rồi lấy vòng hoa danh dự treo ở lưng tựa chiếc ghế mình ngồi, đặt vào đầu một chiếc nạng mà cậu bé dũng cảm đang cầm nghiêng ra phía trước mặt; rồi ông đưa cậu ra tận phía trước sân khấu cho ông đại úy pháo binh, bố của cậu bé cao quý ấy. Ông đại úy nhấc bổng con lên và đưa về lô mình ngồi, giữa những tiếng hoan hô chào mừng của cử tọa.

Tiếng nhạc êm ái, dịu dàng chưa dứt và học sinh vẫn tiếp tục diễu qua: học sinh khu trường Consolata, hầu hết là con những nhà tiểu thương. Học sinh khu Vanchiglia con các công nhân; học sinh khu Boncompagni đa số là con các gia đình nông dân, sau hết học sinh trường Raineri là trường cuối cùng.

Vào cuối buổi lễ, bảy trăm học sinh đứng trước sân khấu lại hát một ban đồng ca khác, khá hay. Sau đó, ông thị trưởng đọc một bài diễn văn ngắn và tiếp theo, ông bồi thẩm kết thúc như sau:

"Ra khỏi đây, các con ạ. các con không được quên gửi một cái chào và một lời cảm ơn đến những người đã vì các con mà không quản bao mệt nhọc, những người đã hiến tất cả sức mạnh của trí thông minh và lòng dũng cảm cho các con, những người sống và chết vì các con, và họ đây này!". Và ông bồi thẩm đưa tay chỉ về phía các thầy giáo, cô giáo ngồi trên các hành lang. Nghe lời kêu gọi cảm động, hưởng ứng đúng biết bao nhiêu những tình cảm của mình, học sinh đều đứng dậy, dang tay về phía các thầy, các cô. Các thầy, các cô đều đứng dậy vẫy mũ, khăn đáp lại, tất cả đều xúc động vì sự biểu lộ tình mến yêu ấy của học sinh.

Dàn nhạc lại cử một bài nữa, và quần chúng chào mười hai đại diện bé nhỏ của các tỉnh trong nước Ý một lần cuối cùng nữa. Các cậu tay nắm chặt tay, cùng tiến ra phía trước sân khấu, và người ta tung những bó hoa lên các cậu.

Một vụ cãi lộn

Thứ hai 20

Thật thế, không, tuyệt không phải do ganh tị với cậu vì cậu được phần thưởng còn tôi thì chẳng có gì, mà sáng nay tôi lại cãi nhau với Coretti. Thật không phải vì ganh tị, nhưng dù thế tôi cũng phải nhận là mình có lỗi.

Thầy giáo xếp cậu ngồi cạnh tôi; tôi đang nắn nót từng chữ trên trang vở viết tập thì Coretti chạm khuỷu tay vào tôi, làm cho cây bút của tôi vẽ ra một cái móc quái gở, lại dây mực vào truyện kể hàng tháng *Máu nóng người Romagna* mà tôi chép cho cậu bé thợ nề ốm. Tôi nổi giận, nói một câu bất nhã. Coretti cười trả lời rằng: “Mình không cố ý đâu”.

Lẽ ra tôi phải tin cậu vì tôi biết cậu ấy lắm, nhưng cái cười của cậu làm tôi bực mình và tôi nghĩ: “Giờ nó đã được phần thưởng nó thành ra kiêu căng”.

Lát sau, để trả thù, tôi đẩy cậu ta một cái đến nỗi hỏng hết trang viết tập của cậu.

Thế là cậu ta giận đỏ mặt, nói: “Này, cậu cố ý đấy nhé”, vừa nói vừa giơ tay dọa đánh tôi.

Thầy giáo nhìn cậu, cậu liền hạ tay xuống, nhưng lại nói thêm: “Lát nữa tao chờ mày ở cổng”.

Tôi tự thấy khó chịu, cơn giận của tôi đã lắng xuống, và tôi đã thấy hối hận. Không, Coretti không bao giờ lại cố ý ẩy mình, vì cậu ta rất tốt. Tôi nhớ lại hôm đến nhà cậu tôi thấy cậu vừa học vừa chăm sóc mẹ ốm; với lại tôi đã tiếp cậu rất chu đáo tại nhà mình, và bố cũng thấy cậu cũng rất hợp ý bố. Thật tôi chẳng tiếc cái gì để đánh đổi lấy cái câu ngu xuẩn mà tôi đã buột mồm nói ra, đổi lấy cái cử chỉ phục thù bần tiện ấy.

Tôi nhớ lại lời khuyên của bố:

- Con có lỗi à?

- Vâng.

- Vậy con phải xin lỗi người ta.

Xin lỗi à! Tôi không đủ can đảm làm việc ấy, phải hạ mình thì tôi xấu hổ lắm.

Tôi nhìn Coretti một bên, tôi thấy cái vai áo chẽn của cậu sứt chỉ, có lẽ vì

cậu ta đã vác củi, và tôi cảm thấy tôi yêu cậu, tôi tự nhủ: “Nào! Hãy can đảm lên!” nhưng cái câu “mình xin lỗi cậu” cứ tắc nghẹn trong cổ.

Còn cậu thì thỉnh thoảng lại nhìn trộm tôi; tôi cho là cậu ta buồn hơn là giận. Nhưng tôi thì lại nhìn nghiêng, để cậu ta đừng cho là tôi đang sợ.

Cậu ta nhắc lại: “Ra ngoài kia ta sẽ gặp nhau”.

Tôi cũng nhắc lại: “Được! Ra ngoài kia ta sẽ gặp nhau”.

Thế nhưng tôi nghĩ đến một câu mà có lần bố đã nói với tôi: “Nếu con trái, thì chỉ được đỡ thôi, không được đánh giả”. Và tôi tự nhủ: “Ừ, mình chỉ đỡ, chứ không đánh”. Tôi vẫn cáu và buồn, không nghe bài giảng của thầy nữa. Cuối cùng đã đến giờ tan học.

Khi còn lại một mình ở ngoài phố, tôi thấy Coretti đi theo tôi. Tôi đứng lại, rút cái thước kẻ cầm tay. Cậu ta đi đến, tôi giơ thước lên…

“Ấy đừng, Enrico ạ, - cậu ta nói với một nụ cười hiền hậu, đưa tay gạt cái thước của tôi ra, - hãy trở lại thân nhau như trước”.

Tôi ngạc nhiên, ngây ra một lúc, rồi tôi thấy như có bàn tay ai đẩy tôi; thế là tôi ôm chầm lấy cậu.

Coretti ôm tôi và nói: “Chúng ta sẽ không bao giờ giận nhau nữa, phải không nào?”

- Không bao giờ. Không bao giờ! - Tôi trả lời.

Chúng tôi chia tay nhau, cả hai đều hài lòng. Nhưng khi về nhà tôi kể lại tất cả cho bố nghe, tưởng làm bố vui lòng, nào ngờ bố mắng: “Đáng lẽ chính con phải đưa tay cho bạn trước, vì con lỗi cơ mà”. Bố lại nói tiếp: “Con không được giơ thước dọa đánh một đứa bé tốt hơn con, con dọa con trai của một quân nhân”. Rồi giật cái thước tôi đang cầm, bố bẻ ra làm đôi.

Máu nóng người Romagna[45]

(Truyện đọc hàng tháng)

Tối hôm ấy, ngôi nhà của Ferruccio im lặng hơn thường lệ. Bố cậu có cửa hàng bách hóa nhỏ, đã đi Forlì mua mấy thứ gì đấy, mẹ cậu đi theo mang cả Luigina, cô con gái bé đi mổ mắt. Phải sáng hôm sau họ mới về. Sắp nửa đêm. Người đàn bà làm thuê đã đi về sau bữa ăn tối; ở nhà chỉ còn có bà ngoại liệt cả hai chân với Ferruccio, cậu bé mới mười ba tuổi.

Ngôi nhà chỉ có một tầng và nằm bên đường cái, cách một cái làng ở ven Forlì, một thành phố xứ Romagna, độ một tầm súng. Cạnh ngôi nhà nho nhỏ ấy chẳng có nhà cửa nào, ngoài cái đống hoang tàn của một quán trọ bị cháy trước đấy hai tháng.

Đằng sau nhà là một vườn rau, giậu rào quanh có trổ một cái cổng nhỏ kiểu thôn quê. Cái cửa của ngôi hàng, đồng thời là cửa ra vào, trông ra đường cái. Chung quanh bốn bề là đồng không mông quạnh, những đám ruộng dâu bát ngát.

Sắp nửa đêm. Mưa rơi, gió thét. Ferruccio với bà còn thức ở trong phòng ăn. Phòng này cách vườn rau một gian nhà chứa đầy đồ cũ.

Ferruccio mới về lúc mười một giờ, sau khi chuồn đi đâu mất mấy tiếng liền, để bà cứ ngồi như đóng đinh trong chiếc ghế bành rộng chờ sốt ruột, lo lắng hết sức. Bà cụ tội nghiệp ngồi suốt ngày trên chiếc ghế ấy, và nhiều khi suốt cả đêm, vì những cơn đau tức ghê gớm làm cho bà không tài nào nằm xuống được.

Trời mưa và gió thổi hắt vào các cửa kính. Đêm tối như mực. Ferruccio về nhà mệt lử, lấm be bét, áo ngoài rách và trán bầm tím vì một hòn đá ném trúng. Thoạt tiên bè bạn lấy đá ném nhau chơi thôi, rồi dần dần đi đến chỗ đánh nhau thật, bao giờ mà chả thế. Tệ hơn nữa là Ferruccio lại đánh bạc và thua hết sạch tiền, cái mũ nồi cũng rơi mất đâu ở một cái hố.

Dù gian nhà chỉ có một ngọn đèn dầu nhỏ, để ở một góc bàn gần ghế bành, bà ngoại đáng thương ấy vẫn thấy ngay vẻ thảm hại của đứa cháu; và qua những lời thú tội, úp mở của cháu, bà cụ đã đoán được phần nào những lầm lỗi của nó, rồi sau cùng còn gì là nó thú ra hết; bà vốn thương Ferruccio với tất cả tâm hồn, nên bà không nhịn được, bật ra khóc.

Yên lặng một lúc lâu, rồi bà nói: “Ôi! Cháu chẳng chút thương xót bà ngoại tội nghiệp của cháu, nếu không cháu đã chẳng lợi dụng bố mẹ cháu đi

vắng để làm những việc như thế. Cháu bỏ bà một mình suốt cả ngày. Cháu chẳng chút thương xót gì bà! Coi chừng Ferruccio à, cháu đang đi con đường nguy hiểm sẽ đưa cháu đến một kết cục thảm hại đấy. Bà đã thấy những đứa trẻ đầu tiên cũng như cháu, thế rồi sau đã thành ra những kẻ vô lại ghê gớm. Người ta bắt đầu bằng trốn nhà đi chơi, đánh nhau với bạn, thua bạc mất tiền, rồi dần dần từ ném đá đi đến đâm nhau, từ cờ bạc đến các tật xấu khác, và từ tật xấu đi đến… trộm cướp".

Ferruccio đứng nghe, cách bà vài bước, mình tựa vào cái tủ, đầu cúi gầm, cằm sát vào ngực, đôi mày cau lại, còn sôi sục cơn tức giận lúc đánh nhau. Mái tóc xoăn màu hạt dẻ rủ xuống trán, và đôi mắt to xanh rực lên những ánh lạ lùng. "Từ cờ bạc đến trộm cướp! - bà nhắc lại, vừa nói vừa khóc. - Ferruccio à, cháu hãy nghĩ đến cái tên vô lại ở xứ này, cái tên Vito Mozzoni lưu manh, mới hai mươi bốn tuổi đầu mà đã hai lần ở tù. Nó làm cho bà mẹ tội nghiệp của nó phải chết vì buồn phiền; bà có quen mẹ nó đấy. Bố nó thì tuyệt vọng đã bỏ đất nước trốn sang Thụy Sĩ. Cháu hãy nghĩ đến tên vô lại ấy; nó chào, bố cháu cũng không chào lại, vì xấu hổ; lúc nào người ta cũng thấy nó quần tụ với những quân hung đồ còn tệ hơn nó nữa, cho đến cái ngày phải đi đày khổ sai thôi. Này, thằng Mozzoni ấy, bà có biết nó khi nó còn nhỏ, trước kia nó cũng chỉ bắt đầu như cháu, rồi có thể cháu cũng sẽ đẩy bố mẹ cháu đến kết cục thảm hại như bố mẹ nó thôi…"

Ferruccio làm thinh. Tấm lòng cậu đâu có độc ác; cậu có trốn nhà đi chơi cũng do dồi dào sinh lực và táo bạo hơn là vì bẩm tính xấu xa. Bố cậu nuông con quá; vì biết rằng trong thâm tâm con có thể có những tình cảm cao thượng nhất và hơn nữa, gặp hoàn cảnh thì có thể có hành động cao cả và hào hiệp, nên ông đã để cho con tự do cho đến ngày con tự hiểu lấy lẽ phải.

Ferruccio trung hậu, nhưng gan lì và khó tính, dù rất hối hận là đã làm bà phật lòng cậu vẫn không tài nào đủ can đảm nói với bà vài lời dễ nghe để bà tha thứ cho: "Vâng, cháu có lỗi, cháu sẽ không làm thế nữa. Cháu xin hứa, bà tha lỗi cho cháu". Tính tự ái giữ kín những lời như thế trong tâm cậu, tuy lòng cậu chan chứa tình thương yêu đằm thắm.

Thấy Ferruccio cứ làm thinh, bà cụ lại nói tiếp: "Ôi! Cháu à, cháu không nói được một lời hối hận sao. Cháu cũng thấy rõ tình cảnh của bà hiện nay: chỉ còn chờ để được đưa ra đồng nữa mà thôi. Cháu còn có lòng nào mà làm cho mẹ của mẹ cháu phải khóc nữa; bà đã già lắm rồi, gần đất xa trời lắm rồi, nonna[46] tội nghiệp của cháu suốt đời thương yêu cháu, đã ru cháu suốt bao đêm trường thuở cháu còn bé, và chỉ muốn tránh cho cháu tất cả mọi đau đớn, mọi buồn phiền. Bà lúc nào cũng tự bảo rằng: "Đứa bé này sẽ là niềm an ủi của mình đây", nhưng trái lại cháu cứ làm cho bà chết vì lo ngại được.

Bà có thể hy sinh tất cả những năm tháng còn lại của bà để cầu cho cháu trở lại ngoan ngoãn và biết vâng lời như trước đây. Cháu có còn nhớ không, Ferruccio à, những lúc bà dắt cháu đi dạo chơi, cháu nhét đầy sỏi và cỏ vào các túi bà, rồi cháu ngủ bà phải cứ thế bế cháu về nhà. Thuở ấy cháu thương bà cháu lắm. Giờ bà bị liệt, bà cần có lòng thương yêu của cháu như khí trời mà bà thở, cháu hãy nghĩ rằng bà chẳng có gì, chẳng có gì hết ở đời này làm cho bà vui, bà quan tâm nữa, cái thân của bà đã gần đất xa trời lắm rồi cháu ạ".

Xúc động, Ferruccio sắp lao đến với bà thì hình như nghe có tiếng động nhẹ, một tiếng răng rắc từ phòng bên trông ra vườn rau. Nhưng cậu cũng không thể biết đó là tiếng cái cửa chớp bị gió lay hay là tiếng gì khác.

Cậu chú ý nghe.

Mưa càng nặng hạt.

Tiếng động lại càng rõ. Lần này thì bà cũng nghe thấy.

Hoảng hốt bà hỏi: "Cái gì thế?"

Cậu trả lời: "Mưa đấy".

Bà vừa lau nước mắt vừa nói: "Ferruccio, cháu có hứa với bà là cháu sẽ ngoan và không làm cho nonna tội nghiệp của cháu phải khóc nữa không?"

Lại một tiếng răng rắc nữa ngắt lời bà. Bà tái mặt kêu lên: "Nhưng không phải tiếng mưa… ra xem cái gì cháu".

Rồi bà lại nói thêm ngay: "Thôi đừng, cứ ở đây" và bà nắm lấy bàn tay Ferruccio trong lòng tay bà.

Hai bà cháu không dám thở nữa. Chỉ nghe thấy tiếng nước chảy.

Bỗng họ giật mình, vì hình như eả hai bà cháu đều nghe có tiếng chân bước ở phòng bên cạnh.

Ferruccio hổn hển hỏi: "Ai đấy?"

Chẳng ai trả lời cả.

Lạnh toát xương sống, cậu bé hỏi lại: "Ai đấy?"

Nhưng vừa mới nói thì bà với cháu bỗng hét lên một tiếng kinh hồn.

Hai người đàn ông vừa nhảy vào trong phòng.

Một người tóm lấy cậu bé, lấy tay bịt miệng, người kia chẹn lấy cổ họng bà cụ.

Người thứ nhất nói: "Muốn sống thì câm họng"; Người thứ hai nói:

“Im”, và giơ dao lên dọa. Cả hai đều đeo mặt nạ đen. Hồi lâu chỉ nghe thấy tiếng thở hổn hển và tiếng mưa rơi mỗi lúc một nặng hạt.

Bà cụ rên rỉ, đôi mắt mở to như muốn văng ra khỏi đầu.

Người giữ cậu bé nói nhỏ vào tai cậu: “Bố mày cất tiền ở đâu?”

Cậu bé trả lời lí nhí, hai hàm răng đánh vào nhau lập cập: “Ở kia… trong tủ ấy”.

Nó bảo: “Sang đây với tao”.

Nó lôi Ferruccio sang chiếc phòng nhỏ, chẹn lấy họng cậu. Trên sàn có một cái đèn đã che kín hết ánh sáng. Nó hỏi: “Tủ đâu?”

Cậu bé lấy tay chỉ.

Thế là để cho chắc chắn, nó dúi cậu bé bắt quỳ xuống trước mặt tủ, lấy hai chân kẹp cậu lại, rút dao găm ra cắn vào hai hàm răng, sẵn sàng cắt cổ nếu cậu kêu lên. Một tay nó cầm đèn, tay kia lấy trong túi ra một cái kìm, thuồn vào lỗ khóa. Nó ấn mạnh, bẻ khóa ra, mở hai cánh cửa tủ, xáo lung tung mọi thứ lên, nhét đầy túi, đóng tủ lại, rồi lại mở ra, lục lọi lần nữa; xong nó lại tóm lấy cuống họng cậu bé đẩy sang phòng ngoài; ở đấy tên trộm kia đang giữ bà cụ gần ngất đi, đầu ngoẹo một bên, mồm há hốc.

Tên này hỏi nhỏ: “Có thấy không?”

Tên kia trả lời: “Có” và nói thêm: “Cậu ra đi…”

Tên giữ bà cụ bỏ chạy ra cổng vườn rau xem có ai đi đến không, rồi từ phòng bên gọi sang, giọng cao như một tiếng còi: “Chạy đi”.

Tên kia còn đứng lại giữ Ferruccio, giơ dao dọa cậu bé và bà cụ đang mở trừng trừng đôi mắt; nó nói: “Kêu lên một tiếng thì tao quay lại giết chết ngay”.

Qua hai lỗ mắt của chiếc mặt nạ nó nhìn chằm chằm dọa hai bà cháu.

Đúng lúc ấy, người ta nghe xa xa trên đường cái có tiếng người vừa đi đến vừa hát.

Tên trộm liền quay đầu sang phía cửa và vội vàng làm rơi chiếc mặt nạ của nó xuống.

Bà cụ bất giác kêu lên: “Mozzoni!”

Tên trộm bị nhận mặt, gầm lên: “Con mẹ chết tiệt, mày phải ngoẻo thôi!”

Thế là nó quay lại, giơ dao lên, bà cụ sợ quá, ngất đi.

Tên giết người đâm một nhát.

Nhưng nhanh như chớp, hét lên một tiếng tuyệt vọng, Ferruccio lao tới bà mình, lấy thân mình che cho bà. Hung thủ bỏ chạy, vấp phải cái bàn, đánh đổ và làm tắt cái đèn. Cậu bé tụt dần xuống đất, thụp quỳ xuống, cứ thế vòng hai tay ôm lấy tấm thân bà cụ, đầu áp vào lòng bà.

Mấy khắc trôi qua… Gian phòng tối như mực. Tiếng hát của mấy người nông dân mất hút nơi xa xa. Bà cụ tỉnh lại.

Cụ gọi, giọng nghe còn mơ hồ: “Ferruccio!”

Cậu bé thưa: “Nonna ạ!”

Bà cụ cố nói một câu, nhưng vẫn sợ, líu cả lưỡi lại.

Cụ ngồi im lặng một hồi, run như cầy sấy. Rồi mới nói lên được: “Chúng nó đi hết rồi à?”

- Hết rồi.

- Chúng nó không giết bà… - bà cụ lẩm bẩm như nghẹn lời.

- Không ạ… bà không việc gì, nonna thân yêu ạ, - Ferruccio nói giọng yếu ớt. - chúng nó lấy tiền. Nhưng bố… đã đem đi gần hết.

Bà cụ thở ra.

Ferruccio vẫn quỳ và ôm lấy bà, cậu nói: “Bà ạ, bà thân yêu ạ, bà thương cháu chứ, phải không bà?”

- Ferruccio! Cháu tội nghiệp của bà! - Bà cụ trả lời, tay sờ đầu cháu, - sợ lắm phải không cháu? Thắp đèn lên… Thôi cứ để vậy, bà còn sợ lắm…

- Thưa bà, - cậu bé lại nói, - cháu lúc nào cũng làm bà phiền lòng…

- Không, Ferruccio à, không, đừng nói thế, đừng nghĩ đến việc ấy nữa, bà đã quên hết rồi, bà thương cháu lắm.

- Cháu luôn luôn làm bà lo phiền, - cậu bé nói tiếp, giọng run run và phải cố gắng lắm, - nhưng… cháu bao giờ cũng thương bà, bà có tha lỗi cho cháu không…? Bà tha lỗi cho cháu, nonna ạ.

- Ừ bà tha lỗi cho cháu, cháu ạ, bà hết lòng tha lỗi cho cháu. Cháu có thể không tin hay sao! Đứng lên cháu yêu dấu của bà. Bà không mắng cháu nữa đâu, cháu ngoan, cháu tốt bụng lắm! Thắp đèn lên. Can đảm lên, đứng dậy, Ferruccio…

- Cám ơn bà, - cậu bé nói giọng càng yếu… - giờ thì cháu yên tâm lắm. Nonna sẽ nhớ cháu mãi, phải không ạ? Bà sẽ nhớ cháu mãi mãi… nhớ Ferruccio của bà mãi…

- Ferruccio của bà! - Bà cụ kêu lên, ngạc nhiên và kinh hãi, để tay lên vai cậu và cúi đầu như để nhìn rõ vào mặt cậu.

- Bà nhớ đến cháu, - cậu bé còn lẩm bẩm nói thêm, giọng nói tựa hồ một hơi thở nhẹ. - Bà hôn mẹ cháu… bố cháu… em Luigina… hộ cháu… Vĩnh biệt… nonna…

- Ferruccio! Ferruccio thân yêu của bà! Cháu làm sao thế? - Bà cụ kêu lên, lo ngại xoa đầu cháu đã nặng trĩu trên hai đầu gối mình. Rồi bỗng bà đem hết sức tàn thét lên, tuyệt vọng: “Ferruccio! Ferruccio! Cháu ôi! Cục cưng của bà ơi! Ôi cứu với! Cứu với!”

Nhưng Ferruccio không trả lời. Cậu bé anh hùng đã cứu mẹ của mẹ mình thoát chết, bị một nhát dao đâm vào lưng, vừa trút hơi thở cuối cùng, sung sướng vì đã cứu sống nonna của mình.

Cậu bé thợ nề ốm nặng

Thứ ba 28

Cậu bé thợ nề tội nghiệp đang ốm nặng; thầy giáo bảo chúng tôi đến thăm và ba đứa chúng tôi: Garrone, Derossi và tôi hẹn nhau cùng đến. Chúng tôi có mời cậu Nobis kiêu ngạo để xem cậu ta trả lời thế nào. Cậu ấy chỉ trả lời cộc lốc: "Không". Votini cũng xin vắng mặt, có lẽ sợ đến đấy dây phải vôi bẩn mất áo đẹp.

Tan học, khoảng bốn giờ chiều, chúng tôi đến nhà bác thợ nề. Trời đổ mưa rào. Garrone đứng lại ngoài phố, mồm đầy bánh mì bảo chúng tôi: "Ta sẽ mua quà gì cho cậu ấy bây giờ?" mồm nói, tay cho vào túi lắc hai đồng xu kêu leng keng.

Chúng tôi góp nhau mỗi người hai xu và mua ba quả cam to. Vào nhà, chúng tôi trèo lên gác xép. Đến trước cửa phòng, Derossi bỏ huy chương ra đút vào túi. Tôi hỏi tại sao mà làm như vậy. Cậu đáp: "Chẳng biết nữa, để khỏi có vẻ… có vẻ không đeo thì phải hơn".

Chúng tôi gõ cửa, bố cậu ra mở, người cao lớn như ông khổng lồ, vẻ mặt đầy lo âu.

"Các cậu là ai?" bác ấy hỏi. Garrone đáp: "Chúng cháu học cùng lớp với Antonio, chúng cháu mang cam lại cho bạn ấy".

- Ôi, thằng Tonino tội nghiệp của tôi, - bác vừa kêu lên vừa lắc đầu. - Tôi e nó không còn có thể ăn được cam của các cậu nữa.

Và bác đưa tay áo lên lau nước mắt. Bác để chúng tôi đi trước, bước vào một cái phòng trần rất thấp, ở đấy cậu bé thợ nề đang ngủ trên một cái giường sắt. Mẹ cậu ấy quỳ bên giường, trán gục vào hai bàn tay; nghe chúng tôi vào, cũng chỉ khẽ ngoảnh lại, nhìn chúng tôi một tí thôi.

Trên tường treo mấy cái bàn chải to, một cái cuốc chim và một cái rây để rây vôi. Cái áo dài của bác thợ nề, trắng những vôi, đắp lên hai chân người ốm.

Cậu bé tội nghiệp, gầy gò, xanh xao, mũi dài ra, thở một cách khó nhọc. Cậu Tonino thân mến ấy, cậu bạn nhỏ của tôi, đáng yêu như thế, vui tính như thế, dù có phải hy sinh cái gì để lại được trông thấy cậu làm cái trò sứt môi tôi cũng không từ, tội nghiệp, cậu bé thợ nề!

Garrone để một quả cam lên gối, cạnh má cậu. Mùi thơm làm cậu thức giấc. Cậu cầm lấy quả cam, nhưng lại để nó rơi xuống, và nhìn Garrone

không chớp.

“Mình đây, Garrone đây, có nhận ra mình không?” Garrone nói.

Một nụ cười thoáng qua đôi môi người ốm, cậu cố lấy sức chìa một bàn tay ra, Garrone nắm lấy giữa hai bàn tay mình, cúi xuống hôn và nói:

“Antonio này, can đảm lên, can đảm lên! Cậu sẽ khỏi ngay thôi mà; cậu sẽ lại đi học và thầy Perboni sẽ xếp cậu ngồi cạnh mình. Cậu bằng lòng chứ?”

Cậu bé thợ nề không trả lời.

Mẹ cậu khóc nức nở:

“Ôi! Tonino tội nghiệp của mẹ, con tốt thế, con ngoan thế, con không sống được nữa hay sao?”

- Thôi thôi, - bác thợ nề kêu lên, tuyệt vọng, - thôi thôi, bà làm tôi điên đầu lên mất.

Rồi bác nói với chúng tôi: “Cám ơn, cám ơn các cháu. Thôi các cháu về đi nhé, ở đây buồn lắm”.

Cậu bé lại nhắm mắt lại, trông như chết.

- Cháu có thể giúp bác được việc gì không ạ? - Garrone hỏi.

- Không,. cám ơn, cháu thân mến ạ! - Bác thợ nề trả lời.

Nói xong, bác tiễn chúng tôi ra và đóng cửa lại. Nhưng xuống chưa được một nửa cầu thang, chúng tôi đã nghe tiếng gọi: “Garrone, cháu Garrone”.

Cả ba chúng tôi vội vàng chạy lên.

- Garrone! - Bác thợ nề kêu lên, mặt mày rạng rỡ, - Tonino vừa gọi cháu đấy! Đã ba hôm liền, nó không nói gì cả, thế mà nó vừa gọi cháu hai lần. Ôi! Mong sao đó là một dấu hiệu tốt lành!

- Các cậu về nhé, - Garrone nói với chúng tôi, - mình ở lại đây.

Rồi cậu ấy theo bác thợ nề vào nhà.

Derossi không cầm được nước mắt. Tôi hỏi: “Cậu thương Tonino à?… Đã nói được rồi, thế là cậu ấy sẽ khỏi!”

- Mình cũng tin như vậy, - Derossi trả lời, nhưng mình không nghĩ đến cậu ấy… mình nghĩ đến Garrone kia. Thật Garrone tốt quá, có một tâm hồn tốt đẹp quá.

THÁNG TƯ

Mùa xuân

Thứ bảy 1

Mồng một tháng tư! Thế là chúng tôi chỉ còn học có ba tháng nữa mà thôi! Sáng hôm nay là một trong những buổi sáng đẹp trời nhất trong cả năm. Tôi rất vui vì Coretti đã rủ tôi ngày kia cùng đi dạo chơi; rồi mẹ lại hứa sẽ dẫn đi thăm một nhà trẻ của trường Valdocco… Và điều làm tôi vui nhất tất cả lại được biết tin cậu bé thợ nề đã đỡ nhiều. Chiều hôm qua, thầy Perboni nói với bố khi đi qua nhà: "Cậu ấy đã khá, khá nhiều rồi".

Buổi sáng mùa xuân đẹp thật!

Qua các cửa kính của lớp học, thấy bầu trời xanh, cây cối trong vườn chồi non mơn mởn; và cửa sổ các nhà đều mở rộng, xếp những chậu hoa, lá đã xanh rờn.

Thầy giáo không cười, vì thầy không cười bao giờ; nhưng trông thầy có vẻ vui đến nỗi gần như không còn thấy cái vết nhăn sâu trũng chạy dài qua trán thầy nữa. Thầy dạy cách giải một bài toán trên bảng đá, và người ta thấy thầy hít một cách khoan khoái cái không khí thơm mùi đất ẩm và mùi lá non đang tràn qua các cửa sổ vào lớp từng đợt. Tiết trời đẹp như thế này làm cho người ta đã nghĩ đến những cuộc dạo chơi ở đồng quê.

Trong khi thầy giảng, người ta nghe tiếng một người thợ rèn đập đe ở một phố lân cận, và từ căn nhà trước mặt vọng qua tiếng hát của một bà mẹ ru con. Xa xa, ở trại Cernaia vang lên tiếng kèn. Mọi người đều như vui vẻ và hài lòng, kể cả Stardi, cái cậu Stardi thô lậu như con thú chưa thuần ấy. Có một lúc bác thợ rèn đập mạnh hơn, và bà mẹ hát to hơn. Thầy giáo bỗng ngừng giảng và lắng tai nghe. Rồi đưa mắt nhìn ra cửa sổ, thầy nói chậm rãi:

"Bầu trời tươi mát, một bà mẹ đang hát, một người thợ đang làm việc, học trò đang học bài… thật là những sự tốt đẹp đang hài hòa với nhau…"

Tan học ra, chúng tôi nhận thấy các học trò khác cũng đều vui như chúng tôi. Tất cả họ đi thành hàng, chân đánh nhịp và hát như là ngày mai đã được nghỉ hè rồi. Các cô giáo mom cười vui vẻ. Bố mẹ học sinh chuyện trò với nhau cùng tươi cười và bà mẹ Crossi, bác bán hàng rau quả, mang theo cái thúng đầy hoa đồng thảo[47] làm thơm nức cả phòng chờ.

Tôi chưa bao giờ thấy có nhiều nụ cười vui vẻ như buổi sáng mai này, bà mẹ hiền từ của tôi cũng đến đón con về. Tôi bước đến với mẹ và nói: "Mẹ à, con thấy rất vui. Không biết tại sao sáng nay con lại thấy vui lòng thế, hở

mẹ?" Mẹ mỉm cười, trả lời tôi rằng bởi vì hôm nay trời đẹp và lương tâm của tôi không có gì phải tự trách.

Vườn trẻ

Thứ ba 4

Như đã hứa, hôm qua, sau bữa ăn sáng, mẹ dẫn tôi đến vườn trẻ để gửi đứa em gái của Precossi cho bà hiệu trưởng. Tôi chưa hề thấy vườn trẻ bao giờ, và vườn trẻ này làm cho tôi thích vô cùng.

Ở đấy có hai trăm em bé gái và trai, cạnh chúng thì những chú nhóc lớp một của chúng tôi đã là những người lớn rồi.

Chúng tôi đến vừa lúc các em kéo vào nhà ăn. Người ta thấy hai cái bàn rất dài, mặt bàn có khoét những lỗ tròn, trong mỗi lỗ đặt một cái bát màu nâu, đầy cháo và đậu, bên cạnh để một cái cùi dìa bằng thiếc.

Đi vào, một vài em vấp ngã và cứ nằm sóng xoài ra đấy cho đến khi có một cô giáo đến đỡ dậy.

Tuy vậy, nhờ đẩy và hò hét: "Tiến lên, tiến lên đi!" rồi cũng xếp được tất cả các em vào chỗ của chúng. Thế là các em bắt đầu ăn. Cảnh tượng thật là buồn cười! Một em ăn với hai cái thìa, một em lại ăn bốc; nhiều em cầm từng quả đậu nhét vào túi, trái lại những em khác thì bọc chặt vào chéo áo tạp dề, rồi để tay lên nghiền cho nát ra. Có những em mải nhìn ruồi bay quên cả ăn; nhiều em khác ho sặc cháo ra tung tóe chung quanh như một cơn mưa hạt gạo; người ta ngỡ đây là một cái chuồng gà, thế nhưng trông thật đáng yêu, hai dãy khuôn mặt hồng hào, nhất là các em bé gái tóc buộc túm trên đỉnh đầu bằng những nơ màu xanh, đỏ, lục.

Một cô giáo hỏi một tốp em bé gái: "Các em có biết lúa mọc ở đâu không?"

Thế là cả tốp há những cái mồm đầy cả cháo và trả lời như hát: "Lúa-mọc-trong-nước". Tôi nhớ lại thì hình như đó là một câu trong cuốn dạy đánh vần mà người ta đã tập cho các em.

Cô giáo ra lệnh: "Giơ tay lên".

Thế là tất cả những cánh tay bé nhỏ xinh xắn ấy giơ lên, những cánh tay mà mấy tháng trước đây còn bọc trong tấm vải lót, với những bàn tay tí xíu trông như những con bướm trắng và hồng.

Sau đó, các em ra chơi; trước khi ra, mỗi em cầm lấy một chiếc làn nhỏ của mình treo ở tường, trong đựng sẵn bữa trưa. Chúng ra vườn và tản ra khắp nơi, đoạn lấy thức ăn ra: bánh mì, những quả mận, một miếng phô-ma nhỏ, một quả trứng luộc, một nắm đỗ luộc, một cánh gà giò.

Mẹ vào trong vườn để vuốt ve em này em khác. Nhiều em xúm quanh mẹ, vây lấy mẹ, ngẩng mặt lên để được hôn. Một em đưa biếu mẹ một phần tư quả cam đã cắn dở, em khác một miếng vỏ bánh mì, một em bé gái cho mẹ một ngọn lá.

Trong lúc đó thì nơi này, nơi khác xảy ra khá nhiều tai nạn làm cho các cô giáo phải chạy vội đến. Có những bé gái khóc và không tháo được cái nút ở chiếc khăn tay ra, có những em tranh nhau mấy hạt táo, cấu nhau và hét ầm lên. Một em bé trai, vấp một chiếc ghế dài lật ngửa rồi ngã, cứ khóc thổn thức chứ không làm sao đứng lên được.

Trước khi ra về mẹ ôm ba bốn em vào hai cánh tay, thế là từ tứ phía các em kéo nhau đến để được bế, dù mặt mũi bê bết những lòng đỏ trứng hoặc nhoe nhoét nước cam; các em tranh nhau, em thì nắm lấy các ngón tay mẹ để xem những chiếc nhẫn, em thì kéo sợi dây chuyền để xem chiếc đồng hồ, những em khác thì muốn tóm lấy cái bím tóc của mẹ.

"Bà cẩn thận! Chúng làm bẩn hết áo", mấy cô giáo bảo mẹ như vậy.

Nhưng mẹ chẳng để ý gì đến điều ấy, cứ tiếp tục vuốt ve các em, và tất cả đều muốn đến với mẹ, dang tay về phía mẹ, tranh nhau để chạy đến trước, và đều hét lên "Chào bà, chào bà!". Nhưng rồi chúng tôi cũng thoát ra được khỏi khu vườn, và các em đứng bên trong dán mũi vào lưới hàng rào để nhìn chúng tôi đi qua. Các em thò những cánh tay bé xíu ra ngoài vẫy mẹ, lại biếu mẹ những vỏ bánh mì, những miếng phô-ma, những mẩu táo, tất cả cùng kêu to: "Chào bác! Chào bác! Mai bác đến nhá!"

Còn mẹ thì đi, nhưng vẫn đưa tay ra vuốt những bàn tay, hàng trăm bàn tay bé nhỏ đang về phía mẹ như một hàng rào hoa hồng tươi thắm, sinh động; rồi bước ra phố, áo đầy những mẩu thức ăn, những vết bẩn, đôi mắt nhòa lệ sung sướng như đi dự một ngày hội về, và người ta còn nghe từ trong vườn trẻ vọng ra như tiếng chim ríu rít: "Chào bác! Chào bác! Lần sau bác lại đến, bác ạ!"

Buổi thể dục

Thứ tư 5

Tiết trời vẫn đẹp. Buổi học thể dục của chúng tôi được chuyển từ trong nhà ra ngoài vườn để tập với dụng cụ.

Hôm qua Garrone ở trong văn phòng thầy hiệu trưởng, lúc mẹ cậu Nelli đến xin cho con được miễn những bài tập thể dục mới. Bà ấy để tay lên đầu con, nói một cách khó nhọc với thầy hiệu trưởng: “Cháu không thể tập được…”

Nelli rất buồn tủi vì bị gạt ra, không được tập đu dây, tự thấy tủi nhục.

“Rồi mẹ sẽ thấy, cậu ta nói, - con sẽ tập được như các bạn”.

Bà mẹ lặng lẽ nhìn con, thương yêu và dịu dàng, rồi ngập ngừng bà nói: “Tôi chỉ sợ các bạn…”. Bà muốn nói: “chế nó”. .

Nelli trả lời: “Việc đó không sợ, đã có Garrone. Chỉ cần Garrone không cười con là được rồi…”

Thế là người ta để cho cậu được tập thể dục. Trước tiên thầy giáo dẫn chúng tôi đến leo cột - cái cột thẳng đứng, rất cao; phải leo tít lên đến trên cùng, rồi đứng thẳng người trên chiếc xà ngang.

Derossi và Coretti leo như hai con khỉ.

Cậu bé Precossi cũng leo rất giỏi, dù vướng cái áo dài đến đầu gối. Khi cậu ta leo, anh em trêu cho cậu ta cười bằng cách nhại lại câu nói đầu lưỡi của cậu: “Xin lỗi, xin lỗi…”

Stardi thì thở hồng hộc, mặt đỏ như con gà tây, nghiến răng như một con chó đang gầm gừ, quyết leo lên đến đích dù sau có phải ở luôn lại đó cũng đành. Và cậu ta đến đích thật. Còn Nobis khi đến lượt cậu leo lên tới xà ngang, thì lấy dáng đứng ở đấy trông rất oai vệ. Votini bị tụt hai lần, dù đã thắng một bộ quần áo mới, có sọc xanh rất đẹp, vừa sắm cốt để dùng tập thể dục. Muốn leo cho dễ, tất cả chúng tôi đều xoa tay bằng bột nhựa thông. Người ta biết rằng Garoffi, nhà kinh doanh ấy, cung cấp cho tất cả mọi người với giá mỗi gói một xu, và chắc là thế nào cũng ăn lãi mỗi gói một ít.

Đến lượt Garrone. Cậu ta vừa leo, vừa nhá bánh mì, xem dễ như không; và tôi tin rằng cậu ta còn có thể vác thêm một người nữa trên vai là khác, vì cậu ta khỏe thế cơ mà, khác gì một con bò mộng non.

Sau Garrone đến lượt Nelli. Vừa thấy cậu ôm cái cột với hai cánh tay dài

và gầy, là mọi người đã cười và thì thầm.

Nhưng Garrone, hai tay khoanh lại trước ngực, đảo mắt nhìn quanh, cái nhìn hứa hẹn rõ ràng những quả đấm vào đầu; và thế là mọi người bỗng im bặt như có phép thần thông. Nelli bắt đầu leo một cách rất chật vật. Cậu bé đáng thương mặt đỏ như lửa, mồ hôi đẫm cả trán.

Thầy giáo bảo cậu: “Thôi xuống đi”.

Nhưng cậu cứ cố, cố sức leo… Tôi cứ thấp thỏm lo sợ cậu tuột tay rơi huỵch xuống đất bất tỉnh nhân sự. Tôi nghĩ rằng, giá tôi đang ở vào chỗ cậu ta mà mẹ tôi trông thấy thì mẹ sẽ đau đớn như thế nào! Và nghĩ như vậy tôi lại càng thêm thương người bạn tội nghiệp của tôi. Tôi có thể hy sinh không biết cái gì đây để cho cậu có thể leo lên đến tận trên cao được; giá tôi có thể lấy tay đẩy cậu ta lên, mà không ai trông thấy!… Trong lúc đó thì Derossi, Coretti và Garrone luôn mồm khuyến khích: “Lên đi! Lên nữa đi! Nelli! Can đảm lên chút nữa thôi…”

Nelli cố hết sức bình sinh rướn người lên một lần nữa, khẽ rên một tiếng, và chỉ còn cách cái xà ngang có hai ngón tay nữa mà thôi.

“Hoan hô! - Mọi người đứng dưới thét lên, cố lên, tí nữa thôi…”

Và thế là Nelli đã nắm chặt được cái xà.

Mọi người vỗ tay.

“Hoan hô thầy giáo nói, - thế là đủ rồi, con xuống đi!”

Nelli không nghe, cậu muốn đứng lên cái xà như những người khác. Sau vài cố gắng nữa, cậu đặt được hai khuỷu tay lên đấy, rồi hai đầu gối, sau cùng là hai bàn chân; thế là cậu đứng thẳng người lên đấy, thở dốc, nhưng rạng rỡ vẻ chiến thắng, nhìn xuống chúng tôi.

Chúng tôi lại vỗ tay hoan hô cậu lần nữa. Bấy giờ cậu đưa mắt nhìn ra đường. Tôi ngoảnh về phía ấy và, qua hàng cây trồng để che hàng rào sắt của khu vườn, tôi thấy mẹ cậu đang đi đi lại lại trên vỉa hè, nhưng không dám nhìn cậu.

Nelli tụt xuống và mọi người đón cậu, vui như Tết. Cậu vui hẳn lên, linh hoạt lên, đôi mắt long lanh, tưởng đã thành một người khác.

Sau buổi học, mẹ cậu đến đón, ôm hôn cậu và hỏi vẻ hơi lo ngại: “Thế nào, cậu bé tội nghiệp của mẹ, con tập thế nào?”

Các bạn liền trả lời thay cậu: “Tốt lắm, bác ạ! Bạn leo giỏi lắm, giỏi chẳng khác gì chúng cháu cả; bạn ấy khỏe, bác ạ! Bạn ấy nhanh lắm, bạn ấy cũng như mọi người…”

Tội nghiệp, bà mẹ vui sướng biết ngần nào. Bà muốn cảm ơn chúng tôi, lắp bắp mấy lời, bắt tay ba bốn đứa chúng tôi, vuốt ve Garrone, rồi dẫn con về. Và chúng tôi thấy hai mẹ con bước nhanh, vừa nói chuyện vừa làm dáng điệu, vẻ hài lòng như chúng tôi chưa bao giờ được trông thấy cả.

Thầy giáo của bố
Thứ ba 11

Ngày hôm kia lúc sắp ăn chiều, đọc tờ báo, bố bỗng kêu lên một tiếng ngạc nhiên và nói với chúng tôi:

"Thế mà bố cứ tưởng thầy ấy đã mất từ hai mươi năm nay, thầy giáo sơ đẳng[48] đầu tiên của bố ấy mà. Thì ra thầy Vincenzo Crosetti đáng thương vẫn còn sống! Năm nay thầy đã tám mươi bốn tuổi rồi! Bố vừa đọc thấy tin bộ tặng thầy huân chương Biểu dương Công trạng vì sáu mươi năm trong ngành giáo dục của thầy. Sáu mươi năm! Con nghe rõ chứ? Thầy chỉ mới về hưu cách đây có hai năm thôi. Nhà thầy ở cách Torino một giờ đi bằng xe lửa, tại Condove, quê của bà làm vườn cũ của ta ở Chieri ấy.

Bố nói thêm: "Enrico à, ta sẽ đi thăm thầy". Và suốt cả buổi tối, bố chỉ nói toàn chuyện người thầy giáo của mình. Cái tên của người thầy giáo đầu tiên đã gợi cho bố nhớ lại hàng nghìn kỷ niệm của thời thơ ấu, của những bạn ban đầu, của bà mẹ đã mất.

"Thầy Crosetti thân yêu ấy, - bố nói, - giờ đây bố như đang thấy thầy ở trước mắt. Đã bốn mươi năm rồi từ ngày bố học với thầy. Thầy vóc người nhỏ nhắn, bấy giờ lưng cũng đã hơi còng, đôi mắt nhỏ nhắn, không có râu, mặt nghiêm nghị, nhưng tác phong thầy rất lễ độ; thầy thương học trò như cha thương con và không bỏ qua một lỗi lầm nào của học trò mà không uốn nắn. Từ một người nông dân thầy đã thành ông giáo, nhờ cố gắng học tập và chịu đựng mọi sự thiếu thốn. Bà nội con rất mến thầy, ông nội xem thầy như bạn thân. Không rõ từ Torino này thầy chuyển về Condove, rồi ở luôn đấy hay như thế nào?… Thầy sẽ không nhận ra bố, chắc thế, nhưng có hề gì, bố thì sẽ nhận ra thầy ngay!… Bốn mươi bốn năm rồi… Bốn mươi bốn năm, Enrico à! Mai ta đi thăm thầy".

Thế là hôm qua, lúc chín giờ sáng, chúng tôi ra ga Susa. Tôi rất muốn được Garrone cùng đi, nhưng không thể được, vì mẹ cậu đang ốm.

Thật là một ngày xuân đẹp. Tàu chạy qua những cánh đồng xanh um và những hàng giậu trồng hoa, tỏa hương thơm ngát. Bố có vẻ vui lòng lắm: chốc chốc lại quàng tay qua cổ tôi, và vừa ngắm cảnh thôn quê vừa chuyện trò với tôi, thân mật như với một người bạn:

"Tội nghiệp thầy giáo, - bố nói, - sau ông nội, thầy là người thương yêu bố nhất, và đã đem cho bố nhiều điều tốt đẹp nhất. Bố không bao giờ quên

được những lời khuyên bảo bổ ích của thầy, và cả những lời trách mắng rất nghiêm khắc của thầy làm cho bố khi về đến nhà rồi mà cổ vẫn như còn nghẹn.

Bố vẫn như thấy thầy đang bước vào lớp học, dựng cái gậy vào một góc tường, treo cái áo rét lên mắc áo, lúc nào cũng vẫn một dáng điệu ấy. Thầy bao giờ cũng bình tĩnh, rất có lương tâm, đầy thiện chí và rất chăm chỉ, như ngày nào thầy cũng mới lên lớp lần đầu tiên cả. Bố vẫn nhớ những lúc thầy gọi bố: "Bottini này, Bottini". Hai ngón tay thầy cầm quản bút…"

Xuống xe ở Condove là chúng tôi tìm ngay đến nhà bà làm vườn cũ, bà ta có một cửa hiệu nhỏ trong một ngõ cụt.

Chúng tôi thấy bà giữa đám con cái, bà tiếp chúng tôi rất niềm nở, cho chúng tôi biết tin chồng đi làm ở Hy Lạp từ ba năm nay và cũng sắp về, tin đứa con gái vừa điếc vừa câm, đang học trường dạy những người câm điếc ở Torino. Rồi bà bảo cho chúng tôi địa chỉ của thầy Crosetti mà cả làng đây ai cũng biết.

Chúng tôi ra khỏi vùng này, và theo một con đường vắt qua các ngọn đồi, hai bên toàn những hàng giậu nở hoa.

Bố không nói gì nữa, bị thu hút vào những kỷ niệm xưa; thỉnh thoảng mỉm cười, hoặc lắc đầu buồn bã.

Bỗng bố đứng lại, nói: "Kìa, thầy kia rồi; cam đoan là đúng như thế".

Một cụ già, vóc người nhỏ nhắn, râu bạc, đội cái mũ rộng vành, tay chống gậy, đang đi xuống ngọn đồi trước mặt chúng tôi. Dáng đi của cụ ngập ngừng, hai tay run run.

"Đúng là thầy!" bố nhắc lại và rảo bước. Đến gần cụ già chúng tôi dừng lại; cụ cũng đứng lại và nhìn bố.

Nét mặt cụ vẫn tươi và đôi mắt vẫn sáng.

"Thưa cụ, có phải là con đang được hân hạnh hầu chuyện cụ giáo Vincenzo Crosetti đây không ạ?" bố vừa nói vừa bỏ mũ ra.

Cụ già chào lại.

"Chính tôi đây ạ" - cụ trả lời, giọng hơi run, nhưng nghe sang sảng.

- Thế thì, - bố nói tiếp và nắm lấy một bàn tay của cụ, - xin thầy cho phép một học trò cũ của thầy được bắt tay thầy. Con từ Torino đến đây hầu thăm thầy.

- Thật hân hạnh cho tôi quá… Tôi không biết… Ông học với tôi hồi nào

nhỉ? Xin lỗi, ông vui lòng cho biết tên.

Bố xưng tên và nói rành mạch ngày bố vào trường, lại nói thêm: “Có thể thầy không nhớ con, đó là đương nhiên; nhưng con thì nhận ra thầy ngay!”

Cụ giáo cúi đầu suy nghĩ, mồm lẩm bẩm tên bố hai, ba lần; còn bố thì mỉm cười nhìn thầy, đôi mắt xúc động.

Bỗng cụ giáo nhớ ra, ngửng đầu lên, rồi nói chậm rãi: “Alberto Bottini, con kỹ sư Bottini, ở quảng trường Consolata?”

- Đúng thế ạ! - Bố nói và đưa cả hai tay về phía cụ.

- Thế thì, cho phép tôi, thưa ông… - và bước tới cụ ôm hôn bố, cái đầu bạc của cụ Crosetti chỉ mới ngang vai người học trò thôi, và bố đưa môi hôn vào vầng trán tôn kính của cụ “Giờ, xin mời quá bước lại nhà”, cụ giáo nói.

Và không nói gì thêm, cụ quay trở về bằng con đường cũ. Mấy phút sau, chúng tôi đến một mảnh vườn con, cuối vườn là một ngôi nhà nhỏ có hai cửa ra vào, một cái quét vôi trắng chung quanh. Cụ giáo mở cửa ấy, đưa chúng tôi vào một căn phòng, bốn bức tường quét vôi trắng. Ở một góc kê một tấm phản, có một cái chăn đắp chân kẻ ô xanh trắng; xa một chút là cái bàn giấy, trên mặt có cái giá sách nhỏ, chung quanh là bốn chiếc ghế tựa. Và một bản đồ đã cũ đóng đinh vào tường: tất cả đồ đạc trong phòng chỉ có thế…

Chúng tôi ngồi xuống. Bố và cụ giáo nhìn nhau một lúc yên lặng.

Rồi cụ giáo nói to, mắt nhìn nền nhà lát gạch mà ánh mặt trời chiếu sáng nom như một bàn cờ: “Anh Bottini! Ồ, tôi nhớ rõ lắm, bà thân sinh ra anh là một phụ nữ rất tốt! Năm thứ nhất anh ngồi ở chiếc băng trên cùng, phía bên trái cạnh cửa sổ. Nào anh xem, tôi vẫn còn nhớ đấy chứ! Giờ đây tôi vẫn như còn nhìn thấy cái đầu tóc xoăn xoăn của anh…”

Cụ ngừng lại, suy nghĩ, rồi nói tiếp:

“Hồi đó, anh là một cậu con trai rất linh hoạt, phải không nào? Đến năm thứ hai, anh bị bệnh bạch hầu, và bà mẹ đau khổ của anh đem anh trở lại trường sau khi khỏi bệnh, gầy, trùm khăn kín mít. Từ bấy đến nay đã bốn mươi năm rồi, phải không nào? Anh còn nhớ đến người thầy giáo già của mình, thế là rất quý… Có những học trò cũ như anh đã đến thăm tôi những năm trước đây, có người đã là giáo sĩ, đại tá, tóm lại là ở những địa vị và nghề nghiệp rất khác nhau”.

Cụ Crosetti hỏi xem bố làm nghề gì; biết rõ, cụ kêu lên: “Tôi rất vui lòng, rất vui lòng!”… Rồi cụ nói tiếp: “Ít lâu nay tôi không được gặp ai nữa, và tôi e rằng có thể anh là người đến thăm tôi cuối cùng đấy anh ạ!”

- Thầy nói gì vậy? Trông thầy vẫn còn mạnh và khỏe nữa, thầy không nên nói như vậy!

- Anh tưởng thế đấy thôi. Này anh xem, tay tôi run đây này, - vừa nói cụ giáo vừa chìa hai tay ra, - đó là một triệu chứng xấu… tôi bị chứng này đã ba năm nay, hồi đó tôi còn đang dạy. Lúc đầu tôi không để ý đến, cho rằng sẽ khỏi thôi. Nhưng trái lại mỗi ngày càng run thêm, và cứ thế đến một ngày nọ tôi không thể viết được nữa. Ôi, thật là một vố đánh vào tim tôi, anh ạ, cái hôm mà tay tôi đánh rơi một giọt mực lên trang vở một học sinh của tôi! Tôi còn cố kéo dài ít lâu nữa, thế rồi, sau sáu mươi năm dạy học, tôi đành phải bỏ nhà trường, bỏ học trò của tôi, bỏ công tác[49]. Thật là cay đắng, anh thấy không, cay đắng hết sức. Sau buổi lên lớp cuối cùng, toàn thể học sinh đã kéo theo tôi về nhà, làm cho tôi vui; dù sự bày tỏ cảm tình như vậy tôi vẫn buồn, tôi hiểu rằng cuộc đời đối với tôi như vậy là hết rồi…

Năm trước đây nhà tôi mất, và cả đứa con trai độc nhất của tôi cũng chết; tôi chỉ còn có hai đứa cháu gọi bằng bác mà thôi. Giờ tôi sống với số tiền hưu trí mấy trăm lira, tôi chẳng còn làm gì nữa cả, đối với tôi ngày cứ dài như vô tận; thú vui duy nhất của tôi là giở lại những quyển sổ các lớp cũ của tôi, những bộ sưu tập các họa báo, mấy quyển sách mà người ta biếu. Đấy, - cụ giáo vừa nói vừa chỉ cái giá sách, - trong ấy đựng tất cả những vật kỷ niệm của tôi, tất cả quá khứ của tôi! Ngoài ra tôi chẳng còn gì khác nữa trên đời này.

Rồi bỗng nhiên giọng vui vẻ, cụ nói tiếp: "Tôi sẽ dành cho anh một việc bất ngờ, anh Bottini thân yêu ạ"

Cụ giáo đứng dậy, lại gần bàn làm việc, mở một ngăn kéo. Trong ngăn kéo có rất nhiều tập giấy nhỏ buộc dây lụa, trên mỗi tập có ghi một cái tên và ngày tháng. Cụ tìm một tí, mở ra một tập, lật lật mấy tờ, rồi rút ra một tờ giấy đã ngả màu vàng, đưa cho bố. Đó là một bài tập của bố, ngày tháng đề cách đây đã bốn mươi năm. Trên đầu trang giấy, thấy ghi:

Alberto Bottini - Chính tả, ngày mồng 3 tháng tư năm 1838.

Bố nhận ra ngay nét chữ trẻ con thô, to của mình, và vừa mỉm cười vừa đọc, nhưng bỗng mắt bố rưng rưng lệ; tôi liền đứng dậy và hỏi bố làm sao vậy.

Bố đưa tay quàng lấy người tôi, ôm chặt tôi vào một bên mình và nói:

"Con hãy nhìn trang giấy này. Con có thấy không, đây là những chữ sửa lại, do tay bà nội sửa cho bố đấy. Bao giờ bà cũng tô lại những chữ l và t cho bố, còn những dòng cuối bài thì là do tay bà hoàn toàn viết lấy. Bà cố tập

viết cho giống nét chữ của bố, và những khi bố mệt hay buồn ngủ thì bà làm nốt bài cho bố, mẹ của bố thật là một bà thánh!” Rồi bố cúi xuống hôn vào trang giấy.

“Chính những vật này, - cụ giáo vừa nói vừa chỉ vào các tập giấy - là những vật lưu niệm của tôi. Cứ mỗi năm tôi để lại một bài tập của mỗi học sinh của tôi; còn đấy cả, sắp xếp thứ tự và đều đánh số rõ ràng. Thỉnh thoảng tôi lại giở ra từng bài, đọc bài này một câu, bài kia một câu, thế là tôi nhớ lại hàng nghìn việc, và hình như tôi đang sống lại trong quá khứ của mình vậy. Biết bao nhiêu học trò, anh ạ: cứ nhắm mắt lại là tôi thấy những khuôn mặt nọ tiếp theo những khuôn mặt kia, lớp này đến lớp khác, hàng trăm và hàng trăm trẻ em. Ai biết được trong số đó đã có bao nhiêu người chết rồi? Tôi nhớ rõ hơn hết là những học trò tốt nhất và những học trò xấu nhất, những người đã làm tôi vui lòng và những người đã làm tôi đau lòng, vì giữa đám cừu non cũng có những con rắn. Nhưng giờ thì, anh hiểu không, cũng như là tôi đã ở thế giới bên kia rồi, nên tôi đều yêu mến tất cả họ như nhau hết”.

Cụ giáo ngồi xuống, và hai tay cụ nắm lấy mặt bàn tay tôi.

- Thưa thầy, - bố vừa hỏi vừa mỉm cười, - thế về phần con thầy có còn nhớ một vài vụ nghịch ngợm nào không ạ?

- Anh ấy à? - cụ giáo cũng vừa trả lời vừa mỉm cười, - không có gì, lúc này có lẽ tôi chưa nhớ ra, như thế không có nghĩa là anh không làm việc gì nghịch ngợm cả. Thực ra hồi đó trông anh nghiêm trang so với lứa tuổi của anh. Tôi còn nhớ tình thương yêu rất lớn của bà cụ đối với anh… Anh có biết rằng đến thăm tôi thế này là anh rất tốt và rất đáng yêu không? Làm sao mà anh có thể gác công việc bận rộn của mình để đến thăm một người thầy giáo tội nghiệp như thế này?

- Thế này đây, thầy ạ, - bố trả lời hoạt bát hẳn lên, - con không quên được cái ngày con bắt đầu đi học. Bà mẹ đáng thương của con dắt con đến. Đó là lần đầu tiên mà mẹ con phải xa con trong hai tiếng đồng hồ, mà mẹ con đưa con ra khỏi nhà mình và giao con cho những người xa lạ. Đối với một bà mẹ rất hiền từ ấy, ngày con bước vào trường học cũng như ngày con bước vào đời, nó bắt đầu một chuỗi dài những phen xa cách cần thiết và đau đớn; từ ngày ấy, xã hội đã rút khỏi tay bà đứa con trai để rồi không bao giờ trả lại nó trọn vẹn cho bà nữa. Bà gửi gắm con cho thầy, thầy thân mến ạ, mà giọng bà run run, và khi ra về bà còn mỉm cười với con qua khe cửa mà mắt bà đẫm lệ, và thầy đã đưa tay làm một dấu hiệu để làm yên lòng bà như muốn nói với bà: “Thưa bà, xin bà cứ tin cậy vào tôi”. Đấy, chính cái cử chỉ ấy, cái nhìn ấy làm cho con hiểu rằng thầy chia sẻ nỗi bồi hồi của mẹ con, cái bàn tay ấy của thầy đặt lên trái tim mình để làm cho người mẹ đáng

thương được yên lòng; cái cử chỉ hiền từ, nhân hậu, thông cảm ấy, bao giờ con cũng nhớ đến, như đã khắc sâu vĩnh viễn vào lòng con. Chính cái kỷ niệm ấy đã làm cho con từ Torino đến đây để được thưa với thầy, sau bốn mươi bốn năm[50] xa cách: "Thưa thầy kính yêu, con xin cám ơn thầy!"

Cụ giáo không nói gì, cụ xoa mãi đầu tôi với một bàn tay run run, rồi từ đầu cụ xoa xuống trán, và từ trán xuống vai tôi.

Trong lúc đó, bố nhìn những bức tường trống trải, chiếc giường gỗ tồi tàn, một mẩu bánh mì đặt cạnh một chai dầu ăn ở khung cửa sổ, và bố có vẻ suy nghĩ:

"Tội nghiệp thầy giáo, sau sáu mươi năm làm việc, đó là tất cả phần thưởng của thầy!"

Cụ già phúc hậu lấy làm bằng lòng, và lại tiếp tục nói chuyện rất hoạt bát, về gia đình chúng tôi, về những thầy giáo khác thuở ấy, về những bạn học của bố.

Bố ngắt câu chuyện, ngỏ ý mời cụ giáo đi xuống Condove ăn bữa trưa với chúng tôi.

"Xin cám ơn anh, nhưng tiếc là tôi không nhận lời được", cụ giáo nói. Và xem chừng cụ lưỡng lự, bố cầm lấy hai tay cụ, và lại khẩn khoản mời. Cụ giáo nói:

- Làm sao mà tôi ăn được với hai bàn tay khổ sở run như cầy sấy thế này? Khác nào là hình phạt đối với tôi và đối với những người khác nữa.

- Chúng con sẽ giúp thầy, thầy ạ - bố trả lời. Thế là cụ nhận lời, gật đầu với một nụ cười. "Đối với tôi, hôm nay quả là một ngày rất đẹp, - cụ nói và đóng cửa lại, - một ngày rất đẹp, anh Bottini thân mến ạ, một ngày mà còn sống là tôi còn nhớ, chắc chắn như vậy anh ạ". Bố đưa tay đỡ cụ giáo cùng đi, còn tôi thì nắm lấy bàn tay cụ, và chúng tôi theo con đường nhỏ đi xuống dốc. Chúng tôi gặp hai cô gái bé đi chân đất đang chăn bò và một cậu bé con trai vác một bó rơm trên vai.

Cụ giáo cho biết rằng các cô cậu ấy là học trò lớp hai, buổi sáng họ ra đồng chăn bò và buổi chiều đi giày vào để đến lớp học.

Gần đứng bóng thì chúng tôi đến quán hàng, chúng tôi ngồi vào một cái bàn lớn, cụ giáo ngồi giữa hai bố con, và chúng tôi bắt đầu ăn trưa.

Quán hàng vắng lặng. Ông cụ tội nghiệp lại rất vui, và gần như cụ không thể nào ăn được. Bố cắt thịt, cắt bánh, lấy muối vào đĩa cho cụ. Uống thì cụ phải cầm cốc cả hai tay, thế mà chiếc cốc vẫn vập vập vào răng cụ.

Cụ nói chuyện nhiều và say sưa về những quyển sách tập đọc của cụ hồi thơ ấu, đến những lời khen ngợi của các người trên của cụ, cụ nói tất cả những điều ấy với một nụ cười gần như trẻ trung.

Còn bố thì nhìn cụ với cái vẻ mặt mà thỉnh thoảng ở nhà tôi vẫn bắt gặp, những lúc bố nhìn tôi và mỉm cười vì một ý kín đáo nào đó của mình.

Mải nói chuyện, cụ giáo đánh đổ rượu vào áo gi-lê, bố vội đứng lên lấy khăn của mình lau cho cụ, nhưng cụ thì ngăn lại và nói: "Xin đừng, xin đừng, tôi không dám…" và cụ lại cười, vừa cười vừa nói những tiếng La tinh.

Sau cùng, cụ nâng cốc trịnh trọng, nói: "Xin chúc sức khỏe của anh! Và của các cháu! Để tưởng nhớ bà mẹ hiền của anh!"

- Kính chúc sức khỏe của thầy! - Bố vừa đáp lại vừa bắt tay cụ.

Từ cuối gian phòng, chủ quán và những người giúp việc nhìn chúng tôi vẻ rất hài lòng, và lấy làm tự hào thấy cụ giáo vùng mình được khoản đãi như thế.

Hai giờ chúng tôi ra về, và cụ giáo ngỏ ý muốn tiễn chúng tôi ra ga. Bố lại đưa tay cho cụ khoác, còn tôi lại nắm lấy bàn tay cụ và cầm gậy cho cụ.

Những người đi đường đều dừng lại nhìn chúng tôi, vì mọi người đều biết cụ Crosetti và chào cụ.

Đến một quãng đường, chúng tôi nghe từ một cửa sổ mở rộng, những tiếng trẻ em đang cùng đọc bài tập đọc. Cụ già đứng lại và mặt cụ đượm buồn, cụ nói:

"Đấy việc này làm cho tôi đau lòng, anh Bottini thân mến ạ; nghe tiếng trẻ con học ở nhà trường mà lại không được ở đấy nữa, nghĩ rằng chúng đã có một thầy giáo khác… Sáu mươi năm rồi, tai tôi đã nghe bản hòa tấu những giọng trẻ em ấy và trái tim tôi đã quen thuộc quá rồi… Giờ thì tôi chẳng còn gia đình, chẳng còn đứa trẻ nào nữa!"

- Xin lỗi thầy, - bố nói, - thầy vẫn còn nhiều đứa con ở khắp nơi trên thế giới. Họ vẫn nhớ thầy, cũng như con suốt đời vẫn nhớ thầy vậy.

- Không, không, - cụ nói một cách buồn rầu, - tôi không còn có trường học nữa, tôi không còn có trẻ con nữa, và không có trẻ con thì tôi cũng không sống được bao lâu nữa.

- Xin thầy đừng nói vậy, - bố đáp lại, - thầy đã làm được biết bao nhiêu việc có ích, thầy đã cống hiến cả đời mình một cách cao quý biết bao!

Cụ giáo nghiêng cái đầu bạc vào vai bố một lúc, rồi siết chặt tay tôi.

Chúng tôi vào sân ga, tàu sắp chạy.

"Xin tạm biệt thầy", bố vừa nói vừa ôm hôn cụ Crosetti vào hai má. "Tạm biệt và xin cám ơn!" cụ giáo trả lời và nắm bàn tay của bố với cả hai bàn tay run rẩy của mình và ghì lên chỗ trái tim của mình.

Khi tôi ôm hôn cụ, tôi thấy mặt cụ đẫm nước mắt. Bố đẩy tôi lên toa xe, và đến lượt mình bước lên thì bố nhanh tay lấy ngay cái gậy thô kệch của cụ giáo đang chống, đổi bằng cái gậy rất đẹp của mình tay cầm nạm bạc, có khắc hai chữ cái họ tên mình.

"Xin thầy giữ cái này làm vật lưu niệm của con", bố nói.

Cụ giáo cố tìm cách trả cái gậy cho bố và lấy lại gậy của mình, nhưng bố đã bước nhanh vào trong toa và đóng cửa lại.

- Xin tạm biệt thầy giáo yêu quý của con!

- Tạm biệt, con! - Cụ giáo đáp lại, trong lúc tàu chuyển bánh, - chúc con được phước lành, vì niềm vui mà con đã đem đến cho một ông già tội nghiệp.

"Xin sẽ gặp lại", bố thét to giọng xúc động. Nhưng cụ giáo cúi đầu xuống, dường như muốn nói: "Chúng ta sẽ không còn bao giờ gặp lại nhau nữa".

"Có chứ, có chứ, - bố nhắc lại, chúng ta sẽ lại gặp nhau!" Thay cho câu trả lời, cụ giơ bàn tay run rẩy lên. Rồi bóng cụ khuất hẳn.

Dưỡng bệnh
Thứ năm 20

Ai mà có thể biết được rằng, sau cuộc đi với bố trở về, lòng tôi còn vui sướng biết ngần nào thì trong mười ngày liền tôi chẳng còn được nhìn thấy đồng quê, nhìn thấy bầu trời gì nữa! Tôi vừa bị ốm, suýt chết. Tôi nghe mẹ khóc thổn thức, tôi thấy bố, mặt tái mét, nhìn tôi, đôi mắt lạc hẳn đi, em Silvia và em trai tôi nói với nhau thì thầm, và ông bác sĩ lúc nào cũng ở cạnh tôi, nói với tôi những điều mà tôi không nhớ gì hết.

Ôi! Mẹ tội nghiệp! Ba hay bốn ngày đã qua, tôi không nhớ rõ nữa, tưởng chừng như tôi đã trải qua một giấc mơ tối tăm và hỗn độn.

Hình như tôi thấy cạnh giường tôi cô giáo lớp một trên hiền từ của tôi, lấy khăn tay đưa lên mồm cố nén cơn ho.

Tôi nhớ mơ hồ rằng thầy giáo của tôi cúi xuống hôn tôi, và râu thầy hơi chích vào má tôi. Tôi thấy đi qua, như sau một màn sương mù, cái đầu tóc đỏ của Crossi, những món tóc xoăn bạch kim của Derossi, cậu bé người Calabria mặc quần áo đen, Garrone mang cho tôi quả quýt còn cả lá rồi lại chạy vội đi vì mẹ cậu đang ốm nặng. Rồi tôi tỉnh dậy như sau một giấc ngủ dài, và tôi hiểu rằng tôi đã đỡ, vì thấy bố mẹ mỉm cười và nghe Silvia hát khe khẽ! Ôi! Giấc mơ ảm đạm biết bao!…

Tuy vậy, tôi đã thấy trong người khá lên, mỗi ngày một khá thêm.

Cậu bé thợ nề đã đến và làm cho tôi cười lại lần đầu tiên với cái trò sứt môi; cậu ta làm khéo tệ, từ cái ngày ốm dậy mà mặt cậu dài ngoẵng ra, cái cậu bé tội nghiệp. Coretti cũng đến; Garoffi cũng đến: cậu biếu tôi hai vé của cuộc xổ số mới mà trúng thì được “một cây bút chì dành cho ta năm điều ngạc nhiên”, cậu mua được của một kẻ bán lại ở phố Bertola. Hôm qua trong khi tôi đang ngủ thì Precossi đến, cậu ghé môi hôn khẽ tay tôi để đừng đánh thức tôi dậy; và vì cậu mới từ xưởng rèn của bố về, mặt còn đen những than, nên đã để lại một vết đen trên tay áo tôi. Thức dậy tôi trông thấy mà sung sướng.

Chỉ mới có mấy ngày mà cây cối đã xanh tươi đến thế! Và tôi thèm biết bao nhiêu được như các em bé mà tôi trông thấy đang chạy đến trường, tay cắp sách vở khi bố bế tôi ra chỗ cửa sổ. Và tôi, vài ngày nữa, tôi cũng trở lại trường; tôi sốt ruột quá chừng, mong chóng gặp lại tất cả các bạn học thân yêu, cái ghế băng, cái vườn trường, con đường phố, mong biết tất cả những gì đã xảy ra trong khi tôi ốm, mong được cầm lại sách vở của tôi.

Tưởng chừng như đã một năm rồi tôi không trông thấy sách vở! Tội nghiệp mẹ tôi, mẹ xanh và gầy đi nhiều quá! Tội nghiệp bố tôi! Bố có vẻ mệt nhọc quá! Và các bạn tốt của tôi, đã đến thăm tôi, đi rón rén trên đầu ngón chân và ôm hôn trán tôi. Giờ tôi buồn quá, vì nghĩ rằng một ngày kia rồi chúng tôi sẽ phải xa nhau… tôi biết chắc là tôi còn sẽ tiếp tục học với Derossi và vài bạn khác nữa, nhưng Garrone, Precossi, Coretti sẽ chẳng đến trường nữa, sau khi học xong lớp bốn; từ biệt các bạn! Chúng tôi rồi sẽ mất hút nhau; các bạn sẽ không còn đến cạnh giường tôi nếu tôi còn ốm lại nữa.

Sao? Biết bao cậu bé trung hậu, các bạn rất tốt, các bạn rất thân của tôi, tôi không bao giờ được gặp lại nữa sao?

Những người bạn thợ thuyền[51]

Thứ năm 27

Tại sao lại không bao giờ nữa*, Enrico à? Điều đó là tùy ở cậu thôi. Học xong lớp bốn, cậu vào trường trung học và các bạn sẽ đi làm công nhân, nhưng chắc các bạn vẫn cùng ở trong một thành phố với nhau trong nhiều năm nữa, và tại sao mà các cậu lại không gặp lại nhau? Bao giờ cậu vào học trường trung học cấp trên*[52] *cậu sẽ đến tìm các bạn ở các cửa hiệu của họ hay ở các xưởng thợ của họ, vì cậu sẽ thích thú gặp lại ở đấy những bạn học của cậu, những* con người *đang lao động. Cậu sẽ ở lại một lúc với họ, và tìm hiểu cuộc đời với người đời, cậu sẽ thấy là cậu học được ở họ biết bao nhiêu điều về kỹ thuật của họ, xã hội của họ và về đất nước của cậu, mà những người khác không thể nào dạy cho cậu được. Hãy nghĩ kỹ đến điều này: nếu cậu không giữ gìn những tình bạn thời thơ ấu ấy, thì sau này sẽ khó tìm được những tình bạn như thế, tôi muốn nói là ở ngoài lớp học của mình. Và như vậy là cậu chỉ sống trong có một giai cấp xã hội thôi, và cậu sẽ như người học giả mà chỉ đọc có mỗi một cuốn sách thôi. Ngay từ giờ, cậu hãy tự liệu mà giữ lấy những người bạn tốt ấy, dù khi phải xa cách nhau, và hãy vun xới những tình bạn ấy trước mọi việc, chính vì họ là con cái những người thợ thuyền. Này nhá: Những người ở tầng lớp trên là những sĩ quan, còn công nhân là những lính trên mặt trận lao động; trong xã hội cũng như trong quân đội, người lính cũng cao quý chẳng kém gì sĩ quan, vì sự cao quý ở trong lao động chứ không ở trong đồng lương, ở trong giá trị chứ không ở trong cấp bậc; mà nếu nơi nào giá trị cao hơn thì đó là ở phía người lính, người thợ, vì họ được hưởng lợi ít hơn về lao động của họ. Vậy cậu hãy yêu, hãy kính, trên tất cả mọi sự ở đời, con cái của những người lính trên mặt trận lao động; cậu hãy tôn trọng ở họ những nỗi vất vả và sự hy sinh của bố mẹ họ. Hãy thương yêu Garrone, Coretti, Precossi, cậu bé thợ nề, vì trong lồng ngực của những người thợ tí hon ấy có những trái tim tuyệt vời! Và hãy thề rằng không có sự đổi thay số phận nào mà có thể rứt ra khỏi tâm hồn cậu những tình bạn tất của thời thơ ấu ấy; rằng sau bốn mươi năm nữa, nếu đi qua một ga xe lửa cậu nhận ra trong bộ quần áo đen những than của người thợ máy, người bạn cũ Garrone của cậu… À, tôi không cần cậu phải thề! Tôi chắc rằng cậu sẽ nhảy lên trên đầu máy và ôm chầm lấy bạn cậu, dù cậu có là thượng nghị sĩ trong vương quốc đi nữa.*

Bà mẹ Garrone

Thứ bảy 29

Vừa ở trường về, tôi được ngay tin buồn. Đã mấy hôm nay, Garrone nghỉ học vì mẹ cậu ốm nặng, và bà ấy mất chiều hôm thứ bảy. Hôm qua khi chúng tôi vào lớp, thầy giáo nói:

"Nỗi bất hạnh lớn nhất có thể xảy đến cho một người con, nỗi bất hạnh ấy vừa đến với Garrone: cậu vừa mất mẹ. Mai cậu sẽ trở lại lớp, các con ạ, thầy mong các con ngay từ hôm nay tôn trọng nỗi đau khổ lớn lao của bạn.

Khi bạn bước vào lớp, các con hãy đón bạn với lòng thương yêu, và nhất là các con phải nghiêm chỉnh. Không ai được cười hay đùa với bạn ấy, thầy mong như vậy".

Sáng nay quả nhiên Garrone lại đi học, cậu vào lớp sau các bạn một chút.

Tim tôi đau nhói khi thấy cậu mặt tái xanh, đôi mắt đỏ hoe và hai chân bước không vững. Trông cậu như vừa qua một cơn ốm lâu ngày, thật khó mà nhận ra cậu được. Cậu mặc áo quần đen[53], trông lại càng đáng thương.

Trong lớp, không ai nói một câu, và tất cả chúng tôi nhìn cậu, ái ngại và thương xót.

Vừa mới bước vào, trông thấy lại cái lớp học mà gần như ngày nào mẹ cũng đến đón mình, trông thấy cái bàn mà biết bao lần mẹ đã cúi xuống để dặn dò mình một lời cuối cùng những khi sắp làm bài thi, và cậu thì đã nghĩ đến bà như thế nào, nóng ruột cố làm cho chóng xong bài để được chạy ra gặp mẹ, cậu òa lên khóc, tuyệt vọng.

Thầy Perboni kéo cậu lại, ôm cậu sát vào lòng và nói:

"Khóc đi, tội nghiệp, con cứ khóc đi, nhưng hãy can đảm, con ạ. Mẹ con không còn đây nữa, nhưng vẫn nhìn thấy con, bà vẫn thương con, bà vẫn sống bên con, và một ngày kia con sẽ gặp lại bà vì con có tấm lòng lương thiện và trung hậu như lòng bà. Can đảm lên, con ạ!"

Nói xong thầy dẫn Garrone về chỗ ngồi, bên cạnh tôi. Tôi không dám nhìn Garrone. Cậu lấy sách vở ra, đã mấy hôm rồi cậu chưa giở ra. Vừa giở mấy trang sách tập đọc, cậu bỗng nhìn thấy một hình trang trí vẽ một bà mẹ đang dang tay đón con, và cậu lại khóc nấc lên lần nữa, mặt úp vào cánh tay.

Thầy giáo ra hiệu cho chúng tôi cứ để yên cho cậu khóc; và thầy bắt đầu giảng bài.

Tôi muốn nói điều gì đó với Garrone, nhưng không biết nên an ủi cậu như thế nào. Tôi đặt bàn tay lên cánh tay cậu và thì thầm với cậu:

- Thôi đừng khóc nữa, Garrone ạ.

Cậu không trả lời và không ngẩng đầu lên. Cậu đặt bàn tay mình vào tay tôi một lúc.

Tan học, không ai dám nói gì với người bạn tội nghiệp; người ta im lặng đi quanh cậu, cung kính, thông cảm. Thấy mẹ đang chờ, tôi chạy đến ôm hôn, nhưng nhìn thấy Garrone mẹ gạt tôi ra. Thoạt đầu tôi không hiểu tại sao, nhưng sau đó tôi thấy Garrone. Garrone nhìn tôi vẻ buồn không thể tả được, hình như cậu muốn nói với tôi: "Cậu hôn mẹ cậu, nhưng mình thì chẳng bao giờ còn được hôn mẹ mình nữa; cậu có mẹ, còn mẹ mình đã chết rồi!".

Bấy giờ tôi mới hiểu vì sao mẹ lại đẩy tôi ra; và tôi đi ra, không nắm lấy tay mẹ như thường ngày.

Phẩm giá công dân
(Truyện đọc hàng tháng)

Giữa trưa hôm ấy, chúng tôi tập hợp trước tòa thị chính[54] cùng với thầy giáo, để dự cuộc trao huân chương Phẩm giá công dân cho một cậu bé đã cứu được một bạn khỏi chết đuối trong sông Po. Một lá cờ ba sắc lớn tung bay trên bao lơn chính diện.

Chúng tôi kéo vào sân. Ở đây đã rất đông người. Phía trong cùng kê một cái bàn phủ tấm thảm đỏ để đầy những giấy tờ; đằng sau là một dãy ghế bành thếp vàng dành cho ông thị trưởng và các ủy viên trong Hội đồng thành phố. Phía bên phải một trung đội lính cảnh vệ xếp hàng, trong số đó có nhiều người đeo huân chương; ở một phía khác là đội lính cứu hỏa mặc lễ phục, lại có những lính thuộc đủ các quân chủng kéo nhau đến xem. Trong đám đông có đủ cả các ông các bà, nông dân, sĩ quan và cả trẻ con nữa. Chúng tôi đứng vào một góc sân, nơi có đông học sinh các khu khác đang đứng với thầy giáo. Cách chỗ chúng tôi không xa có những trẻ em khoảng mười đến mười hai tuổi cười cười nói nói; đó là bạn cùng lớp hoặc bạn thân của cậu bé anh hùng sắp nhận huân chương. Trên tất cả các cửa sổ trông xuống sân, những viên chức của tòa thị chính đang chống khuỷu tay nhìn xem. Trên sân thượng của thư viện cũng đầy người, và phía đối diện trên cổng chmh, thấy rất đông nữ sinh của các trường công. Quang cảnh khác nào một nhà hát mà tất cả những lô trên gác và chỗ dưới nhà đều chật ních. Người ta chuyện trò vui vẻ, chốc chốc lại nhìn về phía chiếc bàn xem đã có ai xuất hiện chưa. Đội nhạc dạo những bản nhạc nhẹ. Dưới vòm cổng vào và phía trên các bức tường, mặt trời chiếu rực rỡ.

Bỗng tiếng vỗ tay nổi lên từ trong sân, từ trên gác sân và từ các cửa sổ. Tôi kiễng chân lên để nhìn cho rõ. Đám đông tề tựu trước cái bàn đang rẽ ra làm đôi, nhường lối đi cho một người đàn ông và một người đàn bà. Người đàn ông cầm tay dắt theo một cậu bé.

Cậu bé đó chính là người đã cứu bạn.

Người đàn ông là bố cậu: một bác thợ nề, ăn mặc như đi dự hội lớn; người đàn bà, mẹ cậu, vóc bé nhỏ, tóc bạch kim, mặc áo dài đen; cậu bé cũng nhỏ người và tóc bạch kim, mặc một chiếc áo dài màu xám.

Nhìn thấy người đông như thế, nghe tất cả những tiếng vỗ tay ấy, cả ba người đứng sững lại, không dám nhìn ai, cũng chẳng biết phải làm gì. Một

viên môn lại[55] dẫn họ đến cạnh chiếc bàn, phía bên phải.

Người ta im lặng một lát, rồi những tiếng hoan hô lại nổi lên nhiệt liệt hơn nữa. Cậu bé ngước nhìn các cửa sổ, tay vân vê chiếc mũ. Tôi thấy cậu ta như hao hao giống Coretti. Bố và mẹ cậu thì chỉ cứ nhìn vào cái mặt bàn.

Trong lúc ấy thì đám học sinh ở ngoại thành, đứng gần chỗ chúng tôi, đều bước lên trước, lấy tay ra hiệu cho bạn của họ trông thấy họ, hoặc gọi khẽ tên cậu. Gọi mãi rồi cậu ta cũng nghe, cậu ta nhìn các bạn rồi lấy mũ che miệng, mỉm cười.

Đúng lúc đó, đơn vị cảnh vệ đứng "nghiêm!" Ông thị trưởng đeo băng ba màu[56] bước vào, theo sau có nhiều quan chức; ông đứng trước cái bàn, các quan chức khác đứng chung quanh ông. Nhạc ngưng lại, ông thị trưởng giơ tay ra hiệu, mọi người im phăng phắc.

Ông bắt đầu nói. Những câu nói đầu tôi không nghe rõ, nhưng tôi hiểu ông đang kể lại hành động dũng cảm của cậu bé.

Dần dần tiếng nói của ông to lên và trong trẻo vang lên khắp sân, tôi nghe không còn sót một lời nào.

"… Khi cậu đứng trên bờ thoạt nhìn thấy bạn đang vùng vẫy giằng co với cái chết giữa dòng sông, thì lập tức cậu cởi quần áo, và không một phút ngần ngại, chạy ngay xuống bờ sông. Người ta thét lên: "Đừng xuống! Chết đuối bây giờ!"

"Nhưng cậu không trả lời. Người ta muốn giữ cậu lại, cậu đẩy lùi các bạn mà chạy; người ta lại gọi, cậu đã lao mình xuống nước rồi. Mặt sông đang cồn sóng, thật là nguy hiểm, ngay cả đối với người lớn. Nhưng cậu đã vật lộn với cái chết bằng tất cả sức mạnh của tấm thân bé nhỏ và của tấm lòng cao cả của cậu. Cậu bơi theo kịp và tóm được ngay người bị nạn đã chìm nghỉm, rồi ngoi lên mặt nước. Cậu cố sức bơi ngược lại dòng nước đang cuốn mình đi, trong khi người bạn cứ ôm chặt lấy cậu. Đã mấy lần cậu bị nhấn chìm, nhưng lại ngoi lên do một cố gắng tưởng như tuyệt vọng. Quyết tâm, không gì lay chuyển nổi trong việc làm cao quý của mình, không phải như một cậu bé muốn cứu sống một cậu bé khác, mà như một người lớn, một người bố muốn cứu sống đứa con là nguồn hy vọng và cả cuộc đời của mình; cuối cùng cậu đã cướp được cái mồi của dòng sông và đưa vào bờ. Thế rồi cậu lại còn cùng những cậu khác hết lòng làm những động tác cấp cứu đầu tiên cho người bị nạn. Sau đó cậu về nhà, một mình, ung dung, kể lại việc mình đã làm một cách hồn nhiên.

"Thưa các ngài! Lòng dũng cảm của người lớn là đẹp và đáng kính;

nhưng ở cậu bé, chưa thể có một ý đồ tham vọng hay lợi lộc gì cả, ở cậu bé phải đem hết gan dạ ra vì sức mình chẳng được bao nhiêu, ở cậu bé mà chúng ta không đòi hỏi một chút gì, không bắt buộc phải làm gì, chỉ cần hiểu được, không cần phải làm được hành động hy sinh của người khác, là đã đủ cho ta thấy cao quý và đáng yêu rồi; ở cậu bé tôi xin nhắc lại, thì lòng dũng cảm là cao cả! Tuyệt vời!

"Tôi không nói gì thêm nữa, thưa các ngài, tôi không muốn góp những lời khen ngợi thừa đối với một việc làm vĩ đại mà đơn giản đến thế. Đây, kẻ cứu người quả cảm và cao quý đó đang ở đây, trước mắt quý vị! Hỡi binh sĩ, hãy chào cậu như chào một người anh em. Hỡi các bà mẹ, hãy cầu phúc cho cậu như cho con mình? Hỡi các cháu thiếu nhi, hãy nhớ lấy tên của cậu, ghi sâu hình ảnh của cậu trong trí nhớ và vào trái tim của các con. Bước lại gần đây, con; nhân danh quốc vương nước Ý, tôi xin trao tặng cậu tấm huân chương *Phẩm giá công dân* này".

Tiếng hoan hô dậy đất nổi lên từ hàng nghìn cửa miệng phát ra.

Ông thị trưởng cầm chiếc huân chương trên bàn gắn vào ngực cậu bé. Rồi ông ôm hôn cậu nhiều lần. Bà mẹ cậu bé lấy tay dụi mắt, ông bố thì cúi đầu.

Sau khi bắt tay hai bố mẹ sung sướng ấy ông thị trưởng cầm tấm sắc lệnh thưởng huân chương buộc băng lụa, trao cho người mẹ. Rồi quay về phía cậu bé, ông nói:

"Mong rằng kỷ niệm của ngày hôm nay, một ngày vinh quang biết bao đối với cậu, tốt đẹp biết bao đối với bố và mẹ cậu, sẽ giúp cậu suốt đời trên con đường đạo đức và danh dự! Tạm biệt con nhé".

Ông thị trưởng bước ra, nhạc lại nổi lên, tưởng như đã đến lúc kết thúc, thì thấy đội cứu hỏa giãn ra, nhường lối cho một cậu bé độ tám chín tuổi chạy thẳng đến người anh hùng của buổi lễ và ngả vào hai cánh tay của cậu.

Những tiếng vỗ tay và những tiếng hoan hô lại rung chuyển cả cái sân; mọi người đều hiểu rằng đó là em bé đã được cứu sống trong dòng sông đã đến cảm ơn người cứu mình. Sau khi hôn cậu, em bé khoác tay cậu cùng đi ra. Hai cậu đi trước, theo sau là ông bố và bà mẹ, phải chật vật để mở lối đi giữa cái hàng rào người đang chen nhau đểđược nhìn và chào họ. Những người đứng gần cậu hơn cả thì đưa tay ra bắt; khi cậu đi qua trước đám học sinh thì họ giơ cao mũ lên vẫy. Các bạn của cậu thiếu niên anh hùng thì reo lên không biết là bao nhiêu tiếng hoan hô chúc tụng cậu.

Tôi được thấy cậu đi qua ngay cạnh tôi, mặt đỏ ửng vì sung sướng, chiếc huân chương buộc dải lụa ba màu. Mẹ cậu vừa cười lại vừa khóc, bố cậu thì

đưa một bàn tay run vì xúc động, và như lên cơn sốt, vân vê bộ ria mép.

Trên cao, ở các cửa sổ và bao lơn, người ta nghiêng mình ra nhìn và vỗ tay. Bỗng nhiên, đúng lúc cái gia đình hạnh phúc này sắp đi qua cổng chính của tòa thị sảnh thì từ trên bao lơn, nơi có nữ sinh các trường đứng, rơi xuống người họ một trận mưa hoa thực sự, những bó hoa tử la lan[57], hoa đồng thảo, hoa đại cúc[58] tung tóe trên đầu cậu con, ông bố và bà mẹ trước khi rơi xuống đất. Nhiều người đổ ra nhặt những cành hoa, trao cho bà mẹ, trong lúc dàn nhạc tiếp tục tấu lên những điệu nhạc dịu dàng nhất chúc mừng cậu bé cứu người dũng cảm.

THÁNG NĂM

Hy sinh
Thứ ba 9

Mẹ là người rất tốt, và Silvia cũng có tấm lòng cởi mở và độ lượng như mẹ. Hôm qua tôi đang chép một đoạn của truyện đọc hàng tháng: *Từ mạch Appennini đến mạch Andes* (truyện dài đến nỗi thầy giáo phải giao cho chúng tôi mỗi người chép một đoạn) thì em Silvia rón rén bước vào, và thì thầm bảo tôi rằng:

"Anh hãy cùng em sang chỗ mẹ đi. Sáng nay em có nghe bố và mẹ nói chuyện với nhau. Hình như trong một chuyến kinh doanh nào đó rất quan trọng bố vừa bị thất bại nặng. Bố tuyệt vọng và mẹ an ủi bố, như vậy là chúng ta sạt nghiệp rồi đấy. Enrico à! Anh hiểu chứ? Bố mẹ không còn tiền nữa. Cho nên chúng ta cũng phải biết hy sinh, anh em chúng ta ấy mà, có phải không? Anh sẵn sàng chứ?… Tốt lắm. Để em nói với mẹ, còn anh thì anh sẽ làm đúng những gì mà em sẽ nói với anh, anh cam đoan không nào?"

Tôi hứa với em sẽ làm đúng như thế.

Silvia liền dắt tay tôi vào buồng mẹ, bấy giờ mẹ đang ngồi khâu, vẻ mặt tư lự. Tôi ngồi trên một chiếc ghế dài cạnh mẹ, Silvia thì ngồi phía bên kia và nói ngay với mẹ:

"Mẹ ạ, mẹ nghe đây, con có điều muốn nói với mẹ. Cả hai chúng con đều có điều muốn nói với mẹ".

Mẹ nhìn chúng tôi, vẻ ngạc nhiên.

"Bố đã bị sa sút rồi, phải không nào?" Silvia bắt đầu nói như thế.

- Con nói cái gì vậy? - Mẹ đỏ mặt hỏi. - Làm gì có việc đó! Ai bảo con thế? Làm sao mà con biết?

- Con biết, mẹ ạ. - Silvia nói quả quyết. Vậy thì mẹ nghe chúng con nói, mẹ ạ. Chúng con cũng phải biết hy sinh. Mẹ có hứa cuối tháng sẽ cho con một cái quạt, còn anh Enrico thì đang chờ mẹ cho hộp màu. Chúng con không muốn có những thứ ấy nữa; chúng con không muốn bố mẹ phải tốn kém vì chúng con nữa, mẹ nghe ra rồi chứ?

Mẹ định nói, nhưng Silvia lại tiếp luôn:

"Anh Enrico với con đã quyết định như thế rồi. Bố mà còn túng là chúng con không muốn ăn tráng miệng nữa, chỉ ăn xúp là đủ rồi, và buổi sáng chúng con chỉ ăn bánh mì thôi. Như thế ta sẽ đỡ tốn về tiền ăn uống, và

chúng con hứa với mẹ rằng mẹ sẽ thấy chúng con vẫn rất vui lòng. Có phải thế không, Enrico à?”

Tôi gật đầu.

“Và nếu cần phải có những hy sinh nào khác nữa, - Silvia lại nói, vừa nói vừa lấy tay bịt miệng mẹ không cho mẹ nói, - thì chúng con vẫn sẵn sàng, về tóc tai, quần áo hay việc khác… Bố mẹ có thể cứ đem bán đi các thứ đã làm quà cho chúng con; con trước hết, con sẽ đưa mẹ những thứ con có. Con sẽ giúp việc mẹ thay bà vú; ta sẽ không thuê làm cái gì ở ngoài nữa, và con sẽ khâu vá suốt ngày. Con sẵn sàng làm tất cả mọi việc mà mẹ cần, vâng, tất cả. - Em vừa nói to lên, vừa nhảy lên bá lấy cổ mẹ. - Chỉ cần bố và mẹ không còn phải lo nghĩ quá nữa, chỉ cần thấy bố và mẹ đều yên tâm, vui vẻ giữa hai con, Silvia và Enrico, chúng con sẽ hiến cả cuộc đời của chúng con cho bố mẹ!”.

Tôi chưa bao giờ thấy mẹ sung sướng hơn lúc mẹ nghe em tôi nói như vậy… Mẹ hôn chúng tôi lên trán, nửa khóc, nửa cười, nghẹn ngào không nói được; rồi sau cùng mẹ mới bảo cho Silvia biết chắc chắn rằng em đã hiểu nhầm, rằng gia đình ta rất may mắn, không sa sút như em đã tưởng; rồi tội nghiệp, mẹ cứ cám ơn chúng tôi mãi đến nghìn lần! Tối đến, mẹ rất vui, rất sung sướng và kể lại cho bố nghe cuộc vận động của chúng tôi. Bố thì không nói được một lời, thật tội nghiệp! Nhưng sáng hôm nay, ngồi vào bàn ăn, chúng tôi liền được một phen ngạc nhiên lớn đồng thời một niềm thích thú hơn.

Silvia thấy cái quạt quà cho em để dưới chiếc khăn của em, còn tôi thì cái hộp màu phần tôi!

Đám cháy[59]

Thứ năm 11

Sáng nay, vừa chép xong phần mình trong truyện kể hàng tháng, tôi đang ngồi nghĩ một đầu đề cho bài tập làm văn mà thầy giáo cho tự do chọn, bỗng nghe dưới thang gác có tiếng nói khác thường và lát sau hai người lính cứu hỏa bước vào phòng chúng tôi, xin phép bố đi kiểm tra các bếp và lò sưởi, vì thấy có một ngọn lửa lò sưởi trên mái nhà, dù trong nhà không nhóm một ngọn lửa nào cả. Các người lính cứu hỏa đi khắp các buồng, áp tai vào tường nghe xem có tiếng lửa luồn qua các đường ống trong nhà chúng tôi, và chuyền sang các ống khói bên cạnh không.

Bố bảo tôi: "Này Enrico à, thế là con đã có đầu đề cho bài tập làm văn của con rồi đấy: *Những người lính cứu hỏa*. Cách đây hai năm, bố đã thấy họ hoạt động như thế nào. Con cứ viết lại những điều mà bố kể cho con nghe đây.

"Một buổi tối, bố ở nhà hát Balbo[60] ra về, vào quãng nửa đêm, khi đi vào phố Roma thì thấy có một ánh lửa quái lạ và một đám người đang chạy. Một cái nhà đang cháy. Những ngọn lửa và những đám khói tuôn ra từ các cửa sổ và từ mái nhà. Đàn ông đàn bà chạy ra các bao lơn, rồi chạy vào, kêu lên những tiếng tuyệt vọng. Trước cửa ra vào thật là náo nhiệt, đám đông gào lên: "Cứu với. Họ chết thiêu cả mất! Lính cứu hỏa đâu? Lính cứu hỏa!"

"Vừa lúc đó, bốn người lính cứu hỏa đến và lao ngay vào nhà. Họ vừa mới vào thì người ta đã thấy một cảnh tượng khủng khiếp: một người đàn bà hiện ra ở khung cửa sổ của gác ba, mồm kêu thất thanh, và đưa chân trèo qua lan can bằng sắt và vướng vào đó, gần như bị treo lơ lửng trên không, lưng còng xuống dưới những đợt khói và lửa cứ đổ xuống lướt sát qua đầu.

"Đám đông kêu lên một tiếng hãi hùng. Những người lính cứu hỏa lúc này bị những người ở thuê gác hai giữ lại nhầm vì quá khiếp sợ, đã phá đổ một bức tường và đang lao vào một căn buồng, thì hàng trăm tiếng ở dưới thét lên bảo. "Ở gác ba! gác ba kia!"

"Họ lao như bay lên tầng trên. Ở đấy tiếng nổ ầm ầm như sấm. Những xà nhà đổ xuống; những hành lang bốc cháy khói tỏa tràn lan. Muốn vào được cái buồng đang có những người ẩn thì chẳng còn cách nào khác là trèo lên mái nhà rồi chui vào. Những người lính cứu hỏa liền vút lên; và chỉ sau một phút, đã thấy có người, chẳng khác gì một "con ma" đen ngòm nhảy lên mái

nhà, băng qua đám khói. Đó là người hạ sĩ đội cứu hỏa, đã lên đầu tiên. Nhưng muốn đến chỗ mái nhà có gian buồng đang bị cháy ở dưới, thì phải đi qua một lối hẹp, giữa một cái cửa sổ của mái nhà với cái máng nước. Tất cả những gì còn lại đều đang bốc cháy, và cái lối đi chật hẹp này phủ đầy tuyết và băng, không có lấy một điểm tựa cho khỏi tuột!

"Đám đông đứng bên dưới xôn xao: "Chịu, không thể sang được!"

"Người hạ sĩ tiến lên, bước sát mép mái nhà. Tất cả mọi người ngước nhìn, hồi hộp, không dám thở.

"Ông ta vượt qua được. Tiếng hoan hô vang trời vút lên.

"Người hạ sĩ lại tiếp tục chạy, và đến chỗ đang bị đe dọa thì lấy rìu bổ mạnh vào ngói, chặt đứt những rui, xà để mở lối chui xuống gác ba. Trong lúc đó, người đàn bà vẫn bị treo ra phía ngoài cửa sổ; ngọn lửa đã liếm gần đến đầu, chỉ một phút nữa thôi là sẽ bị lao vào khoảng không. Lối thông ở mái đã mở xong, người hạ sĩ mở thắt lưng để dòng mình xuống; những người lính cứu hỏa khác cũng xuống theo bằng cách ấy…

"Vừa lúc đó, người ta mang được một cái thang cấp cứu rất dài đến, đem tựa vào hiên-bụng-rắn phía dưới cái cửa sổ đang có nhiều ngọn lửa bốc ra, và những tiếng kêu la dữ dội vang ra. Ai cũng cho rằng đã muộn rồi, những người khốn khổ đều bị thiêu sống hết. Người ta nói: "Lính cứu hỏa cũng bị thiêu. Thôi hết rồi. Họ đã chết cả rồi!"

"Bỗng nhiên người ta thấy hiện ra ở cửa sổ có bao lơn khuôn mặt đen sì của người hạ sĩ, ánh lửa chiếu sáng rực. Người đàn bà đã bám vào cổ ông ta, ông ta ôm ngang người bà và kéo vào trong nhà.

"Đám đông thét lên một tiếng, ắt hẳn tiếng ầm ầm của đám cháy trong một phút. "Thế còn những người kia đâu?… Làm sao mà xuống được?…" Cái thang tựa vào một cửa sổ cao, cách xa cái hiên-bụng-rắn quá.

"Trong lúc mọi người đang bàn tán như vậy thì lại một người lính cứu hỏa hiện ra ở một cửa sổ, đặt một chân xuống hiên-bụng-rắn và chân kia vào cái thang rồi cứ đứng như thế giữa ngôi nhà với cái thang mà lần lượt đỡ những người ở thuê trong nhà do những người lính khác chuyển ra, rồi trao xuống cho những người lính khác từ dưới đường leo lên chiếc thang để đón. Đón được người nào là họ tụt xuống với gánh nặng quý báu ấy.

"Người ta thấy xuống đầu tiên là người đàn bà đã bị treo ở bao lơn, tiếp đến là một em bé gái, một người đàn bà khác, một cụ già…

"Tất cả mọi người đều vô sự. Cụ già được mang xuống xong thì những người lính cứu hỏa ở trong nhà cũng xuống, người xuống sau cùng là ông hạ

sĩ đã leo lên gác trước tiên. Quần chúng đón tất cả cùng người lính cứu hỏa bằng những tràng hoan hô vang như sấm dậy. Nhưng khi thấy người cuối cùng hiện ra, người tiên phong của những người cứu hỏa, người đã đương đầu "với vực thẳm để nêu gương cho đồng đội, người chắc sẽ chết nếu như trong đội phải có một người chết, thì quần chúng chào đón như một người thắng trận trở về, hét lên và giơ tay lên trong một mối nhiệt tình khâm phục và biết ơn.

"Chỉ trong khoảnh khắc, cái tên không ai biết đến của người hạ sĩ ấy: Giuseppe Robbino đã truyền nhanh từ miệng người này đến miệng người khác.

"Đấy, lòng can đảm là như thế đấy, Enrico ạ! Can đảm của trái tim, không lý lẽ dông dài, không suy tính lôi thôi, cứ đi thẳng đến nơi nào có tiếng kêu tuyệt vọng!

"Hôm nào đó, bố sẽ dẫn đi xem diễn tập của lính cứu hỏa, và sẽ chỉ cho con thấy hạ sĩ Robbino. Chắc con rất vui lòng được biết ông ta chứ".

"Nhưng này, đúng ông ta đây rồi!" Bố lại nói.

Tôi quay lại. Hai người lính cứu hỏa lúc nãy, công việc đã xong, đang qua buồng chúng tôi để ra ngoài.

Bố chỉ cho tôi cái người bé nhỏ, đeo lon vàng và bảo tôi: "Con bắt tay hạ sĩ Robbino đi!"

Ông hạ sĩ dừng lại, mỉm cười đưa tay cho tôi. Tôi bắt tay chặt. Rồi ông chào và đi ra.

"Hãy nhớ rằng, - bố bảo tôi, - trong số hàng nghìn bàn tay mà con sẽ bắt trong đời mình, có lẽ cũng khó có được mười bàn tay giá trị ngang bàn tay của người cứu hỏa dũng cảm này!"

Từ mạch Appennini đến mạch Andes[61]

(Truyện đọc hàng tháng)

Cách đây mấy năm, một em bé ở thành phố Genova, mười ba tuổi, con một bác công nhân đã đi sang tận châu Mỹ - đi một mình - để tìm mẹ.

Mẹ cậu ra đi hai năm về trước, sang Buenos Aires, thủ đô nước Cộng hòa Argentina, giúp việc cho một nhà giàu để trong một thời gian ngắn kiếm được ít nhiều tiền về giúp gia đình đã sa vào cảnh nghèo khổ sau nhiều nỗi bất hạnh.

Kể ra những người đàn bà can đảm đi xa như vậy, mong đạt được mục đích như vậy cũng không phải là hiếm. Sang bên ấy chỉ một ít lâu sau, nhờ tiền công rất hậu mà bên ấy người ta trả cho những người giúp việc nhà, họ đã trở về xứ sở mang theo vài nghìn đồng lira.

Người mẹ đáng thương ấy đã khóc nhiều khi chia tay với các con trai, một cậu đã mười tám tuổi và cậu kia mới mười một. Nhưng bà đã ra đi rất can đảm và lòng đầy tin tưởng. Chuyến đi đã được nhiều may mắn. Vừa chân ướt chân ráo đến Buenos Aires, nhờ một người em họ chồng, chủ một cửa hiệu nhỏ ở bên ấy đã lâu, mối manh hộ, bà đã kiếm ngay được một chỗ, lương rất khá, trong một gia đình người Argentina rất tốt. Họ đối với bà khá trọng nể. Trong một thời gian, thư từ qua lại giữa bà với gia đình được đều đặn. Nhu họ đã giao ước với nhau, người chồng gửi thư cho vợ và nhờ người em họ chuyển lại; và người vợ viết thư cho chồng cũng mang đến nhờ người em họ gửi về Genova, sau khi đã tự tay viết thêm vào vài dòng.

Mỗi tháng, bà được tám chục lira tiền công, nhưng chẳng tiêu pha chút gì cho mình cả, nên cứ ba tháng bà lại gửi về được một số tiền nhỏ; nhờ đó mà chồng, vốn là người rất lương thiện, đã dần dần trả được công nợ và khôi phục lại tiếng tăm của gia đình.

Người chồng về phần mình rất yên phận làm ăn, chỉ mong vợ chóng về, vì không có bà nhà cửa thật vắng vẻ, hiu quạnh. Cậu con út vốn rất quý mẹ thì càng ngày càng âu sầu, và thấy khó lòng kiên nhẫn mà chờ đợi được…

Qua chừng một năm, gia đình nhận được một bức thư ngắn trong đó bà nói đang ốm, rồi từ đó không nhận được tin tức gì nữa. Người ta gửi thư cho người em họ. Chẳng thấy người em họ trả lời. Người ta viết thư cho gia đình người Argentina mà người vợ giúp việc nhưng có lẽ thư không đến, vì tên họ trên phong bì đề sai; không có thư trả lời. Lo có điều bất hạnh, người ta bèn

viết thư gửi viên lãnh sự người Ý tại Buenos Aires, nhờ cho tìm giúp. Ba tháng sau, ông lãnh sự trả lời rằng, mặc dù đã cho đăng báo hỏi khắp nơi, nhưng chẳng có ai đến, hay cho biết một tin nhỏ nào. Và như thế là có lý do, vì người đàn bà Genova đã không nói đúng tên họ thật của mình với gia đình giúp việc; chắc để giữ thể diện cho người thân yêu, vì bà cho rằng đi ở là tự hạ giá. Vài tháng nữa trôi qua, vẫn không tin tức gì, người bố và hai cậu con trai lo lắng vô cùng; và cậu bé nhất càng chồng chất thêm nỗi buồn nhớ mẹ, không thể nào chịu được nữa.

Biết làm thế nào? Nhờ cậy được ai bây giờ? Ý nghĩ đầu tiên của người bố là phải đi, phải sang châu Mỹ tìm vợ. Nhưng ông ta đi vắng thì lấy ai nuôi nấng hai con? Cậu con trai lớn cũng không thể đi được, vì cậu ta mới bắt đầu kiếm được chút ít và thành ra cần thiết cho gia đình.

Trong cảnh khắc khoải đè nén ba bố con, những kẻ tội nghiệp ấy đã sống những ngày quả là buồn thảm.

Thế rồi, một buổi tối, Marco, cậu con bé, nói quả quyết rằng: “Con sẽ sang châu Mỹ tìm mẹ”.

Người cha cúi đầu không đáp. Về phía đứa con, đó là một ý nghĩ hào hiệp, nhưng làm sao mà có thể thực hiện được? Mới mười ba tuổi đi một mình sang châu Mỹ, đằng đẵng một tháng vượt đại dương.

Cậu bé thì cứ kiên nhẫn xin đi. Cậu cứ vật nài, ngày hôm ấy rồi ngày hôm sau, rồi ngày nào cũng thế, lý lẽ như một người lớn san bằng hết mọi khó khăn.

“Đã có nhiều đứa trẻ sang bên ấy - cậu nói, - và những đứa còn bé hơn con.

“Một khi con đã xuống tàu, thì con sẽ sang đến châu Mỹ như bất cứ ai! Đến nơi rồi, con chỉ việc đi tìm cái cửa hiệu của chú con. Bên ấy, có biết bao nhiêu người Ý, họ sẽ mách cho con địa chỉ. Gặp được chú rồi, tất tìm được mẹ; ví bằng không tìm thấy mẹ thì con sẽ đến ông lãnh sự, rồi tìm đến gia đình người Argentina kia. Dù có cái gì xảy ra đi nữa thì bên ấy cũng có công ăn việc làm cho mọi người. Con sẽ tìm việc làm và ít nhất cũng kiếm được đủ tiền để trở về”.

Cứ thế, dần dần cậu đã thuyết phục được bố mình. Bố vốn quý Marco, lại hiểu rằng cậu vừa khôn ngoan vừa can đảm, đã quen cảnh sống thiếu thốn và biết hy sinh; và tất cả những đức tính tốt đẹp đó sẽ tăng thêm sức mạnh cho một tấm lòng hừng hực hy vọng thiêng liêng này: tìm cho ra người mẹ yêu quý của mình.

Giữa lúc đó, bỗng có một ông thuyền trưởng, bạn của một người quen

của ông bố, nghe câu chuyện hiếu thảo ấy, tự mình đứng ra xin cho Marco một cái vé đi tàu thủy hạng ba không mất tiền, sang nước Cộng hòa Argentina.

Do dự một tí, rồi ông bố cũng đồng ý. Thế là việc ra đi được quyết định. Người ta xếp ít quần áo, đồ dùng vào chiếc va-li, đút vài đồng tiền bạc với địa chỉ của người chú họ vào túi Marco; và một buổi chiều tháng tư đẹp trời, người ta đưa cậu xuống tàu.

Ông bố đứng ở thang tàu sắp rời bến, nước mắt chảy quanh, hôn cậu lần cuối và dặn: “Marco, con yêu của bố, can đảm, con ạ! Con đi với một quyết tâm cao thượng, bố hy vọng con sẽ thành công”.

Tội nghiệp Marco! Lòng cậu đã được tôi luyện kỹ để đương đầu với những thử thách gay go nhất, thế mà khi thấy thành phố quê hương xinh đẹp khuất dưới chân trời và mình đã ở giữa biển cả mênh mông, cô độc trên chiếc tàu to lớn chở đầy những nông dân di cư chẳng quen biết một ai, chỉ có chiếc va-li nhỏ chứa tất cả vốn liếng của mình, thì bỗng nhiên cậu thấy nản lòng. Hai ngày liền, cậu ngồi bó gối đằng mũi tàu, gần như chẳng ăn uống gì, chỉ tức tối muốn khóc mà thôi. Đủ thứ ý nghĩ buồn rầu kéo qua đầu óc cậu, mà ghê gớm nhất, khó đuổi đi nhất là ý nghĩ mẹ đã chết rồi. Trong những giấc mơ nặng nề, lúc nào cũng thấy hiện ra khuôn mặt của một người lạ ghé tai cậu mà thì thầm: “Mẹ mày chết rồi”. Mỗi lần như vậy, cậu lại hốt hoảng choàng dậy và kêu lên một tiếng sợ hãi.

Tuy nhiên, khi tàu đã qua eo biển Gibraltar và đi vào Đại tây dương thì Marco lấy lại được chút can đảm và hy vọng; nhưng cũng chỉ đỡ đi được ít ngày thôi! Cảnh đại dương bao la ngày nào cũng như ngày nào, cái nóng mỗi ngày một tăng, vẻ lo buồn của tất cả những người nghèo khổ chung quanh mình, nỗi hiu quạnh của chính mình lại làm cho cậu trở lại như trước. Ngày lại ngày nối tiếp nhau, trống rỗng, đơn điệu, cứ lẫn lộn trong ký ức cậu như đối với một người đang ốm.

Cậu tưởng như mình đã ở trên mặt biển một năm nay rồi. Và mỗi buổi sáng thức dậy, cậu lại ngạc nhiên không hiểu sao mình lại ở đây, một mình giữa biển cả này, đang đi sang châu Mỹ. Những con cá chuồn xinh xinh thỉnh thoảng lại rơi xuống sàn tàu, những cảnh mặt trời lặn tuyệt vời ở nhiệt đới với những đám mây khổng lồ màu máu và lửa, ánh lân quang ban đêm như làm cho Đại tây dương thành một biển dung nham, tất cả những thứ ấy đối với cậu như không phải là thật mà chỉ là bấy nhiêu cảnh kỳ diệu trông thấy trong giấc mơ. Cũng có những ngày mưa gió, người ta phải giam mình trong phòng ngủ, trong khi mọi vật nhảy nhót và đổ vỡ giữa những tiếng đồng thanh kêu la và chửi rủa khủng khiếp. Bấy giờ cậu tưởng như giờ tận

số của mình đã điểm. Mà cuộc hành trình cứ như không bao giờ chấm dứt: biển và trời, tưởng như trời và biển, hôm nay cũng như hôm qua, cũng như ngày mai, tiếp mãi đằng đẵng, vô tận. Marco đứng tựa vào thành tàu, hết giờ này qua giờ khác, nhìn cái đại dương không bờ bến kia, bàng hoàng, mơ hồ nghĩ đến mẹ, cho đến khi đôi mắt nặng trĩu, nhắm lại vì buồn ngủ, thế là lại thấy khuôn mặt của người khách lạ kia nhìn mình, vẻ thương hại thực sự và thì thầm vào tai mình: "Mẹ mày chết rồi!" Nghe tiếng nói đó Marco giật mình tỉnh dậy, để rồi lại tiếp tục mơ màng, đôi mắt hướng về phía chân trời không thay đổi.

Cuộc hành trình kéo dài hai mươi bảy ngày! Những ngày cuối cùng là những ngày đẹp hơn cả. Trời nắng và không khí mát mẻ. Cậu bé đã làm quen được với một cụ già phúc hậu người Lombard sang châu Mỹ tìm người con trai làm ruộng, gần thành phố Rosario. Marco đã kể hết việc mình cho ông cụ nghe và cụ thì cứ chốc chốc lại đặt tay lên gáy cậu mà nhắc đi nhắc lại: "Can đảm lên, cháu ạ, thế nào cũng tìm được mẹ cháu, khỏe mạnh và hài lòng".

Ở cạnh cụ già phúc hậu, Marco thấy yên tâm; những điều tiên cảm lo buồn của cậu đã trở thành vui. Ngồi phía mũi tàu, dưới vòm trời đẹp đầy sao, cạnh cụ già nông dân ngậm cái tẩu, giữa một đám người di cư đang hát, cậu tưởng tượng ra cảnh mình đến Buenos Aires. Cậu thấy mình đến một phố nào đấy tìm cái cửa hiệu của người chú họ, rồi chạy đến trước mặt chú: "Chú ơi, mẹ cháu có khỏe không? Mẹ cháu đâu? Đến gặp mẹ cháu ngay đi!"

Rồi hai chú cháu dắt nhau chạy lên cầu thang… Một cánh cửa mở ra…

Đến đây thì mơ tưởng ngừng lại, trí tưởng tượng của cậu tan vào trong một cảm giác dịu dàng không tài nào tả nổi! Ngày thứ hai mươi bảy, từ khi đi ở Genova, tàu đến Buenos Aires. Một buổi rạng đông tháng năm rực rỡ làm cho nền trời đỏ lên[62] như bốc cháy, tàu thả neo giữa dòng sông La Plata rộng mênh mông; trải dài trên một bờ sông là thủ đô của nước Cộng hòa Argentina. Tiết trời rực rỡ đó đối với Marco dường như một điềm lành. Cậu vui sướng và sốt ruột muốn điên lên. Cách mẹ chỉ một quãng mà thôi! Trong vài tiếng đồng hồ nữa cậu sẽ gặp mẹ và cậu ở trên đất châu Mỹ, ở Tân thế giới mà cậu đã có gan đến một mình. Chuyến đi lâu ngày và vất vả kia như đã qua nhanh tựa tia chớp. Cậu tưởng như mình bay trong giấc mơ, và khi tỉnh dậy thì đã đến bến. Marco vui sướng đến nỗi khi soát lại các túi không thấy ví tiền đâu cả, cũng chẳng hoảng hốt chút nào. May là đã chia số tiền ít ỏi của mình ra làm hai nửa, cất làm hai nơi để cho chắc là có mất cũng không đến nỗi mất sạch. Ai đã móc mất ví của cậu, và chỉ còn lại có mấy lira thôi, nhưng cần gì. Chẳng phải cậu sắp được gặp mẹ rồi hay sao?

Xách chiếc va-li, cậu cùng với những người Ý khác xuống một chiếc tàu nhỏ chạy hơi nước để vào gần bờ; đến đây cậu nhảy sang một chiếc thuyền mang tên Andrea Doria, nó đưa cậu vào bờ, chỗ buộc thuyền. Cậu bắt tay từ giã người bạn già Lombard, rồi rảo bước đi liền vào thành phố.

Đến đầu đường phố thứ nhất, cậu đón người đi qua, nhờ chỉ đường đến phố Los Artes. Người mà cậu hỏi lại chính là một công nhân người Ý. Anh ta nhìn cậu vẻ tò mò và hỏi cậu có biết đọc không.

"Có ạ", cậu trả lời.

Người thợ chỉ đường phố mà cậu vừa đi ra và nói: "Thế thì cứ đi thẳng trước mặt, đến góc phố nào cũng đọc kỹ các tên phố ghi ở đấy, rồi cuối cùng sẽ tìm thấy phố của cậu".

Cậu bé cám ơn, rồi cứ thế đi dọc đường phố thẳng trước mặt. Đó là một phố thẳng tắp, rất dài mà lại hẹp; nhà ở hai bên thấp và trắng, trông như những biệt thự nhỏ. Người và xe ngựa đi lại đông đúc ầm ầm, chỗ này chỗ kia. Những lá cờ đuôi nheo đủ màu, phấp phới, mang những chữ to báo giờ khởi hành của các tàu thủy đi những thành phố xa lạ. Cứ từng quãng độ hai chục bước quay sang bên trái, bên phải Marco đều thấy hai phố khác chạy thẳng tít tắp, người và xe đông nghịt, hai bên cũng đều những nhà thấp và trắng. Những thành phố ở châu Mỹ này đều xây dựng như thế, đường phố thẳng tắp trên đồng bằng mênh mông như đại dương.

Cậu chú ý nhìn những tên đường phố cắt ngang đường mình đi, những tên ngoại quốc phải đánh vần thật khó. Cứ gặp một đường phố mới, cậu lại hồi hộp cho rằng đây là phố mà mình tìm. Cậu chú ý nhìn tất cả những người đàn bà may ra trông thấy mẹ. Cậu thấy một bà đi trước mặt làm cậu giật mình, cậu đi vượt lên, quay lại nhìn: đó là một bà da đen. Cậu cứ đi, cứ đi, chân bước gấp.

Đến một ngã tư, cậu đọc và đứng ngây người như bị đóng đinh trên vỉa hè: đó là phố Los Artes. Cậu quay nhìn, thấy số nhà 117; cửa hiệu của người chú họ ở số nhà 175, cậu lại càng bước nhanh.

Đến số nhà 171, cậu phải dừng lại để thở và lẩm bẩm: "Mẹ ơi, mẹ ơi! Có thể nào chỉ mấy phút nữa là con sẽ trông thấy mẹ!"

Cậu chạy vội, và đến một cửa hiệu tạp hóa nhỏ, bước vào, và thấy có một người đàn bà tóc hoa râm, đeo kính.

- Cậu cần gì, cậu bé? - người đàn bà hỏi bằng tiếng Tây Ban Nha.

- Thưa bà, cậu lúng túng đáp, có phải đây là cửa hiệu của ông Francesco Merelli không ạ?

- Ông Francesco Merelli chết rồi. - người đàn bà trả lời bằng tiếng Ý.

Em bé cảm thấy như vừa bị một nhát dao đâm vào giữa ngực.

- Ông ấy chết từ bao giờ ạ?

- Ấy, mới mấy tháng nay, sau mấy chuyến thua lỗ, ông ấy bỏ thành phố ra đi, nghe đâu đến Bahia Blanca, cách đây rất xa, và vừa đến nơi thì ông ta chết. Hiệu này hiện của tôi.

Cậu bé tái mặt, rồi nói vội vàng:

"Chú Merelli biết mẹ cháu. Mẹ cháu ở đây giúp việc cho ngài Mequinez, chỉ có chú ấy mới có thể cho cháu biết chỗ mẹ cháu ở. Cháu ở tận bên nước Ý sang châu Mỹ đây tìm mẹ cháu… Chú Merelli thường chuyển thư của gia đình cháu cho mẹ cháu… Cháu phải tìm cho được mẹ cháu…"

- Khổ thân cháu, tôi chẳng biết gì cả. Tôi có thể hỏi thử cậu bé trước đây vẫn mang hàng cho ông Merelli xem. May ra cậu ấy có biết gì chăng.

Bà đi vào cuối cửa hiệu và cất tiếng gọi, một cậu bé chạy ra ngay. Bà hỏi:

- Cậu có nhớ là trước kia ông Merelli thỉnh thoảng vẫn nhờ cậu đem thư đến cho một người đàn bà đi ở, tại nhà "Những người dân bản xứ" không?

- Ở nhà senor[63] Mequinez phải không ạ! - cậu bé trả lời - Thưa bà, có ạ, cháu đến đấy luôn. Ở cuối phố Los Artes này ạ.

- Ôi! Cám ơn bạn, bạn ạ! - Marco nói như thét, - xin cho tôi biết số nhà… Bạn không biết à? Bạn có thể đưa tôi đến đấy không? Tôi vẫn còn một ít tiền đây.

Marco nói những lời ấy nhiệt thành quá, đến nỗi không chờ lệnh của chủ nhà, cậu bé kia trả lời ngay: "Nào ta đi!" rồi bước ra trước.

Đi gần như chạy, chẳng ai nói một lời, họ đến cuối con đường phố rất dài, và đứng lại trước cổng một tòa nhà trắng, chung quanh có hàng rào sắt, nhìn vào thấy một cái sân nhỏ, xếp đầy những chậu hoa.

Marco giật dây chuông. Một cô gái đi ra.

- Có phải gia đình Mequinez ở đây không chị? - cậu hỏi vẻ lo lắng.

- Trước gia đình ấy ở đây, đúng thế, - cô gái trả lời với một giọng Tây Ban Nha rất nặng; - còn nay thì chúng tôi ở, cậu ạ!

- Thế giờ gia đình Mequinez ở đâu ạ? - Marco hỏi tim đập thình thình.

- Họ đã đi Cordova rồi.

- Cordova! - Marco kêu lên. - Cordova là chỗ nào? Thế còn người đàn bà giúp việc cho họ? Mẹ tôi mà! Người ấy là mẹ tôi đấy! Họ có đưa mẹ tôi đi theo không?

Cô gái nhìn cậu, rồi trả lời: "Tôi không rõ việc ấy. Có thể bố tôi biết; bố tôi có gặp họ lúc họ ra đi. Chờ một lát nhá".

Cô gái chạy vào và chỉ một lát là trở ra, theo sau là bố cô ta, một người cao lớn, bộ râu đã hoa râm. Ông nhìn kỹ cái cậu thủy thủ Genova bé nhỏ đáng yêu có mái tóc bạch kim và sống mũi khoằm ấy, rồi hỏi bằng tiếng Ý nói không sõi:

"Mẹ cháu là người Genova phải không?"

- Vâng ạ, - Marco trả lời.

- Vậy thì người đàn bà Genova ấy đi với gia đình Mequinez, chắc chắn như vậy.

- Thế họ đi đâu ạ?

- Đi Cordova.

Cậu bé thở dài, nhẫn nhục nói: "Vậy, cháu sẽ đi Cordova".

- *Ah! pobre niño!*[64] - cụ già Tây Ban Nha thốt lên vẻ thương hại. - Cordova cách đây những một trăm dặm[65] đường!

Marco mặt nhợt nhạt như người chết, đứng không vững phải tựa vào hàng rào.

Người *senor* già xúc động nói: "Này, này, cháu vào trong này một lát đã, xem có thể giúp cháu được chút gì không nào!"

Cụ đưa Marco vào nhà, kéo ghế bảo ngồi và mời cậu kể rõ việc mình. Cụ nghe cậu kể rất chăm chú, suy nghĩ một lúc, bỗng nói quả quyết: "Cháu không có tiền, phải không nào?"

- Cháu cũng còn… rất ít thôi ạ, - Marco trả lời lúng túng.

Người *senor* nghĩ một lúc, rồi ngồi vào bàn giấy, viết một bức thư, bỏ vào phong bì dán lại, đưa cho Marco và bảo: "Nào cậu bé người Ý, nghe đây nhá, mang bức thư này đến La Boca[66] một thị trấn nhỏ mà đến một nửa dân số là người Genova, không xa đây lắm, đi độ hai giờ là cùng. Hỏi ai họ cũng có thể chỉ đường cho. Đến nơi, cháu tìm nhà senor mà ta đề tên đây,

trao thư này cho ông ta. Ông ta thì ai cũng biết, khác nào con chó sói lông trắng, và ông ta sẽ giúp cháu đi đến Rosario, và sẽ gửi cháu cho một người nào ở đó để giúp cháu tiếp tục đi đến tận Cordova. Đến Cordova cháu sẽ gặp gia đình Mequinez và chắc là cả mẹ cháu nữa. Giờ thì, cháu hãy cầm tạm cái này…"

Cụ đặt vào tay cậu mấy đồng bạc.

- Thôi, cháu đi đi, và can đảm lên. Ở đấy, cháu sẽ gặp người đồng hương của cháu nhiều lắm. Đâu cũng có, họ không bỏ mặc cháu đâu. *Adios!*[67]

Marco lắp bắp hai tiếng cám ơn, không biết nói gì khác nữa. Cậu xách va-li đi ra, từ biệt người bạn dẫn đường, rồi thong thả đi qua thành phố lớn lao ồn ào ấy theo con đường đến La Boca…

Tất cả những gì đã xảy ra cho cậu lúc ấy cho đến tối hôm sau chỉ còn là mơ hồ trong trí nhớ của cậu, như một giấc ác mộng của người lên cơn sốt, vì cậu quá mệt và nản.

Sau một đêm ngủ lại một phòng quán trọ nhỏ ở La Boca, bên cạnh một bác công nhân bốc vác ở cảng, và một ngày ngồi trên đống gỗ làm xà nhà, dở ngủ dở thức, nhìn hàng nghìn tàu, thuyền, tàu kéo, và lúc chạng vạng ngày hôm sau, cậu được xuống một chiếc thuyền buồm lớn và ngồi vào khoang sau, chở đầy rau quả đi Rosario, do ba chàng trai lực lưỡng người xứ Genova da rám nắng đưa đi. Nghe giọng nói của những người đồng hương nói thổ ngữ thân yêu của nơi chôn nhau cắt rốn, lòng cậu cũng được đôi chút an ủi.

Thuyền nhổ neo. Chuyến đi mất ba ngày, bốn đêm, đã đem lại cho người khách bé nhỏ tội nghiệp bao nhiêu điều ngạc nhiên. Ba ngày bốn đêm trên dòng sông tuyệt đẹp này, sông Parana, mà bên cạnh thì sông Po chỉ là một con suối; nó dài gấp hơn bốn lần bề dài của toàn nước Ý[68]. Chiếc thuyền lớn đi chầm chậm ngược dòng, phải chống chọi với khối nước to lớn ấy, đi sát những hòn đảo trồng đầy cam và liễu, trông như những cánh rừng nổi, làm hang lỗ cho rắn và cọp[69]… Xa nữa, thuyền vào lòng lạch hẹp, dài, tưởng chừng không thể nào ra khỏi, nhưng lại dẫn đến những khúc sông rộng mênh mông trông như những biển hồ yên lặng. Rồi lại những hòn đảo, những lạch hẹp giữa một quần đảo bát ngát, cây cối um tùm. Bốn bề vắng lặng như tờ, đôi bờ và dòng nước quạnh hiu này làm cho người ta có ý nghĩ rằng đây là một con sông không ai biết, mà đây là con thuyền đầu tiên đang phiêu du trên mặt nước này. Thuyền càng đi, con sông kỳ quái này càng làm cho Marco hoảng! Cậu tưởng như mẹ ở mãi tận nguồn sông, phải ngược lên

hàng năm trời mới tới được. Mỗi ngày hai bận người khách nhỏ ăn một ít bánh mì và thịt muối với các thủy thủ; họ thấy cậu buồn cũng không hề trò chuyện gì với cậu cả.

Ban đêm, chốc chốc Marco lại thức giấc vì ánh trăng trong vắt chiếu vào mắt cậu, ánh trăng như bạc trên mặt nước bao la, và những bãi bờ xa tắp. Thế là lòng cậu thắt lại. "Cordova!" cậu nhắc đi, nhắc lại cái tên đó như tên của một trong những thành phố huyền bí trong các chuyện thần tiên.

Rồi cậu lại nghĩ rằng "mẹ mình đã đi qua đây, mẹ đã nhìn thấy những hòn đảo này, mẹ đã nhìn thấy những bờ sông này…"

Và thế là nước non xa lạ đối với cậu hình như bớt phần quạnh quẽ, vì mẹ cũng đã từng nhìn thấy. Đêm cuối cùng, một thủy thủ cất tiếng hát. Đó là một bài mà mẹ đã từng hát để ru cậu thuở còn bé. Vừa nghe Marco đã thổn thức khóc. Người thủy thủ liền im bặt, đoạn nói to: "Ấy can đảm lên chứ, *figioeu*[70]! Quái thật! Một người xứ Genova mà khóc vì xa nhà, thôi đi! Người Genova đi quanh thế giới, vinh quang và chiến thắng…"[71]

Nghe nói thế, Marco sực tỉnh, cảm thấy như đang nghe tiếng nói của dòng máu Genova, cậu ngửng đầu lên, hãnh diện nắm tay đập cái cần bánh lái và nói: " Tôi cũng vậy, dù có phải đi vòng quanh trái đất, đi năm này qua năm khác nữa, và phải đi bộ hàng trăm dặm đường nữa, tôi vẫn cứ phía trước mà đi, cho kỳ đến khi gặp lại mẹ. Dù đến nơi gần chết, rồi tắt thở dưới chân mẹ, chỉ mong được thấy mẹ một lần nữa là tôi vui lòng!"

Như thế cậu có thêm sức mạnh, và một buổi sáng đẹp trời thì đến Rosario, thành phố nằm trên bờ cao của sông Parana, có cờ của hàng trăm chiếc tàu đủ mọi nước soi bóng xuống dòng sông.

Vừa bước lên bờ, cậu liền xách va-li đi vào thành phố tìm ông senor người Argentina, để đưa tấm thiếp của người bảo trợ ở La Boca gửi với mấy lời giới thiệu cậu. Vào Rosario, Marco như gặp lại một thành phố quen thuộc; cũng những đường phố dài vô tận, thẳng tắp hai bên là những nhà thấp và trắng, trên các mái nhà, dây điện tín từng băng lớn giăng chằng chịt như những mạng nhện khổng lồ. Rồi lại những dòng người, ngựa, xe ngược xuôi tấp nập[72]. Đầu óc Marco rối cả lên, tưởng như lại trở vào Buenos Aires mà mấy hôm trước cậu đã vào tìm người chú họ. Cậu hết rẽ sang phải lại rẽ sang trái, đã gần một tiếng đồng hồ mà cứ tưởng như vẫn ở nguyên đường phố cũ. Hỏi mãi, rồi cũng tìm được nhà người bảo trợ mới. Cậu kéo chuông. Một người đàn ông to lớn, tóc vàng dáng cục mịch, có vẻ một người quản gia, hiện ra ở cổng và cộc lốc hỏi cậu muốn gì. Cậu nói tên ông chủ và

xin gặp.

“Ông chủ à? - người quản gia nói, - đã đi Buenos Aires từ hôm qua cùng cả gia đình rồi”.

Cậu bé tội nghiệp lặng đi vì bất ngờ, rồi mới ấp úng.

“Nhưng cháu… cháu chẳng quen ai ở đây cả. Cháu chỉ có một mình”, rồi cậu đưa tấm thiếp ra.

Người quản gia cầm lấy, đọc, rồi gắt hỏi: “Vậy làm thế nào được? Chủ về, ta sẽ đưa lại cái này, một tháng nữa mới về”.

- Nhưng cháu chỉ có một mình ở đây thôi! Cháu cần được ông ấy giúp đỡ - cậu kêu lên giọng run run, sắp khóc.

- Thôi, bước đi, - người kia nói. - đã chẳng thiếu gì những đứa cùng quê quán với mày ở Rosario này rồi! Trở về mà ăn mày bên nước Ý đi[73].

Lão quản gia đóng cổng lại và cậu bé đứng lặng đấy như hóa đá. Rồi cậu lại xách va-li bước đi, lòng khắc khoải, muôn nghìn ý nghĩ quay cuồng trong đầu óc.

Làm gì bây giờ? Đi đâu bây giờ? Từ Rosario đến Cordova phải một ngày đường bằng xe lửa. Trong túi Marco chỉ còn có vài lira, trừ tiền chi tiêu cho những khoản cần thiết ngày hôm ấy đi thì gần như chẳng còn gì hết. Lấy tiền đâu ra để đi đường? Cậu có thể đi làm… nhưng bằng cách nào? Biết tìm việc ở đâu? Ngửa tay ăn xin ư? À, không thể được. Để cho người ta hắt hủi, chửi rủa, làm nhục như lão quản gia vừa rồi, không bao giờ có thể như thế được, thà chết còn hơn.

Nghĩ thế rồi lại thấy con đường dài trước mặt, cứ mất hút vào đồng bằng vô tận, lần nữa cậu lại thấy mất hết can đảm. Cậu đặt mạnh chiếc va-li xuống vỉa hè, ngồi lên trên, vai tựa vào tường, hai tay ôm mặt, không khóc, nhưng đau khổ quá chừng.

Nhiều người qua lại vội vàng vấp vào cậu, những chiếc xe chở hàng lăn bánh ầm ầm, bọn trẻ con dừng lại nhìn cậu. Và Marco vẫn ở đấy, thảng thốt và chán nản.

Bỗng cậu sực tỉnh khỏi cơn mê vì nghe ai hỏi mình, nửa tiếng Ý nửa tiếng Lombard[74] “Làm sao thế, cháu?”

Marco ngước mắt lên, rồi đứng phắt dậy, kêu lên ngạc nhiên: “Kìa! Cụ ở đây à?”

Đó là cụ già người Lombard mà cậu đã làm quen trong chuyến vượt biển

từ Genova sang Buenos Aires.

Ông lão nông dân cũng ngạc nhiên không kém gì cậu bé. Không để cho cụ kịp hỏi một câu, cậu vội kể ngay những nỗi thất vọng của mình.

- Hiện cháu chẳng có một nguồn sống nào nữa. Đấy nhá, cháu phải đi làm; bác tìm hộ cháu việc gì làm để có được ít tiền. Ai cần gì, cháu làm nấy: bốc vác, quét dọn, đưa hàng, cháu sẽ vui lòng ăn bánh mì đen, miễn là có thể tìm thấy mẹ cháu! Bác rủ lòng thương giúp cho cháu việc làm để cháu có thể lên đường. Nhanh lên, bác tìm giúp cháu việc làm đi, cháu không còn có thể chịu được nữa.

- Quỷ sứ! Quỷ sứ! Ông lão nông dân vừa nói vừa nhìn quanh và đưa tay gãi gãi cằm, - gay quá sức! Làm việc à, nói nghe dễ thật đấy. Nhưng, thử xem có cách gì kiếm lấy ba chục lira ở bao nhiêu người đồng hương không đã.

Marco nhìn ông cụ, vững tâm vì chút hy vọng ấy.

- Cháu đi theo ta, - ông lão nông dân bảo.

- Đi đâu vậy? - cậu bé vừa hỏi vừa xách va-li.

- Đi theo ta.

Ông lão nông dân bước đi. Marco theo sau. Hai người đi một đoạn đường dài, không ai nói năng gì cả. Rồi ông lão Lombard dừng lại trước cửa một khách sạn mang hiệu ngôi sao với mấy chữ "Ngôi sao nước Ý".

Ghé nhìn vào bên trong, rồi ông lão nông dân quay lại nói với Marco, giọng hớn hở: "Chúng mình đến thật đúng lúc".

Hai người bước vào một gian phòng lớn; ở đấy có nhiều người ngồi trước những bàn ăn, uống rượu và nói rất to. Ông già Lombard đến cạnh cái bàn đầu tiên, và xem cách cụ già chào sáu người ngồi đấy thì cũng đủ hiểu là cụ vừa mới chia tay với họ thôi. Mặt họ đỏ gay, họ gõ gõ vào những cái cốc mà cười và hát khe khẽ.

"Này các bạn, - ông già giới thiệu Marco và cứ đứng mà nói ngay vào đề, không cần giáo đầu gì cả. - đây là một cậu bé đáng thương, đồng hương của chúng ta, đi một mình từ Genova đến Buenos Aires để tìm mẹ. Ở Buenos Aires, người ta bảo cho biết: "Mẹ cậu không có đây, mà ở Cordova". Thế là cậu đáp thuyền đến Rosario, đi mất ba ngày bốn đêm, mang theo mấy dòng chữ giới thiệu với một senor ở đây, không may ông này lại đi vắng. Cậu đưa tấm thiếp giới thiệu ra thì bị đối xử thô bạo. Cậu bé đáng thương không có lấy một đồng, đang bơ vơ tuyệt vọng, thật là một cậu bé quả cảm. Thử xem tí nào. Giữa bọn ta xem có thể kiếm chút ít mua cho cậu cái vé để cậu đi tìm

gặp mẹ cậu được không? Chúng ta đành bỏ mặc cậu như một con chó hay sao?”

- Tất nhiên là không! Không thể thế được! - Bọn người uống rượu gào lên, nắm tay đấm xuống mặt bàn. - Một người đồng hương! Này cậu bé, lại đây! Chúng tôi đây, người di cư cả đây mà! Nhìn xem cậu bé khôi ngô quá. Nào, mở túi tiền ra, các bạn!

- Cậu sang đây một mình à? Hoan hô! Thật là dũng cảm! Đừng lo, chúng tôi sẽ làm cho cậu tìm thấy mẹ…

Một người di cư cầu vào cằm cậu, một người khác đặt tay lên vai cậu, người thứ ba cất va-li cho cậu. Những người thợ ở các bàn rượu gần đấy đứng dậy và sang bên này. Câu chuyện của Marco liền truyền đi khắp gian phòng; không đầy mười phút ông già Lombard ngả mũ ra quyên, đã thu được bốn chục lira.

- Cháu thấy chưa? - ông già vừa nói vừa quay về phía cậu bé, - cháu thấy bên châu Mỹ này làm ăn như thế nào chưa?

- Này, uống mừng sức khỏe của mẹ cậu đi! - Một người di cư nói và đưa cho cậu một cốc rượu.

- Chúc sức khỏe mẹ cậu! - Những người thợ khác cũng nâng cốc lên nói.

Marco nhắc lại: “Chúc sức khỏe…”

Nhưng cậu nghẹn ngào vì vui sướng, không tài nào nói tiếp được nữa, rồi đặt cốc rượu xuống bàn, cậu nhảy lên ôm lấy cổ người bạn già của mình.

Sáng hôm sau, lúc rạng đông, Marco đã lên đường đi Cordova, mặt mày rạng rỡ và đầu óc đầy những niềm tiên cảm tốt đẹp. Tuy vậy chẳng có niềm vui nào mà có thể chống lại được những cảnh ảm đạm nào đấy của thiên nhiên.

Bầu trời mây kéo xám xịt, nặng nề; xe lửa gần như trống không, chạy qua một đồng bằng mênh mông hoang vắng. Marco ngồi một mình trong một toa xe rất dài, giống như những toa chở thương binh trong thời chiến. Cậu nhìn sang bên phải, rồi bên trái, và chỉ thấy cảnh cô liêu vô tận, xa xa mới điểm mấy cái cây lè tè, dị dạng, cằn cỗi. Cỏ thẫm màu, thưa thớt, rầu rầu làm cho đồng bằng có quang cảnh của một nghĩa trang vô tận.

Marco ngủ gà ngủ gật độ nửa giờ rồi thức dậy, lại ngắm cái cảnh đơn điệu ấy. Các ga xe lửa cũng hiu quạnh như những chiếc lều của người ẩn sĩ, và khi xe dừng lại, chẳng hề nghe một tiếng nói nào vọng lên cả. Marco tưởng như chỉ có một mình trên đoàn xe, và bị mất hút, bị bỏ rơi giữa một sa mạc.

Mỗi khi đến một ga, cậu lại tưởng rằng đó là ga cuối cùng, và sau đó là người ta đi đâu vào những đất nước bí mật và khủng khiếp của những người dã man.

Một ngọn gió lạnh táp vào mặt cậu. Lúc cho cậu xuống tàu ở Genova là vào cuối tháng tư, bố cậu không nghĩ đến việc là khi sang đến châu Mỹ thì ở đó đang mùa đông cho nên chỉ cho cậu ăn mặc như trong mùa hè. Sau mấy tiếng đồng hồ đi đường, Marco bắt đầu khổ vì lạnh. Thêm vào đấy là nỗi mệt nhọc của những ngày qua, đầy những chấn động dữ dội, những đêm mất ngủ và lo âu. Cậu thiu thiu ngủ, rồi ngủ khá lâu, và tỉnh dậy thì người lạnh thấu xương, thấy mình đang ốm. Thế là thêm một nỗi lo sợ nữa; sợ chết dọc đường, bị ném xuống đây, giữa đồng bằng thê lương, hoang phế kia, cái xác để cho chó hoang và chim ăn thịt xé ra nhai sống nuốt tươi, như những bộ xương tàn của ngựa hay của bò mà thỉnh thoảng cậu trông thấy nhưng phải quay mặt đi không dám nhìn vì kinh hãi.

Trong cảnh ngột ngạt và lo âu ấy, giữa sự vắng lặng ảm đạm của thiên nhiên ấy, trí tưởng tượng của cậu bốc lên và lạc vào những cơn mộng mị hung gở… Có chắc chắn là sẽ tìm được mẹ ở Cordova không? Nếu mẹ không có ở đây thì sao? Nếu ông senor ở Buenos Aires đã nhầm? Nếu mẹ đã chết? Với những ý nghĩ thảm đạm như vậy, cậu lại ngủ thiếp đi, nằm mê thấy mình đến Cordova giữa đêm khuya, và từ tất cả các cửa và tất cả các cửa sổ, nghe những tiếng người gào lên với mình; “Bà ấy không có ở đây! Bà ấy không có ở đây!”

Cậu giật bắn mình, tỉnh dậy và thấy ở cuối toa ba người râu rậm, trùm kín mình trong những tấm khăn nhiều màu, đang nhìn mình và thì thầm nói với nhau. Một ý nghĩ ngờ vực vụt đến trong đầu óc hoảng hốt vì ảo giác của cậu.

Có thể những kẻ kia là những tên sát nhân đang định giết cậu để cướp của?

Tâm trạng ngột ngạt, lại thêm nỗi khiếp sợ nữa. Ba người kia vẫn chăm chú nhìn cậu.

Một người đứng dậy và đi về phía cậu. Thế là, mất hết trí khôn, cậu chạy đến trước người lạ mặt, hai tay dang rộng và kêu lên: “Tôi không có gì cả, tôi chỉ là một đứa bé nghèo khổ từ bên nước Ý sang đây để tìm mẹ. Tôi chỉ có một thân một mình. Xin đừng làm hại tôi”.

Những người khách lạ biết ngay sự hiểu lầm của cậu; họ ái ngại cho cậu, tìm hết cách làm cho cậu yên tâm bằng tiếng Tây Ban Nha; và thấy cậu rét quá, hai hàm răng đánh vào nhau lập cập, họ bèn lấy khăn quàng của mình đắp cho cậu, rồi để yên cho cậu ngủ lại. Khi Marco thức dậy thì đã đến

Cordova.

À! Với một cái thở phào trút nhẹ nỗi lòng như thế nào, với sự hăm hở như thế nào cậu nhanh nhẹn lao ra khỏi toa xe, hỏi một nhân viên nhà ga nhà của kỹ sư Mequinez. Người này nói tên một ngôi nhà thờ, và cho biết nhà ở gần đấy.

Cậu bé đi. Trời đã về đêm. Cậu vào thành phố, và lại tưởng như mình đang thấy lại Rosario với những ngôi nhà thấp và trắng, chạy hai bên những đường phố dài và thẳng tắp. Nhưng ở đây ít người qua lại. Dưới ánh sáng của những ngọn đèn lồng kính thưa thớt, cậu thấy những khuôn mặt lạ lùng, màu da nửa đen nửa hơi lục, chẳng biết là màu gì, và ngửng đầu lên cậu thấy những ngôi nhà thờ kiến trúc kiểu kỳ quái đang in bóng lên nền trời, đồ sộ, đen ngòm. Thành phố tối tăm và vắng lặng, nhưng so với cái đồng bằng bát ngát và hoang vu vừa đi qua thì đối với cậu vẫn vui hơn nhiều. Một linh mục đi qua. Cậu hỏi thăm đường, tìm đến ngôi nhà thờ và cái nhà ở bên cạnh. Tay run run cậu giật chuông. Tim cậu đập liên hồi làm cậu nôn nao lên tận cổ.

Một bà già ra mở cửa, tay cầm cây đèn.

Cậu bé vẫn không nói được nên lời.

“Hỏi gì?” bà già hỏi bằng tiếng Tây Ban Nha.

- Cháu hỏi kỹ sư Mequinez - cậu nói.

Bà già khoanh hai tay lại trước ngực, lắc lư cái đầu nói: “Lại mày nữa, mày cũng hỏi kỹ sư Mequinez. Ta nghĩ là đã đến lúc thôi đi được rồi đấy! Đã ba tháng nay rồi, cứ đến làm phiền chúng ta. Chẳng nhẽ tin đăng trên báo chưa đủ hay sao? Hay là phải in giấy dán khắp các góc phố báo rằng senor Mequinez đã dời đến Tucuman mới được?”

Cậu bé thất vọng quá không nén được, cơn giận nổ ra, cậu hét:

- Thật là cái vận khốn khổ! Tôi phải chết ở ngoài đường phố không gặp được mẹ tôi sao? Tôi phát điên lên mất… Tôi muốn chấm dứt đây thôi! Nhưng cụ ạ, cụ vừa nói cái xứ ấy nhỉ? Ở tận đâu cơ? Xa hay gần à?

- Này cậu bé tội nghiệp của tôi, - bà cụ thương hại nói, - ăn thua gì. Đâu độ bốn, năm trăm dặm[75] gì đấy, từ đây đến Tucuman.

Cậu bé hai tay ôm mặt, thổn thức hỏi:

- Thế giờ biết làm thế nào?…

- Cháu muốn ta nói với cháu cái gì đây, tội nghiệp, - bà cụ lại nói, - ta có

biết gì đâu…

Bỗng một ý nghĩ chợt đến, và cụ nói tiếp:

"Này nhé, giờ ta nhớ ra rồi. Cháu phải làm ngay: rẽ về phía bên phải phố này, đến nhà thứ ba, cháu thấy một cái sân rộng. Ở đấy có một capataz, một người lái buôn, sáng mai sẽ đi Tucuman với một đoàn xe bò. Cháu đến xem ông ta có muốn cho cháu đi với không. Xin làm việc gì đấy cho ông ta, có thể ông ta cho một chỗ ngồi trong xe. Đi nhanh lên".

Cậu bé xách vội chiếc va-li, cám ơn rồi chạy đi ngay.

Hai phút sau cậu đã ở trong cái sân rộng, thắp nhiều ngọn đèn lồng, người ta đang xếp những bao lúa mì lên một chiếc xe to lớn như những chiếc xe của những người làm xiếc, mui tròn và bánh rất cao. Một người cao lớn râu dài, khoác một chiếc măng-tô kẻ ô trắng và đen, đang điều khiển công việc. Cậu bé đến gần, và giọng rụt rè, xin ông ta, nói thêm rằng cậu từ nước Ý sang tìm mẹ.

Người capataz - hay ông lái dẫn đoàn xe đi - nhìn cậu từ đầu đến chân và trả lời cụt ngủn: "Không có chỗ".

Cậu bé lại nói, giọng van xin: "Cháu có mười lăm lira, cháu xin đưa ông cả, và dọc đường có việc gì cháu cũng xin làm: xách nước, kiếm rơm, kiếm cỏ cho bò; cần gì cháu cũng xin làm hết. Chỉ một ít bánh mì cho cháu là đủ rồi. Xin ông một chỗ nhỏ trong xe, senor ạ!"

Người capataz lại nhìn cậu và trả lời bớt cộc lốc: "Không có chỗ nào cả… Vả lại chúng tôi không đi Tucuman, mà đi đến thành phố khác: Santiago del Estero. Đến một nơi nào đó chúng tôi phải bỏ cậu lại, và từ đó cậu còn phải đi bộ rất xa".

- Ôi, có đi gấp đôi cháu cũng đi! - Marco thốt lên.

- Nghĩ kỹ đi, chuyến đi những hai mươi ngày đường đấy.

- Chẳng ngại gì cả.

- Chuyến đi gian khổ đấy.

- Cháu chịu đựng được hết.

- Cậu lại phải đi có một mình.

- Cháu không sợ gì hết, miễn tìm gặp mẹ cháu. Xin ông rủ lòng thương cháu!

Người capataz cầm đèn soi vào mặt cậu bé nhìn rồi nói: "Thôi được".

Cậu hôn vào tay người capataz, ông ta nói thêm: "Đêm nay cậu ngủ

trong một chiếc xe, bốn giờ rưỡi tôi đánh thức dậy. *Buenas noches*[76]".

Sáng hôm sau, lúc bốn giờ, dưới ánh sao, đoàn xe dài ồn ào chuyển bánh. Một xe sáu con bò kéo, phía sau có rất nhiều bò đi theo để đổi phiên. Cậu bé được đánh thức dậy và cho ngồi ở một chiếc xe, trên những bao tải, và chỉ một lát là đã ngủ lại rất say.

Khi thức dậy thì đoàn xe đã đỗ lại một nơi vắng vẻ, những người peone[77] đang ngồi thành vòng tròn, quanh một đùi bê non xiên vào những chiếc giáo dài cắm xuống đất để nướng giữa trời, cạnh một đống lửa to gió thổi bập bùng. Họ cùng ăn với nhau tất cả, ngủ một giấc rồi lại đi. Cứ như thế cuộc trình tiếp tục theo giờ giấc nhất định như một cuộc hành quân. Mỗi sáng năm giờ là lên đường, chín giờ thì nghỉ, năm giờ chiều lại tiếp tục đi cho đến mười giờ đêm. Những người peone cưỡi ngựa đi cạnh các xe, và dùng những cái gậy dài có mũi sắt nhọn để thúc bò đi. Marco thì nhóm lửa, nướng thịt, cho bò ăn, lau chùi các kính đèn lồng và đi xách nước uống.

Dưới mắt cậu, miền này đến miền khác diễn qua như những ảo ảnh lộn xộn, mơ hồ: những khoảng rừng rộng, cây thấp lè tè; những xóm làng, nhà cửa thưa thớt, mặt quét vôi đỏ, tường đục lỗ châu mai; những vùng đất bao la, trước là đáy của những hồ nước mặn lớn, nay còn trắng toát những muối, chạy đến tít mù tắp. Phía nào và bao giờ cũng chỉ là tẻ ngắt của đồng bằng, của quạnh hiu và vắng lặng. Đôi khi người ta gặp hai ba người cưỡi ngựa, theo sau là một đàn ngựa chạy tự do, phi qua như cơn lốc.

Ngày nọ nối tiếp ngày kia, giống hệt nhau chẳng khác gì những ngày mà Marco đã trải qua trên mặt biển, trong một nỗi buồn không dứt. Tiết trời nắng ráo. Chỉ có điều là những người peone ngày càng khó tính, làm như thể cậu là đầy tớ của họ vậy. Vài người đối với cậu rất thô bạo, đe dọa cậu, người nào cũng bắt cậu hầu, không kể gì đến tuổi tác và sức lực của cậu. Họ bắt cậu vác những bó cỏ to tướng, sai cậu đi xách nước rất xa; và Marco mệt hết hơi, ban đêm cũng không ngủ được, vì những cái xóc dữ dội của chiếc xe làm nảy cả người và vì tiếng rít điếc tai của những bánh và trục bằng gỗ. Thế còn chưa đủ, gió lại nổi lên, một thứ bụi rất mịn, hung hung và nhờn nhờn len lỏi khắp nơi, vào cả trong quần áo, bám vào da thịt, làm cho mắt và mồm cậu bé nóng ran như bỏng, không nhìn thấy gì nữa, ép vào ngực cậu làm cho khó thở, cứ thế liên tục, không tài nào chịu nổi.

Mệt lử lại mất ngủ, bị mắng mỏ và đối xử thô bạo từ sáng đến tối, quần áo bẩn thỉu và rách rưới, cậu bé mỗi ngày một chán nản và có thể đã hết can đảm, nếu ông capataz không thỉnh thoảng nói với cậu vài lời dễ chịu. Lắm khi ngồi một mình trong một góc xe, cậu khóc, mặt úp vào chiếc va-li lúc

này chỉ còn đựng mấy mảnh áo quần rách mướp. Mỗi một buổi sáng thức dậy cậu lại càng thấy mình ốm yếu hơn và khổ sở hơn. Nhìn những đồng bằng vô tận như cái biển đất này, cậu tự nhủ: “Mình không thể sống được đến tối nay, mình sẽ chết dọc đường thôi!” Nỗi mệt nhọc và những sự đối xử độc ác cứ ngày một tăng. Một hôm cậu đi lấy nước về chậm, thừa lúc ông capataz vắng mặt, người ta hành hạ cậu, một người tát cậu và nói: “Này đớp lấy cái này! Đồ lưu manh!” Một người khác đá cậu và nói: “Cái này mang về cho mẹ mày!”

Cậu bé khốn khổ không đủ sức chịu đựng được nữa. Cậu lăn ra ốm.

Cậu nằm ba ngày liền trong xe, run cầm cập dưới chiếc chăn đơn, chẳng thấy ai hỏi han ngoài ông capataz đem nước cho uống và cầm tay bắt mạch.

Marco tưởng không thể sống được nữa. Cậu cầu mẹ một cách tuyệt vọng: “Ôi! Mẹ ơi, mẹ ơi! Con sẽ không gặp được mẹ nữa rồi! Đến cứu con với, mẹ ơi! Đến đây với con đi, con chết mất! Mẹ sẽ thấy con chết giữa đường thôi!”

Tuy vậy, nhờ sự chăm sóc của ông capataz cậu cũng khỏi. Nhưng vừa khỏi là đến cái ngày ghê gớm nhất của chuyến đi, cái ngày cậu phải tiếp tục đi một mình. Từ lúc lên đường đến nay đã hơn hai tuần lễ. Khi đến chỗ mà đường đi Tucaman tách khỏi đường đi Santiago del Estero thì ông capataz cho cậu biết là đã đến lúc họ phải chia tay nhau. Ông chỉ bảo cậu vài điều cần thiết về đường đi, buộc giúp cậu chiếc va-li lên lưng để đi cho khỏi vướng, rồi đột ngột từ biệt cậu như sợ không nén được nỗi xúc động. Cậu chỉ kịp nắm lấy tay ông mà hôn. Còn những người đã ngược đãi cậu độc ác thế, dường như cũng thấy thương hại khi để cậu phải đi một thân một mình, họ vẫy chào cậu một cái rồi tiếp tục cuộc hành trình.

Marco giơ tay chào lại, rồi đứng nhìn đoàn xe đi xa dần, cho đến lúc khuất hẳn sau những đám bụi màu đỏ. Bấy giờ cậu mới buồn rầu lững thững bước đi.

Tuy nhiên chỉ có một điều đã làm cho cậu vui lên một chút, mãi từ khi bắt đầu ra đi từ nhà, là trông thấy ở chân trời một mạch núi xanh, có những đỉnh cao và trắng, làm cậu nhớ đến mạch núi Alpi[78], và vì thế hình như đã làm cho cậu thấy gần lại với quê hương. Nhưng những núi ấy không phải là mạch Alpi, mà là mạch Andes mà người ta đã đặt tên là cột xương sống của lục địa châu Mỹ, mạch núi mênh mông chạy từ đất Lửa lên đến tận biển đóng băng của Bắc Cực, qua suốt một trăm mười độ vĩ tuyến[79].

Cái điều làm cậu dễ chịu nữa là cảm thấy bầu không khí dịu bớt, ấm lên,

vì đi lên phía bắc cậu đến gần những miền nhiệt đới.

Cách nhau những khoảng rất xa, Marco gặp những chòm nhà nhỏ với một cái quán lèo tèo, cậu ghé lại mua một ít thức ăn. Thỉnh thoảng cậu gặp những người đàn bà và trẻ em ngồi bệt xuống đất, im lặng và nghiêm trang, bộ mặt rất lạ, màu đất, đôi mắt xếch, môi chìa ra, nhìn cậu chằm chằm, và khi cậu đi xa thì quay đầu dõi theo từ từ như những người máy.

Đó là những người Anh-điêng[80].

Ngày đầu Marco cố đi cho đến lúc kiệt sức, và nằm ngủ dưới một gốc cây. Ngày thứ hai cậu đi ít hơn và cũng ít mạnh dạn hơn. Đôi giày đã thủng, hai bàn chân bị sướt da, dạ dày lép kẹp vì phải nhịn nhiều bữa. Chiều đến, cậu bắt đầu thấy sợ. Ở bên nước Ý cậu có nghe nói là ở những xứ bên này có rất nhiều rắn. Đang đi mà tưởng như nghe chúng đang trườn, cậu dừng lại, rồi tiếp tục đi, nhưng thấy gai cả tủy sống.

Đôi lúc, cậu thấy tủi thân quá chừng, vừa đi vừa khóc lặng lẽ, và tự nhủ:

"Ôi, mẹ mà biết được tình cảm của mình thế này thì mẹ sẽ khổ sở biết chừng nào!" Ý nghĩa ấy đem lại cho cậu chút ít can đảm. Rồi để quên cái sợ, cậu cố nhớ lại tất cả những gì liên quan đến mẹ: những lời nói sau cùng của mẹ khi từ giã Genova, cách mẹ đắp chăn cho cậu khi cậu đi ngủ, bao giờ cũng gần đến cằm và hồi cậu còn bé, thỉnh thoảng mẹ bế cậu trên tay và nói:

"Con đến đây với mẹ tí nào!"

Cứ thế, Marco vừa đi vừa gợi lại kỷ niệm của người mẹ thân yêu và của những ngày sống hạnh phúc. Cậu lại nghĩ một mình rằng: "Một ngày kia, con có được gặp lại mẹ không, mẹ thân yêu? Con có đến được đích trong chuyến đi này không, hở mẹ?"

Và cậu cứ đi, đi mãi giữa những loài cây cành lá lạ lùng, qua những cánh đồng mía, những đồng cỏ vô tận, và luôn luôn nhìn thấy trước mặt những núi cao xanh biếc ấy in lên nền trời trong, những chóp nhọn đồ sộ. Bốn ngày, năm ngày, rồi một tuần trôi qua. Sức cậu bé ngày một kiệt, đôi bàn chân ứa máu. Rồi, một buổi tối kia, người ta nói: "Tucuman còn cách đây năm mươi dặm".

Marco reo lên một tiếng vui mừng và rảo bước, niềm hy vọng cho cậu một sức mạnh mới. Nhưng đó chỉ là một ảo tưởng ngắn ngủi thôi. Bỗng nhiên, thân thể rã rời, cậu ngã vật xuống bên bờ một cái hố, mệt lả. Tuy vậy, tim cậu đập rộn lên vì vui mừng. Nằm trên bãi cỏ để ngủ, cậu êm đềm ngắm sao và thấy chưa bao giờ sao đẹp như hôm nay, và nghĩ rằng có thể mẹ cũng đang ngắm bầu trời lúc này, cậu thì thầm: "Mẹ ơi! Mẹ đang ở đâu? Mẹ làm

gì trong lúc này? Mẹ có nghĩ đến đứa con trai của mẹ hiện đang ở gần mẹ rồi không?”

Tội nghiệp Marco, giá cậu biết được trong lúc này mẹ đang ở trong tình trạng như thế nào thì có lẽ cậu đã có một cố gắng phi thường để tiếp tục đi nữa, đi gấp để có thể đến với mẹ sớm hơn mấy tiếng đồng hồ. Người đàn bà Genova đang ốm nằm trên giường, ở tầng dưới ngôi nhà đẹp của gia đình Mequinez. Gia đình này rất thương người giúp việc tội nghiệp và đã hết lòng chăm sóc, chạy chữa. Khi kỹ sư Mequinez rời Buenos Aires một cách đột ngột thì bà đã ốm rồi, không khí trong lành ở Cordova cũng không làm cho bà khỏi được.

Rồi không được trả lời cho nhiều thư gửi chồng và em họ chồng vì thư thất lạc cả, bà nghĩ là đã có tai họa xảy đến cho những người thân yêu rồi. Bà loay hoay không biết nên về nhà hay nên ở lại, nỗi lo ngại làm cho bệnh nặng thêm nhiều. Gần đây, bệnh có đột biến nghiêm trọng. Mười lăm ngày rồi bà nằm liệt không dậy được nữa. Để cứu sống bà, cần phải mổ.

Đúng cái lúc mà Marco cầu nguyện bà thì ông chủ và bà chủ nhà đang ở cạnh giường bà, dịu dàng hết sức khuyên bà nên quyết định cho mổ, nhưng bà khóc và nhất quyết từ chối. Tuần trước, một thầy thuốc đã từ Tucuman đến, nhưng phải về không.

“Không, ông bà kính yêu ạ, - bà nói, - tôi thấy không đủ sức chịu đựng được nữa, tôi sẽ chết dưới lưỡi dao mổ mất. Xin cứ để cho tôi thế này là hơn cả. Tôi không thiết sống nữa. Đối với tôi thế là hết rồi. Tốt nhất là tôi được chết đi trước khi có tin về những gì đã xảy ra cho gia đình tôi”.

Ông bà Mequinez vẫn nhẫn nại khuyên nhủ bà, bảo bà là nên can đảm lên, thế nào cũng sẽ được thư trả lời cho những bức thư gửi thẳng về Genova, nhưng bà nên để cho mổ, vì tình thương yêu đối với các con. Nghĩ đến các con càng làm bà thêm khắc khoải và thất vọng. Nghe nhắc đến con, bà mẹ khốn khổ chắp tay lại nức nở: “Ôi, các con tôi, các con tôi, các con tôi! Có lẽ chúng không còn trên đời này nữa! Tốt nhất là tôi cũng chết đi. Tôi xin cám ơn ông bà, ông bà rất tốt của tôi, nhưng có mổ tôi cũng không sống được đâu, tôi chắc như vậy. Xin cám ơn lòng tốt của ông bà, ông bà thân mến ạ. Mai không cần để bác sĩ đến đây làm gì nữa, tôi chỉ muốn chết thôi. Số phận của tôi là chết nơi đất khách quê người này!”

Còn ông bà chủ thì cứ cố gắng khuyên giải bà, cầm hai tay bà và khẩn khoản yêu cầu bà để cho mổ. Thế là người bệnh nhắm mắt lại, kiệt sức, mê man như chết.

Ông bà Mequinez hết lòng chạy chữa cho người mẹ tuyệt vời kia, vì cứu nguy cho gia đình mà phải đến chết, cách xa Tổ quốc mình ba nghìn dặm

đường, và chết sau khi đã chịu bao nhiêu đau đớn, một người đàn bà đáng thương, tốt bụng là thế, trung thực là thế, và bất hạnh đến thế!

Ngày hôm sau, mới sáng tinh mơ, chiếc va-li trên lưng, người còng xuống, chân khập khiễng, nhưng lòng đầy can dảm, Marco đi vào Tucuman, một trong những thành phố trẻ nhất và thịnh vượng nhất của nước Cộng hòa Argentina.

Đi trong các đường phố, Marco lại thấy bồn chồn, hồi hộp như trước đây khi đến Buenos Aires. Cậu nhìn các cửa sổ và các cửa ra vào của tất cả mọi nhà, nhìn tất cả những người đàn bà qua đường, hy vọng gặp được mẹ. Cậu muốn hỏi thăm tất cả mọi người, nhưng lại không dám đón một ai lại cả. Người ta ngoái lại nhìn đứa bé khốn khổ, quần áo rách mướp, bụi bặm đầy người, như từ rất xa đi đến. Còn cậu tìm cố tìm trong đám đông một người nào đó có vẻ thiện cảm để có thể hỏi thăm. Cậu bỗng trông thấy cái biển của một cửa hiệu mang một cái tên bằng tiếng Ý; trong cửa hiệu thấy có một người đàn ông đeo kính và hai người đàn bà.

Cậu bước chầm chậm đến, cố quả quyết hỏi:

- Thưa ông, xin ông làm ơn bảo giúp cho cháu là gia đình Mequinez ở đâu đây ạ?

- Gia đình của kỹ sư Mequinez à? - người chủ cửa hiệu hỏi lại.

- Vâng, kỹ sư Mequinez ạ, - cậu bé đáp lại, giọng nhỏ như một hơi thở.

- Gia đình Mequinez không hề ở Tacuman này.

Tiếp theo câu trả lời ấy là một tiếng thét tuyệt vọng, xé lòng người, khác nào tiếng thét của một người bị tử thương. Người chủ hiệu và hai người đàn bà đứng dậy, mấy người cũng chạy đến.

“Làm sao thế? Làm sao thế cháu? - Người chủ hiệu vừa dìu Marco vào nhà đặt ngồi xuống và nói. - Có gì mà phải tuyệt vọng, khổ quá! Gia đình Mequinez không ở đây, nhưng quanh Tucuman thôi, chỉ đi vài tiếng đồng hồ là đến”.

- Ở đâu ạ? Đâu ạ? - Marco hỏi to và vùng dậy như một người chết được sống lại.

- Cách đây khoảng mười lăm dặm, trên bờ sông Saladillo; ở đấy người ta đang xây dựng một nhà máy đường… Ở đấy có một khu nhà, trong đó có nhà kỹ sư Mequinez. Đến đấy ai cũng có thể chỉ cho cháu, và cháu sẽ đến đấy chỉ trong mấy tiếng đồng hồ thôi.

- Tôi đã đến đấy, cách đây vài tuần, - một người trẻ tuổi nói, anh ta vừa

nghe tiếng thét của Marco mà chạy đến.

Marco nhìn người đó với đôi mắt mở to, mặt tái mét và hỏi vội vàng:

- Thế chú có trông thấy người đàn bà giúp việc ông Mequinez không? Người đàn bà Ý ấy mà?

- Người Genova ấy à? Có, có thấy.

Marco nức nở như động kinh, nửa khóc, nửa cười. Bỗng cậu đứng lên, hớn hở với một quyết tâm ghê gớm: "Thế đi lối nào đây? Nhanh lên! Lối nào? Cháu đi ngay đây, chỉ giúp cháu đi đường nào?"

- Nhưng phải đi mất một ngày, - những người chung quanh nói, - cháu đang mệt lắm, cháu cần phải nghỉ đã, sáng mai hãy đi…

- Không thể được! Không thể được. - Cậu bé trả lời. - Chỉ đường cho cháu, cháu không thể chờ một phút nào nữa, dù cháu có chết dọc đường cũng đi.

Thấy cậu đã quyết, không thể nào bàn lại được, người ta không giữ nữa.

- Hãy cẩn thận khi đi đường rừng.

- Đi bình yên vô sự nhé, em bé người Ý ạ!

Một người đi với cậu ra khỏi thành phố, chỉ đường cho cậu, khuyên cậu mấy câu, rồi đứng nhìn cậu đi.

Mấy phút sau, cậu bé chân bước khập khiễng, cái va-li đeo trên lưng, đã khuất sau những rặng cây rậm rạp hai bên đường…

Đêm hôm ấy là một đêm rất kinh khủng đối với người bệnh đáng thương. Mẹ Marco bị những cơn đau tàn khốc giày vò, bật lên những tiếng kêu khủng khiếp, nói mê sảng.

Những người đàn bà trông nom đều hoảng hốt. Bà chủ chốc chốc lại đến, bối rối vô cùng. Người ta đã bắt đầu lo lắng, dù bà ta có quyết định cho mổ đi nữa, thì sáng hôm sau thầy thuốc mới đến và có thể là muộn mất rồi. Trong những lúc bà hết mê sảng, người ta mới hiểu rằng căn bệnh ghê gớm nhất của bà do cơ thể gây ra thì ít mà tinh thần gây ra thì nhiều, vì ý nghĩ của bà lúc nào cũng căng thẳng hướng về gia đình xa xôi của bà.

Rã rời như người mất hồn, bộ mặt không nhận ra được nữa, bà lấy tay bứt tóc một cách tuyệt vọng và gào lên:

"Ôi, chết ở xa xôi như thế nầy, chết mà không được thấy lại chúng! Các con tội nghiệp của tôi! Mồ côi mồ cút! Và thằng bé Marco của tôi mới bao nhiêu tuổi đầu mà tận tụy như thế, thương mẹ như thế. Thưa bà, bà không

biết thằng bé tốt đến như thế nào! Khi tôi ra đi, tôi không tài nào gỡ được hai tay nó ôm chặt lấy cổ tôi, nó khóc đến là não ruột, ai cũng cho rằng nó hiểu là không còn trông thấy mẹ nó nữa! Tội nghiệp Marco! Con đáng thương của mẹ! Ôi, giá trước khi chết, tôi được nói với chúng mấy lời vĩnh biệt! Mồ côi mẹ, tội nghiệp thằng bé, nó sẽ làm gì! Nó phải đi ăn xin, thằng Marco của tôi, ngửa tay ăn xin! Ôi! Không, tôi không muốn chết! Bác sĩ đâu! Gọi hộ bác sĩ cho tôi, đến mà mổ xẻ tôi đi, nhưng hãy cứu cho tôi sống. Tôi muốn khỏi bệnh, tôi muốn sống, ngày mai tôi sẽ ra đi! Cứu tôi với!"

Những người đàn bà chăm sóc nắm chặt đôi bàn tay, nói với bà phải hy vọng.

Thế là bà lại rơi vào cảnh tuyệt vọng có thể chết được, bà khóc lóc, hai tay vục vào đầu tóc hoa râm, rên rỉ như một đứa trẻ:

"Ôi! Genova, thành phố quê hương của tôi! Cái nhà của tôi! Tất cả mặt biển ấy… Ôi! Marco của mẹ! Marco khốn khổ của mẹ! Có ai biết giờ này nó đang ở đâu, đứa con tội nghiệp của tôi?"

Bấy giờ đã nửa đêm, và Marco tội nghiệp của bà sau nhiều tiếng đồng hồ nằm trên miệng cái hố, đang đi qua một khu rừng mênh mông, toàn những đại thụ khổng lồ, thân cây to tướng như những cột nhà thờ, tán cây đan vào nhau, ánh trăng làm cho sáng lên như tráng bạc. Trong ánh sáng lờ mờ, Marco mơ hồ trông thấy những thân cây đủ các hình dáng thẳng tắp, nghiêng nghiêng vặn vẹo, đan chéo vào nhau, vẻ kỳ quái và dữ dội, những cây bị lật nằm ngang như những cái tháp đổ, phủ kín một đám cây um tùm và hỗn độn; có những cây khác đứng sát nhau thành khóm như một bó giáo vút lên thẳng tắp hiên ngang, mũi nhọn chọc thủng cả trời; và cuối cùng thì khắp nơi chỉ một vẻ hùng vĩ trang nghiêm, một sự hỗn độn thiên nhiên đẹp một cách siêu phàm, cái cảnh tượng ghê gớm nhất và đồ sộ nhất mà cây cối trên trái đất có thể bày ra trước mắt con người.

Đi trong rừng, có lúc Marco thấy rợn người, nhưng rồi lòng cậu vững lại vì cậu lao về với mẹ. Mệt nhoài, hai bàn chân ứa máu, cậu đi một mình giữa khu rừng ghê gớm ấy, xa xa mới thấy vài cái lều có người ở; nhưng dưới những gốc cây to như thế thì trông chỉ như những tổ kiến mà thôi.

Marco không thấy mệt, và dù đi một mình cũng không thấy sợ, cảnh hùng vĩ của khu rừng làm cho tâm hồn cậu cũng mở rộng ra; việc đến gần mẹ đem cho cậu sức mạnh và lòng tự tin của một người lớn. Nhớ lại những kỷ niệm khi vượt đại dương, những ảo tưởng bị tiêu tan, những đau khổ phải chịu đựng và được chế ngự, những nỗi mệt nhọc đã trải qua, cậu thấy tự hào và ngửng cao đầu. Dòng máu của người xứ Genova cao thượng và cường tráng dồn lên tim cậu, như một cuộc múa vòng tròn tự hào và dũng cảm. Và

một điều lạ xảy đến với cậu: cho đến nay, cậu chỉ có thể gợi ra trong trí một hình ảnh mờ ảo của mẹ, hình ảnh đã phai nhạt đi một ít qua hai năm xa cách, thì nay hình ảnh đó trong sáng và rõ ràng; cậu thấy lại rất rõ khuôn mặt mẹ, và từ lâu chưa bao giờ thấy như thế, thấy lại ở ngay bên cạnh mình, nổi bật và chói lọi cậu thấy lại và nhận ra những cử động nhỏ nhất của đôi mắt mẹ, đôi môi mẹ, những cử chỉ và điệu bộ của mẹ.

Những kỷ niệm thúc đẩy cậu Marco bước nhanh, một niềm thương yêu mới lớn lên trong lóng cậu, làm chảy trên khuôn mặt cậu những dòng nước mắt dịu dàng, lặng lẽ; và qua bóng đêm cậu nói lên những lời mà lát nữa cậu sẽ thì thầm vào tai người mẹ yêu quý.

“Con đây… mẹ yêu quý, con đến đây! Con không rời mẹ nữa đâu, mẹ con ta sẽ cùng nhau trở về; trên tàu con sẽ luôn luôn ở cạnh mẹ, và không một ai có thể bắt con rời khỏi mẹ được nữa, không bao giờ, không bao giờ!”

Mải nghĩ ngợi như vậy, Marco đã trông thấy trên những ngọn cây khổng lồ, những ánh bàng bạc của vầng trăng đã tắt nhường chỗ cho những màu sáng nhẹ nhàng của buổi bình minh dang bắt đầu…

Tám giờ sáng chính hôm ấy, ông thầy thuốc ở Tucuman, một người Argentina trẻ tuổi, đã ở bên giường người bệnh, có một người phụ tá giúp việc, cố một lần cuối cùng thuyết phục người bệnh bằng lòng cho mổ. Nhưng những lời khẩn khoản của ông bác sĩ cũng như của vợ chồng người chủ, đều vô ích; người đàn bà đáng thương tự thấy mình đã yếu lắm rồi, không còn tin vào phẫu thuật nữa; bà cho rằng mổ thì thế nào cũng chết, lại còn phải chịu những cơn đau còn ghê gớm hơn những cơn đau sẽ làm mình chết.

Bác sĩ cứ nhắc lại: “Mổ chắc chắn thành công, tôi sẽ cứu sống bà, chỉ cần bà có chút can đảm thôi; nếu bà không cho thì cái chết sắp đến rồi”. Nhưng vô hiệu.

“Không, - người bệnh trả lời, giọng ngạt hơi, - tôi còn đủ can đảm để chết, nhưng không đủ để chịu đau một cách vô ích. Xin cám ơn bác sĩ, cứ để cho tôi yên lặng mà chết”.

Đến đây, bác sĩ nản lòng không cố nài nữa. Thế là người ốm quay về phía bà chủ của mình, trối trăng:

“Thưa bà, bà chủ rất tốt của tôi, - bà nói một cách khó khăn, - xin bà gửi đồ dùng của tôi và số tiền nhỏ tôi đã dành dụm được cho gia đình tôi, qua lãnh sự quán. Tôi hy vọng rằng chồng và các con tôi còn sống. Tôi cảm thấy thấy hy vọng ấy ngay trong lòng; bà làm phúc viết hộ tôi rằng… tôi luôn luôn nghĩ đến chồng, con… lúc nào cũng làm việc vì chúng nó, vì các con

tôi và cái đau lòng duy nhất của tôi là không được trông thấy lại chúng nó nữa… rằng tôi chết một cách can đảm, nhẫn nhục… khi chết tôi vẫn cầu nguyện cho chúng nó… rằng tôi gửi lại cho chồng tôi, cho đứa con lớn của tôi… đứa bé, thằng bé Marco của tôi mà tôi cứ nhớ cho đến phút cuối cùng…"

Rồi, bỗng bị xúc động mạnh, bà chắp hai tay lại kêu lên: "Ôi Marco, con của mẹ, lẽ sống của mẹ!"

Nhưng khi quay đôi mắt đẫm lệ phía bà chủ, thì không thấy bà ở đấy nữa, có người đã kín đáo mời bà ra ngoài. Bà lại đưa mắt tìm senor Mequinez, ông cũng đã biến đi đâu rồi. Chỉ còn lại có hai nữ y tá và người phụ mổ.

Người ta nghe ở buồng bên tiếng những bước chân vội vã, những tiếng thì thầm nói vội vàng, những tiếng kêu cố nén lại. Người bệnh đưa đôi mắt đã mờ, nhìn ra phía cửa, chờ đợi.

Mấy phút sau, bà thấy ông bác sĩ bước vào, vẻ mặt thật lạ lùng; rồi senor và senora[81] Mequinez, hai người cũng vậy, vẻ mặt bối rối. Cả ba người nhìn bà, thần sắc rất khác thường, nói với nhau mấy lời nho nhỏ. Người bệnh hình như nghe bác sĩ nói với bà chủ: "Tốt nhất là làm ngay lập tức". Bà không hiểu gì cả.

- Bà Josefa[82] - senora Mequinez nói với bà, giọng run run - tôi có một tin mừng mang đến cho bà. Bà hãy mở rộng cõi lòng mà đón tin mừng.

Người bệnh nhìn bà chủ chăm chú.

- Một cái tin, - bà chủ nói tiếp với giọng mỗi lúc một sôi nổi hơn, - sẽ làm cho bà hết sức vui sướng.

- Bà hãy chuẩn bị, - senora lại nói, - để gặp một người… mà bà rất thương yêu.

Bà Josefa nhổm đầu lên bằng một cử động rất nhanh, rồi hết nhìn cánh cửa ra vào đến nhìn bà chủ, đôi mắt như nảy lửa.

- Một người, - senora nói thêm, - vừa mới đến đây một cách bất ngờ…

- Ai thế! - Bà hỏi giọng ngắc ngứ như của một người đang hoảng hốt. Lát sau đó, bà thét lên một tiếng lớn, bật ngồi dậy trên giường, không nhúc nhích, đôi mắt mở rộng, hai tay ôm lấy thái dương, như đang đứng trước một sự hiển hiện siêu phàm. Marco, quần áo tả tơi, bụi bùn bê bết, đang đứng trên ngưỡng cửa. Bác sĩ đang nắm một tay giữ cậu lại.

Người ốm thét lên ba lần: “Con tôi, con tôi đây rồi!”

Marco lao đến, dang hai cánh tay gầy ra; bà ôm chặt lấy con vào lòng với cái cuồng nhiệt của một con hổ cái, phá lên cười dữ dội, chốc chốc lại nấc lên, tiếng nấc trầm trầm thăm thẳm, nhưng đôi mắt ráo hoảnh, rồi ngạt thở bà ngả mình xuống gối. Nhưng bà lại ngồi lên tức thì, và vui sướng như điên như dại, hôn như mưa lên đầu Marco.

“Làm thế nào mà con đến được tận đây? - bà hỏi. - Làm sao? Trông con lớn lên nhiều quá! Ai dẫn con đi? Con đi một mình à? Con không ốm sao? Có phải Marco của mẹ thật không? Không phải là chiêm bao chứ? Kìa, con nói đi…”

Rồi bà đổi ngay giọng một cách đột ngột: “Nhưng thôi, đừng nói gì vội, chờ một lát”.

Và quay về phía bác sĩ đang đứng, bà nói vội vàng:

“Nhanh lên, bác sĩ, tôi muốn khỏi bệnh. Tôi xin sẵn sàng, đừng để mất thì giờ. Nhớ đưa Marco ra ngoài để nó khỏi nghe thấy. Marco thân yêu, chẳng có gì đâu, ra đi con, rồi con sẽ kể chuyện mẹ nghe. Nào, hôn con thêm cái nữa… Thôi, ra đi con. Thưa bác sĩ, tôi sẵn sàng đây…”

Người ta dẫn Marco ra ngoài. Senor và senora cùng ra theo, bác sĩ và người phụ mổ đóng cửa phòng lại.

Senor Mequinez tìm cách đưa Marco đến một cái buồng cách xa đấy, nhưng không thể nào được. Cậu cứ đứng đấy, như đóng đanh xuống sàn nhà.

- Có việc gì thế, - cậu hỏi, - mẹ cháu làm sao thế? Người ta đang làm gì mẹ cháu thế?

Ông kỹ sư tìm cách dịu dàng đưa cậu đi nơi khác.

- Lại đây, bác nói cháu nghe… mẹ cháu đang ốm; phải mổ một tí, bác sẽ nói cho cháu biết tất cả việc này; nào, cháu lại đây với bác.

- Không, cháu đứng đây thôi, - cậu nói, - nói cho cháu rõ tại đây thôi.

Ông kỹ sư vừa kéo cậu đi, vừa cố làm cho cậu yên tâm, thế là cậu bắt đầu sợ, run lên.

Bỗng một tiếng thét xé tai như tiếng thét của một người bị tử thương, vang lên khắp cả ngôi nhà. Cậu bé đáp lại bằng một tiếng kêu tuyệt vọng: “Mẹ tôi chết mất rồi!”

Người thầy thuốc hiện ra ngưỡng cửa và nói:

- Không! Mẹ cậu đã được cứu sống!

Cậu bé nhìn bác sĩ một lúc, rồi chạy lại quỳ xuống ôm chầm lấy hai đầu gối ông ta, khóc nức nở và nói:

- Xin đa tạ, đa tạ bác sĩ!

Nhưng bác sĩ vội kéo cậu đứng lên và nói:

- Đứng dậy, cậu bé đáng thương và anh hùng, chính cậu là người đã cứu sống mẹ cậu!

Mùa hè

Thứ tư 24

Marco người Genova là nhân vật trẻ tuổi gần cuối cùng mà chúng ta làm quen năm nay. Chỉ còn có một nhân vật nữa để cho tháng sáu. Chỉ còn có hai bài thi hàng tháng nữa, hai mươi sáu ngày đi học, sáu ngày thứ năm và năm chủ nhật nữa. Người ta cảm thấy năm học sắp hết: cây trong vườn sum suê và nở hoa, tỏa bóng rợp xuống các dụng cụ thể dục. Học sinh mặc quần áo mùa hè. Những mái tóc tỏa xuống đôi vai đã biến mất. Tất cả các mái đầu đều cắt ngắn.

Người ta thấy những bắp chân và những cái cổ để trần, những mũ rơm đủ mọi hình dáng, những sơ mi đủ mọi màu sắc. Các cậu bé nhất đeo làm khăn quàng hay thắt lưng những dải lụa xanh, đỏ, vàng ý thích riêng của những bà mẹ, từ người giàu nhất đến người nghèo nhất, muốn trang điểm cho con mình. Nhiều cậu đến trường mà đầu trần, như đã trốn khỏi nhà vậy Vài cậu mặc bộ quần áo trắng để tập thể dục. Có một học sinh lớp cô Delcati mặc quần áo đỏ từ đầu đến chân, trông như con tôm hùm luộc. Vài cậu mặc áo quần thủy thủ. Nhưng đẹp nhất là cậu bé thợ nề, đội một chiếc mũ rơm to tướng giống như một cây nến phủ chụp đèn vậy. Coretti đã bỏ cái mũ nồi da mèo đi và đội thay vào một cái mũ lưỡi trai đi đường cũ bằng lụa xám. Votini mặc một bộ quần áo kiểu Scotland[83] may rất tốn vải. Crossi mặc áo hở ngực, Precossi xúng xính trong bộ áo làm việc của thợ rèn màu xanh. Còn Garoffi? Giờ cậu phải bỏ cái áo tơi to tướng giấu kín hàng hóa của cậu đi rồi, thì các túi căng phồng của cậu đều lộ rõ để người ta trông thấy vô khối thứ, trong ấy thấy thòi ra những bảng kê xổ số.

Học sinh đến lớp buổi sáng mang theo những bó hoa tặng cô giáo của mình. Các cô giáo cũng mặc những áo màu tươi sáng, trừ cô “nữ tu sĩ” bao giờ cũng áo đen. Cô giáo có chiếc lông chim màu đỏ vẫn đội cái mũ ấy, và cổ thắt một chiếc nơ lụa hồng, hơi nhầu và lấm vì những cái vuốt ve của đám học trò bé của cô, chúng làm cho cô cười… và bắt cô chạy. Bây giờ là mùa xơ-ri[84], mùa bươm bướm, mùa hòa nhạc ngoài trời và dạo chơi ở đồng quê. Nhiều học sinh lớp bốn đã trốn đi tắm sông để tha hồ mà vùng vẫy. Mọi người đều mong mỏi nghỉ hè. Mỗi ngày, tan học, người ta lại sốt ruột hơn và bằng lòng hơn ngày hôm trước. Điều làm tôi lo buồn là thấy Garrone để tang mẹ, và cô giáo lớp một đáng thương của tôi càng ngày càng yếu hơn, xanh hơn và ho càng to hơn. Bây giờ lưng cô còng hẳn xuống và cô chào lại tôi

cái chào sao mà buồn thế!…

Chất thơ

(thư của bố)

Thứ sáu 26

Enrico, con đã bắt đầu hiểu chất thơ của trường học rồi. Nhưng cho đến nay, con chỉ mới thấy trường học từ bên trong thôi. Nhà trường đối với con sẽ còn đẹp hơn và nên thơ hơn rất nhiều, ba mươi năm sau nữa, khi con dẫn các con con đến trường và con thấy nhà trường từ bên ngoài, như bố thấy hiện nay.

Trong khi chờ tan học, bố đi dạo ở các đường phố vắng chung quanh tòa nhà, và bố nhìn các cửa sổ ở tầng dưới chỉ có các cánh cửa chớp khép lại thôi. Từ một cửa sổ bố nghe tiếng một cô giáo nói to: "Ôi! Nét sổ của chữ t gì mà khiếp thế này! Không phải như thế đâu, con ạ. Bố con mà trông thấy thế thì sẽ bảo thế nào?"

Ở một cửa sổ bên cạnh, tiếng một thầy giáo đang học to chầm chậm: "Tôi mua năm chục mét vải, giá bốn lira rưỡi một mét, tôi bán lại…"

Xa chút nữa, tiếng cô giáo đọc to: "Thế là Pietro Micca, cái ngòi đã châm…"

Từ một lớp bên cạnh, nổi lên những tiếng trẻ rì rào chứng tỏ rằng thầy giáo đi ra ngoài một lúc. Bố đi mấy bước và nghe tiếng một em bé đang khóc, tiếng cô giáo rầy la hay dỗ dành. Từ những cửa sổ khác vọng ra những đoạn thơ, tên họ của những người nổi tiếng và nhân hậu, những châm ngôn về đạo đức, về lòng dũng cảm, về lòng yêu Tổ quốc.

Rồi tiếp đến những lúc im lặng. Bấy giờ, người ta có thể nghĩ là trường học bỏ không; hình như nó không thể nào chứa nổi bảy trăm học sinh.

Bỗng những tiếng cười vang phá tan sự im lặng, vì một thầy giáo vui tính đã nói một câu đùa…

Những người qua đường dừng chân lại nghe, và tất cả đều nhìn với một mối thiện cảm, tòa nhà đang chứa biết bao tuổi thanh xuân và biết bao niềm hy vọng ấy.

Bỗng nhiên, người ta nghe ồn ào những tiếng sách vở gấp lại, những tiếng chân bước thình thịch, tiếng ồn ào như ong vỡ tổ lan từ tầng dưới lên gác trên, như có một tin vui bất ngờ vừa truyền đến. Đó là bác gác cổng đang đi hết lớp này đến lớp khác, nhắc lại cái chữ "Finis"[85] theo lễ thức.

Nghe những tiếng ồn ấy, một đám đông đàn bà, đàn ông, thiếu nữ, thanh niên, chen chúc ở các cửa ra vào chờ đón con mình, em mình, cháu mình, trong khi các em bé xíu ra khỏi lớp đến tìm mũ của mình. Cuối cùng thì học trò xếp hàng dài đi ra, chân giậm thình thịch; và bố mẹ đón con, hỏi dồn dập: "Con có thuộc bài không? - Hôm nay có nhiều bài tập không? - Ngày mai phải học bài gì, phải làm bài gì? - Bao giờ thi hàng tháng?..."

Có những bà mẹ đáng thương, tuy không biết đọc, cũng giở vở của con ra, xem các bài tính và hỏi số điểm: "Chỉ tám thôi à? - Mười và được khen à? - Đọc bài được chín à?..."

Thế rồi họ lo ngại, họ vui mừng, họ hỏi các thầy giáo, nói về chương trình, về thi cử...

Đẹp đẽ thay, cao quý thay việc giáo dục! Và bao la biết bao điều hứa hẹn của ngành giáo dục đối với thế giới này.

Bố của con".

Cô gái câm điếc

Chúa nhật 28

Tháng năm không thể kết thúc cách nào đẹp hơn bằng việc khách đến thăm sáng hôm nay. Có tiếng chuông gọi cửa. Rồi nghe bố kêu lên giọng ngạc nhiên: “'Thế nào, anh Giorgio đấy à!”

Giorgio là người làm vườn của chúng tôi ở Chieri mà gia đình hiện đang ở Condove. Chú sang Hy Lạp và làm việc ba năm nay trong ngành đường sắt. Chú mới từ Hy Lạp đi tàu thủy về, lên bến Genova hôm qua và sáng hôm nay thì đến đây. Giorgio ôm một bọc hành lý to. Trông chú già đi một ít, nhưng vẫn vui vẻ, mặt mày linh hoạt.

Bố mời chú vào nhà, nhưng chú từ chối và hỏi luôn bố, vẻ ít nhiều lo ngại:

“Thưa ông, gia đình tôi dạo này ra sao? Cháu nhỏ Gigia của tôi ra sao?”

- Tốt lắm, tôi vừa mới gặp… - mẹ trả lời.

Chú Giorgio thở ra như nhẹ bớt nỗi lo và nói: “Ông bà thấy đấy, tôi không có đủ can đảm đến chỗ những người câm điếc mà không hỏi trước tin tức con gái tôi. Ông bà cho phép tôi gửi nhờ cái bọc này đây để chạy đến gặp cháu Gigia. Đã ba năm rồi tôi không được thấy cháu, đứa con gái đáng thương của tôi. Đã ba năm rồi, tôi không được thấy một người thân yêu nào của tôi”.

- Con hãy đi theo chú Giorgio đi, - bố nói với tôi.

- Xin lỗi, tôi còn muốn thưa với ông điều này nữa, - người làm vườn dừng lại ở đầu cầu thang và nói.

Nhưng bố ngắt lời:

- Thế công việc làm ăn ra sao?

- Thưa, cũng khá, tôi cũng mang về được ít tiền. Nhưng xin ông cho biết là con cháu vừa câm vừa điếc của tôi có chút tiến bộ gì không? Tôi để cháu ở lại khác nào một con vật nhỏ, chẳng chút hiểu biết gì cả. Tôi không tin tưởng chút nào vào những học viện cho người câm điếc ấy. Chẳng hay cháu có học được cách ra hiệu không? Nhà tôi có viết thư cho tôi rằng: “Gigia học nói và có tiến bộ”. Nhưng tôi thì tôi tự nhủ: “Nó có học nói bằng dấu hiệu thì đối với tôi có ích gì trong khi tôi chẳng hiểu gì về những dấu hiệu ấy. Chỉ những người câm điếc mới hiểu nhau thôi.” Thế ông thấy cháu Gigia nhà tôi ra thế

nào?

Bố mỉm cười và đáp:

- Tôi không nói gì với anh cả. Tự anh sẽ thấy. Anh đi đi, đi đi, đừng để mất một phút nào nữa.

Chúng tôi đi ra. Học viện cho người câm điếc ở cạnh nhà. Trong lúc đi, chú làm vườn nói với tôi, buồn hết sức: “A, tội nghiệp Gigia của tôi? Ra đời bị tật nguyền đầy đọa. Chao ôi, có bao giờ tôi được nghe nó gọi bố và nó được nghe tôi nói: “Con gái của bố”, vì không bao giờ nó nghe được cũng như nói được một lời nào! Cũng may mà có vị ân nhân tự ý giúp chúng tôi cho nó vào học viện… Nhưng phải đợi nó lên tám đã… và thế là đã ba năm rồi nó ở học viện, nó sắp lên mười một rồi đấy Cậu Enrico à, cậu bảo tôi nó có lớn không? Nó có vui không, hở cậu?”

- Chú sẽ thấy, chú sẽ thấy, - tôi trả lời và rảo bước.

- Nhưng học viện ở đâu? Nhà tôi đưa Gigia đi sau khi tôi đi rồi, tôi không biết nó ở đâu…

Trong khi chú ấy nói thì chúng tôi đến học viện, và vào phòng khách. Một người gác đến trước mặt chúng tôi.

- Tôi là bố của Gigia Voggi, - chú làm vườn nói, - tôi muốn gặp con gái tôi, nhanh lên, nhanh lên!

- Giờ các cháu đang ra chơi, để tôi đi báo cô giáo, - người gác nói.

Và bác ta đi ra.

Chú làm vườn rất bồn chồn, không thể nói năng gì nữa, mà cũng không thể ngồi yên được nữa: chú nhìn các bức tranh trên tường, nhưng chẳng thấy gì cả.

Cửa mở, một cô giáo mặc toàn màu đen bước vào, tay dắt một cô bé.

Bố và con nhìn nhau một lát, rồi cùng kêu lên một tiếng và chạy lại ôm lấy nhau. Cô bé mặc một cái áo có những sọc nhỏ trắng và đỏ, ngoài phủ cái tạp dề màu xám.

Cô ta lớn hơn tôi, cô bá lấy cổ bố mà khóc. Chú làm vườn lùi ra một bước, giương kính lên ngắm con gái mình từ đầu đến chân, miệng thở hổn hển như vừa mới chạy một thôi dài về, và kêu lên:

- Ồ! Lớn lên nhiều quá! Xinh ra nhiều quá! Ồ Gigia thân yêu, tội nghiệp của bố, con bé câm tội nghiệp của bố… Bà là cô giáo của cháu đấy à? Nhờ bà bảo giúp cháu làm một vài dấu hiệu gì, tôi sẽ học dần dần cho hiểu… bà bảo cháu làm cho tôi hiểu một điều gì đó…

Cô giáo mỉm cười và nói nhỏ với cô bé đang nhìn mình:

- Ông này là ai thế?

Thế là cô bé bằng một giọng rất lạ, khác nào giọng của một kẻ mới học nói tiếng nước ta lần đầu tiên, nhưng phát âm nghe rõ ràng, và vừa mỉm cười vừa trả lời: “Thưa cô, bố con đấy”.

Chú làm vườn lùi lại, kinh ngạc, kêu lên như người điên:

- Nó nói được! Có thể thế chăng! Có thể thế chăng! Nó nói được! Thế nào, con, con nói được à, con nói được à? Bảo cho bố biết đi!…

Chú kéo cô bé vào lòng và hôn nhiều lần vào trán con.

- Thưa bà, thế ra người câm điếc không phải nói bằng điệu bộ nữa à? Bằng những ngón tay nữa à? Thế nghĩa là thế nào?

- Không, ông Voggi ạ, - cô giáo trả lời, - không phải bằng điệu bộ, đó là phương pháp cũ. Ở đây, dạy theo phương pháp mới, phương pháp nói. Thế ông chưa biết à?

- Tôi thật chưa biết gì hết! - Chú làm vườn trả lời, dáng luống cuống. - Đã ba năm nay, tôi đi xa nước Ý. Người ta có viết thư cho tôi, nhưng tôi không hiểu. Trí tôi kém lắm, đúng thế. Ôi! Con gái của bố, thế ra bố nói con cũng hiểu được à? Con nghe được tiếng của bố à? Trả lời bố một tý, con nghe được à? Con có nghe được bố nói không?

- Không đâu, ông ạ, - cô giáo nói, - cháu không nghe được tiếng nói, vì cháu điếc, nhưng cháu hiểu ông nói gì vì nhìn môi ông mấp máy. Cháu không nghe được ông nói gì, cũng như chính mình nói gì, cháu phát âm được là do chúng tôi đã dạy, từng chữ, từng chữ một, cách dùng lồng ngực và cuống họng như thế nào để phát âm ra được một tiếng.

Chú làm vườn vẫn há hốc mồm, không hiểu. Chú vẫn chưa tin được.

- Gigia, con nói cho bố biết, - chú ghé mồm vào tai nói với con gái, - con có vui lòng thấy bố về đây không?

Chú nóng ruột chờ câu trả lời. Cô bé nhìn chú, dáng suy nghĩ, nhưng không đáp lại, bố cô thì rất băn khoăn. Cô giáo bật cười. Cô nói:

- Ông ạ, Gigia không trả lời ông được, vì không nhìn thấy môi ông cử động, ông ghé vào tai cháu mà nói cơ mà! Ông nhắc lại câu hỏi và nhìn thẳng vào mặt cháu đi.

Người bố bèn nhìn thẳng vào mặt con và nhắc lại:

- Con có vui lòng thấy bố về đây không? Rằng bố không đi nữa?

Cô bé đã chăm chú nhìn đôi môi của bố, trả lời rõ ràng:

- Vâng! Con rất vui lòng thấy bố-trở-về, và từ nay bố không bỏ-chúng-con mà đi-đâu-nữa!

Chú làm vườn lại ôm con hôn nữa, rồi để hiểu cho rõ cái việc đối với chú rất khó hiểu, chú lại hỏi con dồn dập:

- Thế mẹ con tên gì?

- An-tonia.

- Em gái con tên gì?

- A-de-laide.

- Học viện này tên gì?

- Học viện của người câm điếc.

- Hai lần mười là mấy?

- Hai-mươi.

Tôi nghĩ rằng chú làm vườn rất vui sướng thì bỗng nhiên chú bật ra khóc; nhưng mà khóc vì vui mừng.

- Ấy, - cô giáo nói vì có lẽ hiểu nhầm nguyên nhân làm chú khóc, - ông phải vui mừng chứ, sao lại khóc. Ông làm cháu nó khóc theo bây giờ…

Chú làm vườn nắm lấy tay cô giáo, hôn và nói:

- Xin cám ơn, cám ơn, trăm lần cám ơn, nghìn lần cám ơn, thưa bà thân mến ạ! Xin bà bỏ lỗi cho, vì tôi không biết nói thế nào nữa…

- Nhưng không phải Gigia chỉ biết nói mà thôi, - cô giáo nói, - cháu biết viết và biết làm tính. Cháu biết tên tất cả những đồ đạc thường dùng. Cháu cũng biết một ít lịch sử và địa lý. Hiện cháu đang học lớp sư phạm; sau khi học xong hai lớp nữa cháu sẽ có sức học khá. Ra khỏi đây, cháu sẽ có thể làm một nghề nào đấy. Chúng tôi đã đưa những người câm điếc vào làm trong các cửa hàng để phục vụ khách mua, và họ cũng làm được việc như những người khác.

Chú làm vườn lại lấy làm ngạc nhiên một lần nữa. Những ý nghĩ lẫn lộn trong óc chú. Chú nhìn con và đưa tay lên gãi trán, chú muốn được hiểu rõ thêm nữa. Cô giáo biết ý, quay sang người gác và nói:

- Anh đem vào đây một em bé lớp "dự bị".

Lát sau, người gác vào, dắt một cô bé câm điếc khoảng tám, chín tuổi, vừa mới vào học viện ít hôm.

“Cháu này, - cô giáo nói, - là một trong những cháu mà chúng tôi đang dạy những điều cơ bản đầu tiên. Ông xem người ta làm như thế nào. Tôi muốn bảo cháu nói “e”, ông chú ý đây”.

Cô giáo mở mồm, như khi người ta đọc nguyên âm e, và ra hiệu cho em bé cũng mở mồm ra như thế. Em bé làm theo. Cô giáo lại ra hiệu cho em phải phát ra thành tiếng. Em bé phát âm, nhung đáng lẽ là e em lại phát thành o.

- Không, - cô giáo nói, - không phải thế. Và nắm lấy hai bàn tay của cô học trò, cô ấn một tay vào cuống họng, một tay vào ngực mình và nhắc lại e. Nhờ hai tay mà cảm thấy được cuống họng và ngực của cô giáo đã làm như thế nào, em bé lại mở mồm và lần này phát âm e rất đúng. Cũng bằng cách như thế, giữ luôn hai bàn tay bé nhỏ trên ngực và họng mình, cô giáo làm cho em bé đọc các phụ âm c và d.

- Giờ thì ông hiểu rồi chứ? - cô giáo hỏi. Chú làm vườn đã hiểu. Nhưng giờ chú lại lấy làm lạ hơn là lúc chưa hiểu.

- Bà đã dạy nói bằng cách như vậy à? - chú vừa nhìn cô giáo vừa hỏi, sau một lát suy nghĩ. - Bà đã kiên trì để dạy nói như thế, dần dần cho từng học trò, ngày nào cũng vậy, năm này qua năm khác à? Bà thật đáng được tất cả mọi sự khen thưởng. Nhưng có sự khen thưởng nào xứng đáng để đền bù bao nhiêu sự chăm sóc, bao nhiêu công lao ấy không? Tôi biết nói gì hơn… À! Giờ thì xin bà cho tôi được gặp riêng cháu một chốc, chỉ năm phút thôi.

Và ngồi ra một góc, chú bắt đầu hỏi chuyện cô bé câm điếc, và cô trả lời, làm cho chú làm vườn cười, đôi mắt sáng lên vì sung sướng. Chú lấy hai tay vui vẻ đập vào hai đầu gối mình và nhìn con gái, sung sướng quá chừng vì được nghe những lời nói của con.

- Tôi có thể gặp để cám ơn ông viện trưởng không ạ? - chú hỏi cô giáo.

- Ông giám đốc không có đây, nhưng có một người khác mà ông có thể cám ơn được. Ở đây có lệ là mỗi em bé được giao cho một bạn lớn hơn trông nom, thay người chị hay người mẹ. Con ông được giao cho một cô gái câm điếc mười bảy tuổi, con một người thợ làm bánh mì. Cô này rất tốt với Gigia và thương cháu lắm. Từ hai năm nay, chính cô đã giúp cháu mặc quần áo, chải đầu, đã dạy cháu khâu vá, chữa lại quần áo cho cháu, luôn luôn ở cạnh cháu. Gigia, chị nuôi của cháu ở học viện tên gì?

- Dạ, tên là Cate-rina Gior-dano, - cô bé vừa mỉm cười vừa trả lời và nói thêm: “rất-là-tốt”.

Cô giáo ra hiệu cho người gác, bác ta đi ra ngoài và dẫn ngay vào một cô gái câm điếc tóc vàng, vạm vỡ, vẻ mặt cởi mở, cũng mặc áo có sọc trắng và

đỏ, ngoài quàng "tạp dề" xám. Cô gái dừng lại ở ngưỡng cửa, đỏ mặt, rồi mỉm cười và cúi đầu. Cô cao lớn như một người đàn bà, nhưng lại giống như một đứa trẻ con. Cô con chú làm vườn chạy lại, cầm tay cô ta dắt đến trước mặt bố và nói với cái giọng rất to của cô: "Ca-te-rina Gior-dano".

Chú làm vườn nắm lấy tay cô, nói: "À, Cô gái tốt bụng! Chúc cô và tất cả gia đình luôn luôn sung sướng. Đó là một người thợ ngay thật, một người bố gia đình tội nghiệp hết lòng chúc đấy, cháu ạ!"

Cô gái vuốt ve Gigia, nhưng mặt vẫn không ngẩng lên. Còn chú làm vườn thì cứ nhìn cô vẻ kính nể.

- Ông có thể đón cháu về nhà hôm nay, - cô giáo nói.

- Vâng. Tôi đưa cháu về Condove và mai sẽ đưa cháu trở lại.

Cô gái chạy đi thay quần áo.

"Thử hỏi tôi có thích đưa cháu đi không, - chú làm vườn nói tiếp. - Đã ba năm nay có trông thấy nó đâu, và nó lại nói được! Trước hết tôi dẫn cháu đi khắp thành phố Torino để cho bạn bè gặp và nghe cháu nói. Ồ, ngày hôm nay thật là đẹp! Thế này mới là một sự ngạc nhiên sung sướng! Khoác tay bố, con!"

Gigia vừa trở lại, mặc cái măng tô ngắn, đội chiếc mũ nhỏ, đưa tay khoác tay bố. Đến ngưỡng cửa, chú làm vườn nói: "Xin cám ơn tất cả mọi người. Xin cám ơn tất cả mọi người với tất cả lòng thành của tôi! Tôi sẽ trở lại để cám ơn các vị nữa".

Chú tần ngần suy nghĩ một lúc, rồi bỗng bỏ con đấy quay trở lại, tay run run như lên cơn sốt, lục lọi túi áo gi-lê và kêu lên: "Này, tôi chỉ là một thằng cha cùng khổ, nhưng tôi xin để lại cho học viện một đồng tiền vàng, một đồng mới nguyên!"

Chú đặt đồng tiền vàng lên bàn và đấm thình một cái.

Cô giáo xúc động nói: "Không, không, ông tốt quá, ông cầm lấy tiền, tôi không thể nhận được đâu. Ông cầm lấy. Việc này không phải việc của tôi. Ông sẽ trở lại khi ông viện trưởng về. Nhưng ông ấy sẽ chẳng nhận một cái gì đâu, chắc chắn như thế. Ông đã phải làm việc nhiều mới kiếm được chút ít… tội nghiệp, dù sao chúng tôi cũng biết ơn ông".

"Không, không, tôi cứ để lại đây… rồi sau… sẽ hay", chú làm vườn bướng bỉnh nói.

Nhưng cô giáo đút tiền vào túi gi-lê cho chú Giorgio, không để cho chú kịp gạt tay cô ra.

Chú đành phải chịu và cúi đầu xuống, chú gật mạnh đầu chào cô giáo và cô con gái, rồi khoác tay Gigia chạy vội ra ngoài.

Chú bảo con: “Đi, đi, con gái của bố, con bé tội nghiệp, yêu quý của bố” và cô bé kêu lên với cái giọng rất to của mình: “Ồ! Mặt trời đẹp quá!”.

THÁNG SÁU

32 độ

Thứ sáu 16

Giờ hiện đang mùa hè. Người ta đã bắt đầu thấy mệt và mất vẻ hồng hào trong những ngày xuân. Cổ và chân cứ muốn khuyu, đầu gục xuống và mắt nhắm lại. Cậu Nelli tội nghiệp khổ sở vì cái nóng, mặt mày tái mét, và đôi khi ngủ li bì, đầu gối lên cuốn vở. Garrone lần nào cũng chú ý giở một quyển sách, đặt đứng trước mặt cậu để cho thầy giáo khỏi trông thấy. Crossi thì có cái kiểu tì cái đầu tóc hung to tướng lên mặt bàn, trông kỳ quái như đầu đã rời khỏi mình. Còn Nobis thì than phiền rằng lớp học quá đông, hít hết không khí. Bây giờ đi học là phải bao nhiêu cố gắng… Ở nhà, nhìn qua cửa sổ thấy những cây to tỏa bóng mát um tùm tha hồ mà chạy nhảy, nghĩ đến việc phải đến giam mình trong lớp học tôi buồn bực, tôi điên lên được. Nhưng vì mẹ rất tốt mà tôi đã nhẫn nhục, mẹ nhìn tôi ái ngại mỗi khi tôi tan học, và khi về đến nhà, xem vở của tôi viết cứ mỗi trang là lại hỏi: “Có mệt quá không con?” Sáng ra, đánh thức tôi dậy, lúc sáu giờ, mẹ lại nói: “Can đảm lên, chẳng còn bao nhiêu ngày nữa, rồi con sẽ về nghỉ ở thôn quê.”

Và mẹ rất có lý khi nhắc cho tôi là có những đứa trẻ làm việc ngoài đồng, dưới mặt trời đổ lửa hay trên bờ cuội sỏi cháy bỏng của các sông lớn, hay trong những xưởng thuỷ tinh, mặt lúc nào cũng cúi trong cái lò lửa. Tất cả những đứa trẻ ấy phải dậy sớm hơn chúng tôi, và chẳng bao giờ được nghỉ lễ, nghỉ hè. Vậy thì phải can đảm lên! Vả lại Derossi đã nêu gương cho chúng tôi đấy, có thể nói là cậu ta không biết nóng, cũng không buồn ngủ, lúc nào cũng linh hoạt nhanh nhẹn, mùa hè cũng như mùa đông. Cậu học không biết mệt, và làm cho những người quanh mình cũng hoạt bát khác nào đã làm cho không khí chung quanh mát đi vì giọng nói của mình.

Cũng còn hai cậu học trò nữa luôn luôn tỉnh táo và chăm chú: cậu Stardi cứng đầu với tự chích vào mình để khỏi buồn ngủ, vì trời càng nóng cậu càng mệt và càng cắn chặt hai hàm răng lại, mở đôi mắt trừng trừng, tưởng như muốn vồ lấy thầy Perboni mà ăn thịt; và Garoffi, nhà kinh doanh, rất bận chế tạo những chiếc quạt giấy màu hồng, trang trí với những hình vẽ lấy ở các bao diêm, để bán cho người này, người nọ. Và can đảm nhất vẫn là cậu Coretti, cậu Coretti đáng thương ấy, dậy từ năm giờ sáng để giúp bố vác củi; đến quãng mười một giờ thì không giương được mắt lên nữa, và đầu cứ gục xuống ngực. Thế nhưng cậu cứ cố vặn vẹo người, đập vào gáy, xin phép ra ngoài để khỏa nước lạnh vào mặt; đôi khi lại bảo những người bên cạnh cấu hộ vào người. Nhưng sáng nay, không thể nào gượng được nữa, cậu đã đánh một giấc ngủ nặng như chì.

Thầy giáo gọi “Coretti”.

Cậu không nghe thấy.

Thầy Perboni hơi bực, nhắc lại “Coretti”.

Bấy giờ một bạn, nhà ở gần cậu đứng dậy thưa: “Bạn Coretti đã phải vác củi từ lúc năm giờ sáng ạ”.

Thầy giáo cứ để cho cậu ngủ, và tiếp tục giảng bài trong nửa tiếng đồng hồ. Rồi thầy nhẹ nhàng đến bàn Coretti, vỗ vào trán cậu để đánh thức cậu dậy.

Trông thấy thầy Perboni trước mặt, Coretti lùi lại, sợ hãi. Nhưng thầy ôm đầu cậu trong hai tay, hôn vào tóc cậu, và nói:

“Thầy không mắng đâu, con ạ! Giấc ngủ của con không phải là của người lười biếng, thầy biết là trước khi đến lớp, con đã phải làm lụng nhiều.”

Bố tôi

(thư của mẹ)

Thứ bảy 17

Không, chắc rằng bạn Coretti của con, cũng như Garrone, không bao giờ lại trả lời bố mình như con đã trả lời bố tối hôm qua, Enrico ạ. Sao lại có thể thế được nhỉ? Con phải hứa với mẹ rằng từ nay trở đi sẽ không thể xảy ra việc như vậy nữa. Mỗi lần mà bố con mắng và con sắp sửa càu nhàu một lời không tốt, thì con hãy nghĩ đến cái ngày, mà ngày ấy chắc chắn sẽ đến không tránh được, cái ngày mà nằm trên giường bệnh sắp chết, bố cho gọi con lại mà nói: "Enrico, bố vĩnh biệt con". Ôi, con yêu của mẹ, khi con nghe giọng nói của bố lần cuối cùng, và cả rất lâu về sau nữa, con sẽ tự hỏi làm sao mà mình có thể thiếu lễ độ với bố được! Lúc đó, con sẽ hiểu rằng bố bao giờ cũng là người bạn tốt nhất của con; rằng khi bắt buộc phải phạt con thì chính bố lại đau khổ hơn con, và không bao giờ bố làm cho con phải khóc mà không phải để chữa những thói xấu của con. Đến lúc đó, con sẽ khóc, con sẽ hối hận! Bố giấu con tất cả, trừ lòng nhân hậu và tình yêu thương. Con có biết đâu rằng có những lúc bố mệt mỏi hết sức, tưởng không còn sống được mấy ngày nữa, và những lúc đó bố có lo lắng là vì nghĩ rằng sẽ bỏ con lại một mình, không ai che chở! Biết bao nhiêu lần bị ý nghĩ buồn thảm ấy ám ảnh, bố vào buồng con lúc con đang ngủ! Bố đứng đấy nhìn con, tay cầm ngọn nến, rồi dù mệt mỏi, lại cố gắng bước ra, tiếp tục làm việc. Con lại cũng biết đâu rằng, khi trong lòng bố có những nỗi cay đắng, nỗi thất vọng như thường xảy đến cho tất cả mọi người, thì chỉ nhờ trông thấy con, nhờ sự có mặt của con mà được an ủi. Bố cần tin ở tình thương yêu nồng nhiệt của con, vì tình cảm ấy sẽ đem lại cho mình sự bình yên và lòng can đảm. Con thử nghĩ đối với bố nỗi đau đớn sẽ như thế nào khi đáng lẽ gặp ở con tình thương yêu, thì chỉ thấy vẻ lạnh nhạt và sự bất kính! Con đừng bao giờ phạm lại cái tội vô ơn bạc nghĩa khủng khiếp ấy nữa. Hãy nhớ rằng, ở đời này chẳng có gì bất diệt, và có thể sang năm, hay tháng sau, hay biết đâu ngày mai… con sẽ mất bố, trong khi con còn bé dại…

Ôi! Enrico đáng thương của mẹ, bấy giờ con sẽ thấy bao nhiêu biến đổi xảy ra chung quanh con! Cái nhà này sẽ trống trải như thế nào với mẹ tội nghiệp của con mặc toàn màu đen[86]*. Đi đi, con ạ, đi gặp ngay bố đang ở trong phòng làm việc; con hãy bước vào, nhẹ nhàng trên đầu ngón chân, áp trán con vào đầu gối bố và xin bố tha lỗi cho con.*

Mẹ của con".

Về đồng quê

Thứ hai 19

Bố rất tốt lại tha lỗi cho tôi lần này nữa, và còn cho tôi dự vào buổi về đồng quê chơi, đã bàn với bố Coretti từ hôm thứ tư. Chúng tôi ai cũng thấy cần phải thở một ít không khí trong sạch quang đãng.

Thật vui như hội. Hai giờ chiều hôm qua chúng tôi đã có mặt tại quảng trường Pháp lệnh: Derossi, Garrone, Garoffi, Precossi, Coretti con, và tôi, mang theo trái cây, xúc xích và trứng luộc. Chúng tôi có những cái bát bằng da và những chai vang trắng. Coretti đeo bên sườn cái bi-đông của bố dùng khi còn ở trong quân đội, đựng đầy vang đỏ. Còn cậu bé Precossi, mặc bộ quần áo thợ rèn, ôm chiếc bánh mì hai ki-lô. Chúng tôi đi xe ngựa công cộng ra khỏi thành phố. Rồi thế là chúng tôi chạy qua các bãi cỏ lên các ngọn đồi! Mát quá, bóng rợp, xanh um! Chúng tôi lăn trên cỏ, nhúng mặt xuống các dòng suối cho mát, nhảy qua các hàng rào!… Bố Coretti muốn đi với chúng tôi, bị tụt lại, phải đi theo sau chúng tôi khá xa, áo vét vắt vai, vừa đi vừa hút tẩu thuốc, thỉnh thoảng lại lấy tay đe chứng tôi, nhắc chúng tôi đừng làm thủng đũng quần mình. Precossi huýt sáo. Tôi chưa hề nghe cậu huýt sáo bao giờ. Coretti, lúc nào cũng nhanh nhẹn như con sơn dương, với con dao của mình đã chế tạo ra bao nhiêu thứ: những bánh xe cối xay, những cái đĩa, những ống tiêm.

Derossi hay đứng lại để nói cho chúng tôi biết tên các loài cây và các loài côn trùng. Tôi không hiểu làm thế nào mà cậu biết được tất cả những thứ ấy!… Garrone lặng lẽ ăn bánh mì, nhưng không cắn từng miếng ngon lành như trước nữa… Từ ngày mẹ cậu mất, cậu thay đổi tính tình khác hẳn, tội nghiệp Garrone. Nhưng vẫn là Garrone, luôn luôn tốt như bánh mì mà cậu rất thích ăn; khi có bạn đang lấy đà để nhảy qua một cái hố, là cậu chạy sang bờ bên kia dang tay ra đón; và Precossi vốn sợ bò, hồi bé cậu đã từng bị bò húc, thì mỗi khi có con bò đi qua là Garrone đứng ngay trước mặt cậu. Cứ thế, chúng tôi đến tận Santa Margherita, xuống dốc vừa nhảy, vừa chạy tung tăng, vừa nhào lộn.

Precossi bước qua hàng rào, bị móc toạc một miếng áo, và xấu hổ cứ đứng đấy, mảnh áo rách lủng lẳng. May có Garoffi, lúc nào cũng sẵn đinh ghim trong người, cậu đính tạm lại miếng rách, khéo đến nỗi khó nhận ra được, còn Precossi thì lí nhí theo thói quen "Xin lỗi, xin lỗi", rồi ù té chạy.

Garoffi không để mất thì giờ, cậu nhặt nhạnh đủ thứ táp nham; khi thấy viên đá nào đấy hơi óng ánh là nhặt bỏ túi, có lẽ nghĩ là đá chứa vàng hay

bạc. Và tất cả chúng tôi chạy, nhảy, leo trèo, dưới bóng râm, dưới ánh mặt trời, trên tất cả mọi địa vật, địa hình cho đến khi mệt nhoài, thở dốc, chúng tôi mới dừng lại trên đỉnh một ngọn đồi cao, ngồi cả xuống cỏ để ăn chiều. Từ đó nhìn xuống thấy một bức tranh toàn cảnh đẹp vô cùng: một đồng bằng mênh mông ở dưới chân chúng tôi, và ở đằng xa tít là mạch núi Alpi xanh biếc, đỉnh phủ tuyết.

Chúng tôi đói quá. Bánh mì vào mồm là như tan ra vậy. Bố cậu Coretti đưa cho chúng tôi những mẩu xúc xích để trên những ngọn lá bí dùng làm đĩa. Vừa ăn, chúng tôi vừa nói chuyện về các thầy giáo, các bạn hôm nay không cùng đi chơi được, về các kỳ thi. Precossi hầu như không dám ăn gì, nhưng Garrone lại chọn những miếng ngon nhất đặt vào cái "đĩa" bằng lá cho cậu và bắt cậu phải ăn. Coretti ngồi cạnh bố cậu, hai chân tréo nhau. Trông họ như hai anh em hơn là hai bố con, cả hai đều hồng hào và tươi cười để lộ những hàm răng trắng. Ông bố uống rượu thích thú lắm, vừa uống, vừa bảo chúng tôi: "Bác cần uống hơn học trò, vì đối với các cậu, rượu rất có hại!" Và, đặt một tay lên vai con mình, nói tiếp: "Các cậu yêu lấy thằng bé này, nó là bông hoa của sự ngoan ngoãn, chính tôi nói với các cậu thế đấy". Và tất cả chúng tôi đều cười, trừ Garrone. Thế rồi bác thở dài và nói: "Ôi, hôm nay tất cả các cậu là những người bạn thân nhau, nhưng vài năm nữa Bottini[87] và Derossi sẽ là luật sư hay giáo sư; còn bốn các cậu thì công nhân, chủ quán, cái quỷ gì nữa!… Và thế là… xin cáo từ tình bạn!"

- Sao thế được ạ? - Derossi trả lời, đối với cháu thì Garrone vẫn mãi mãi là Garrone, Precossi vẫn là Precossi và những bạn khác cũng thế, dù cháu có thành ra Hoàng đế của tất cả các đất Nga đi nữa!

- Hay lắm! - Bố cậu Coretti vừa nói to vừa giơ cốc lên, - thế mới là nói hay. Nắm tay tôi này, bạn thế mới tốt. Và hoan hô trường học! Trường học đã họp những người có chút ít với những người không có chút gì, làm thành một gia đình với nhau.

Tất cả chúng tôi cùng chạm cốc với bác. Trời đã chiều. Chúng tôi xuống đồi vừa chạy vừa hát, tay khoác tay xuống đến bờ sông Po, mà mặt nước đã tối sẫm lại, bên trên bay hàng đàn đom đóm.

Về đến quảng trường Pháp lệnh, chúng tôi chia tay nhau sau khi hẹn sẽ gặp lại nhau tất cả, chủ nhật tới trong buổi lễ phát phần thưởng cho học viên các lớp buổi tối.

Ngày hôm nay thật là đẹp, và tôi về đến nhà vui lòng biết mấy nếu khi bước lên thang gác tối om, tôi không gặp cô giáo cũ của tôi; cô nắm lấy hai tay tôi và nói vào tai tôi: "Vĩnh biệt Enrico, đừng quên cô nhé!"

Tôi biết là cô đang khóc. Khi tôi nói với mẹ là mới gặp cô giáo thì mẹ nói: “Tội nghiệp cô giáo quá! Mẹ lo rằng đây là lần cuối cùng cô đến thăm mẹ. Dù cô vẫn đi đây đi đó và dù cô vẫn còn lên lớp mấy ngày nay, nhưng mẹ thấy cô chẳng còn bao hơi sức nữa!”

Lễ phát phần thưởng cho công nhân

Chúa nhật 25

Như đã giao hẹn với nhau, tất cả chúng tôi đã đến nhà hát Vittorio Emanuele dự một buổi lễ phát thưởng cho những công nhân học các lớp buổi tối.

Nhà hát đông kín như hôm 14 tháng ba vậy, nhưng lần này gần hết người đến dự đều thuộc giai cấp công nhân.

Ở gian giữa là học sinh trường Đồng ca. Họ đang hát một bài tụng ca tặng những chiến sĩ đã hy sinh cho Tổ quốc, bài hát hay đến nỗi vừa hết là tất cả mọi người đều đứng dậy vỗ tay và hô: bis[88] nên đã phải hát lại lần nữa.

Tiếp ngay theo đấy những người được thưởng bắt đầu đi diễu qua trước ông thị trưởng, ông tỉnh trưởng và rất nhiều tân khách, là những người đã tặng sách, sổ tiết kiệm, văn bằng và cả huy chương.

Tôi trông thấy cậu bé thợ nề ngồi ở một góc, cạnh mẹ cậu, và xa hơn một chút là thầy hiệu trưởng của chúng tôi, và đằng sau thầy là mái tóc màu đỏ của thầy giáo lớp hai của tôi.

Chúng tôi thấy diễu qua những người được thưởng ở các trường hội họa: thợ vàng bạc, thợ chạm kim khí, thợ in đá và cả thợ mộc, thợ nề; tiếp theo là học viên các trường thương nghiệp, các trường âm nhạc, trong đó có những cô gái và những công nhân mặc lễ phục. Người ta vỗ tay mừng họ dữ quá, họ có vẻ vui sướng lắm. Sau cùng đến các học viên các trường sơ đẳng buổi tối.

Đẹp biết mấy cái cảnh họ diễu qua, những người thuộc đủ mọi nghề, ăn mặc đủ kiểu; những người đầu hai thứ tóc, những trẻ con các gia đình công nhân, những người công nhân râu đen rậm. Những người trẻ tuổi thì vui vẻ nhanh nhẹn, những người lớn tuổi có vẻ hơi lúng túng. Quần chúng vỗ tay hoan nghênh cả người trẻ lẫn người già. Nhưng không ai cười như trong buổi phát thưởng cho chúng tôi. Tất cả mọi khuôn mặt đều chăm chú và nghiêm trang.

Nhiều người được thưởng có vợ con, ngồi tầng dưới; và có những chú bé thấy bố trên sân khấu thì gọi vang lên, giơ tay chỉ theo và cười to.

Diễu qua còn có những nông dân, những người bốc vác, trong số có một người đánh giày mà bố biết, và ông tỉnh trưởng trao cho người ấy một tấm

bằng. Sau người ấy tôi thấy bước tới một ông khổng lồ mà tôi đã gặp ở đâu rồi… đó là bố cậu bé thợ nề được phần thưởng thứ nhì. Tôi nhớ lại tối hôm thấy bác ấy trên gác xép, ngồi bên giường bệnh của đứa con sắp chết, và tôi liền đưa mắt tìm cậu bé thợ nề. Tội nghiệp, cậu đang nhìn bố vẻ mặt xúc động.

Vừa lúc ấy, một tràng vỗ tay như sấm nổi lên làm tôi chú ý nhìn lên sân khấu, đang đứng đấy là một cậu bé nạo ống khói, mặt mũi đã rửa sạch, nhưng vẫn bộ quần áo màu bồ hóng. Ông thị trưởng nói với cậu, tay nắm tay cậu.

Sau cậu bé nạo ống khói đến lượt một người nấu bếp, rồi một người quét đường lên nhận huy chương.

Tôi cảm thấy trong lòng không hiểu là cái gì, như một niềm tôn kính sâu sắc, một mối thiện cảm lớn lao đối với tất cả những người lao động ấy, những chủ gia đình ấy, tôi nghĩ rằng ngoài công việc hàng ngày, họ đã phải cố gắng thêm biết bao nhiêu mới được những phần thưởng này, họ đã phải bớt đi bao nhiêu giờ ngủ mà họ rất cần, họ đã phải bắt cái bộ óc vốn ít quen học hành và hai bàn tay chai sạn trong lao động cố gắng đến ngần nào.

Trong dòng người diễu qua có một cậu thợ học việc, mặc cái áo chẽn dài của bố cho mượn, thấy rõ hai bàn tay dài quá phải vén lên, khi nhận phần thưởng.

Một vài tiếng cười vừa bật ra đã bị những tràng vỗ tay át đi. Sau cậu là một cụ già đầu hói, tóc bạc lơ thơ, những người lính pháo thủ trong số đó có mấy chú học lớp buổi tối ở khu chúng tôi, rồi những người làm thuế quan và những người lính cảnh vệ thành phố, những người canh gác các trường học cho chúng tôi.

Sau cùng, học sinh trường đồng ca hát lại bài hát yêu nước một lần nữa, lần này dạt dào, sôi nổi, đến nỗi không ai dám vỗ tay và người ta ra về, xúc động, từ từ, lặng lẽ.

Chỉ phút chốc đường phố đã đầy người. Cậu bé nạo ống khói đứng trước cửa rạp hát, tay cầm quyển sách bìa đỏ mới được thưởng, chung quanh là một số tân khách đang ân cần hỏi chuyện. Nhiều người ra về đều chào nhau: công nhân, trẻ em, vệ binh, thầy giáo. Thầy giáo lớp hai của tôi đi ra cùng với hai người lính pháo thủ. Nhưng cảm động nhất là cảnh những người vợ công nhân bế con, và các chú bé này hai bàn tay nhỏ xíu cầm tấm bằng khen của bố và chìa ra khoe một cách tự hào với người qua đường.

Cái chết của cô giáo tôi

Thứ ba 27

Trong khi chúng tôi đang ở nhà hát Vittorio Emanuele thì cô giáo tội nghiệp của tôi hấp hối. Cô mất lúc hai giờ, bảy ngày sau khi đến thăm mẹ. Thầy hiệu trưởng báo tin buồn cho chúng tôi sáng hôm qua và nói thêm:

"Những cậu nào là học trò cũ của cô đều biết lòng cô tốt biết bao nhiêu và cô yêu trẻ đến thế nào; cô là một người mẹ đối với các con đó.

"Cô không còn nữa! Một căn bệnh ghê gớm đã làm cô hao mòn từ lâu. Giá cô không phải làm việc để kiếm ăn thì cô đã có thể nghỉ chữa bệnh, và có thể khỏi bệnh được. Cô cũng có thể sống thêm vài tháng nữa nếu cô xin nghỉ phép một thời gian; nhưng cô lại không muốn xa học trò của mình, cho đến ngày mà sức cô không còn cho phép cô làm theo ý muốn được nữa. Chiều thứ bảy ngày mười bảy, cô từ biệt học trò, buồn rầu, chắc chắn rằng mình sẽ không bao giờ gặp lại họ nữa. Cô còn khuyên học trò những lời rất bổ ích, ôm hôn tất cả mọi người, rồi vừa khóc vừa chạy nhanh ra khỏi lớp. Từ nay, các con không còn thấy lại cô nữa. Các con hãy luôn luôn nhớ đến cô, các con ạ!"

Cậu Precossi là học trò cũ của cô ở lớp một, gục đầu vào bàn mà khóc. Chiều hôm qua, tan học tất cả chúng tôi đến nhà cô để đi đưa đám. Chiếc xe tang đã đỗ trước nhà và rất đông người đã đứng chờ, họ nói chuyện với nhau khe khẽ.

Thầy hiệu trưởng ở đấy cùng với các thầy giáo, cô giáo của trường, và nhiều thầy cô của nhiều khu khác mà trước kia cô đã từng dạy. Hầu hết học trò lớp cô đều đến cùng với mẹ họ. Khoảng năm chục học sinh của khu Baretti mang đến một vòng hoa lớn, và những học sinh khác thì mang những bó hoa hồng; đã có rất nhiều vòng hoa đặt trong xe tang. Một vòng hoa lớn, ghi dòng chữ "Kính viếng hương hồn cô giáo của chúng con. Học sinh lớp bốn"; dưới đó là một vòng hoa bé hơn của học sinh lớp một.

Ôi! Cô giáo đáng thương! Cô tốt biết bao nhiêu đối với tôi. Bao nhiêu năm trời, cô đã kiên nhẫn đến thế nào, chịu khó đến thế nào! Sách của cô, cô đã để lại hết cho học trò; cái lọ mực cô cho người này; bức tranh nhỏ cô cho người kia, cô cho tất cả những gì mà cô đã có trên đời.

Hai ngày trước khi chết, cô đã yêu cầu thầy hiệu trưởng đừng cho phép các học trò bé quá đi theo đám tang của cô, sợ các em khóc. Cô đã làm nhiều việc tốt, cô đã chịu đựng nhiều đau khổ và giờ cô đã mất. Cô giáo đáng

thương! Vĩnh biệt! Vĩnh biệt cô mãi mãi, cô giáo quý mến của tôi! Niềm tưởng nhớ đau buồn nhưng dịu dàng trong thời thơ ấu của tôi!

Những lời cảm ơn

Thứ tư 28

Cô giáo đáng thương của tôi muốn dạy cho hết năm học của mình, nhưng cô đã mất, ba ngày trước khi giảng hết các bài.

Ngày kia chúng tôi sẽ còn đến lớp để nghe đọc truyện hàng tháng cuối cùng nhan đề: "Một vụ đắm tàu" rồi sau đó là hết! Thứ bảy mồng 1 tháng bảy sẽ bắt đầu các bài thi. Thế là một năm học nữa đã qua, năm thứ tư đã hết[89]. Năm học đáng lẽ tốt đẹp, nếu không có cái chết của cô giáo đáng thương của tôi.

Khi tôi nhớ lại những điều hiểu biết của mình hồi tháng mười năm ngoái thì tôi thấy là đã hiểu biết hơn lên nhiều lắm: tôi đã có được biết bao nhiêu điều mới lạ trong trí nhớ! Những điều suy nghĩ, tôi đã biết viết và nói ra tốt hơn nhiều. Tôi có thể giúp cho những người lớn hơn tôi trong việc tính toán sổ sách hay trong công việc làm ăn của họ. Bây giờ tôi thấy hiểu kỹ hơn tất cả những gì tôi đọc… Thế nhưng biết bao nhiêu người đã thúc đẩy tôi học tập; người bằng cách này, người bằng cách khác! Hôm nay, tôi xin cám ơn tất cả mọi người… Trước hết, tôi cám ơn thầy giáo kính yêu, thầy rất thương yêu tôi và khoan dung đối với tôi và mỗi một tiến bộ của tôi đều phải đổi bằng sự hao tổn sức khỏe của thầy…

Tôi cám ơn Derossi, bạn tốt của tôi, mà những lời giải thích hoạt bát và rõ ràng đã bao lần làm cho tôi hiểu được nhiều điều rất khó, và vượt lên những khó khăn của các buổi thi. Tôi cám ơn Stardi, trung thực và vững vàng, đã cho tôi thấy là nghị lực sắt đá sẽ làm cho người ta thành công trong mọi việc như thế nào, Garrone, người bạn tốt bụng và hào hiệp, đã làm cho tất cả những ai quen biết cũng trở nên hào hiệp và tốt bụng; và các bạn nữa, Precossi và Coretti luôn luôn đem cho tôi lòng can đảm trong những lúc phiền muộn và sự yên tĩnh trong việc học tập.

Nhưng cám ơn hơn hết là bố, bố rất tốt của con, người thầy giáo đầu tiên của con, người bạn đầu tiên của con; bố đã khuyên con bao nhiêu điều bổ ích, đã dạy cho con biết bao nhiêu thứ. Trong khi bố vì con mà làm việc, và giấu con mọi nỗi lo buồn, bố đã tìm cách làm cho việc học tập của con được dễ dàng, và đời sống của con được dễ chịu; và mẹ rất tốt của con, đã chia sẻ tất cả những nỗi buồn của con, mẹ đã học, đã làm, đã khóc vì con, phải, vì con. Con xin quỳ trước mặt mẹ như hồi con còn bé, và con xin cám ơn bố và mẹ với tất cả tình thương yêu mà bố mẹ đã truyền vào tim con, suốt trong

mười hai năm hy sinh và thương yêu ấy!

Một vụ đắm tàu

(Truyện đọc hàng tháng cuối cùng)

Cách đây mấy năm, vào một buổi sáng tháng mười hai, một chiếc tàu thủy chạy bằng hơi nước rời khỏi cảng Liverpool[90]. Trên tàu có hơn hai trăm người, kể cả sáu chục trong thủy thủ đoàn. Thuyền trưởng và hầu hết thủy thủ đều là người Anh.

Trong số hành khách có nhiều người Ý: ba nhà buôn, một linh mục và nhiều nhạc sĩ. Tàu đi về hướng đảo Malta[91]. Thời tiết xấu.

Phía đằng mũi tàu, trong số hành khách đi hạng ba, có một cậu bé người Ý, khoảng mười hai tuổi, bé người so với tuổi nhưng vạm vỡ, với nét mặt khắc khổ và cương nghị của những người đảo Sicilia. Cậu ngồi đấy một mình, trên một đống thừng, tay chống vào một chiếc vali đã cũ, đựng quần áo. Da mặt màu bánh mật, tóc đen, xoăn lại, rủ xuống đến cổ; cậu bé tội nghiệp ăn mặc tồi tàn, một khăn quàng cũ phủ lên hai vai, một bên vai quàng sợi dây đeo cái túi da. Cậu đưa mắt nhìn quanh vẻ lo ngại, nhìn hành khách, con tàu, các thủy thủ chạy ngang trước mặt, nhìn mặt biển đang gầm thét. Trông cậu như vừa phải chịu một nỗi buồn lớn trong gia đình: vẻ mặt ngây thơ mà cái nhìn âu sầu.

Tàu vừa mới nhổ neo được một lúc thì một thủy thủ người Ý tóc hoa râm, lên phía đằng mũi, tay dắt một cô con gái, dừng lại trước mặt cậu bé Sicilia và nói: "Đưa đến cho cháu một cô bạn đường đây, Mario à!" Xong, người thủy thủ đi nơi khác.

Cô gái ngồi lên đống dây thừng, cạnh cậu bé. Họ nhìn nhau.

"Đằng ấy về đâu đấy?" cậu bé Sicilia hỏi.

"Về Malta, đi qua Napoli, - cô bé trả lời. Rồi nói thêm - Mình về gặp lại bố mẹ đang chờ mình. Mình tên là Giulietta Faggiani".

Cậu bé không nói gì hết. Một lúc sau, cậu lấy trong túi da chiếc bánh mì và những quả khô, cô bé thì có bánh bích quy. Họ cùng ăn.

"Vui đấy, người thủy thủ kêu lên khi đi qua, - sắp nhảy múa rồi đây".

Gió thổi mạnh lên, con tàu tròng trành dữ dội. Nhưng hai đứa trẻ không có máu say sóng, chẳng hề để ý gì cả.

Cô gái mỉm cười. Tuổi cô cũng gần bằng tuổi người bạn đồng hành,

nhưng cao hơn, cũng nước da bánh mật, chắc cũng đã chịu khổ, ăn mặc cũng rất xoàng xĩnh. Một cái khăn mùi xoa màu đỏ buộc mớ tóc xoăn cắt ngắn. Hai tai đeo hai chiếc khuyên bạc.

Họ kể cho nhau nghe chuyện mình. Cậu bé là con mồ côi, bố là công nhân, mới chết ở Liverpool mấy hôm trước, và ông lãnh sự Ý thấy cậu bơ vơ mới gửi cậu về quê ở Palermo[92]. Ở đấy cậu mong tìm được vài người có họ xa.

Cô bé thì được một người cô rất thương đưa sang London hồi năm ngoái; bố mẹ cô quá nghèo gửi con đi một thời gian, và người cô hứa sau này nhận cô làm người thừa kế gia tài của mình. Nhưng chỉ mấy tháng sau thì người cô bị một chiếc xe ngựa chẹt chết, không để lại một xu nào. Ông lãnh sự Ý cũng cho cô trở về nước.

Cả hai đều được gửi cho chú thủy thủ người Ý.

“Thế đấy, - cô bé nói, - bố mẹ mình tưởng mình sẽ trở về giàu có, nhưng sẽ gặp lại cơn vẫn nghèo như trước. Nhưng bố mẹ mình thương mình lắm, nên dù thế nào mình cũng được đón tiếp vui vẻ. Còn các em trai mình nữa, chúng nó sẽ vui biết mấy. khi gặp lại mình. Mình có bốn đứa em cơ, đều còn nhỏ tí, mình là chị cả. Mình may quần áo cho bọn chúng… Mình về nhà thì vui phải biết. Đến nơi mình bước vào rón rén…”

Rồi cô hỏi người bạn đường:

- Thế cậu cũng sắp gặp lại bố mẹ chứ?

- Ừ, nếu bố mẹ muốn mình về…

- Thế bố mẹ cậu không yêu cậu à?

- Mình cũng chẳng biết nữa.

- Đến lễ Giáng sinh này, mình mười ba tuổi - cô gái nói.

Họ còn nói chuyện về biển và những người chung quanh. Suốt cả ngày, họ ở cạnh nhau, thỉnh thoảng lại nói với nhau vài câu. Hành khách tưởng họ là anh em. Cô bé đan một chiếc bít tất, cậu bé có vẻ tư lự. Mặt biển mỗi lúc sóng một to.

Đến tối, lúc chia tay đi ngủ, cô bé nói với Mario:

“Ngủ ngon nhé!”

- Rồi chẳng ai ngủ yên được đâu, các cháu ạ! - người thủy thủ Ý nói, khi chạy ngang qua vì ông thuyền trưởng gọi.

Mario định chúc lại bạn nhỏ "ngủ ngon" thì bỗng một ngọn sóng lớn làm cậu ướt hết và xô cậu ngã vào chiếc ghế dài…

"Có bị thương không?" cô bé kêu to và chạy lại. Hành khách đều hối hả đi xuống khoang tàu, không ai chú ý đến hai người. Cô bé quỳ xuống bên cạnh Mario đang choáng váng, lau máu ở trán cậu, rồi lấy cái khăn đỏ đang trùm băng cho bạn. Trong khi ôm đầu cậu để buộc băng thì một giọt máu giây vào cái áo vàng của cô.

Mario tỉnh lại dần và đứng lên.

- Đã đỡ chưa? - cô bé hỏi.

- Chẳng sao đâu, - cậu trả lời.

- Thôi ngủ ngon nhé! - Giulietta nói.

- Ngủ ngon! - Mario chúc lại.

Rồi họ đi xuống phòng ngủ.

Người thủy thủ đã đoán đúng. Hai đứa bé chưa kịp ngủ thì một cơn bão đã nổi lên. Thật khác nào một cuộc tấn công dữ dội, chỉ một chốc đã đánh gãy một cột buồm, cuốn mất ba chiếc thuyền treo ở các ròng rọc phía ngoài mạn tàu, và cả ba con bò ở đằng trước mũi.

Quang cảnh trên tàu hỗn loạn không tả được. Mọi người đều hoảng hốt, kinh hoàng: tiếng kêu, tiếng khóc, tiếng cầu nguyện đến não lòng. Cơn bão mỗi lúc một mạnh lên, suốt cả đêm và rạng sáng thì đến lúc dữ dội hết sức.

Những đợt sóng khủng khiếp tràn qua con tàu, khi theo chiều ngang, khi theo chiều dọc, cuốn đi hoặc đập tan hết mọi vật gặp phải. Sàn tàu phía trên khoang máy bị sụt, nước ào vào ầm ầm dập tắt hết lửa, những người thợ đốt lò đã phải chạy đi nơi khác. Đâu đâu cũng có nước xối xuống, lênh láng khắp nơi.

Một tiếng nói vang lên: "Bơm nước ra!" Đó là tiếng của ông thuyền trưởng.

Thủy thủ lao đi lấy bơm, nhưng một ngọn sóng lớn bất ngờ đập mạnh vào phía đằng lái, giật đứt các dây chằng, làm tung các cánh cửa, rồi phun nước vào trong như vòi rồng.

Hành khách sợ quá chừng, vào nấp cả trong gian phòng lớn. Có lúc, thấy thuyền trưởng vào, tất cả mọi người đều nhao nhao lên hỏi: "Thuyền trưởng! Thuyền trưởng! Liệu có việc gì không? Còn chút hy vọng nào không? Cứu chúng tôi với!"

Ông thuyền trưởng chờ cho mọi người im lặng, mới lạnh lùng nói: "Hãy

kiên nhẫn chịu đựng".

Một người đàn bà một mình thét lên: "Thương hại tôi với".

Không ai còn nói lên được một lời nữa, nỗi khiếp sợ làm cho những người khốn khổ kia như tê dại. Một hồi lâu trôi qua, im lặng như trong cõi chết, trôi qua. Người ta nhìn nhau, hốc hác, kinh hoàng. Có một lúc, ông thuyền trưởng thử cho hạ xuống biển một chiếc thuyền. Năm thủy thủ bước vào, chiếc thuyền từ từ hạ xuống… Vừa mới chạm mặt biển, một đợt sóng to đã xô đến lật úp ngay chiếc thuyền. Hai thủy thủ chết đuối, trong đó có người thủy thủ Ý. Những người khác phải chật vật lắm mới nắm được đầu dây để leo lên tàu. Sau cơn thử thách, chính các thủy thủ cũng đã nản lòng. Hai tiếng đồng hồ trôi qua… Con tàu chìm dần, nước ngập đến các bao lơn.

Bấy giờ, một cảnh tượng khủng khiếp diễn ra trên sàn tàu. Những bà mẹ ôm chặt con vào lòng một cách tuyệt vọng; những người bạn ôm hôn nhau vĩnh biệt. Có người xuống các buồng dưới để khỏi phải nhìn thấy mặt biển.

Một hành khách tự bắn một phát súng ngắn, ngã vật xuống cầu thang và tắt thở. Những người khốn khổ khác, trước cái chết đang đến gần, chen chúc nhau như điên cuồng.

Người ta nghe lẫn lộn, hỗn độn những tiếng kêu khóc tiếng hét của trẻ em, những giọng xé óc lạ lùng, và người ta đã thấy chỗ này chỗ kia những người không cử động, kinh hoàng, đôi mắt mở to nhưng không nhìn thấy gì nữa, như mắt người điên. Mario và Giulietta, hai tay ôm chặt một cột buồm, mắt nhìn chằm chằm ra biển. Mặt biển đã yên hơn một chút, nhưng con tàu vẫn tiếp tục chìm từ từ. Chỉ vài phút nữa là nó sẽ nằm dưới đáy biển.

"Thả xuồng xuống biển!" ông thuyền trưởng ra lệnh.

Chiếc xuồng cuối cùng được hạ xuống mặt nước. Mười bốn thủy thủ và ba người khách xuống theo.

Ông thuyền trưởng ở lại trên tàu.

- Xuống đây với chúng tôi! - Người ta gọi ông từ bên dưới.

- Tôi phải chết ở vị trí. - thuyền trưởng nói. Những người thủy thủ ở dưới lại kêu to: "Chúng ta sẽ gặp một chiếc tàu khác và sẽ được cứu sống. Xuống ngay, không chết mất!"

- Tôi ở lại!

Những người thủy thủ lại hướng về hành khách và kêu to: "Còn chỗ cho một người, một người đàn bà!"

Một người đàn bà bước ra, ông thuyền trưởng dìu bên cánh tay nhưng

nhìn thấy chiếc xuồng cách xa tàu, không đủ can đảm nhảy xuống, người đàn bà lại ngã xuống sàn tàu. Những người đàn bà khác thì đều đã ngất đi hay gần như chết cả.

Những người thủy thủ lại kêu to: “Cho một đứa bé xuống!”

Nghe vậy, cậu bé xứ Sicilia và cô bạn đường, từ nãy đứng im như đã hóa đá, bỗng như sực tỉnh, với khả năng sinh tồn, họ lao ra thành tàu và hét: “Tôi! Tôi!” và xô đẩy nhau như hai con dã thú.

“Đứa bé thôi! - Những người thủy thủ kêu, - thuyền nặng lắm rồi, đứa bé thôi”.

Nghe thế, cô gái sững sờ, buông thõng hai tay, đứng im, nhìn Mario với đôi mắt như của người sắp chết.

Mario cũng nhìn cô gái một phút, và trông thấy vết máu trên áo cô, nhớ lại việc làm tốt bụng của người bạn nhỏ, và một ý nghĩ cao thượng vụt đến làm rạng rỡ khuôn mặt cậu.

Những người thủy thủ lại sốt ruột hét lên: “Cho đứa bé xuống đi!”

Thế là Mario hét to, giọng chẳng có gì là của một người ở trần thế nữa: “Cô ấy nhẹ hơn tôi! Giulietta, xuống đi! Bạn còn bố còn mẹ, tôi chỉ có một mình… Tôi nhường chỗ cho bạn… Xuống ngay đi!”

- Vứt con bé xuống đây, - những người thủy thủ lại giục.

Mario liền ôm ngang lưng Giulietta và ném xuống. Cô bé thét lên một tiếng và rơi xuống nước. Một thủy thủ nắm được tay cô và lôi lên xuồng. Cậu bé xứ Sicilia đứng ở mạn tàu, đầu ngửng cao, mái tóc bay trước gió, bất động, cao cả, tuyệt vời.

Chiếc xuồng đã kịp ra xa để tránh bị cuốn vào vùng nước xoáy khi chiếc tàu chìm xuống biển.

Bấy giờ Giulietta, cho đến lúc ấy bàng hoàng chẳng biết gì cả, ngước mắt nhìn Mario và bật ra khóc nức nở, giơ hai tay lên về phía cậu, Giulietta thét lên: “Vĩnh biệt, Mario! Vĩnh biệt! Vĩnh biệt! Vĩnh biệt!”

“Vĩnh biệt!” cậu bé đáp lại.

Chiếc xuồng bơi nhanh ra xa trên mặt biển hung dữ, dưới bầu trời âm u. Trên tàu chẳng còn nghe ai kêu gào nữa, nước đã tràn qua sàn tàu.

Giulietta úp mặt vào hai tay. Khi cô ngửng đầu lên và nhìn ra mặt biển, chiếc tàu đã biến mất rồi…

THÁNG BẢY

Trang thư cuối cùng của mẹ tôi

(thư của mẹ)

Thứ bảy 1

Thế là năm học đã hết, Enrico nhỉ! Thật là năm học đã kết thúc rất đẹp với câu chuyện cậu bé anh hùng đã hy sinh đời mình cho người bạn nhỏ. Con sắp phải xa các thầy và các bạn của con, và mẹ phải báo cho con một tin buồn. Cuộc xa cách không phải chỉ hai tháng, mà là mãi mãi, con ạ.

Do yêu cầu của nghề nghiệp, bố sẽ rời khỏi Torino, và tất cả chúng ta cùng đi theo bố. Chúng ta sẽ ra đi vào mùa thu tới. Con sẽ vào học một trường mới. Việc này sẽ làm phiền lòng con phải không? Mẹ chắc chắn rằng con yêu trường cũ mà trong bốn năm qua con có niềm vui là ngày hai buổi đến học tập. Ở đấy trong thời gian dài như thế con gặp những bạn học ấy, những thầy giáo, cô giáo ấy, những người bố mẹ học sinh ấy, và bố con, và mẹ con đứng chờ con với một nụ cười; ngôi trường cũ nơi mà trí thông minh của con đã được mở rộng, nơi mà con đã gặp biết bao bạn tốt, nơi mà mỗi lời nói ra đều rất đem lại ích lợi cho con! Cả đến các hình phạt cũng có ích đối với con… Con hãy mang theo kỷ niệm ấy khi gửi tới các bạn con lời từ biệt phát ra từ chốn sâu thẳm nhất của lòng con. Có thể nhiều bạn con sau này sẽ gặp những điều đau khổ, họ có thể sớm mất bố hoặc mất mẹ; cũng có người chết lúc tuổi còn xanh, những người khác có thể đổ máu một cách vinh quang trên chiến trường; hầu hết sẽ là những người công nhân dũng cảm và lương thiện, những người chủ gia đình lao động đáng kính, và biết đâu trong số các bạn con lại không có người cống hiến lớn lao cho Tổ quốc, và tên tuổi sẽ được lưu truyền? Con hãy thân ái từ biệt họ, để lại một phần tâm hồn con trong cái gia đình lớn ấy mà con bước vào khi còn là chú bé con, nay bước ra đã thành một thiếu niên. Và bố con, mẹ con yêu mến cái gia đình ấy biết ngần nào, vì trong đó con đã được yêu mến!

Trường học là một bà mẹ hiền, Enrico ạ! Trường học đã nhận con từ hai tay mẹ lúc con vừa mới biết nói, nay trả con lại cho mẹ, khỏe mạnh, ngoan ngoãn, chăm chỉ! Mẹ cầu phúc cho nhà trường, còn con, con không nên bao giờ quên nhà trường con ạ! Sau này con thành người lớn con sẽ đi vòng quanh thế giới, sẽ thấy những đô thị mênh mông và những lâu đài tráng lệ, nhưng con sẽ nhớ mãi mãi mãi ngôi nhà quét vôi trắng tầm thường ấy với những cửa chớp đóng kín, khu vườn rợp bóng cây, là nơi đã nảy đóa hoa đầu tiên của trí tuệ con; con sẽ nhìn thấy ngôi trường ấy cho mãi đến ngày cuối cùng của đời con, cũng như mẹ đây, mẹ sẽ nhớ mãi ngôi nhà mà ở đây

nghe tiếng nói đầu tiên của con vậy.

Mẹ của con".

Các buổi thi

Thứ ba 4

Thế là chúng tôi đã bước vào kỳ thi. Trên những đường phố gần trường học, không nghe nói gì khác hơn là: thi, điểm, bài dịch, v.v… Trẻ con, bố mẹ, thầy giáo và cô giáo, các bà dạy trẻ, tất cả mọi người chuyện trò với nhau cũng chỉ quanh cái đề tài ấy thôi.

Sáng hôm qua đã thi bài văn kể chuyện. Sáng nay thi toán. Thật là cảm động khi nghe những lời dặn dò cuối cùng của các cha mẹ đưa con đến trường; và những bà mẹ dắt con nhỏ đến tận bàn học, thử lại ngòi bút cho con, và ra đến ngưỡng cửa còn ngoái lại kêu: "Can đảm! Và cẩn thận, con nhé!…" Thầy giáo coi thi của chúng tôi là thầy Coatti, mắng học trò thì giả làm tiếng sư tử gầm, nhưng không phạt ai bao giờ. Có nhiều cậu mặt mày tái xanh vì lo quá.

Khi thầy giáo bóc phong bì có đóng dấu tỉnh để lấy đề thi tính, trong lớp không nghe thấy một hơi thở. Thầy Coatti dọc to đề toán, vừa đọc vừa đưa mắt nhìn chúng tôi nghiêm khắc. Thế nhưng chúng ta đoán biết rằng nếu thầy có thể đọc luôn cả lời giải, thì thầy sẽ rất vui lòng làm ngay.

Chúng tôi bắt đầu làm. Sau một tiếng đồng hồ, đã có nhiều cậu bắt đầu nản lòng, vì bài toán khó. Một cậu khóc thút thít. Crossi thì lấy nắm tay đấm đấm vào đầu.

Tội nghiệp các cậu! Nhiều cậu không có lỗi, có phải lỗi họ không nếu họ chỉ có rất ít thì giờ để học, hoặc bố mẹ họ không hề quan tâm đến bài vở của con? May mà Derossi có đấy, Derossi đã vất vả không thể tưởng tượng được để giúp các bạn, đưa cho họ một con số hay gợi ý cho họ làm một phép tính, mà không ai trông thấy cả; cậu chăm sóc đến tất cả mọi người, khác nào cậu là thầy giáo vậy. Garrone cũng giỏi toán, giúp được ai là giúp, và giúp cả cậu Nobis kiêu hãnh nữa; cậu này bối rối quá không làm được, đã trở nên rất dễ thương. Còn Stardi thì ngồi im phăng phắc đến hơn một tiếng đồng hồ, mắt nhìn chằm chằm vào đầu bài, trán tựa vào hai nắm tay; thế rồi bỗng cầm lấy bút và giải luôn bài toán trong năm phút.

Thầy giáo đi đi lại lại trong lớp và nói: "Bình tĩnh! Tôi khuyên các con bình tĩnh!"

Khoảng mười một giờ, nhìn qua các cửa chớp, đã thấy khá đông bố mẹ học sinh lo lắng, đi đi lại lại ngoài đường, nóng lòng muốn biết kết quả bài thi tính. Có bố cậu Precossi mặc bộ quần áo lao động, mặt mũi đen những

khói vì vừa thoát khỏi xưởng để đến đây. Mẹ cậu Crossi, bà bán rau quả, mẹ cậu Nelli hết sức băn khoăn. Trước mười hai giờ một tí, bố đến và ngước mắt nhìn lên cửa sổ. Ôi! Bố thân yêu!

Mười hai giờ thì mọi việc đều xong. Ở cổng ra là cả một tấn kịch. Bố, mẹ chạy đến đón con, mồm hỏi, tay lật vở xem, lấy bài của con so với bài của các bạn.

“Con làm mấy phép tính? Tổng số là bao nhiêu? Thế cái tính trừ? Thế cái số nhớ? Thế cái dấu phẩy thập phân?…”

Các thầy giáo thì bị người ta gọi từ đủ mọi phía.

Bố giật tờ nháp ở tay tôi, xem, rồi nói: “Đúng đấy”.

Cạnh chúng tôi là bác thợ rèn Precossi, đang xem bài làm của con. Bác có vẻ hơi lo và quay sang nói với bố. “Xin ông làm ơn đọc cho tôi nghe kết quả bài tính”.

Bố đọc cho bác nghe. Bác nhìn ngay vào vở con. Cũng đúng. Bác hể hả, nói to: “Khá lắm, con trai bố”.

Bố và bác thợ rèn nhìn nhau một lúc, gắn bó với nhau trong cùng một ý nghĩ: sự thành công của con cái mình. Và hai người mỉm cười với nhau như đôi bạn thân. Bố đưa tay ra, bác thợ rèn nắm chặt lấy, bác nói: “Giờ, đến thi vấn đáp”.

Hai người chia tay nhau. Một lúc sau, nghe cất lên một giọng hát như giọng đàn bà hay trẻ con, chúng tôi ngoảnh đầu lại: đó là bác thợ rèn ra về vừa đi vừa hát.

Buổi thi cuối cùng

Thứ sáu 7

Sáng nay là những bài thi vấn đáp. Tám giờ tất cả chúng tôi đã có mặt ở lớp, đến tám giờ mười lăm thì người ta bắt đầu gọi một lúc bốn thí sinh vào một phòng lớn. Quanh một cái bàn phủ thảm màu lục, thầy hiệu trưởng với bốn thầy giáo đã ngồi sẵn, trong đó có thầy Perboni của chúng tôi. Tôi là một trong những người được gọi đầu tiên. Tội nghiệp thầy giáo! Ai cũng thấy ngay là thầy thương yêu chúng tôi thực sự. Thầy chỉ nghĩ đến chúng tôi, chỉ lo cho chúng tôi. Khi chúng tôi trả lời, thầy cảm động đến luống cuống. Thầy đưa tay làm dấu hiệu muốn bảo chúng tôi: “Đúng lắm - không phải thế - cẩn thận - từ từ, can đảm lên!…” Nếu có thể thì có lẽ thầy đã nhắc cho chúng tôi những câu trả lời. Đến bố mẹ học sinh cũng chưa chắc đã lo lắng bằng thầy. Tôi muốn nói với thầy muôn nghìn lời cảm tạ!

Khi các thầy cho tôi ra và nói: “Tốt lắm, thôi, cậu ra” thì đôi mắt thầy sáng lên vui sướng.

Tôi trở về lớp học chờ bố. Hầu hết học sinh đều còn đấy. Tôi ngồi cạnh Garrone. Tôi buồn khi nghĩ rằng đây là lần cuối cùng tôi ngồi bên cạnh cậu. Tôi chưa nói cho Garrone biết là tôi sẽ không cùng học lớp bốn với cậu nữa, vì gia đình chúng tôi sắp rời Torino. Cậu chưa biết gì cả. Cậu ngồi đấy gập người xuống mặt bàn, đang dùng bút vẽ những hình trang trí quanh một bức ảnh của bố cậu, mặc áo quần thợ máy, một người đẫy đà, khỏe mạnh, nhưng trông tốt bụng và thật thà như cậu con vậy. Dưới áo sơ mi để hở của Garrone tôi thấy cái thánh giá bằng vàng mà mẹ Nelli đã đưa biếu cậu khi biết rằng cậu bảo vệ đứa con tội nghiệp của bà.

Cuối cùng, tôi đánh bạo nói với bạn: “Garrone ạ, bố mình nay mai sẽ rời khỏi Torino mãi mãi đấy”.

Garrone hỏi tôi có đi theo bố không, tôi trả lời là có.

“Vậy cậu không học năm thứ tư với mình nữa à?” Cậu im lặng một lúc, tay vẫn cứ vẽ, và hỏi tôi mà không ngẩng đầu lên:

“Sau này cậu có nhớ đến bạn bè cùng học lớp ba không?”

- Có chứ, tôi trả lời, - nhớ tất cả… nhưng nhớ cậu hơn tất cả mọi người, ai mà có thể quên cậu được?

Garrone đưa mắt nhìn tôi, cái nhìn muốn nói biết bao nhiêu điều. Nhưng cậu không nói gì, chỉ đưa bàn tay trái cho tôi, tay kia làm bộ vẽ tiếp và tôi

nắm bàn tay trung thực đó chặt như muốn bóp gãy nó ra.

Vừa lúc ấy, thầy Perboni bước vào, nét mặt linh hoạt và bảo nhỏ với chúng tôi, giọng sôi nổi: “Tốt lắm! Cho đến bây giờ đều tốt cả. Mong những người còn lại cố gắng thành công được bằng các bạn đã vào trước. Hoan hô và can đảm lên! Thầy rất hài lòng!”

Và để tỏ sự vui mừng của mình và để làm cho chúng tôi vui nữa, khi đi ra thầy làm bộ trượt chân, phải bám tay vào tường mới khỏi ngã. Thầy Perboni mà chúng tôi chưa hề thấy cười bao giờ, thầy làm thế đấy. Thật quả lạ lùng hết sức, nên đáng lẽ cười, tất cả chúng tôi đều lấy làm sửng sốt.

Riêng đối với tôi thì trò đùa ấy của thầy tôi đã làm cho lòng tôi se lại. Phải chăng đó là cái phút vui độc nhất của thầy? Một sự đền bù cho chín tháng trời yêu thương, kiên nhẫn và phiền muộn nữa? Để có cái phút vui kia, thầy đã tốn bao nhiêu công sức! Đang ốm, đang mệt, đang buồn, thầy vẫn lên lớp. Đổi lại bao nhiêu nhọc nhằn, bao nhiêu chăm sóc, thầy đã xin chúng ta cái gì? Một nụ cười thôi!

Tôi thấy là tôi sẽ nhớ suốt đời cái cử chỉ vờ trượt chân như trẻ con của thầy giáo tôi, và sau này khi tôi đã thành người lớn, mà thầy giáo Perboni còn sống, nếu tôi có hạnh phúc được gặp lại thầy, tôi sẽ kể lại để thầy rõ là cái việc làm của thầy đã làm cho tôi xúc động đến tận đáy lòng, và tôi sẽ sung sướng ôm hôn mái đầu bạc của thầy.

Từ biệt
Thứ hai 10

Mười hai giờ trưa, tất cả chúng tôi đều đến trường để nghe kết quả những buổi thi và nhận học bạ ghi lên lớp. Bố mẹ học sinh đông nghịt ở ngoài đường phố, họ tràn vào đầy cả phòng lớp. Trong trường nhiều người đã len cả vào các lớp học, đứng cạnh bàn thầy giáo. Trong lớp chúng tôi, ở khoảng giữa bức tường và bàn ghế học sinh, thấy có bố Garrone, mẹ Derossi, bác thợ rèn Precossi, bố Coretti, bà mẹ Nelli, bác bán rau quả; bố cậu bé thợ nề, bố Stardi và nhiều những bố, mẹ khác nữa mà tôi chưa hề gặp. Đâu đâu cũng nghe tiếng chuyện trò như ở một quảng trường vậy.

Thầy giáo vào, tất cả im phăng phắc. Tay thầy cầm danh sách học sinh và thầy bắt đầu đọc ngay:

"Abattuci lên lớp, Archini lên lớp, cậu bé thợ nề, Crossi lên lớp, Derossi lên lớp với phần thưởng cao nhất".

Tất cả các bố mẹ ở đấy đều biết Derossi, họ đều reo: "Hoan hô, hoan hô Derossi!"

Còn Derossi chỉ nghiêng cái đầu tóc bạch kim, đưa mắt tìm mẹ và mẹ cậu đưa tay ra hiệu với cậu.

- Garrone, Garoffi, cậu bé người Calabria lên lớp.

Thầy Perboni đọc tên của ba, bốn cậu phải học lại lớp ba, một trong các cậu ấy khóc vì thấy bố cậu ra hiệu đe dọa.

Nhưng thầy giáo liền nói với người bố. "Không, thưa ông, ông tha cho cháu. Không phải lúc nào cũng là lỗi của các cháu, cũng có khi do rủi ro, và cháu đây ở trong trường hợp ấy".

Rồi thầy tiếp tục đọc: "Nelli lên lớp (mẹ cậu ra hiệu gửi cho cậu một cái hôn), Stardi lên lớp". Người cuối cùng được lên lớp là Votini, hôm nay mặc áo quần rất đẹp, đội mũ rất đẹp. Thế rồi thầy giáo đứng dậy và nói với chúng tôi:

"Các con ạ! Hôm nay là buổi họp mặt cuối cùng của chúng ta. Chúng ta đã sống chung với nhau một năm trời và bây giờ chúng ta chia tay nhau như những người bạn tốt, có phải thế không? Thầy rất lấy làm tiếc là phải xa các con, các con ạ…"

Thầy ngừng lại, rồi nói tiếp: "Nếu đôi khi thầy không kiên nhẫn được mà

nóng nảy, nếu đôi khi thầy nghiêm khắc quá, mà thầy không hay, thì các con tha lỗi cho thầy…”

Bố mẹ lẫn học sinh đều đồng thanh nói: “Không! Không phải thế, không, không bao giờ…!”

- Tha lỗi cho thầy, - thầy lại tiếp tục, - và thương thầy. Sang năm sau, chúng ta sẽ không còn họp mặt với nhau nữa, nhưng thầy vẫn gặp lại các con và các con sẽ ở mãi trong lòng thầy. Tạm biệt các con.

Nói xong, thầy Perboni tiến vào giữa chúng tôi và tất cả chúng tôi đưa tay ra cho thầy, đứng lên trên ghế nắm lấy cánh tay hay gấu áo thầy; nhiều người ôm hôn thầy, gần năm chục giọng nói cùng cất lên: “Tạm biệt thầy! Cám ơn thầy! Chúc thầy mạnh khỏe! Đừng quên chúng con”.

Khi thầy Perboni bước ra khỏi phòng, trông thầy rất xúc động. Chúng tôi cũng ra, ai cũng vội vàng, chen lấn nhau, mất trật tự. Bố mẹ và con cái đi chào từ biệt các thầy giáo, cô giáo. Cô giáo đội mũ cài lông chim đỏ và cô “Nữ tu sĩ” đều thực sự bị đám học trò của các cô bao vây kín mít. Nhiều người vây quanh Robetti, lần đầu tiên đi không phải chống nạng. Đâu đâu cũng nghe: “Hẹn đến tháng Mười! Hẹn đến năm sau!”

Bạn bè chào tạm biệt nhau, thành thật ôm nhau hôn, quên hết những nỗi bất hòa và những niềm ác cảm.

Votini xưa nay vốn ghen ghét Derossi, lại là người đầu tiên nhảy lên bám lấy cổ bạn. Tôi ôm hôn cậu bé thợ nề đúng cái lúc cậu ta làm cái trò sứt môi lần cuối cùng với tôi! Tôi bắt tay Precossi, Garoffi và cậu này báo cho biết là tôi đã trúng trong một cuộc xổ số của cậu, và cậu trao cho tôi một cái gói nhỏ đã rách. Tôi chào từ biệt tất cả các bạn. Nelli đáng thương bám vào Garrone, hôn cậu và hẹn nhau gặp lại. Tất cả học sinh vây quanh Garrone và chúc mừng cậu bé trung hậu, ngay thẳng ấy. Bố cậu mỉm cười, ngạc nhiên vì thấy con mình được hoan nghênh đến như thế.

Garrone là người cuối cùng mà tôi ôm hôn ngoài phố. Tôi không cầm nổi nước mắt khi từ biệt cậu. Cậu hôn tôi lên trán, rồi chạy lại chào bố mẹ tôi. Bố và mẹ đều hỏi tôi: “Con đã chào từ biệt tất cả các bạn chưa? Nếu có bạn nào mà con đã trót có điều lầm lỗi thì phải đến xin lỗi đi. Có bạn nào như thế không?”

- Không có ai cả ạ.

Thế là bố đưa mắt nhìn lần cuối cùng ngôi trường và nói, giọng run run: “Vậy thì xin từ biệt!”.

Mẹ cũng nhắc lại: “Xin từ biệt!”

Còn tôi, tôi xúc động đến nỗi không thể nói lên được một lời!

Hết

---

[1] Phần Mở đầu này không có trong bản in năm 2000 (Caruri).

[2] Torino: thành phố lớn ở Bắc Ý, trung tâm công nghiệp và văn hóa quan trọng, trước là thủ đô vương quốc Sardegna, rồi thủ đô vương quốc Ý cho đến năm 1864.

[3] Trong các trường ở các thành phố nước Ý, theo lệ thì đến lúc hết giờ học, người gác cổng đến từng lớp, nói một tiếng La tinh *Finis*, nghĩa là hết giờ, chứ không đánh trống hay kẻng.

[4] Lớp sơ đẳng là lớp vỡ lòng.

[5] Calabria là xứ ở phía Nam, nơi tận cùng bán đảo Ý.

[6] Reggio di Calabria là thủ phủ của xứ Calabria, ở eo biển Messina, trông sang đảo Sicilia.

[7] Piemonte là một xứ ở Bắc nước Ý.

[8] Torino là thủ phủ của Piemonte.

[9] Đầu thế kỉ XIX, đất nước Ý bị chia làm bảy nước, phần lớn do triều đình Áo thống trị. Người Ý phải khởi nghĩa liên tiếp và tiến hành chiến tranh giải phóng, đến năm 1870 mới hoàn thành thống nhất được đất nước. Đây thầy dạy cho học sinh một bài học yêu nước và đoàn kết dân tộc giữa những người Ý trước đây thuộc các vương quốc khác nhau do các thế lực phong kiến ngoại lai chia cắt.

[10] Quốc kỳ nước Ý ba màu: đỏ, trắng, lục.

[11] Chiến tranh 1866 là giai đoạn cuối cùng trong sự nghiệp của người Ý chống nền đô hộ của nước Áo và đem đến việc giải phóng xứ Venezia. Thái tử Umberto sau lên ngôi quốc vương Ý năm 1878.

[12] Trường tiểu học ở Ý có hai lớp một: mới vào thì học lớp một dưới là lớp vỡ lòng, rồi lên lớp một trên.

[13] Báo không đăng trọn tên, chỉ đăng tên viết tắt để giữ danh dự cho người túng thiếu.

[14] Ở các nước ôn đới, trẻ con nghèo thường đi làm nghề nạo ống khói lò sưởi, nhà bếp, vì thân hình bé nhỏ dễ chui vào ống khói.

[15] Truyện này trong bản dịch là 31 tháng 10. Ở đây được sửa theo nguyên bản là 1 tháng 11 (Caruri).

[16] Ở trên có nói là "quân đoàn của thái tử Umberto", xem nhật ký ngày 25 tháng mười.

[17] Năm 1848, cách mạng nổ ra ở nhiều thành phố Ý: Palermo, Napoli, Venezia, Milano, rồi nhanh chóng chuyển thành chiến tranh giải phóng dân tộc, chống nền thống trị của triều đình Áo.

[18] Người Lombard ở miền Bắc Ý, quê hương của họ gọi là xứ Lombardia.

[19] Triều đình Áo thống trị một phần đất Ý, năm 1859 hoàng đế Pháp Napoleon giúp người Ý tiến hành chiến tranh giải phóng, và ngày 24 tháng sáu năm 1859, quân Pháp và Ý đánh bại quân Áo gần thị trấn Solferino. Triều đình Áo phải ký hòa ước và cắt cho Pháp hoàng xứ Lombardia, rồi Napoleon

III nhường đất ấy lại cho Ý.

[20] Xứ Calabria ở tận phía Nam của bán đảo Ý, không mấy khi có tuyết rơi.

[21] Ngày trước, ở nhiều nước ôn đới như Ý, Pháp, các trường học nông thôn mùa đông có tục lệ học trò mỗi người mang củi đến để đốt sưởi lớp học.

[22] Tuyết đổ là tai nạn rất khủng khiếp thường xảy ra ở miền núi và các nước ôn đới.

[23] Rigoletto là một người hề gù lưng, nhân vật chính trong vở nhạc kịch nổi tiếng của nhà soạn nhạc Ý vĩ đại Verdi, nhan đề là "Rigoletto". Chủ đề của nhạc kịch này lấy từ vở kịch "Nhà vua vui chơi" của thi hào Pháp Victor Hugo, mà nhân vật hề gù tên là Triboulet, đúng tên thật của người hề nổi tiếng nhất ở triều đình nước Pháp trong thế kỷ XVI.

[24] Lớp một sơ đẳng hay lớp một dưới là lớp vỡ lòng, còn lớp số 3 tức là lớp C.

[25] Firenze - mà các ngôn ngữ Âu châu thường phiên âm theo tiếng Pháp là Florence - là một trong những thành phố tiếng tăm lừng lẫy nhất nước Ý, cực kỳ nổi tiếng vì các công trình vĩ đại về hội họa điêu khắc và kiến trúc từ thời Phục hưng.

[26] Lira là đơn vị tiền tệ Ý như đồng bạc của ta.

[27] Người hiền từ, dịu dàng hết sức, chẳng khác gì những hài đồng làm thiên sứ bên cạnh Chúa Trời, trong quan niệm của đạo Thiên Chúa.

[28] Đất Ý ngày ấy bị chia làm bảy nước mà nhiều nước thuộc quyền thống trị của triều đình Áo. Vương quốc Sardegna là nước đầu tiên nổi lên, năm 1848, chống lại Áo: triều đình Sardegna lãnh đạo cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc giành độc lập và thống nhất cho toàn thể nhân dân Ý.

[29] Trong lịch sử đấu tranh giành độc lập của nhân dân Ý có hai trận nổi tiếng, đã diễn ra ở Custoza, một ngôi làng trong xứ Venezia. Đây là trận thứ nhất năm 1848, còn trận thứ hai diễn ra ngày 24 tháng sáu năm 1866, tác giả De Amicis có tham dự.

[30] Lính cưỡi ngựa đeo súng trường và kiếm.

[31] Tiếng con gọi bố, theo phương ngôn vùng Napoli.

[32] Napoli là một thành phố nổi tiếng về công trình nghệ thuật và một thương cảng lớn nước Ý, ở trên bờ biển Tirreno.

[33] Các giám mục đạo Thiên Chúa được cầm một cái gậy dài đầu uốn cong, là biểu hiện quyền lực của chức vị giám mục.

[34] Hội hóa trang là hội dân gian ở các nước châu Âu, bắt nguồn từ nước Ý nổi tiếng về trò chơi đeo mặt nạ và mặc quần áo giả làm hạng người này người nọ, đi diễu ngoài phố và múa.

[35] Hội này tiếng các nước Âu châu đều gọi theo tiếng Ý là "carnevale", diễn ra từ 6 tháng giêng ngày lễ Chúa hiển hiện, và kéo dài nhiều ngày, cho đến ngày thứ tư, bắt đầu kiêng ăn thịt, mà có năm trong tháng hai, có năm đến 9 tháng ba, tùy theo lễ Phục sinh năm ấy sớm (22 tháng ba) hay muộn (25 tháng ba).

[36] Tiếng Ý, nghĩa là nhảy trên ván, chỉ người làm xiếc.

[37] Quảng trường lớn nhất ở thành phố Torino, mang tên quốc vương Vittorio Emanuele II (1820 - 1878) nước Sardegna, người có công lớn trong sự nghiệp giành độc lập, thống nhất cho nước Ý, và lên ngôi quốc vương đầu tiên của nước Ý thống nhất năm 1861.

[38] Vào đầu những năm 60 thế kỷ XIX, khi tác giả viết trang sách này thì dân số nước Ý độ trên hai

mươi sáu triệu người, thế là trung bình trong một nghìn người ở nước Ý đã có một người mù.

[39] Bậc sơ đẳng tương đương với cấp I của ta hiện nay.

[40] Nhà giam để giáo dục và cải tạo những trẻ phạm pháp.

[41] Lớp một sơ đẳng là lớp một trên.

[42] Các trường học ở Ý phát phần thưởng vào giữa năm học, còn cuối năm thì chỉ thi lên lớp thôi (Xem nhật ký tháng 7 ngày 4).

[43] Khu này mang tên đại thi hào Ý thời Phục hưng Torquato Tasso (1544 - 1595), tác giả thiên anh hùng ca nổi tiếng của văn học Ý "Jerusalem giải phóng".

[44] Khu này mang tên nhà bác ngữ và chính trị gia người Ý nổi tiếng trong thời cận đại (1802 - 1874).

[45] Xứ Romagna ở miền Trung Ý, đất đai khô xấu nghèo nàn, dân cư thưa thớt, xưa kia nổi tiếng về sào huyệt của quân trộm cướp.

[46] Tiếng Ý, trẻ con gọi là bà.

[47] Hoa đồng thảo là hoa của một thứ cây nhỏ mọc tự nhiên ngoài đồng của các nước ôn đới, cánh tím đậm, nhị vàng, rất thơm, cũng thường gọi là hoa tím.

[48] Cấp sơ đẳng là cấp tiểu học, tương đương với cấp một của ta ngày nay, thầy giáo đầu tiên cấp này là thầy giáo dạy lớp một.

[49] Ở Ý thuở ấy các thầy, cô giáo không có lệ phải về hưu, vì kinh nghiệm và lương tâm của các nhà giáo càng thâm niên càng thêm quý, nên cụ giáo Crosetti này làm đến tám mươi hai tuổi, và do cụ có xin, mới được về hưu sau sáu mươi năm dạy học.

[50] Chú ý: ông Bottini nhiều lúc nói đã học với cụ giáo bốn mươi bốn năm về trước, có lúc nói bốn mươi năm; còn cụ giáo thì lúc nào cũng nói bốn mươi năm.

[51] Trong nguyên bản, cũng như trong bản dịch của Hà Mai Anh, đây là Thư của bố. Ở đây dịch giả dịch như là lời tự vấn của Enrico. Dù vậy tôi vẫn để in nghiêng như các bức thư khác của bố mẹ Enrico viết cho con (Caruri).

[52] Trung học có hai cấp: tương đương với cấp hai và cấp ba của ta ngày nay.

[53] Ở các nước phương Tây, để tang người thân, người ta mặc quần áo màu đen.

[54] Cơ quan hành chính của một thành phố.

[55] Người giữ cửa và đưa khách vào ra ở các nha môn, dinh thự.

[56] Những người có chức vụ đại diện cho chính quyền đeo băng màu quốc kỳ.

[57] Cũng thường gọi theo tiếng Pháp là hoa "păng-xê".

[58] Cũng thường gọi theo tiếng Pháp là hoa "mac-gơ-ri-ta".

[59] Việc thật đã xảy ra ở Torino đêm 27 tháng giêng năm 1880.

[60] Balbo là tên một người yêu nước Ý, bá tước Cesare Balbo (1789 - 1853) sinh ở Torino, một trong những lãnh tụ của phong trào Phục sinh - Risorgimento - đòi độc lập, thống nhất cho nước Ý. Balbo đã viết tập sách nổi tiếng và có tác động rất lớn là Những mối hy vọng của nước Ý (*Speranze d'Italia*) (1844).

[61]
Appennini là mạch trường sơn chạy suốt nước Ý. Andes là mạch trường sơn chạy suốt bề dài của châu Nam Mỹ.

[62]
Buenos Aires ở Nam bán cầu, các mùa ngược lại chúng ta, tháng năm là cuối thu bắt đầu sang đông, là mùa mưa, buổi rạng đông rực rỡ như thế này thật là hãn hữu.

[63]
Senor, tiếng Tây Ban Nha, nghĩa là ngài, dùng để đặt trước họ tên những người mà người ta tôn trọng.

[64]
Tiếng Tây Ban Nha nghĩa là: Ôi! tội nghiệp cậu bé! Cụ già buột miệng nói ra bằng tiếng Tây Ban Nha là tiếng mẹ đẻ của mình.

[65]
Một dặm là 4,444 km, một trăm dặm là gần 445 km.

[66]
Nghĩa là "cửa sông" bằng tiếng Tây Ban Nha.

[67]
Nghĩa là "từ biệt", ông cụ lại nói tiếng Tây Ban Nha xen với tiếng Ý.

[68]
Sông Po dài nhất nước Ý có 670 km; sông Parana dài 4700 km chảy qua một đồng bằng mênh mông của nước Argentina, rồi hợp với sông Uruguay làm thành sông La Plata.

[69]
Nam Mỹ không có cọp, chỉ có con jaguar (báo đốm) là một thứ báo và con puma (báo sư tử) hơi giống cọp, nhưng da không có vằn và quen ở trên cây.

[70]
Tiếng Ý nghĩa là "cậu con trai".

[71]
Genova, thủ phủ của xứ Liguria, quê hương của tác giả De Amicis, là một hải cảng lớn của đất Ý, từ thời Trung cổ đã buôn bán thịnh vượng vào hàng nhất châu Âu, cạnh tranh với Venezia, thuyền buôn đi khắp nơi; nhiều nhà hàng hải nổi tiếng trong lịch sử quê ở đây, như Colombo người tìm ra châu Mỹ.

[72]
Rosario là thành phố lớn, cảng sông sầm uất của tỉnh Santa Fe, nông nghiệp rất phát đạt.

[73]
Đất nước Ý nghèo, cuối thế kỷ XIX, mỗi năm có đến nửa triệu người phải di cư đi tha phương cầu thực, phần lớn là sang châu Mỹ La tinh, nhất là sang Argentina, và lắm nơi họ bị hắt hủi, bạc đãi. Chi tiết này rất hiện thực.

[74]
Ở xứ Lombardia, người ta nói một thứ thổ ngữ là tiếng Lombard khác tiếng Ý phổ thông vì nó là tiếng của những bộ lạc người Lombard, gốc Germania đem theo vào miền Bắc Ý khi họ tràn vào, trong thế kỷ VI.

[75]
Dặm là đơn vị đo lường của Anh, bằng 1609 m.

[76]
Tiếng Tây Ban Nha: "Chúc ngủ ngon".

[77]
Peone là người hoặc dẫn đường, hoặc chăn súc vật, hoặc chở xe bò trong những miền núi ở châu Mỹ Latinh.

[78]
Mạch Alpi ở miền Bắc nước Ý, sừng sững trên đồng bằng sông Po, nơi đã bắt đầu những cuộc đấu tranh giành độc lập và thống nhất của dân tộc Ý.

[79]
Mạch Andes chỉ chạy từ Đất Lửa lên đến eo Panama trên 7500 km, chỉ hơn sáu mươi độ vĩ tuyến, nghĩa là làm cột xương sống của châu Mỹ Latinh. Chạy lên đến gần Bắc cực được gọi là mạch núi Tây, trong đó có mạch Núi Đá qua Hoa Kỳ và Canada.

[80]
Thổ dân châu Mỹ, thường cũng gọi là da đỏ.

[81]
Tiếng Tây Ban Nha gọi phụ nữ một cách cung kính.

[82] Tên bà mẹ Marco là Giuseppa, gọi theo tiếng Tây Ban Nha là Josefa, vì ông bà chủ là người Argentina và nói tiếng Tây Ban Nha.

[83] Scotland, một xứ ở miền bắc nước Anh, nổi tiếng về những thứ vải kẻ ô, kẻ sọc màu sặc sỡ. Những vải như thế thường được gọi là vải Scotland.

[84] Quả của một loại cây thuộc loại hồng, gần với cây mận, bé bằng đầu ngón tay cái, màu đỏ tươi, rất thơm ngon, gốc ở miền Tiểu Á và phổ biến ở các nước cận nhiệt đới; ở Đà Lạt cũng trồng được nhiều.

[85] Xem chú thích ở trang nhật ký ngày thứ ba 18 tháng mười.

[86] Màu đen là màu tang phục.

[87] Họ của Enrico.

[88] Bis tiếng Latinh nghĩa là lần thứ hai.

[89] Enrico là học sinh lớp ba nhưng trường sơ đẳng có hai lớp một - lớp một trên và lớp một dưới - nên cậu đã học ở trường hết năm thứ tư rồi.

[90] Liverpool là thương cảng lớn thứ nhì của nước Anh sau London.

[91] Malta là một hòn đảo ở quãng giữa đảo Sicilia của Ý và châu Phi. Ngày nay là một quốc gia độc lập, nhưng từ năm 1800 đến 1964 là thuộc địa của Anh.

[92] Thủ phủ đảo Sicilia.